

Số: **192** /TTr-BTCHà Nội, ngày **12** tháng **5** năm 2025**TỜ TRÌNH**

Về việc ban hành Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, triển khai thực hiện kết luận của Bộ Chính trị, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu lại Ngân hàng Phát triển Việt Nam (NHPT) giai đoạn 2023-2027, trên cơ sở văn bản đề xuất, báo cáo của NHPT, ý kiến tham gia của các Bộ ngành liên quan¹ và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại văn bản số 08/BTP-PLDSKT ngày 07/01/2025, Bộ Tài chính xin tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở chính trị**

Ngày 29/12/2022, Bộ Chính trị có ý kiến kết luận đồng ý về chủ trương tiếp tục cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027, trong đó có nội dung chỉ đạo hoàn thiện, ban hành sớm cơ chế, chính sách cơ cấu lại NHPT theo thẩm quyền. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch hành động triển khai kết luận của Bộ Chính trị giao Bộ Tài chính chủ trì trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

2. Cơ sở pháp lý

- Tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2024 có giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính xây dựng Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

- Theo quy định tại Điều 26 Luật Các tổ chức tín dụng (TCTD) năm 2024 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024), cơ chế tài chính, tiền lương, tổ chức lại, giải thể, kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng chính sách (NHCS) và các nội dung khác có liên quan đến NHCS thực hiện theo quy định của Chính phủ.

¹ Kiểm toán Nhà nước tại công văn số 1445/KTNN-CNVII ngày 07/11/2024, Bộ LĐTĐ tại công văn số 5692/BLĐTĐ-CQHLĐTL ngày 13/11/2024, Bộ KHĐT tại công văn số 9260/BKHĐT-TCTT ngày 11/11/2024; Bộ Công an tại công văn số 3987/BCA-ANKT ngày 07/11/2024; Thanh tra Chính phủ ngày 21/10/2024; NHNN tại công văn số 9082/NHNN-TCKT ngày 04/11/2024; Bộ Nội Vụ tại công văn số 7042/BNV-PC ngày 06/11/2024; Bộ Ngoại giao tại công văn số 6150/BNG-THTK ngày 06/11/2024; Ủy ban TUMTTQ Việt Nam tại công văn số 96/MTTW- BTT ngày 07/11/2024 và NHPT tại công văn số 105/NHPT-HĐQT ngày 30/10/2024 (Bộ Tài chính chưa nhận được ý kiến tham gia của VPCP).

3. Cơ sở thực tiễn

- Ngày 07/11/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 78/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 về tín dụng đầu tư của Nhà nước. Theo đó, các khoản cho vay tín dụng đầu tư mới thực hiện theo nguyên tắc: lãi suất cho vay bù đắp chi phí phát sinh, NSNN không cấp bù lãi suất và phí quản lý và NHPT phải tự cân đối để trích lập đủ dự phòng rủi ro tín dụng (như đối với ngân hàng thương mại). Do đó, cần phải sửa đổi quy định này tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP để phù hợp với quy định tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP nêu trên.

- Ngoài ra, theo báo cáo của NHPT, quá trình triển khai Nghị định số 46/2021/NĐ-CP tại NHPT thời gian qua đã phát sinh một số hạn chế, vướng mắc cần được tháo gỡ để phù hợp với tình hình thực tế (như quy định về bổ sung vốn điều lệ; giới hạn đầu tư tài sản cố định; nguồn trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi;...)².

4. Từ tình hình trên, việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP là đầy đủ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, phù hợp với thực tiễn, cần thiết sớm ban hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

Việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2021/NĐ-CP nhằm phù hợp với chủ trương và nội dung phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời xử lý các hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với NHPT thời gian qua, đảm bảo đồng bộ các quy định của pháp luật hiện hành điều chỉnh hoạt động của NHPT.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- *Thứ nhất*, đảm bảo phù hợp với chủ trương đã phê duyệt của Bộ Chính trị và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về phương án cơ cấu lại, định hướng hoạt động của NHPT giai đoạn 2023-2027.

- *Thứ hai*, tuân thủ các quy định của pháp luật gồm Luật Các TCTD, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

- *Thứ ba*, việc xây dựng Nghị định thực hiện theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quy định pháp luật liên quan, đảm bảo công khai, minh bạch, không cài cắm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

- *Thứ tư*, bám sát nội dung về một số chính sách chính tại hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; các nội dung chính sách sửa đổi, bổ sung ngoài đề xuất tại hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định được báo cáo, giải trình cụ thể tại Tờ trình này và đánh giá tác động chính sách theo đúng quy định pháp luật.

² Nội dung chi tiết về tổng kết thi hành Nghị định số 46/2021/NĐ-CP đã được Bộ Tài chính báo cáo cụ thể tại Báo cáo số 102/BC-BTC ngày 26/4/2024 gửi kèm công văn số 4454/BTC-TCNH ngày 26/4/2024 của Bộ Tài chính về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2021/NĐ-CP-trình kèm.

- *Thứ năm*, bám sát các quy định về quản lý tài chính áp dụng đối với công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để vận dụng xây dựng cơ chế tài chính cho NHPT do hiện nay Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ của NHPT, đối với các nội dung gắn với tính chất hoạt động của NHPT (là ngân hàng chính sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận) thì được quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định để phù hợp với tình hình thực tế.

- *Thứ sáu*, tiếp tục duy trì những nội dung còn phù hợp tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP; cơ bản đảm bảo sự tương đồng về cơ chế tài chính giữa 02 NHCS của Nhà nước (NHPT và Ngân hàng Chính sách xã hội), có điều chỉnh một số nội dung phù hợp với tính chất hoạt động của từng ngân hàng.

- *Thứ bảy*, Nghị định được ban hành với đầy đủ quy định cụ thể, chi tiết để có thể triển khai ngay sau khi Chính phủ ban hành.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Việc xây dựng dự thảo Nghị định được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)³, cụ thể:

1. Ngày 21/02/2024, Bộ Tài chính có Tờ trình số 30/TTr-BTC và ngày 26/4/2024 Bộ Tài chính có công văn số 4454/BTC-TCNH báo cáo Thủ tướng Chính phủ về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định⁴.

2. Ngày 29/5/2024, Văn phòng Chính phủ có công văn số 247/TB-VPCP thông báo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định.

3. Ngày 28/6/2024, Bộ Tài chính có công văn số 6729/BTC-TCNH về áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong việc xây dựng và ban hành các Nghị định của NHCS, trong đó bao gồm Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

4. Ngày 17/7/2024, tại văn bản số 5058/VPCP-KTTH, Lãnh đạo Chính phủ đã có ý kiến chỉ đạo đồng ý với đề xuất của Bộ Tài chính.

5. Ngày 22/10/2024, Bộ Tài chính có văn bản số 11354/BTC-TCNH gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, đơn vị liên quan; gửi lấy ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam; đăng tải lấy ý kiến trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính.

6. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành liên quan và NHPT, Bộ Tài chính có văn bản số 14344/BTC-TCNH ngày 26/12/2024 gửi Bộ Tư pháp để có ý kiến thẩm định.

³ Ngày 19/02/2025, Quốc hội thông qua Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2025. Theo quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật không phải là luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã được thẩm định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền trước ngày Luật này có hiệu lực thì hành thi tiếp tục thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

⁴ Theo đúng trình tự quy định tại Điều 84 và khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)

7. Ngày 14/01/2025, Bộ Tài chính nhận được Báo cáo thẩm định số 08/BCTĐ-BTP ngày 07/01/2025 của Bộ Tư pháp thẩm định đối với nội dung dự thảo Nghị định.

8. Căn cứ báo cáo của Bộ Tài chính tại văn bản số 14286/BTC-TCNH ngày 26/12/2024, ngày 24/01/2025, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 645/VPCP-KTTH thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc đồng ý lùi thời hạn trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2021/NĐ-CP cho đến khi Bộ, ngành, địa phương hoàn thành công tác sắp xếp, tổ chức theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Nghị định của Chính phủ về cơ cấu tổ chức và hoạt động của 02 ngân hàng chính sách được ban hành. Hiện nay, các Bộ, ngành đã cơ bản hoàn thành việc sắp xếp theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và ngày 29/4/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 95/2025/NĐ-CP quy định về tổ chức và hoạt động của NHPT; theo đó, Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2021/NĐ-CP trình Chính phủ xem xét, ký ban hành.

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Dự thảo Nghị định không sửa đổi nội dung về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, do đó, nội dung này tiếp tục thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 03 Điều, cụ thể:

- **Điều 1:** Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như: nguyên tắc quản lý tài chính; vốn hoạt động; bổ sung vốn điều lệ; sử dụng vốn và tài sản; phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro; cấp bù lãi suất, phí quản lý; trình tự thực hiện lập, chấp hành, quyết toán vốn từ NSNN cho NHPT; thu nhập, chi phí; chế độ tiền lương; kết quả tài chính và phân phối kết quả tài chính; kế hoạch tài chính; kiểm toán; chế độ báo cáo; tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động; trách nhiệm của các cơ quan liên quan và một số cơ chế trong giai đoạn cơ cấu lại.

- **Điều 2:** Quy định về nội dung bãi bỏ, thay thế.

- **Điều 3:** Quy định về điều khoản thi hành.

2. Một số nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

- Tại Tờ trình số 30/TTr-BTC ngày 21/2/2024 về đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ kiến nghị sửa đổi 03 nhóm chính sách lớn (Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; Cấp bù lãi suất và phí quản lý; Cơ chế tiền lương đối với NHPT trong giai đoạn cơ cấu lại).

- Đồng thời, Bộ Tài chính cũng báo cáo việc xây dựng, ban hành Nghị định thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) nên hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định không phải lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan. Do đó, sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề nghị xây dựng Nghị định, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan và NHPT nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chính sách nêu trên để xây dựng Nghị định theo đúng quy định tại Luật Ban hành VBQPPL.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ một số nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định theo 03 nhóm chính sách lớn đã báo cáo tại Tờ trình số 30/TTr-BTC nêu trên và nhóm các vấn đề bổ sung trong quá trình rà soát, xây dựng và lấy ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, đơn vị liên quan về dự thảo Nghị định. Cụ thể như sau:

2.1. Về các nội dung sửa đổi, bổ sung liên quan đến trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

a) Về phân loại nợ

- Theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của NHNN quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, TCTD phải điều chỉnh nhóm nợ theo nhóm nợ của danh sách khách hàng do Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia (CIC) cung cấp. Tuy nhiên quy định này không được áp dụng đối với NHPT, do đó mặc dù thời gian qua NHPT có cung cấp thông tin về phân loại nợ của khách hàng tại NHPT lên CIC nhưng các TCTD không phải thực hiện điều chỉnh nhóm nợ của khách hàng theo nhóm nợ tại NHPT, dẫn đến thực tế thời gian qua một số doanh nghiệp cố tình chây ỳ không trả nợ cho NHPT, mà chỉ ưu tiên trả nợ các TCTD khác, làm phát sinh nợ xấu khó đòi, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của NHPT thời gian qua.

- Bộ Tài chính cho rằng việc quy định kết quả phân loại nợ khách hàng của NHPT được tổng hợp vào danh sách chung của CIC khi yêu cầu các TCTD điều chỉnh nhóm nợ là rất cần thiết và quan trọng nhằm giúp NHPT triển khai hoạt động cho vay được an toàn và đảm bảo việc thu hồi nợ đầy đủ của NHPT; phòng tránh trường hợp các khách hàng chây ỳ, không trả nợ NHPT; đặc biệt từ khi triển khai Nghị định số 78/2023/NĐ-CP, NHPT cho vay mới các dự án tín dụng đầu tư theo cơ chế như đối với NHTM theo chủ trương cơ cấu lại NHPT đã được Bộ Chính trị phê duyệt, đảm bảo công bằng giữa các TCTD. Do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định nêu trên tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP để khắc phục vướng mắc nêu trên.

b) Về trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro

- Về quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư mới:

+ Theo quy định hiện hành tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP (khoản 1, Điều 16), hằng năm NHPT căn cứ chênh lệch thu - chi tài chính để quyết định

mức trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, nợ vay bắt buộc bảo lãnh, nhưng tối thiểu bằng 0,75% tổng dư nợ cho vay và không vượt quá mức phải trích lập theo phân loại nợ như quy định đối với NHTM. Tuy nhiên, thực hiện kết luận của Bộ Chính trị, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 và thực hiện quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 78/2023/NĐ-CP về việc các hợp đồng vay vốn tín dụng ký kết từ ngày 22/12/2023⁵ (các khoản tín dụng đầu tư mới) phải trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro tín dụng như đối với các NHTM.

+ Do đó, để đảm bảo phù hợp với kết luận của Bộ Chính trị, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 và quy định của pháp luật (Nghị định số 78/2023/NĐ-CP), Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định về trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng đối với hoạt động tín dụng đầu tư mới như đối với NHTM và theo dõi các quỹ dự phòng riêng đối với từng nhóm như sau: (i) Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của các hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu trước ngày 22/12/2023 và nợ vay bắt buộc bảo lãnh; (ii) Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng các khoản nợ vay khác; (iii) Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư của các hợp đồng tín dụng đầu tư ký kết lần đầu từ ngày 22/12/2023.

- Về quỹ dự phòng rủi ro tín dụng các khoản nợ vay khác:

+ Theo quy định hiện hành tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP (*khoản 2, Điều 16 và điểm c, khoản 2 Điều 17*): Dự phòng rủi ro các khoản cho vay khác bao gồm: (i) Các khoản cho vay từ nguồn cho vay lại vốn vay nước ngoài trích lập dự phòng theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP⁶ hoặc Hợp đồng ủy quyền cho vay lại; (ii) Đối với các khoản cho vay khác còn lại NHPT dùng toàn bộ chênh lệch dương giữa thu lãi cho vay với chi phí huy động vốn của toàn bộ các hoạt động cho vay này để trích lập dự phòng rủi ro. Số dư quỹ dự phòng rủi ro các khoản cho vay khác sau khi đã thu hồi hết dư nợ vay, NHPT được chuyển vào quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, nợ vay bắt buộc bảo lãnh và hoàn nhập vào thu nhập sau khi quỹ dự phòng này đã được trích đủ theo quy định.

+ Để đảm bảo nguyên tắc Nghị định có thể triển khai ngay khi có hiệu lực thi hành, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định cách thức xác định chi phí huy động vốn để làm căn cứ trích lập dự phòng rủi ro các hoạt động cho vay khác trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành tại Thông tư số 128/2021/TT-BTC ngày 31/12/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 46/2021/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư số 128/2021/TT-BTC) đã triển khai trong thời gian qua và không phát sinh vướng mắc.

+ Ngoài ra, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi đối với trường hợp số dư dự phòng rủi ro cho vay khác lớn hơn số phải trích lập theo quy định, NHPT

⁵ Ngày 22/12/2023 là ngày Nghị định số 78/2023/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành.

⁶ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

thực hiện hoàn nhập phần chênh lệch thừa vào thu nhập theo nguyên tắc chuẩn mực kế toán (NHPT có trách nhiệm sử dụng để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chính sách hoặc để bù lỗ lũy kế căn cứ vào tình hình tài chính của NHPT và chịu trách nhiệm về quyết định của mình).

- Về trích lập dự phòng khác:

+ Theo quy định hiện hành tại Điều 18 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, NHPT căn cứ quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp và các ngân hàng thương mại về trích lập, sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi, các khoản dự phòng khác và khả năng tài chính để quyết định mức trích lập dự phòng vào chi phí hằng năm.

+ Tuy nhiên, để tập trung nguồn lực xử lý nợ xấu của NHPT theo phương án cơ cấu lại đã báo cáo Bộ Chính trị, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi quy định tại Điều 18 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP nêu trên theo hướng ưu tiên trích lập đủ dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý nợ xấu của NHPT; sau đó mới trích lập các khoản dự phòng rủi ro khác theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp.

2.2. Về cấp bù lãi suất và phí quản lý cho NHPT

- Theo quy định hiện hành tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP (Điều 19 và Điều 20), NHPT được NSNN cấp bù lãi suất và phí quản lý đối với hoạt động tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu và nợ vay bắt buộc bảo lãnh (trong đó, phí quản lý được xây dựng đảm bảo cho NHPT chủ động trong chi tiêu, đủ nguồn kinh phí hoạt động và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng).

- Tại Kết luận của Bộ Chính trị về Đề án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027, Bộ Chính trị có chỉ đạo không sử dụng NSNN để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Nội dung này hiện nay đang phát sinh một số khó khăn, vướng mắc và Bộ Tài chính đang chủ trì trình Chính phủ báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định. Tuy nhiên trong khi chưa có chỉ đạo mới của Bộ Chính trị, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi quy định tại Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng:

+ NSNN chỉ cấp bù lãi suất và phí quản lý đối với các khoản nợ vay cũ của các Hợp đồng tín dụng ký trước ngày Nghị định số 78/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và trong phí quản lý không bao gồm chi phí về trích lập dự phòng rủi ro;

+ NSNN không cấp bù lãi suất và phí quản lý cho: (i) Các khoản cho vay tín dụng đầu tư theo quy định tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP; (ii) Các khoản nợ vay cũ của các dự án tín dụng đầu tư đã ký hợp đồng tín dụng và giải ngân nhưng NHPT đã thực hiện điều chỉnh lãi suất, cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP⁷ của Chính phủ.

⁷ Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 78/2023/NĐ-CP, NSNN không cấp bù lãi suất và phí quản lý đối với toàn bộ dư nợ và các khoản giải ngân còn lại (nếu có) của các HĐTD này trong trường hợp NHPT, khách hàng và các bên liên quan thỏa thuận thống nhất áp dụng một trong các quy định về thời hạn cho vay, lãi suất cho vay tại và cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi tiền vay, theo nguyên tắc NHPT thẩm định, đánh giá và chịu trách nhiệm về khả năng, phương án trả nợ của khách hàng.

+ Quy định việc cấp bù lãi suất theo nguyên tắc về cơ bản tiếp tục áp dụng quy định hiện nay. Riêng đối với vấn đề công nợ phải thu từ NSNN của NHPT, Bộ Tài chính xin báo cáo như sau:

++ Đối với NHCSXH, hiện nay, cơ chế cấp bù chênh lệch lãi suất bao gồm cấp bù cho khoản công nợ phải thu của NSNN.

++ Đối với NHPT thì chưa có quy định này, trong khi thời gian qua, công nợ phải thu từ NSNN tương đối lớn⁸, dẫn đến NHPT phải huy động vốn để bù đắp cân đối tài chính đối với phần công nợ này. Chi phí tài chính phát sinh từ các khoản huy động này là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng thâm hụt tài chính của NHPT thời gian qua⁹.

++ Do đó, để đảm bảo quyền lợi của NHPT khi thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao mà NSNN chưa bố trí kịp thời đầy đủ nguồn vốn cho NHPT theo quy định (tương tự như NHCSXH), Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung thêm cơ chế cấp bù cho công nợ phải thu của NSNN đối với NHPT tại Phụ lục Ia dự thảo Nghị định (hướng dẫn cách thức xác định số cấp bù lãi suất của NHPT); cơ chế này cũng phù hợp với chỉ đạo của Bộ Chính trị về chủ trương, định hướng cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2019-2021 và giai đoạn 2023-2027 (về việc bố trí NSNN cấp đầy đủ, kịp thời những khoản thuộc trách nhiệm của ngân sách đối với NHPT theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ).

- Đối với việc phân bổ chi phí để xác định tỷ lệ phí quản lý:

+ Trong cơ cấu dư nợ cho vay của NHPT được chia thành 3 nhóm: (i) Dư nợ tín dụng chính sách được Nhà nước cấp phí quản lý bao gồm tín dụng đầu tư cũ, tín dụng xuất khẩu và nợ vay bắt buộc bảo lãnh; (ii) Dư nợ tín dụng chính sách không được Nhà nước cấp phí quản lý là tín dụng đầu tư mới theo quy định tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP và (iii) Dư nợ cho vay thực hiện một số nhiệm vụ khác không được cấp phí quản lý (như: nhận ủy thác cho vay lại vốn ODA; cho vay dự án Đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng;...).

+ Do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định phân bổ chi phí để xác định tỷ lệ phí quản lý do NSNN cấp cho NHPT theo nguyên tắc: (i) Đối với hoạt động tín dụng chính sách thực hiện phân bổ theo dư nợ do tính chất của các hoạt động cho vay này là tương đồng nhau; (ii) Đối với các hoạt động cho vay khác thực hiện phân bổ chi phí quản lý theo số lao động trực tiếp quản lý dự án (tương tự như phương án phân bổ đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt giao tỷ lệ phí quản lý giai đoạn 2021-2023 cho NHPT). Quy định cụ thể cách thức xác định tỷ lệ phí quản lý cho NHPT được trình bày cụ thể tại Phụ lục Ib dự thảo Nghị định.

⁸ Tính đến cuối năm 2020, NSNN nợ cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý đối với NHPT là 11.117 tỷ đồng (đối với số phát sinh từ năm 2020 trở về trước). Đến hết năm 2023, về cơ bản NSNN mới bố trí thanh toán đủ số cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý phát sinh đến hết năm 2020. Đến nay, NHPT vẫn chưa được bố trí bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn để thanh toán số cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý phát sinh trong giai đoạn 2021-2025 (khoảng 5.510 tỷ đồng).

⁹ Với chi phí bình quân huy động vốn của NHPT khoảng 4-5%/năm thì cứ 1.000 tỷ đồng NSNN nợ cấp bù lãi suất và phí quản lý thì NHPT sẽ phát sinh chi phí tài chính khoảng 40-50 tỷ đồng/năm. Với số còn thiếu trong giai đoạn 2021-2025 là khoảng 5.510 tỷ đồng thì mỗi năm NHPT sẽ phải gánh thêm chi phí tài chính là khoảng 250 tỷ đồng.

- Đối với trường hợp tổng chi phí cho việc huy động vốn nhỏ hơn tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn: Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định để xử lý khi phát sinh trường hợp này như sau:

+ Trong điều kiện bình thường (tình hình tài chính của các NHCS ổn định, tự cân đối được tài chính, không có lỗ lũy kế), bổ sung quy định tại Điều 19 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng NHPT được xử lý phần chênh lệch vượt tương tự như NHCSXH, theo trình tự sau: (i) Khấu trừ vào phí quản lý phát sinh trong năm của NHPT; (ii) Phần còn lại (nếu có) được hòa đồng vào thu nhập của NHPT.

+ Riêng trong giai đoạn cơ cấu lại, Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ như sau:

++ Hiện nay, NHPT đang thực hiện phương án cơ cấu lại giai đoạn 2023-2027 trên cơ sở phê duyệt chủ trương của Bộ Chính trị. Theo đó, một trong những mục tiêu tái cơ cấu thành công NHPT vào năm 2027 là bù đắp hết lỗ lũy kế và bổ sung nguồn lực trích lập dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý các khoản nợ xấu cho vay trước đây. Đối với các khoản cho vay trước đây, cơ chế là Nhà nước quy định lãi suất ưu đãi (không đủ trang trải chi phí của NHPT, bao gồm cả trích lập dự phòng rủi ro tín dụng), theo đó Nhà nước sẽ cấp bù lãi suất và phí quản lý cho NHPT; dư nợ cho vay hiện nay còn khoảng 61.000 tỷ đồng. Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị về việc không sử dụng NSNN để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, do đó, phí quản lý Nhà nước cấp cho NHPT từ năm 2023 không bao gồm chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; theo đó gặp khó khăn trong việc bố trí nguồn lực để trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản tín dụng trước đây.

++ Ngoài ra một trong những nguyên nhân phát sinh trường hợp tổng chi phí cho việc huy động vốn nhỏ hơn tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn trong những năm gần đây xuất phát từ việc NHPT tích cực đơn đốc thu hồi lãi vay.

Do đó, trong giai đoạn cơ cấu lại, để tạo động lực khuyến khích NHPT tích cực đơn đốc thu hồi lãi vay đồng thời tạo nguồn lực để NHPT trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, bù lỗ lũy kế, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định tại Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP cho phép trong giai đoạn cơ cấu lại, nếu phát sinh trường hợp thu nhập từ sử dụng vốn và chi phí cho việc huy động vốn (NSNN không phải cấp bù lãi suất cho NHPT) thì NHPT được sử dụng phần chênh lệch này để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho các khoản cho vay được NSNN cấp bù và bù lỗ lũy kế theo quy định.

2.3. Về quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng của NHPT

a) Về cơ chế tiền lương:

- Nghị định số 46/2021/NĐ-CP (Điều 25 và khoản 2 Điều 40) quy định về cơ chế tiền lương của NHPT (trong đó bao gồm cơ chế đặc thù trong giai đoạn cơ cấu lại được xây dựng theo nguyên tắc đảm bảo ổn định tiền lương cho người lao động và người quản lý của NHPT).

- Tuy nhiên, ngày 28/2/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 44/2025/NĐ-CP quy định về quản lý lao động, tiền lương trong doanh nghiệp

nhà nước (có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2025 và áp dụng từ năm tài chính 2025). Trong đó, tại khoản 5 Điều 34 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP quy định NHPT thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định tại Nghị định này phù hợp với tính chất đặc thù của NHPT và giao Bộ LĐTBXH (nay là Bộ Nội vụ) hướng dẫn cụ thể.

- Do đó, để đảm bảo đồng bộ về cơ chế chính sách, tránh mâu thuẫn chồng chéo, Bộ Tài chính trình Chính phủ bỏ các nội dung về cơ chế tiền lương NHPT tại Điều 25 và khoản 2 Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP. Các nội dung về quản lý, lao động, tiền lương của NHPT sẽ thực hiện thống nhất theo quy định tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP và Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

b) Về trích quỹ khen thưởng, phúc lợi

- Hiện nay, NHPT đang triển khai cho vay mới theo cơ chế tương tự như NHTM, đồng thời áp dụng các biện pháp để thực hiện cơ cấu lại theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc triển khai đề án cơ cấu lại trong hai năm 2023 và 2024 bước đầu đạt được một số kết quả tích cực (nợ xấu chịu rủi ro tín dụng đã giảm 42%, lỗ lũy kế giảm 28%, quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập tăng thêm 19,8% so với cuối năm 2021).

- Tuy nhiên do thâm hụt tài chính kéo dài từ các năm trước nên NHPT không được trích quỹ khen thưởng, phúc lợi nên không có nguồn lực để triển khai các phong trào thi đua, khen thưởng, hỗ trợ cho người lao động và người quản lý NHPT.

- Do đó, để động viên, khuyến khích người lao động, người quản lý, thành viên Ban kiểm soát NHPT nâng cao hiệu quả công việc và tăng năng suất lao động, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định trường hợp kết quả tài chính trong năm của NHPT đạt thặng dư (chênh lệch thu – chi dương), trước khi bù đắp lỗ lũy kế, NHPT được trích 01 tháng lương thực hiện nhưng không vượt quá 15% kết quả tài chính cho quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng của thành viên Ban điều hành, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.

2.4. Các vấn đề khác phát sinh trong quá trình rà soát, xây dựng dự thảo Nghị định

Trên cơ sở rà soát, tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành liên quan và NHPT, Bộ Tài chính xin báo cáo bổ sung một số vấn đề khác sửa đổi bổ sung Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như sau:

a) Về nguyên tắc quản lý tài chính

- Trên cơ sở quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của NHPT ban hành kèm theo Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 03/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Điều 4 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP về cơ chế quản lý tài chính đối với NHPT quy định: NHPT là NHCS, hoạt động theo mô hình công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Tuy nhiên, căn cứ quy định tại Luật Các TCTD năm 2024 (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024) và quy định của pháp luật liên quan, ngày 29/4/2025,

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 95/2025/NĐ-CP quy định về tổ chức và hoạt động của NHPT (thay thế Quyết định số 1515/QĐ-TTg), trong đó đã bỏ nội dung quy định NHPT hoạt động theo mô hình công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật cũng như tính chất hoạt động của NHPT.

- Từ tình hình nêu trên, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ sửa đổi các nội dung về nguyên tắc quản lý tài chính của NHPT quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP để đảm bảo đồng bộ và thống nhất với các quy định tại Nghị định tổ chức và hoạt động của NHPT sắp được Chính phủ ban hành; theo đó, tại dự thảo Nghị định đã quy định rõ NHPT là ngân hàng chính sách do Thủ tướng Chính phủ thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước; nguyên tắc quản lý tài chính về cơ bản vận dụng nguyên tắc quản lý tài chính áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, có điều chỉnh để phù hợp với tính chất hoạt động của NHPT.

b) Về nguồn vốn, sử dụng vốn và tài sản:

- Về vốn điều lệ của NHPT: Theo quy định tại Điều 18 Luật Các TCTD năm 2024, vốn điều lệ của NHCS do NSNN cấp, được bổ sung từ NSNN và các nguồn tài chính hợp pháp khác. Do đó, để đảm bảo đồng bộ về chính sách, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 1 Điều 6 theo hướng quy định: *“Vốn điều lệ của NHPT do NSNN cấp và được bổ sung trong quá trình hoạt động từ NSNN và các nguồn tài chính hợp pháp khác”* để đảm bảo thống nhất với quy định hiện hành tại Luật Các TCTD.

- Về bổ sung vốn điều lệ cho NHPT:

+ Theo quy định hiện hành tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, vốn điều lệ của NHPT do NSNN cấp và được bổ sung từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển hoặc các nguồn khác theo quy định; việc thay đổi mức vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của NHPT và ý kiến của Bộ Tài chính, đảm bảo phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn của NHPT trong từng thời kỳ; đồng thời tại khoản 1, Điều 7 Điều lệ tổ chức và hoạt động của NHPT ban hành kèm theo Quyết định số 1515/QĐ-TTg quy định vốn điều lệ của NHPT là 30.000 tỷ đồng.

+ Tính đến cuối năm 2024, theo báo cáo của NHPT, mức vốn điều lệ của NHPT là 15.086 tỷ đồng (bằng 50,3% mức vốn điều lệ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của NHPT), trong hơn 10 năm qua (2013-2023) NSNN chưa cấp bổ sung vốn điều lệ cho NHPT. Tại phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 báo cáo Bộ Chính trị đã đề xuất giải pháp cấp bổ sung vốn điều lệ cho NHPT theo tỷ lệ tăng trưởng tín dụng được Thủ tướng Chính phủ giao hàng năm sau khi NHPT bù đắp hết lỗ lũy kế phát sinh, tương tự như NHCSXH thời gian qua và đã được Bộ Chính trị đồng ý về chủ trương.

+ Về tính chất hoạt động, NHPT là NHCS của Nhà nước, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, do đó, nguồn vốn NSNN cấp bổ sung vốn điều lệ là nguồn lực quan trọng để triển khai các nhiệm vụ tín dụng chính sách do Nhà nước giao, góp phần giảm cấp bù chênh lệch lãi suất từ NSNN cho NHPT (đối với NHCSXH, tính đến cuối năm 2023, tổng số dư nguồn vốn NSNN các cấp bổ trợ để cấp bổ sung vốn điều lệ, vốn cho vay các chương trình tín dụng chính sách chiếm 30% tổng nguồn vốn NHCSXH; nguồn vốn này bổ sung vào tổng nguồn vốn hoạt động của NHCSXH, làm giảm đáng kể chi phí huy động vốn, giảm số cấp bù chênh lệch lãi suất từ NSNN cho NHCSXH, đồng thời tăng cường an toàn vốn và an toàn hoạt động cho NHCSXH).

+ Từ tình hình nêu trên, căn cứ phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 đã được Bộ Chính trị phê duyệt và quy định tại Luật Các TCTD năm 2024, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về vốn điều lệ của NHPT theo nguyên tắc: (i) NSNN cấp bổ sung vốn điều lệ hằng năm để đạt tỷ lệ tăng trưởng vốn điều lệ bằng tỷ lệ tăng trưởng tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao hằng năm; (ii) Điều kiện cấp bổ sung vốn điều lệ từ NSNN là NHPT không có chênh lệch thu chi âm lũy kế tại thời điểm cuối năm liền kề trước năm xây dựng dự toán bổ sung vốn điều lệ (phù hợp với phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 đã báo cáo Bộ Chính trị phê duyệt); (iii) Đối với việc bổ sung từ các quỹ do NHPT tích lũy trong quá trình hoạt động, định kỳ 03 năm, NHPT lập phương án bổ sung vốn điều lệ từ các quỹ này báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên cơ sở ý kiến của NHNN.

- Về xác định lãi suất huy động đối với các hình thức phát hành giấy tờ có giá (không bao gồm trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh) và nhận tiền gửi của tổ chức trong và ngoài nước: Để đảm bảo nguyên tắc dự thảo Nghị định có thể triển khai ngay khi ban hành, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP (tại điểm b, khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định) theo hướng bổ sung nguyên tắc xác định lãi suất huy động đối với các hình thức huy động vốn này trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành đã áp dụng ổn định¹⁰.

- Về sử dụng vốn: Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, NHPT được sử dụng vốn để mua, bán, chiếu khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá và góp vốn thành lập công ty con, tham gia công ty liên kết theo quy định của pháp luật. Để đảm bảo nguyên tắc dự thảo Nghị định có thể triển khai ngay khi ban hành, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ: (i) Bổ sung quy định cụ thể

¹⁰ Nội dung này hiện được thực hiện ổn định theo quy định tại Thông tư số 128/2021/TT-BTC ngày 31/12/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP. Theo đó, lãi suất huy động của nguồn vốn này không được vượt quá mức lãi suất huy động tiền gửi cao nhất cùng kỳ hạn, cùng thời điểm của bốn ngân hàng gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam. Trường hợp lãi suất công bố trên website của bốn ngân hàng trên không có kỳ hạn trùng với kỳ hạn huy động của Ngân hàng Phát triển thì đối chiếu theo mức lãi suất huy động của kỳ hạn ngắn hơn gần nhất.

những loại giấy tờ có giá NHPT được phép mua bán, chiết khấu, tái chiết khấu trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành đã áp dụng ổn định tại Thông tư số 128/2021/TT-BTC (bao gồm: trái phiếu Chính phủ; trái phiếu Chính phủ bảo lãnh; trái phiếu chính quyền địa phương; tín phiếu Ngân hàng Nhà nước); (ii) Sửa đổi quy định về việc góp vốn thành lập doanh nghiệp để phù hợp với dự thảo Nghị định tổ chức và hoạt động của NHPT đang trình Chính phủ xem xét, ban hành.

- Về quản lý tài sản NHPT:

+ Điều 12 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP quy định giới hạn đầu tư vào tài sản cố định của NHPT là giá trị còn lại của toàn bộ tài sản cố định không được vượt quá 25% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của NHPT.

+ Để đảm bảo rõ ràng hơn trong triển khai thực hiện, tránh cách hiểu khác nhau, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định rõ việc xác định giá trị còn lại trên sổ sách kế toán của tài sản cố định được thực hiện theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp¹¹.

- Về trình tự thực hiện lập, chấp hành, quyết toán vốn từ NSNN cho NHPT: Căn cứ quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và thực tế hoạt động của NHPT, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 21 về trình tự thực hiện lập, chấp hành, quyết toán vốn từ NSNN cho NHPT (bao gồm cấp bù lãi suất và phí quản lý; cấp bổ sung vốn điều lệ; vốn cấp từ NSNN để thực hiện nhiệm vụ được giao), tạo căn cứ pháp lý đầy đủ để NHPT triển khai thực hiện.

c) Về thu nhập, chi phí và phân phối kết quả tài chính

- Về thu nhập: Ngày 06/1/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 02/2025/QĐ-TTg về cơ chế xử lý rủi ro tín dụng tại NHPT. Do đó, để đảm bảo đồng bộ với quy định tại Quyết định số 02/2025/QĐ-TTg, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ sửa đổi quy định về thu nhập của NHPT tại Điều 22 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng bổ sung các khoản thu từ: (i) Phần chênh lệch vượt giữa giá bán nợ và số dư nợ gốc, lãi và nghĩa vụ tài chính khác còn lại chưa thu hồi được của khoản nợ được bán; (ii) Thu từ các khoản nợ đã sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng (không bao gồm các khoản nợ tín dụng đầu tư cũ, tín dụng xuất khẩu và nợ vay bắt buộc bảo lãnh).

- Về chi phí: Điều 23 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP quy định về danh mục các khoản chi phí của NHPT. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 23 theo hướng rà soát, sắp xếp lại các khoản mục chi phí cho phù hợp, tương đồng giữa hai NHCS (NHPT và NHCSXH).

- Về định mức chi phí: Bộ Tài chính kính trình Chính phủ điều chỉnh khoản 4 Điều 23 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng quy định định mức chi phí của NHPT thực hiện theo quy định của pháp luật về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế tương tự như áp dụng đối với công ty TNHH MTV

¹¹ Theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (sửa đổi, bổ sung năm 2016, năm 2017).

do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; trường hợp chưa có quy định hoặc không không chế định mức chi, NHPT căn cứ khả năng tài chính, xây dựng định mức chi đảm bảo phù hợp, hiệu quả và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Về phân phối kết quả tài chính:

+ Để đồng bộ với quy định chung đối với TCTD¹², đồng thời phù hợp với tính chất hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về phân phối kết quả tài chính của NHPT tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng đảm bảo tích lũy tối thiểu 50% chênh lệch thu chi để trích lập các quỹ, cụ thể: Giữ tỷ lệ trích quỹ dự phòng tài chính là 10% như hiện nay, nâng tỷ lệ trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ từ 5% lên 10% (như đối với TCTD); đồng thời tăng tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển từ 25% lên 30%.

+ Riêng trong giai đoạn cơ cấu lại, theo báo cáo của NHPT, trong thời gian chưa bù đắp hết lỗ lũy kế, NHPT không có nguồn để chi cho các danh hiệu thi đua, khen thưởng tập thể, cá nhân đạt được từ năm 2021 đến nay, cũng như chi khen thưởng cho các phong trào thi đua của cấp ủy Đảng, chính quyền phát động. Do đó, để có thêm nguồn lực khuyến khích, tạo động lực cho người lao động, người quản lý NHPT trong giai đoạn cơ cấu lại, trường hợp kết quả tài chính trong năm của NHPT đạt thặng dư, trước khi bù lỗ lũy kế NHPT được trích 01 tháng lương thực hiện nhưng không vượt quá 10% kết quả tài chính cho quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng của thành viên Ban điều hành, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát như đã báo cáo Chính phủ tại điểm b, mục 2.3 Tờ trình.

- Về thời gian chuyển lỗ sang năm sau để xử lý: Theo quy định hiện hành tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, khi kết quả tài chính trong năm bị thâm hụt, NHPT được chuyển số lỗ sang năm sau để xử lý, thời gian chuyển tối đa không quá 5 năm; trường hợp sau 5 năm không xử lý hết số lỗ, NHPT báo cáo Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định. Tuy nhiên, hiện nay NHPT đang triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại giai đoạn 2023-2027 theo chủ trương được Bộ Chính trị phê duyệt; trong đó bao gồm giải pháp về xử lý số lỗ lũy kế kéo dài qua nhiều năm của NHPT, dự kiến đến năm 2027 mới xử lý hết số lỗ lũy kế (6 năm kể từ ngày Nghị định số 46/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành). Do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi bổ sung khoản 3, Điều 26 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng trong giai đoạn cơ cấu lại theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được tự động chuyển lỗ sang năm sau mà không cần báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

¹² Theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Luật các TCTD năm 2024 và dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết chế độ tài chính của TCTD (hiện đang được Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành), hằng năm TCTD phải trích lập từ lợi nhuận sau thuế để lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (10%), quỹ dự phòng tài chính (10%), quỹ đầu tư phát triển (25%).

d) Về phương pháp hạch toán

- Theo quy định hiện hành tại điểm b, khoản 1 Điều 28 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, trong thời gian tối đa 05 năm kể từ ngày Nghị định số 46/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, NHPT phải thực hiện hạch toán theo phương pháp kế toán dồn tích (tức là từ 01/6/2026, NHPT thực hiện chuyển đổi sang hạch toán dồn tích thay vì thực thu, thực chi như hiện nay).

- Theo báo cáo của NHPT, triển khai thực hiện phương án cơ cấu lại giai đoạn 2023-2027, hiện nay NHPT đang trong quá trình xây dựng phần mềm kế toán mới, dự kiến thời gian thực hiện khoảng 3-5 năm, do đó NHPT đề xuất điều chỉnh thời gian chuyển đổi phương pháp hạch toán tối đa là 05 năm kể từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành. Tại Quyết định về phê duyệt phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027, Thủ tướng Chính phủ đã giao mục tiêu NHPT đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin phù hợp với đặc thù của NHPT. Do đó, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ sửa đổi điểm b, khoản 1 Điều 28 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng điều chỉnh thời hạn NHPT chuyển đổi phương pháp hạch toán theo dồn tích là 01/01/2028 (tức là kéo dài thêm khoảng 1,5 năm so với quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, đảm bảo phù hợp với mục tiêu do Thủ tướng Chính phủ giao).

d) Về kế hoạch tài chính của NHPT, kiểm toán, chế độ báo cáo

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ sửa đổi quy định về kế hoạch tài chính, kiểm toán, chế độ báo cáo của NHPT để phù hợp với tình hình thực tế, giảm thiểu thủ tục hành chính nội bộ và quy định của pháp luật hiện hành. Cụ thể:

- Sửa đổi thời hạn NHPT báo cáo Bộ Tài chính về kế hoạch tài chính hằng năm sau khi Thủ tướng Chính phủ có quyết định về giao kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước (thay vì Thủ tướng Chính phủ giao hạn mức phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh) để NHPT có thể sớm chủ động hoàn thiện kế hoạch tài chính trong năm, triển khai nhiệm vụ được giao.

- Sửa đổi quy định về kiểm toán báo cáo tài chính NHPT thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật về kiểm toán.

- Sửa đổi quy định về chế độ báo cáo theo hướng quy định cụ thể trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan trong việc tiếp nhận và có ý kiến về báo cáo của NHPT; sửa đổi tần suất báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình hoạt động của NHPT là 1 năm/lần (thay vì 6 tháng/lần như hiện nay).

e) Về tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động

- Theo quy định hiện hành tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, có 05 tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động hằng năm của NHPT gồm: (i) Tín dụng đầu tư của Nhà nước; (ii) Tỷ lệ nợ xấu; (iii) Kết quả tài chính; (iv) Tình hình chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn Nhà nước tại

NHPT đối với các nghiệp vụ phát sinh trong năm đánh giá; (v) Tình hình chấp hành chế độ báo cáo theo quy định.

- Để đảm bảo nguyên tắc Nghị định có thể triển khai ngay sau khi có hiệu lực thi hành, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi Điều 32 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng bổ sung các nội dung hướng dẫn cụ thể đã được thực hiện ổn định thời gian qua tại Thông tư số 128/2021/TT-BTC (hướng dẫn Nghị định số 46/2021/NĐ-CP).

2.5. Nội dung bãi bỏ

Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát Nghị định số 46/2021/NĐ-CP và bãi bỏ một số quy định (tại khoản 4 Điều 4; Điều 25; khoản 4, khoản 5 Điều 32 và Điều 35) để đảm bảo đồng bộ, phù hợp với các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định, quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của NHPT và phù hợp với tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan liên quan sau khi thực hiện sắp xếp bộ máy hành chính nhà nước theo chủ trương chung của Đảng và Nhà nước.

2.6. Điều khoản thi hành

Để đảm bảo tạo căn cứ pháp lý rõ ràng trong triển khai thực hiện, ngoài nội dung quy định về hiệu lực thi hành của dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định một số nội dung cụ thể như sau:

- Việc xử lý phần chênh lệch vượt giữa thu nhập từ việc sử dụng vốn và chi phí cho việc huy động vốn của các hoạt động cho vay được cấp bù chênh lệch lãi suất phát sinh từ năm tài chính 2021 (thời điểm Nghị định số 46/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) được áp dụng cơ chế xử lý đối với trường hợp này trong giai đoạn cơ cấu lại như đã báo cáo Chính phủ tại điểm 2.2 mục V Tờ trình này.

- Việc xác định tiền lương người quản lý, thành viên Ban kiểm soát NHPT (thuộc cơ cấu phí quản lý do NSNN cấp cho NHPT) từ năm 2021 đến năm 2024 theo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, trường hợp hoàn thành nhiệm vụ tối đa không vượt quá mức tiền lương đối với hạng Tổng công ty đặc biệt tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ, do:

+ Theo quy định hiện hành tại điểm b, khoản 2 Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, tiền lương của người quản lý và Ban kiểm soát trong giai đoạn cơ cấu lại được xác định theo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, trường hợp hoàn thành nhiệm vụ tối đa không vượt quá mức tiền lương quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP¹³. Tuy nhiên chưa quy định rõ áp dụng theo mức đối với hạng công ty nào (Tập đoàn kinh tế; Tổng công ty đặc biệt; Tổng công ty hay Công ty hạng I/II/III).

¹³ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Trước năm 2021, NHPT được xếp hạng Tổng công ty nhà nước đặc biệt¹⁴. Từ năm 2021, NHPT chưa được xếp hạng công ty để làm căn cứ chi trả và xem xét phê duyệt quỹ tiền lương cho người quản lý NHPT. Xét về quy mô vốn và tính chất hoạt động tương tự như NHPT, hiện nay tiền lương của người quản lý NHCSXH cũng được xác định theo hạng Tổng công ty nhà nước đặc biệt. Về nội dung này, trên cơ sở ý kiến thống nhất của Bộ LĐTĐ, Bộ Tài chính đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1051/QĐ-TTg ngày 27/9/2024 phê duyệt tỷ lệ phí quản lý giai đoạn 2021-2023 của NHPT, trong đó chi phí tiền lương của người quản lý và thành viên Ban kiểm soát NHPT được xác định theo mức đối với hạng Tổng công ty nhà nước đặc biệt. Do đó, việc bổ sung nội dung này tại dự thảo Nghị định là cần thiết để quyết toán tiền lương cho người quản lý NHPT từ năm 2021 đến năm 2024, đồng thời cùng phù hợp với tình hình thực tế và phương án giao phí quản lý giai đoạn 2021-2023 đối với NHPT đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Việc xác định số dự phòng rủi ro NHPT cần phải trích lập và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay mới tín dụng đầu tư:

+ Điều 15 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP quy định NHPT phải tính toán đầy đủ và theo dõi số dự phòng rủi ro phải trích lập theo quy định của NHNN đối với NHTM. Đồng thời Nghị định số 78/2028/NĐ-CP về sửa đổi cơ chế tín dụng đầu tư của Nhà nước (tại Nghị định số 32/2017/NĐ-CP) cũng quy định các khoản cho vay mới tín dụng đầu tư phải được trích lập đầy đủ dự phòng theo quy định của NHNN đối với NHTM (tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN).

+ Tuy nhiên, Luật Các TCTD năm 2024 (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024) đã sửa đổi thẩm quyền ban hành quy định về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của các TCTD là Chính phủ (thay vì NHNN như trước đây); theo đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 86/2024/NĐ-CP quy định về mức trích, phương pháp trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng của TCTD (không bao gồm NHCS) có hiệu lực kể từ ngày 11/7/2024, thay thế Thông tư số 11/2021/TT-NHNN.

+ Do đó, để đảm bảo phù hợp với quy định mới tại Luật Các TCTD, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để NHPT triển khai thực hiện, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ quy định tại điều khoản thi hành đối với việc xác định số dự phòng rủi ro NHPT cần phải trích lập và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay mới tín dụng đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật đối với ngân hàng thương mại kể từ ngày 11/7/2024 (thời điểm Nghị định số 86/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành).

¹⁴ Theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Quy chế quản lý tài chính đối với NHPT ban hành kèm theo Quyết định số 44/2007/QĐ-TTg ngày 30/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý tài chính của NHPT. Quyết định số 44/2007/QĐ-TTg đã hết hiệu lực thi hành sau khi Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ban hành

VI. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Về tính tương thích với các điều ước quốc tế

Dự thảo Nghị định không có quy định trái với các cam kết quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, trong đó có cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và Hiệp định đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

2. Về thủ tục hành chính: Dự thảo Nghị định không quy định thủ tục hành chính thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.

3. Về vấn đề bình đẳng giới: Dự thảo Nghị định không quy định các nội dung tạo ra sự phân biệt về giới.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Về dự kiến nguồn lực

a) Về nguồn nhân lực:

Nghị định cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP và Thông tư 128/2021/TT-BTC, không phát sinh nhiệm vụ mới phải bổ sung nguồn nhân lực.

b) Về nguồn lực tài chính

- Nguồn kinh phí để tổ chức thi hành Nghị định (trong đó có kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật) và thay thế, sửa đổi, bổ sung Nghị định (nếu có) được dự toán và lấy từ nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên hàng năm của Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan.

- Nguồn lực (kinh phí) do NSNN bố trí cho NHPT: Nguồn kinh phí để cấp bù lãi suất và phí quản lý, cấp bổ sung vốn điều lệ cho NHPT bố trí từ nguồn đầu tư công của ngân sách trung ương theo quy định tại Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

2. Về điều kiện thi hành:

Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP được xây dựng để có thể cơ bản triển khai thực hiện luôn tại thời điểm có hiệu lực thi hành.

VIII. Ý kiến tham gia của các Bộ, ngành liên quan

Bộ Tài chính đã xin ý kiến và nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các Bộ, ngành liên quan và NHPT, theo đó các ý kiến tham gia phù hợp của các Bộ ngành liên quan và NHPT (về rà soát, sắp xếp bộ máy tinh gọn; lãi suất huy động vốn; trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; trích lập dự phòng rủi ro khác; rà soát đảm bảo thống nhất với phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy định rõ phạm vi các khoản chi để

tính phí quản lý; phương án phân bổ chi phí cho hoạt động cho vay không được cấp phí; trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; chế độ báo cáo; trách nhiệm của Bộ Nội vụ; cơ chế tiền lương trong giai đoạn cơ cấu lại; cập nhật chế độ cho người lao động dôi dư; hoàn thiện dự thảo tờ trình Chính phủ) Bộ Tài chính xin tiếp thu và trực tiếp hoàn thiện tại dự thảo Nghị định. Ngoài ra, một số ý kiến tham gia khác, Bộ Tài chính xin báo cáo giải trình cụ thể tại Phụ lục – trình kèm.

IX. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Bộ Tư pháp thống nhất với Bộ Tài chính về sự cần thiết ban hành và tính hợp hiến, hợp pháp của dự thảo Nghị định. Bộ Tài chính đã tổng hợp đầy đủ và giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Phụ lục Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (*kèm theo Tờ trình Chính phủ*), như vậy, dự thảo Nghị định đã đủ điều kiện trình Chính phủ xem xét, ban hành.

X. Kiến nghị của Bộ Tài chính

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến các Bộ, ngành, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã rà soát hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

Kính trình Chính phủ xem xét, ký ban hành. *[Chữ ký]*

(Xin trình kèm theo: (i) Dự thảo Nghị định; (ii) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (iii) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (iv) Báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; (v) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của Bộ, ngành liên quan và NHPT; (vi) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (vii) Bản so sánh dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung với quy định hiện hành tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/c);
- Ủy ban TƯ MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Thanh tra Chính phủ;
- Các Bộ: Công an; Tư pháp; Nội Vụ; Ngoại giao;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Lưu: VT, Vụ ĐCTC (N.T.H.Vân - 8 b) *[Chữ ký]*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2014/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Ngân hàng Phát triển là ngân hàng chính sách do Thủ tướng Chính phủ thành lập, có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Phát triển là đơn vị hạch toán tập trung toàn hệ thống theo quy định của pháp luật; tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước pháp luật; tiến tới tự bù đắp chi phí và rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Ngân hàng Phát triển hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước; được Nhà nước cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất và phí quản lý và các nguồn vốn khác để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác theo quy định của pháp luật; được Nhà nước đảm bảo khả năng thanh toán; không phải thực hiện dự trữ bắt buộc và không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 1 như sau:

“a) Vốn điều lệ của Ngân hàng Phát triển do ngân sách nhà nước cấp và được bổ sung trong quá trình hoạt động từ ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác. Việc bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng Phát triển trong quá trình hoạt động thực hiện theo quy định tại Điều 6a Nghị định này;

b) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản do ngân sách nhà nước cấp (nếu có);

d) Chênh lệch do đánh giá lại tài sản;

đ) Kết quả tài chính chưa phân phối;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 2 như sau:

“b) Phát hành trái phiếu, giấy tờ có giá khác bằng đồng Việt Nam và huy động tiền gửi của các tổ chức trong và ngoài nước. Lãi suất huy động của nguồn vốn này không được vượt quá mức lãi suất huy động tiền gửi cao nhất cùng kỳ hạn, cùng thời điểm của 04 ngân hàng, gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam. Trường hợp lãi suất công bố trên website của 04 ngân hàng trên không có kỳ hạn trùng với kỳ hạn huy động của Ngân hàng Phát triển thì đối chiếu theo mức lãi suất huy động của kỳ hạn ngắn hơn gần nhất;

c) Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước và nước ngoài;”;

c) Sửa đổi điểm d khoản 3 như sau:

“d) Các nguồn vốn nhận tài trợ và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.”.

3. Bổ sung Điều 6a vào sau Điều 6 như sau:

“Điều 6a. Bổ sung vốn điều lệ cho Ngân hàng Phát triển

1. Bổ sung vốn điều lệ cho Ngân hàng Phát triển từ ngân sách nhà nước: Hằng năm, Ngân hàng Phát triển được ngân sách nhà nước cấp bổ sung vốn điều

lệ để đạt tỷ lệ tăng trưởng vốn điều lệ bằng với tỷ lệ tăng trưởng tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao hằng năm khi đáp ứng điều kiện không có chênh lệch thu chi âm lũy kế tại thời điểm cuối năm liền kề trước năm xây dựng dự toán bổ sung vốn điều lệ. Trình tự lập dự toán, chấp hành dự toán, quyết toán cấp bổ sung vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước cho Ngân hàng Phát triển thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

2. Bổ sung vốn điều lệ cho Ngân hàng Phát triển từ quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ như sau:

a) Định kỳ 03 (ba) năm một lần, Ngân hàng Phát triển lập phương án bổ sung vốn điều lệ (trong đó nêu rõ mức bổ sung vốn điều lệ) từ quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng Phát triển (nếu có) để báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sau khi có ý kiến tham gia của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Căn cứ phương án bổ sung vốn điều lệ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại điểm a khoản này và báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng Phát triển đã được kiểm toán, Ngân hàng Phát triển thực hiện kết chuyển từ nguồn quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để tăng vốn điều lệ của Ngân hàng Phát triển.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm h, điểm i, điểm m khoản 1 Điều 8 như sau:

“h) Mua, bán, chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá bao gồm: Trái phiếu Chính phủ; trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; trái phiếu chính quyền địa phương; tín phiếu Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật;

i) Góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển;

m) Thực hiện các hoạt động theo thỏa thuận với bên tài trợ và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Tổng giá trị còn lại của toàn bộ tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của Ngân hàng Phát triển không vượt quá 25% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ phản ánh trên sổ sách kế toán của Ngân hàng Phát triển. Việc xác định giá trị còn lại trên sổ sách kế toán của tài sản cố định được thực hiện theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng và xác định dự phòng rủi ro tín dụng cần phải trích lập

1. Ngân hàng Phát triển thực hiện phân loại tài sản có và cam kết ngoại bảng theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Căn cứ kết quả phân loại tài sản có và cam kết ngoại bảng quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Phát triển tính toán đầy đủ, theo dõi và xác định số dư phòng rủi ro cần phải trích lập (dự phòng chung và dự phòng cụ thể) của từng hoạt động tín dụng quy định tại Điều 3 Nghị định này; mức trích lập theo quy định của pháp luật hiện hành áp dụng đối với các ngân hàng thương mại.”;

3. Thời điểm, trình tự phân loại nợ:

Trong 07 (bảy) ngày đầu tiên hằng tháng, Ngân hàng Phát triển gửi kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng đến thời điểm cuối ngày cuối cùng của tháng trước liền kề cho Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC). CIC có trách nhiệm tổng hợp danh sách khách hàng theo nhóm nợ có mức độ rủi ro cao nhất mà các ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (bao gồm cả Ngân hàng Phát triển) đã tự phân loại để cung cấp cho ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (bao gồm cả Ngân hàng phát triển) phân loại nợ và điều chỉnh nhóm nợ của khách hàng theo quy định của pháp luật.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Ngân hàng Phát triển trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước; nợ vay bắt buộc bảo lãnh và các khoản nợ vay khác mà Ngân hàng Phát triển chịu rủi ro tín dụng. Việc trích lập thực hiện như sau:

1. Đối với các khoản nợ vay của Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư ký lần đầu trước ngày 22 tháng 12 năm 2023, các khoản nợ vay tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và các khoản nợ vay bắt buộc bảo lãnh:

a) Hằng năm, Ngân hàng Phát triển trích lập dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tổng dư nợ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 của các khoản nợ vay này;

b) Căn cứ kết quả tài chính hằng năm, Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển quyết định trích lập bổ sung dự phòng rủi ro tín dụng vượt mức quy định tại điểm a khoản này, đảm bảo số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không vượt quá mức phải trích lập theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định này.

2. Đối với các khoản nợ vay khác theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này:

a) Đối với các khoản cho vay theo Hợp đồng ủy quyền cho vay lại giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Phát triển được ký kết kể từ ngày Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ có hiệu lực thi hành (sau đây gọi tắt

là Nghị định số 97/2018/NĐ-CP), Ngân hàng Phát triển thực hiện trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có);

b) Đối với các khoản cho vay theo Hợp đồng ủy quyền cho vay lại giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Phát triển được ký kết trước ngày Nghị định số 97/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, Ngân hàng Phát triển thực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo Hợp đồng ủy quyền cho vay lại vốn vay nước ngoài ký với Bộ Tài chính. Trường hợp Hợp đồng ủy quyền cho vay lại không quy định về việc trích lập dự phòng rủi ro thì Ngân hàng Phát triển thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại điểm c khoản này;

c) Đối với các khoản nợ vay khác còn lại (không bao gồm các khoản nợ vay quy định tại khoản 3 Điều này): Ngân hàng Phát triển dùng chênh lệch dương giữa thu lãi cho vay với chi phí huy động vốn của toàn bộ các hoạt động cho vay này để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và đảm bảo số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng các khoản nợ vay khác còn lại không vượt quá mức phải trích lập theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này; trong đó, chi phí huy động vốn của các hoạt động cho vay này được xác định như sau:

- Đối với các khoản Ngân hàng Phát triển cho vay gắn với nguồn huy động cụ thể, chi phí huy động vốn được xác định bằng lãi và phí huy động vốn mà Ngân hàng Phát triển trả cho khoản huy động đó;

- Đối với dư nợ cho vay khác còn lại sử dụng từ nguồn vốn huy động chung của Ngân hàng Phát triển, chi phí huy động vốn được xác định theo lãi suất huy động vốn hòa đồng như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí huy động vốn} \\ \text{phân bổ cho dư nợ cho} \\ \text{vay khác còn lại} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Dư nợ cho vay khác} \\ \text{còn lại bình quân} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Lãi suất huy động} \\ \text{vốn bình quân} \end{array}$$

Trong đó: Lãi suất huy động vốn bình quân được xác định theo quy định tại khoản 2 Phụ lục Ia ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Đối với các khoản nợ vay của Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư ký lần đầu kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng Phát triển thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của pháp luật hiện hành áp dụng đối với các ngân hàng thương mại.

4. Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện hàng quý. Riêng đối với kỳ kế toán năm, trích vào thời điểm quyết toán tài chính năm căn cứ vào kết quả phân loại nợ tại thời điểm 30 tháng 11 của năm kế toán.”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Các quỹ dự phòng rủi ro tín dụng

1. Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của các hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu trước ngày 22 tháng 12 năm 2023 và nợ vay bất buộc bảo lãnh được hình thành từ các nguồn sau:

a) Số dư quỹ còn lại đến ngày ... tháng.... năm....¹

b) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định này;

c) Số tiền thu hồi được từ nợ gốc của các khoản nợ vay quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này đã sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng (bao gồm cả số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm sau khi chuyển theo dõi ngoại bảng);

d) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng các khoản nợ vay khác được hình thành từ các nguồn sau:

a) Số dư quỹ còn lại đến ngày ... tháng... năm...

b) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định này;

c) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư của các hợp đồng tín dụng đầu tư ký kết lần đầu từ ngày 22 tháng 12 năm 2023 được hình thành từ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Nghị định này.

4. Ngân hàng Phát triển thực hiện quản lý và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng như sau:

a) Ngân hàng Phát triển quản lý, theo dõi riêng đối với từng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này và sử dụng các quỹ này để xử lý rủi ro theo quy định về cơ chế xử lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

b) Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này lớn hơn số dự phòng phải trích đối với từng quỹ theo quy định, Ngân hàng Phát triển thực hiện hoàn nhập phần chênh lệch thừa vào thu nhập để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này và bù đắp lỗ lũy kế.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Trích lập dự phòng khác

¹ Thời điểm Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

1. Sau khi đã trích lập đủ dự phòng rủi ro tín dụng theo mức phải trích lập quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này thì Ngân hàng Phát triển trích lập dự phòng khác theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Ngân hàng Phát triển căn cứ quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp về trích lập, sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi (không bao gồm các khoản nợ vay quy định tại Điều 3 Nghị định này), các khoản dự phòng khác và khả năng tài chính của Ngân hàng Phát triển để quyết định mức trích lập dự phòng khác.”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Cấp bù lãi suất

1. Ngân hàng Phát triển được Nhà nước cấp bù lãi suất theo quy định tại Phụ lục Ia ban hành kèm theo Nghị định này để:

a) Thực hiện nhiệm vụ cho vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước đối với các hợp đồng tín dụng ký lần đầu trước ngày 22 tháng 12 năm 2023; thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại và thực hiện các nhiệm vụ cho vay khác (được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất) theo quy định của pháp luật (không bao gồm các khoản nợ vay quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 78/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước);

b) Hỗ trợ sau đầu tư đối với các Hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư phát sinh trước ngày Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước có hiệu lực thi hành.

2. Việc cấp bù lãi suất hằng năm để thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này được xác định trên cơ sở chênh lệch dương giữa tổng chi phí cho việc huy động vốn với tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn khi thực hiện các nhiệm vụ này (sau đây gọi tắt là cấp bù chênh lệch lãi suất).

3. Trường hợp tổng chi phí cho việc huy động vốn nhỏ hơn tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn thì Ngân hàng Phát triển không được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phần chênh lệch được xử lý theo thứ tự như sau:

a) Khấu trừ vào phí quản lý phát sinh trong năm của Ngân hàng Phát triển theo quy định tại Điều 20 Nghị định này;

b) Phần còn lại (nếu có) được hòa đồng vào thu nhập của Ngân hàng Phát triển.

4. Việc xác định cụ thể số cấp bù lãi suất hằng năm của Ngân hàng Phát triển thực hiện theo quy định tại Phụ lục Ia ban hành kèm theo Nghị định này.”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Phí quản lý

1. Ngân hàng Phát triển được Nhà nước cấp phí quản lý để thực hiện các nhiệm vụ được cấp bù chênh lệch lãi suất theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 19 Nghị định này (không bao gồm: các khoản cho vay không đúng đối tượng, không đúng mục đích sử dụng vốn vay theo hợp đồng tín dụng đã ký). Phí quản lý được Nhà nước cấp cho Ngân hàng Phát triển bao gồm:

a) Phí quản lý thông thường được xác định theo tỷ lệ phí quản lý (được xây dựng theo từng năm và giao trong từng thời kỳ 03(ba) năm) và dư nợ bình quân được tính phí;

b) Phí quản lý khác của các khoản cho vay được hưởng mức phí riêng theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Một số chỉ tiêu cơ bản làm căn cứ xác định, điều chỉnh tỷ lệ phí quản lý thông thường của Ngân hàng Phát triển trong từng thời kỳ gồm:

a) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được cấp phí quản lý thông thường trong giai đoạn liền kề trước giai đoạn tính phí kế hoạch và dự kiến phát sinh trong giai đoạn tính phí kế hoạch;

b) Tình hình tài chính, tình hình hoạt động và chi phí quản lý của Ngân hàng Phát triển để thực hiện các nhiệm vụ tín dụng chính sách (không bao gồm chi phí huy động vốn đã cấp bù lãi suất và chi trích lập dự phòng rủi ro tín dụng) phát sinh trong giai đoạn liền kề trước giai đoạn tính phí kế hoạch và dự kiến chi phí quản lý phát sinh trong giai đoạn tính phí kế hoạch;

c) Các định mức chi phí theo quy định của pháp luật đối với Ngân hàng Phát triển.

3. Việc xác định số phí quản lý thông thường cấp cho Ngân hàng Phát triển hằng năm thực hiện theo quy định tại Phụ lục Ib ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Trong quý II của năm trước liền kề giai đoạn tính phí, Ngân hàng Phát triển xây dựng phương án phí quản lý thông thường theo từng năm trong giai đoạn 03 (ba) năm và báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Phương án phí quản lý thông thường bao gồm các nội dung cơ bản sau: Căn cứ pháp lý, nguyên tắc, cơ sở và phương pháp, số liệu tính toán đối với từng chỉ tiêu quy định tại khoản 2 Điều này và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

5. Trường hợp các cấp có thẩm quyền giao bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho Ngân hàng Phát triển hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng dẫn đến kết quả tài chính bị thâm hụt, Ngân hàng Phát triển báo cáo Bộ Tài chính đề trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh tỷ lệ phí quản lý thông thường đã được phê duyệt.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán vốn từ ngân sách nhà nước cấp cho Ngân hàng Phát triển

1. Việc lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán vốn từ ngân sách nhà nước cấp cho Ngân hàng Phát triển thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

2. Trường hợp số chi cấp bù lãi suất và phí quản lý thực tế được hưởng phát sinh lớn hơn số dự toán được bố trí thì sẽ được tổng hợp phân chênh lệch bố trí dự toán thiếu vào dự toán các năm sau. Trường hợp số chi cấp bù lãi suất và phí quản lý thực tế được hưởng phát sinh nhỏ hơn số dự toán được bố trí, phân chênh lệch bố trí dự toán thừa thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).”.

13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 22 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 như sau:

“e) Thu phát sinh từ phần chênh lệch vượt giữa giá bán nợ với số dư nợ gốc, lãi và nghĩa vụ tài chính khác còn lại chưa thu hồi được của khoản nợ được bán;”;

b) Bổ sung điểm p vào sau điểm o khoản 1 như sau:

“p) Thu từ các khoản nợ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 16 Nghị định này đã sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng (kể cả số tiền thu hồi từ xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ này sau khi chuyển theo dõi ngoại bảng).”.

14. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi điểm h khoản 1 như sau:

“h) Chi khác cho hoạt động nghiệp vụ: Chi để thu hồi các khoản nợ đã xoá, thu hồi nợ xấu; chi cho hoạt động mua bán nợ; chi thu giữ, bảo quản, khai thác, xử lý tài sản đảm bảo; chi thuê luật sư, tư vấn pháp lý, án phí, phí thi hành án, lệ phí theo quy định của pháp luật; chi thuê tư vấn thẩm định giá tài sản bảo đảm tiền vay; chi các khoản đã hạch toán vào thu nhập nhưng thực tế không thu được và không hạch toán giảm thu nhập; các chi phí dịch vụ thuê ngoài phục vụ các

hoạt động nghiệp vụ; chi khác cho hoạt động nghiệp vụ theo quy định của pháp luật.”;

b) Sửa đổi điểm a và điểm c, khoản 3 như sau:

“a) Chi cho người lao động, người quản lý (bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên khác của Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng) và thành viên Ban kiểm soát: Chi tiền lương, thù lao, tiền thưởng; các khoản đóng góp theo lương: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, kinh phí công đoàn theo quy định; chi ăn giữa ca không vượt quá mức chi ăn giữa ca bằng tiền không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật; chi bảo hộ lao động; chi trang phục giao dịch không vượt quá mức chi trang phục giao dịch bằng tiền để tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với doanh nghiệp; chi trợ cấp, chi cho lao động nữ theo chế độ quy định; chi y tế, nghỉ phép theo chế độ hằng năm; các khoản chi có tính chất phúc lợi như quy định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, tổng số chi không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm; chi trợ cấp thôi việc, chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động; chi hỗ trợ cho người lao động dôi dư, lao động có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 97/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

c) Chi về tài sản: Chi khấu hao tài sản cố định theo quy định chung đối với các doanh nghiệp; chi mua sắm công cụ, dụng cụ; chi thuê tài sản (trường hợp trả tiền thuê tài sản một lần cho nhiều năm thì tiền thuê được phân bổ dần vào chi phí hoạt động theo số năm sử dụng tài sản); chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và vận hành tài sản; chi bảo hiểm tài sản đối với những tài sản phải mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật; chi nhượng bán, thanh lý tài sản bao gồm giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có).”;

c) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Định mức chi phí của Ngân hàng Phát triển thực hiện theo quy định tại Nghị định này và quy định pháp luật về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp pháp luật chưa có quy định hoặc không không chế định mức chi, Ngân hàng Phát triển xây dựng định mức chi và căn cứ vào khả năng tài chính để quyết định việc chi tiêu đảm bảo phù hợp, hiệu quả và chịu trách nhiệm trước pháp luật.”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 24 như sau:

“4. Các khoản chi cho sửa chữa, bảo dưỡng và trang thiết bị các tài sản phúc lợi như nhà ở, nhà nghỉ của người lao động Ngân hàng Phát triển, các khoản chi cho các công trình phúc lợi khác đã được chi từ quỹ phúc lợi của Ngân hàng Phát triển.”.

16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 26 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm c, điểm e khoản 2 như sau:

“a) Trích 10% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;

c) Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển;

e) Trường hợp chênh lệch thu chi còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này không đủ nguồn để trích 01 tháng lương thực hiện đối với quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng người quản lý và thành viên Ban kiểm soát thì Ngân hàng Phát triển được giảm trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ 01 tháng lương thực hiện vào quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng người quản lý và Ban kiểm soát; mức giảm tối đa không quá mức trích vào quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Khi kết quả tài chính trong năm bị thâm hụt Ngân hàng Phát triển chuyển số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí sang năm sau, thời gian chuyển không quá 05 năm. Trường hợp sau 05 năm nếu Ngân hàng Phát triển không chuyển hết số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí, Ngân hàng Phát triển báo cáo Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định (trừ trường hợp Ngân hàng Phát triển đang trong giai đoạn cơ cấu lại theo quyết định của cấp có thẩm quyền).”.

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 Điều 27 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Việc sử dụng các quỹ của Ngân hàng Phát triển quy định tại Nghị định này phải đúng mục đích, đúng đối tượng. Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển xây dựng trình Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển ban hành Quy chế quản lý sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật để áp dụng trong nội bộ ngân hàng; Quy chế đảm bảo dân chủ, minh bạch, có sự tham gia của Ban Chấp hành công đoàn Ngân hàng Phát triển và công khai trong ngân hàng trước khi thực hiện.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển phục vụ hoạt động của Ngân hàng Phát triển và bổ sung vốn điều lệ cho Ngân hàng Phát triển theo quy định tại Nghị định này.”.

18. Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 1 Điều 28 như sau:

“b) Kể từ năm tài chính 2028, Ngân hàng Phát triển phải thực hiện hạch toán theo phương pháp kế toán dồn tích.”.

19. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 29 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Kế hoạch cấp hỗ trợ sau đầu tư đối với các Hợp đồng phát sinh trước thời điểm Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (nếu có) theo quy định của pháp luật.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Lập báo cáo kế hoạch tài chính:

a) Hằng năm, trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ có quyết định về giao kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, căn cứ kết quả hoạt động của năm trước, Ngân hàng Phát triển rà soát, cập nhật báo cáo về kế hoạch tài chính của năm kế hoạch theo mẫu biểu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này gửi Bộ Tài chính;

b) Bộ Tài chính thực hiện rà soát lại báo cáo về kế hoạch tài chính do Ngân hàng Phát triển lập để có ý kiến chính thức bằng văn bản và giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả và xếp loại đối với Ngân hàng Phát triển năm kế hoạch chậm nhất 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Ngân hàng Phát triển. Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính, Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển hoàn chỉnh và ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch tài chính năm của Ngân hàng Phát triển;

c) Sau khi Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch tài chính năm, Ngân hàng Phát triển gửi Bộ Tài chính để phục vụ công tác giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Phát triển.”.

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 30 như sau:

“2. Báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng Phát triển phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật.”.

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

“Điều 31. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo về kế hoạch tài chính theo quy định tại Điều 29 Nghị định này.

2. Báo cáo tài chính gồm:

a) Báo cáo tình hình tài chính;

b) Báo cáo kết quả hoạt động;

c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;

d) Thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Các báo cáo hoạt động nghiệp vụ gồm:

a) Bảng cân đối tài khoản cấp III (bao gồm cả tài khoản ngoại bảng) theo quy định pháp luật về kế toán áp dụng đối với Ngân hàng Phát triển;

b) Báo cáo phân loại nợ của Ngân hàng Phát triển;

c) Báo cáo trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng;

d) Báo cáo cấp bù lãi suất và phí quản lý.

4. Báo cáo tình hình hoạt động gồm:

a) Việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản đối với toàn bộ hoạt động tại Ngân hàng Phát triển quy định tại Điều 8 Nghị định này;

b) Thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, Ban điều hành, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát theo quy định hiện hành của pháp luật đối với Ngân hàng Phát triển;

c) Kết quả tài chính và trích lập các quỹ sau chênh lệch thu chi của Ngân hàng Phát triển;

5. Quy định về lập và gửi báo cáo:

a) Đối với báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính hợp nhất lập theo năm và báo cáo tài chính riêng lẻ lập theo quý/năm; Báo cáo quyết toán tài chính hằng năm được Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển phê duyệt trước khi gửi Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Đối với báo cáo hoạt động nghiệp vụ: Các báo cáo hoạt động nghiệp vụ được gửi cho Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo định kỳ hằng quý, năm và đột xuất khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Đối với báo cáo tình hình hoạt động: Ngân hàng Phát triển có trách nhiệm lập và trình Hội đồng quản trị phê duyệt báo cáo tình hình hoạt động định kỳ 06 (sáu) tháng/lần và gửi cho Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để theo dõi (kèm theo báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát);

d) Căn cứ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động do Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển phê duyệt, các thông tin, tài liệu khác có liên quan và ý kiến tham gia của Bộ Tư pháp và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo gửi Thủ tướng Chính phủ định kỳ 01 năm một lần hoặc đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.

6. Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo, phương thức gửi báo cáo, mẫu biểu báo cáo thực hiện theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.”.

22. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 32 như sau:

“1. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động hằng năm của Ngân hàng Phát triển, bao gồm:

a) Tiêu chí 1: Tín dụng đầu tư của Nhà nước. Tiêu chí này được xác định theo kết quả thực hiện kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ giao hàng năm cho Ngân hàng Phát triển;

b) Tiêu chí 2: Tỷ lệ nợ xấu Ngân hàng Phát triển chịu rủi ro tín dụng;

c) Tiêu chí 3: Kết quả tài chính;

d) Tiêu chí 4: Tình hình chấp hành quy định pháp luật của Ngân hàng Phát triển;

đ) Tiêu chí 5: Tình hình chấp hành chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 31 Nghị định này.”

23. Sửa đổi Điều 33 như sau:

“Điều 33. Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Ngân hàng Phát triển

1. Việc đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Ngân hàng Phát triển căn cứ vào báo cáo tài chính riêng lẻ đã được kiểm toán, được thực hiện theo quy định đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định này.

2. Bộ Tài chính giao các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại hằng năm cho Ngân hàng Phát triển theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 29 Nghị định này.

3. Việc đánh giá hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Phát triển thực hiện qua xếp loại (A, B, C) đối với các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này. Phương thức đánh giá từng tiêu chí và tổng hợp kết quả xếp loại Ngân hàng Phát triển thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này.

4. Hằng năm, căn cứ các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động nêu tại Nghị định này và chỉ tiêu kế hoạch do Bộ Tài chính giao, Ngân hàng Phát triển lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại gửi Bộ Tài chính để xem xét, phê duyệt xếp loại đối với Ngân hàng Phát triển. Thời hạn nộp báo cáo chậm nhất sau 45 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm toán báo cáo tài chính.

5. Trên cơ sở báo cáo của Ngân hàng Phát triển, Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt kết quả xếp loại Ngân hàng Phát triển sau khi có ý kiến tham gia của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

6. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với người quản lý và thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Phát triển được thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung (nếu có)."

24. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 34 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ngân hàng Phát triển xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định này trình Chính phủ ban hành theo quy định của pháp luật."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 và bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 như sau:

"6. Trình cấp có thẩm quyền bố trí trong kế hoạch đầu tư công và dự toán chi ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất và phí quản lý, cấp bổ sung vốn điều lệ (nếu có) cho Ngân hàng Phát triển theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và quy định pháp luật có liên quan.

7. Trình Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước hằng năm cho Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật."

25. Sửa đổi, bổ sung Điều 37 như sau:

"Điều 37. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

Hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, Ban điều hành, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật."

26. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 39 như sau:

"2. Xây dựng kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước hằng năm báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt. "

27. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

"Điều 40. Một số cơ chế trong giai đoạn cơ cấu lại

Ngân hàng Phát triển thực hiện một số cơ chế trong giai đoạn cơ cấu lại theo quyết định của cấp có thẩm quyền, bao gồm:

1. Không phải giảm trừ phần chênh lệch thu chi âm lũy kế (nếu có) khi xác định vốn tự có quy định tại Điều 7 Nghị định này để xác định giới hạn cho vay của Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật cho đến khi khắc phục được chênh lệch thu chi âm lũy kế.

2. Trường hợp kết quả tài chính trong năm đạt thặng dư, trước khi bù đắp khoản thâm hụt từ những năm trước, Ngân hàng phát triển được trích tối đa 01 tháng lương thực hiện nhưng không vượt quá 15% kết quả tài chính cho quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng của thành viên Ban điều hành, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

3. Trường hợp tổng chi phí cho việc huy động vốn nhỏ hơn tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định này thì phần chênh lệch được Ngân hàng Phát triển sử dụng để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này và bù đắp lỗ lũy kế.”

Điều 2. Bãi bỏ, thay thế

1. Bãi bỏ khoản 4 Điều 4; Điều 25; khoản 4, khoản 5 Điều 32 và Điều 35 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

2. Thay thế các cụm từ “quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển” bằng cụm từ “quy định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển” tại điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 8 và khoản 4 Điều 39 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm ... và áp dụng từ năm tài chính 2025.

2. Việc xử lý trường hợp tổng chi phí cho việc huy động vốn nhỏ hơn tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn của các hoạt động được cấp bù chênh lệch lãi suất theo quy định tại khoản 27 Điều 1 Nghị định này áp dụng từ thời điểm Nghị định số 46/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

3. Việc xác định tiền lương người quản lý, thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Phát triển từ năm 2021 đến năm 2024 theo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, trường hợp hoàn thành nhiệm vụ tối đa không vượt quá mức tiền lương đối với hạng Tổng công ty đặc biệt tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ.

4. Việc xác định số dự phòng rủi ro Ngân hàng Phát triển cần phải trích lập theo quy định tại điểm a, khoản 6 Điều 1 Nghị định này và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với các khoản nợ vay của Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư

ký lần đầu kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2023 theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định này thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với ngân hàng thương mại kể từ ngày 11 tháng 7 năm 2024.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

Phụ lục Ia
CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH SỐ CẤP BÙ LÃI SUẤT CỦA
NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN

(Ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ)

1. Công thức xác định số tiền cấp bù lãi suất

$$\begin{array}{ccccc} \text{Số tiền cấp bù} & & \text{Số tiền cấp bù} & & \text{Số tiền cấp bù hỗ trợ} \\ \text{lãi suất} & = & \text{chênh lệch lãi suất} & + & \text{sau đầu tư} \end{array}$$

2. Công thức xác định số tiền cấp bù chênh lệch lãi suất:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Số tiền cấp bù chênh} & & \text{Tổng chi phí} & & \text{Tổng thu từ} \\ \text{lệch lãi suất} & = & \text{huy động vốn được} & - & \text{sử dụng vốn} \\ & & \text{cấp bù} & & \end{array}$$

Trong đó:

a) Tổng chi phí huy động vốn được cấp bù:

Tổng chi phí huy động vốn được cấp bù là tổng số lãi huy động vốn và phí trả cho việc phát hành giấy tờ có giá để cho vay các dự án được cấp bù quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 19 Nghị định này và dự trữ tồn ngân được cấp bù. Tổng chi phí huy động vốn được cấp bù xác định cụ thể như sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Tổng chi phí} & & \text{Nguồn vốn} & & \text{Nguồn vốn không} \\ \text{huy động vốn} & = & \text{được cấp bù} & - & \text{phải trả lãi} \\ \text{được cấp bù} & & & & \end{array} \times \begin{array}{c} \text{Lãi suất huy} \\ \text{động bình quân} \end{array}$$

Trong đó:

- Nguồn vốn được cấp bù bao gồm:

+ Dự nợ cho vay các dự án được cấp bù bình quân theo quy định của pháp luật không bao gồm dự nợ cho vay không đúng đối tượng, sai mục đích.

+ Tồn ngân được cấp bù được xác định bằng bình quân số tồn quỹ tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác (sau đây gọi tắt là tồn quỹ) của Ngân hàng Phát triển theo mức thực tế nhưng tối đa không vượt quá 5,3% dự nợ cho vay các dự án được cấp bù bình quân.

- Nguồn vốn không phải trả lãi là tổng các khoản mục vốn chủ sở hữu (không bao gồm kết quả tài chính chưa phân phối trong kỳ) và vốn ngân sách nhà nước cấp để thực hiện các chương trình, dự án được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao theo quy định tại khoản 1 và điểm c, khoản 3 Điều 6 Nghị định này xác định theo phương pháp bình quân sau khi loại trừ:

+ Giá trị còn lại của tài sản cố định theo quy định tại Điều 12 Nghị định này;

+ Giá trị quyền sử dụng đất được Nhà nước giao/cho thuê nhưng miễn tiền sử dụng đất/tiền thuê đất theo quy định của pháp luật;

+ Các khoản công nợ phải thu từ ngân sách nhà nước;

+ Số vốn điều lệ thực tế đã góp vốn điều lệ của Tổng công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam và các tổ chức khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

- Lãi suất huy động vốn bình quân

$$\text{Lãi suất huy động vốn bình quân} = \frac{\text{Tổng chi huy động vốn} - \text{Chi phí huy động vốn loại trừ}}{\text{Tổng nguồn vốn huy động bình quân} - \text{Nguồn vốn loại trừ bình quân}}$$

Trong đó:

+ Tổng chi về huy động vốn bao gồm: chi trả lãi huy động vốn và chi trả phí phát hành giấy tờ có giá của Ngân hàng Phát triển;

+ Chi phí huy động vốn loại trừ gồm: chi phí của nguồn huy động chỉ định để cho vay các dự án/nhiệm vụ không được cấp bù chênh lệch lãi suất; chi phí huy động vốn cho các khoản cho vay sai được xác định theo dư nợ cho vay sai bình quân và lãi suất huy động vốn cao nhất của Ngân hàng Phát triển trong năm tính cấp bù chênh lệch lãi suất;

+ Tổng nguồn vốn huy động xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP;

+ Nguồn vốn loại trừ bao gồm: nguồn huy động chỉ định để cho vay các dự án/nhiệm vụ không được cấp bù chênh lệch lãi suất; nguồn vốn tương ứng với dư nợ cho vay sai.

b) Tổng thu từ sử dụng vốn, bao gồm:

- Thu lãi cho vay được xác định bằng tổng số lãi thu từ các dự án được cấp bù (kể cả lãi trong hạn và lãi quá hạn);

- Số lãi tiền gửi thu được từ nguồn vốn tồn ngân được cấp bù được xác định như sau:

$$\text{Số lãi tiền gửi thu được} = \text{Tồn ngân được cấp bù} \times \text{Lãi suất tiền gửi bình quân}$$

Trong đó:

$$\text{Lãi suất tiền gửi bình quân} = \frac{\text{Tổng thu lãi tiền gửi}}{\text{Tổng tồn quỹ (tiền mặt, tiền gửi) bình quân}}$$

3. Cách xác định số liệu bình quân nêu tại khoản 2 Điều này như sau:

$$\begin{aligned} \text{Số bình quân tháng} &= \frac{\text{Số dư đầu tháng} + \text{Số dư cuối tháng}}{2} \\ \text{Số bình quân quý} &= \frac{\text{Tổng số bình quân tháng của các tháng trong quý}}{3} \\ \text{Số bình quân năm} &= \frac{\text{Tổng số bình quân tháng của các tháng trong năm}}{12} \end{aligned}$$

4. Thời điểm hạch toán cấp bù chênh lệch lãi suất của Ngân hàng Phát triển

a) Chậm nhất vào ngày 20 tháng đầu tiên của quý tiếp theo, Ngân hàng Phát triển thực hiện hạch toán số cấp bù chênh lệch lãi suất tạm tính của quý trước theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Phụ lục này;

b) Riêng đối với quý cuối cùng của kỳ kế toán năm, Ngân hàng Phát triển xác định số cấp bù chênh lệch lãi suất của năm kế toán theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Phụ lục này và thực hiện hạch toán kế toán vào thời điểm 31 tháng 12 hằng năm.

5. Công thức xác định số tiền cấp bù hỗ trợ sau đầu tư:

$$\text{Số tiền cấp bù hỗ trợ sau đầu tư (quý, năm)} = \text{Mức hỗ trợ sau đầu tư (quý, năm)} - \text{Số thu hồi cấp hỗ trợ sau đầu tư (quý, năm)}$$

Mức hỗ trợ sau đầu tư được xác định theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ đối với các hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư phát sinh trước thời điểm Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước có hiệu lực thi hành.

Phụ lục Ib
CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH PHÍ QUẢN LÝ THÔNG THƯỜNG CỦA
NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN

(Ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ)

1. Ngân hàng Phát triển được Nhà nước cấp phí quản lý thông thường để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 19 Nghị định này, cụ thể như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Phí quản lý thông thường} \\ \text{được ngân sách nhà nước} \\ \text{cấp hằng năm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Dư nợ tính phí quản lý} \\ \text{thông thường} \end{array} * \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ phí quản lý} \\ \text{thông thường} \\ \text{hằng năm} \end{array}$$

Trong đó:

- Tỷ lệ phí quản lý thông thường được xác định theo quy định tại khoản 2 Phụ lục này.

- Dư nợ tính phí quản lý thông thường là dư nợ cho vay bình quân năm của các nhiệm vụ quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 19 Nghị định này (không bao gồm các khoản cho vay không đúng đối tượng, sai mục đích quy định tại Hợp đồng tín dụng; các khoản cho vay được hưởng mức phí riêng theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ). Cách thức xác định dư nợ bình quân năm thực hiện theo quy định tại mục 3 Phụ lục Ia Nghị định này.

2. Tỷ lệ phí quản lý thông thường được xây dựng cho từng năm và giao trong thời kỳ 03 năm. Tỷ lệ phí quản lý thông thường hằng năm xác định cụ thể như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ phí quản} \\ \text{lý thông thường} \\ \text{từng năm} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng chi phí quản lý dự kiến từng năm của các hoạt} \\ \text{động tín dụng chính sách} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng dư nợ dự kiến từng năm các hoạt động tín dụng} \\ \text{chính sách} \end{array}}$$

Trong đó:

- Tổng chi phí quản lý dự kiến từng năm trong giai đoạn giao phí cho Ngân hàng Phát triển của các hoạt động tín dụng chính sách (bao gồm: tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và thực hiện các nhiệm vụ cho vay khác theo quy định của pháp luật được ngân sách nhà nước cấp phí quản lý) được xác định như sau:

Tổng chi phí quản lý dự kiến từng năm trong giai đoạn giao phí của các hoạt động tín dụng chính sách	=	Tổng chi phí dự kiến từng năm trong giai đoạn giao phí của Ngân hàng Phát triển theo quy định tại Điều 23 Nghị định này (không bao gồm chi phí huy động vốn đã được cấp bù lãi suất và chi trích lập dự phòng rủi ro tín dụng)	X	Tổng số lao động bình quân từng năm trong giai đoạn giao phí của NHPT thực hiện hoạt động tín dụng chính sách
<hr/> Tổng số lao động bình quân từng năm trong giai đoạn giao phí của Ngân hàng Phát triển				

- Tổng dư nợ dự kiến từng năm các hoạt động tín dụng chính sách là tổng dư nợ bình quân dự kiến từng năm trong giai đoạn giao phí của các hoạt động tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và thực hiện các nhiệm vụ cho vay khác theo quy định của pháp luật được ngân sách nhà nước cấp phí quản lý.

- Tổng chi phí dự kiến từng năm trong giai đoạn tính phí được xác định theo các định mức chi phí theo quy định của pháp luật đối với Ngân hàng Phát triển. Trong đó đối với chi phí tiền lương trong giai đoạn tính phí được xác định dựa trên:

+ Số lao động bình quân (bao gồm cả Ban điều hành) và số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát dự kiến trong giai đoạn tính phí;

+ Mức tiền lương bình quân thực hiện của người lao động, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát năm 2024 điều chỉnh theo mức tăng chỉ số giá tiêu dùng hằng năm so với năm 2024.

Phụ lục II
MẪU BIỂU VỀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN
(Ban hành kèm theo Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ)

Mẫu II.1. Kế hoạch nguồn vốn và sử dụng vốn của Ngân hàng Phát triển
NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN NĂM

Đơn vị tính: triệu đồng, %

STT	Nội dung	Năm trước				Năm kế hoạch			
		Phát sinh tăng		Phát sinh giảm		Dư đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Dư cuối năm
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện				
A	NGUỒN VỐN								
I	Vốn chủ sở hữu								
1	Vốn điều lệ								
2	Các Quỹ và vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu								
3	Chênh lệch thu chi								
II	Vốn huy động								
1	Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh								
2	Vay Ngân sách nhà nước								
3	Vốn huy động khác								
III	Nhận vốn vay nước ngoài của Chính phủ cho vay lại								
B	SỬ DỤNG VỐN								

1	Tín dụng đầu tư								
2	Tín dụng xuất khẩu								
3	Nợ vay bắt buộc do thực hiện cam kết bảo lãnh								
4	Cho vay ODA ra nước ngoài								
5	Cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ								
	<i>Cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ Ngân hàng Phát triển chịu rủi ro</i>								
	<i>Cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ Ngân hàng Phát triển không chịu rủi ro</i>								
6	Cho vay khác chịu rủi ro								
7	Góp vốn công ty con, công ty liên kết								
8	Sử dụng vốn khác								
C	CHÉNH LỆCH NGUỒN VÀ SỬ DỤNG NGUỒN								

Ghi chú:

1. Số liệu được quy đổi VND theo tỷ giá quy đổi là tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo vào ngày làm việc cuối năm liền kề trước của năm kế hoạch.

2. Ngân hàng Phát triển thuyết minh cụ thể kèm theo Biểu này một số nội dung sau:

- Tỷ lệ nợ xấu của năm thực hiện và dự kiến cho năm kế hoạch (nêu rõ căn cứ đề xuất).
- Tình hình thu hồi gốc, lãi tín dụng đầu tư trong năm thực hiện và dự kiến cho năm kế hoạch (nêu rõ căn cứ xây dựng kế hoạch).

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGƯỜI KIỂM SOÁT

Ngày tháng năm
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu II.2. Kế hoạch cấp bù lãi suất và phí quản lý của Ngân hàng Phát triển

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

KẾ HOẠCH CẤP BÙ LÃI SUẤT VÀ PHÍ QUẢN LÝ NĂM

ĐVT: Triệu đồng, %

ST T	Chỉ tiêu	Năm trước			Năm kế hoạch		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch	Kế hoạch	% Kế hoạch năm/ Kế hoạch năm trước	%Kế hoạch năm/th ực hiện năm trước
A	Cấp bù lãi suất (I+II)						
I	Cấp bù chênh lệch lãi suất (1-2)						
1	Tổng chi phí huy động vốn được cấp bù $[(1.1-1.2)*1.3]$						
1.1	Nguồn vốn được cấp bù (=a+b)						
a	Dư nợ cho vay các dự án được cấp bù bình quân						
b	Tồn ngân được cấp bù						
1.2	Nguồn vốn không phải trả lãi (=a-b-c-d)						
a	Vốn chủ sở hữu						
b	Giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí xây dựng dở dang						
c	Số vốn điều lệ thực góp vào VIDIFI						
d	Công nợ phải thu của ngân sách nhà nước						
1.3	Lãi suất huy động bình quân (=a/b)						
a	Tổng chi phí thực trả cho nguồn vốn huy động						
b	Tổng nguồn vốn huy động bình quân						
2	Tổng thu từ sử dụng vốn (=2.1+2.2)						

2.1	Thu lãi cho vay						
2.2	Thu lãi tiền gửi						
	<i>Lãi suất tiền gửi bình quân</i>						
II	Cấp bù hỗ trợ sau đầu tư						
B	Phí quản lý (1*2) + 3						
1	Tỷ lệ phí quản lý thông thường						
2	Dư nợ bình quân tính phí quản lý thông thường						
3	Phí quản lý của các hoạt động được Nhà nước quy định mức phí quản lý riêng						

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGƯỜI KIỂM SOÁT

Ngày tháng năm
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu II.3. Kế hoạch thu nhập, chi phí, kết quả tài chính của Ngân hàng
Phát triển**

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

KẾ HOẠCH THU NHẬP, CHI PHÍ, KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NĂM

Đơn vị tính: triệu đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Năm trước			Năm kế hoạch		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch	Kế hoạch	% kế hoạch năm/kế hoạch năm trước	% kế hoạch năm/thực hiện năm trước
I	Thu nhập						
1	Thu lãi cho vay						
2	Thu lãi tiền gửi						
3	Thu phí quản lý cho vay lại vốn ODA						
4	Thu từ cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý						
5	Thu nhập khác						
II	Chi phí						
1	Chi cho hoạt động nghiệp vụ						
2	Chi trích lập dự phòng						
3	Chi cho người lao động và người quản lý						
4	Chi quản lý và công vụ						
5	Chi về tài sản						
6	Chi phí khác						
III	Kết quả tài chính						

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGƯỜI KIỂM SOÁT

Ngày tháng năm
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu II.4. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, nâng cấp, hiện đại hóa tài sản của Ngân hàng Phát triển

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN, MUA SẮM, NÂNG CẤP, HIỆN ĐẠI HÓA TÀI SẢN NĂM...

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên dự án/Tài sản	Tổng mức đầu tư/ dự toán	Nguồn thực hiện		Ghi chú
			Vốn Ngân sách nhà nước cấp	Vốn hợp pháp của NHPT	
	Tổng số				
I	Đầu tư dự án xây dựng cơ bản				
1	Các dự án chuyển tiếp				
	- Dự án...				
2	Các dự án phát sinh mới trong năm kế hoạch				
	- Dự án...				
II	Đầu tư mua sắm tài sản cố định				
1	Mua sắm tài sản cố định				
	- Tài sản A				
2	Nâng cấp tài sản cố định				
	- Tài sản A				
	...				

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGƯỜI KIỂM SOÁT

Ngày tháng năm
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu II.4. Kế hoạch lao động, tiền lương của Ngân hàng Phát triển

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

KẾ HOẠCH LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG NĂM

Đơn vị tính: triệu đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Năm trước			Năm kế hoạch		
		Kế hoạch	Thực hiện	% thực hiện/kế hoạch	Kế hoạch	%kế hoạch năm/kế hoạch năm trước	%kế hoạch năm/thực hiện năm trước
I	Tiền lương của người lao động						
1	Lao động tại thời điểm 31/12						
2	Lao động bình quân (người)						
3	Mức tiền lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)						
4	Quỹ tiền lương						
II	Tiền lương người quản lý						
1	Số lượng người						
2	Quỹ lương người quản lý						
3	Tiền lương bình quân/người/tháng						
III	Tiền lương của kiểm soát viên						
1	Số lượng người						
2	Tiền lương bình quân/người/tháng						
<i>(Kèm theo thuyết minh về cách xác định quỹ tiền lương người quản lý và người lao động)</i>							

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGƯỜI KIỂM SOÁT

Ngày tháng năm
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu II.5. Kế hoạch hỗ trợ sau đầu tư**NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM****KẾ HOẠCH HỖ TRỢ SAU ĐẦU TƯ NĂM...**

ĐVT: Triệu đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Năm trước	Năm kế hoạch
1	Số còn phải cấp hỗ trợ sau đầu tư theo hợp đồng tín dụng đã ký		
2	Số ngân sách nhà nước cấp để thực hiện hỗ trợ sau đầu tư trong năm		
3	Số cấp hỗ trợ sau đầu tư trong năm		

NGƯỜI LẬP BIỂU**NGƯỜI KIỂM SOÁT**

Ngày tháng năm
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục III**CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA
NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của
Chính phủ)*

1. Thời gian chốt số liệu:

- a) Đối với báo cáo quý: Tính từ ngày đầu tiên của quý báo cáo đến ngày cuối cùng của quý báo cáo;
- b) Đối với báo cáo 06 tháng đầu năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến hết ngày 30 tháng 6 năm báo cáo;
- c) Đối với báo cáo năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến hết ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

2. Thời hạn gửi báo cáo:

- a) Báo cáo quý: Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý của năm tài chính;
- b) Báo cáo 06 tháng: Chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng của năm tài chính;
- c) Đối với báo cáo năm:
 - Đối với báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán, báo cáo về tình hình hoạt động hằng năm và báo cáo hoạt động nghiệp vụ năm: Chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính;
 - Đối với báo cáo tài chính năm được kiểm toán: Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm toán báo cáo tài chính;
 - Đối với báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Ngân hàng Phát triển hằng năm: Thực hiện theo thời hạn quy định tại khoản 4 Điều 10 Thông tư này.
- d) Nếu ngày cuối cùng của thời hạn nộp báo cáo trùng vào ngày lễ, ngày nghỉ thì hạn nộp báo cáo là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày đó.

3. Phương thức gửi báo cáo:

Ngân hàng Phát triển thực hiện gửi các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này theo một trong các phương thức sau:

- a) Gửi trực tiếp dưới hình thức văn bản giấy;

- b) Gửi qua dịch vụ bưu chính dưới hình thức văn bản giấy;
- c) Gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng dưới hình thức văn bản điện tử (nếu có);
- d) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

4. Mẫu biểu báo cáo:

- a) Báo cáo tài chính quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định 46/2021/NĐ-CP: Thực hiện theo chế độ kế toán của Ngân hàng Phát triển;
- b) Báo cáo về phân loại nợ theo Mẫu biểu số III.1 ban hành kèm theo Phụ lục này;
- c) Báo cáo về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo Mẫu biểu số III.2a và Mẫu biểu số III.2b ban hành kèm theo Phụ lục này;
- d) Báo cáo về tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm/hàng năm của Ngân hàng Phát triển theo Mẫu biểu số III.3 ban hành kèm theo Phụ lục này;
- đ) Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Ngân hàng Phát triển hàng năm theo Mẫu biểu số III.4 ban hành kèm theo Phụ lục này;

5. Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo tài chính và báo cáo tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm và trong vòng 40 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo tài chính và báo cáo tình hình hoạt động hàng năm của Ngân hàng Phát triển theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 5 Điều 31 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình hoạt động của Ngân hàng Phát triển sau khi lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Mẫu III.1. Báo cáo về phân loại nợ của Ngân hàng Phát triển

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO

Về tình hình phân loại nợ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Quý....năm....

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ đầu kỳ
1	Dư nợ cho vay Ngân hàng Phát triển chịu rủi ro		
	Nợ nhóm 1		
	Nợ nhóm 2		
	Nợ nhóm 3		
	Nợ nhóm 4		
	Nợ nhóm 5		
2	Dư nợ cho vay Ngân hàng Phát triển không chịu rủi ro		
	Nợ nhóm 1		
	Nợ nhóm 2		
	Nợ nhóm 3		
	Nợ nhóm 4		

STT	Chỉ tiêu	Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ đầu kỳ
	Nợ nhóm 5		
3	Cam kết ngoại bảng		
	Nợ nhóm 1		
	Nợ nhóm 2		
	Nợ nhóm 3		
	Nợ nhóm 4		
	Nợ nhóm 5		
	Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ cho vay và cam kết ngoại bảng		

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGƯỜI KIỂM SOÁT

Ngày tháng năm
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Mẫu III.2a. Báo cáo về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng Phát triển (không bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản nợ vay tín dụng đầu tư ký lần đầu kể từ ngày 22/12/2023)

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO

Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng Phát triển Việt Nam
(không bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản nợ vay tín dụng đầu tư ký lần đầu kể từ ngày 22/12/2023)

Kỳ báo cáo:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Loại hình tín dụng	Số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu kỳ	Nhu cầu dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại Nghị định 46/2021/NĐ-CP và Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2021/NĐ-CP			Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý nợ xấu trong kỳ	Số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng cuối kỳ
			Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Tổng số	Dự phòng rủi ro tối thiểu phải trích	Dự phòng rủi ro bổ sung (nếu có)		
1	Cho vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu nợ cho vay bắt buộc bảo lãnh								
	Nợ nhóm 1								
	Nợ nhóm 2								
	Nợ nhóm 3								
	Nợ nhóm 4								
	Nợ nhóm 5								
	Tổng số								
2	Các khoản cho vay lại vốn								

STT	Loại hình tín dụng	Số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu kỳ	Nhu cầu dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại Nghị định 46/2021/NĐ-CP và Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2021/NĐ-CP			Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý nợ xấu trong kỳ	Số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng cuối kỳ
			Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Tổng số	Dự phòng rủi ro tối thiểu phải trích	Dự phòng rủi ro bổ sung (nếu có)		
	<i>vay nước ngoài trích dự phòng rủi ro theo cơ chế riêng</i>								
	Nợ nhóm 1								
	Nợ nhóm 2								
	Nợ nhóm 3								
	Nợ nhóm 4								
	Nợ nhóm 5								
	Tổng số								
3	<i>Các khoản nợ vay khác còn lại</i>								
	Nợ nhóm 1								
	Nợ nhóm 2								
	Nợ nhóm 3								
	Nợ nhóm 4								
	Nợ nhóm 5								
	Tổng số								

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGƯỜI KIỂM SOÁT

Ngày tháng năm
 TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Mẫu III.2b. Báo cáo về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản nợ vay tín dụng đầu tư ký lần đầu kể từ ngày 22/12/2023 của Ngân hàng Phát triển

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO

Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng Phát triển

(Loại hình cho vay: Tín dụng đầu tư ký kết Hợp đồng tín dụng lần đầu kể từ ngày 22/12/2023)

Kỳ báo cáo:.....

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nhóm nợ	Số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu kỳ	Trích lập trong kỳ		Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý nợ xấu trong kỳ	Số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng cuối kỳ
			Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể		
	Nợ nhóm 1					
	Nợ nhóm 2					
	Nợ nhóm 3					
	Nợ nhóm 4					
	Nợ nhóm 5					
	Tổng số					

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGƯỜI KIỂM SOÁT

Ngày tháng năm
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu III.3. Báo cáo tình hình hoạt động của Ngân hàng Phát triển

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:.....

Hà Nội, ngày tháng năm

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Áp dụng đối với kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm và cả năm)

I. Tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm .../năm ... của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

1. Về tình hình quản lý và sử dụng vốn, tài sản

1.1. Về nguồn vốn hoạt động

- a) Về vốn chủ sở hữu
- b) Về vốn huy động
- c) Các nguồn vốn khác

1.2. Về sử dụng vốn và tài sản

- a) Về tín dụng tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước
- b) Về bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn tại ngân hàng thương mại
- c) Về hoạt động nhận ủy thác cho vay
- d) Về góp vốn, thành lập công ty con hoặc tham gia thành lập các công ty liên kết
- đ) Về tình hình quản lý và sử dụng tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của Ngân hàng Phát triển
- e) Về các hoạt động sử dụng vốn khác

2. Tình hình thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý Ngân hàng Phát triển Việt Nam

3. Tình hình thu chi tài chính, phân phối và trích lập các quỹ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

II. Nhận xét, đánh giá:

1. Kết quả đạt được

2. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

III. Đề xuất, kiến nghị

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu III.4. Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Ngân hàng Phát triển

BÁO CÁO

Về đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Ngân hàng Phát triển năm

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:.....

Hà Nội, ngày tháng năm

I. Kết quả hoạt động năm của Ngân hàng Phát triển

II. Xếp loại Ngân hàng Phát triển

1. Tiêu chí 1: Tín dụng đầu tư của Nhà nước
2. Tiêu chí 2: Tỷ lệ nợ xấu
3. Tiêu chí 3: Kết quả tài chính
4. Tiêu chí 4: Tình hình chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn Nhà nước tại Ngân hàng Phát triển.
5. Tiêu chí 5: Tình hình chấp hành chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

III. Tổng hợp xếp loại Ngân hàng Phát triển

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV**PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI
NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của
Chính phủ)*

I. Phương thức đánh giá đối với từng tiêu chí được thực hiện như sau:**1. Tiêu chí 1: Tín dụng đầu tư**

a) Ngân hàng Phát triển xếp loại A khi thực hiện được từ 90% đến 100% kế hoạch tín dụng đầu tư tối đa của Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ giao hằng năm;

b) Ngân hàng Phát triển xếp loại B khi thực hiện được từ 80% đến dưới 90% kế hoạch tín dụng đầu tư tối đa của Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ giao hằng năm;

c) Ngân hàng Phát triển xếp loại C khi không thuộc các trường hợp xếp loại A và B nêu trên.

2. Tiêu chí 2: Tỷ lệ nợ xấu Ngân hàng Phát triển chịu rủi ro tín dụng

a) Ngân hàng Phát triển xếp loại A khi tỷ lệ nợ xấu Ngân hàng Phát triển chịu rủi ro bằng hoặc thấp hơn kế hoạch được giao;

b) Ngân hàng Phát triển xếp loại B khi tỷ lệ nợ xấu Ngân hàng Phát triển chịu rủi ro cao hơn nhưng tối đa bằng 110% kế hoạch được giao;

c) Ngân hàng Phát triển xếp loại C khi tỷ lệ nợ xấu Ngân hàng Phát triển chịu rủi ro vượt quá 110% kế hoạch được giao.

3. Tiêu chí 3: Kết quả tài chính

a) Ngân hàng Phát triển xếp loại A khi thực hiện được bằng hoặc cao hơn kế hoạch được giao;

b) Ngân hàng Phát triển xếp loại B khi thực hiện được thấp hơn nhưng tối thiểu bằng 90% kế hoạch được giao;

c) Ngân hàng Phát triển xếp loại C khi thực hiện dưới 90% kế hoạch được giao.

4. Tiêu chí 4: Tình hình chấp hành quy định pháp luật của Ngân hàng Phát triển

Căn cứ vào việc chấp hành chế độ, chính sách pháp luật điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng Phát triển (bao gồm: quy định về lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, quy định về thuế, hóa đơn và các khoản nộp ngân sách; chế độ quản lý tài chính; chế độ kế toán; chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước; cơ chế xử lý rủi ro) để đánh giá tiêu chí này.

a) Ngân hàng Phát triển xếp loại A khi trong năm đánh giá thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ thanh toán trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo quy định của pháp luật và không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp bị xử phạt vi phạm hành chính thì phải đảm bảo:

a1) Không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính:

- Đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bao gồm: lừa đảo, gian lận, giả mạo; nặc danh, mạo danh; phá hoại, hủy hoại tiền Việt Nam; hoạt động kinh doanh trái phép; cung cấp thông tin không trung thực; lấy cắp thông tin; đánh cắp dữ liệu theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

- Đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực thuế, hóa đơn: Không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi trốn thuế trong lĩnh vực thuế và hóa đơn theo quy định của Chính phủ;

a2) Đối với hành vi vi phạm khác: Bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính mà số tiền phạt phải nộp từng lần bị xử phạt đối với mỗi hành vi vi phạm từ mức trung bình trở xuống của khung phạt;

a3) Số chi nhánh (bao gồm cả trụ sở chính) bị xử phạt không vượt quá 10% tổng số chi nhánh của Ngân hàng Phát triển;

b) Ngân hàng Phát triển bị xếp loại C khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

b1) Bị các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền trong năm đánh giá đối với các hành vi:

- Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng gồm: lừa đảo, gian lận, giả mạo; nặc danh, mạo danh; phá hoại, hủy hoại tiền Việt Nam; hoạt động trái phép; cung cấp thông tin không trung thực; lấy cắp thông tin; đánh cắp dữ liệu theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

- Các hành vi trốn thuế theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn;

- Các hành vi vi phạm khác mà số tiền phạt phải nộp từng lần bị xử phạt ở mức tối đa của khung phạt;

- Bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do không tự nguyện chấp hành;

b2) Số chi nhánh (bao gồm cả trụ sở chính) bị xử phạt vượt quá 20% tổng số chi nhánh của Ngân hàng Phát triển;

b3) Người quản lý Ngân hàng Phát triển có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thực thi nhiệm vụ của Ngân hàng Phát triển đến mức bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố truy cứu trách nhiệm hình sự trong năm đánh giá;

b4) Thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ thanh toán trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo quy định của pháp luật;

c) Ngân hàng Phát triển xếp loại B khi không thuộc các trường hợp xếp loại A và loại C nêu trên.

5. Tiêu chí 5: Tình hình chấp hành chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 31 Nghị định này

a) Ngân hàng Phát triển xếp loại A khi không bị cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản hoặc bị nhắc nhở bằng văn bản không quá hai (02) lần về việc thực hiện chế độ báo cáo không đúng quy định, không đúng thời hạn đối với từng loại báo cáo trong năm đánh giá;

b) Ngân hàng Phát triển xếp loại C khi không nộp báo cáo hoặc bị cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản trên ba (03) lần về việc thực hiện chế độ báo cáo không đúng quy định, không đúng thời hạn đối với từng loại báo cáo trong năm đánh giá;

c) Ngân hàng Phát triển xếp loại B khi không thuộc các trường hợp xếp loại A và loại C nêu trên.

II. Tổng hợp kết quả xếp loại Ngân hàng Phát triển

1. Ngân hàng Phát triển xếp loại A khi không có tiêu chí xếp loại C; trong đó tiêu chí 1 và tiêu chí 2 được xếp loại A theo quy định tại khoản 4 Điều này;

2. Ngân hàng Phát triển xếp loại C khi có tiêu chí 1, tiêu chí 2 xếp loại C hoặc tiêu chí 1, tiêu chí 2 xếp loại B và các tiêu chí còn lại xếp loại C;

3. Ngân hàng Phát triển xếp loại B trong các trường hợp còn lại.





Ký bởi: Văn phòng Bộ
Cơ quan: 28 Trần
Hưng Đạo
Thời gian ký:
14/01/2025 10:50:54

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08 /BCTĐ-BTP

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Văn phòng Chính phủ.

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ:	4032
Ngày:	14-01-2025
Chuyên:	Vụ TCMT
Số và ký hiệu HS:	

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024), theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 14344/BTC-TCNH ngày 26/12/2024 về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) (Bộ Tư pháp nhận đủ hồ sơ ngày 30/12/2024)¹, trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ thẩm định và kết quả cuộc họp ngày 02/01/2025 của Hội đồng thẩm định (được thành lập theo Quyết định số 2565/QĐ-BTP ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)², Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam như sau:

I. Về sự cần thiết ban hành Nghị định; đối tượng và phạm vi điều chỉnh của văn bản

1. Về sự cần thiết ban hành văn bản

Hiện nay, chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam (NHPT) được quy định tại Nghị định số

¹ Hồ sơ thẩm định dự thảo Nghị định được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp ngày 30/12/2024.

² Có 11/14 thành viên HĐĐTĐ tham dự họp, vắng 03/14 thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng, đại diện Văn phòng Chính phủ, đại diện Thanh tra Chính phủ.

46/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ. Ngày 29/12/2022, Bộ Chính trị có ý kiến kết luận đồng ý về chủ trương tiếp tục cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023 – 2027, trong đó có nội dung chỉ đạo hoàn thiện, ban hành sớm cơ chế, chính sách cơ cấu lại NHPT theo thẩm quyền. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch hành động triển khai kết luận của Bộ Chính trị giao Bộ Tài chính chủ trì trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 được Quốc hội Khóa XV nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024 và có hiệu lực ngày 01/07/2025 thay thế Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định thẩm quyền của Chính phủ đối với ngân hàng chính sách, bao gồm: Cơ chế tài chính, tiền lương, tổ chức lại, giải thể, kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng chính sách và các nội dung khác có liên quan đến ngân hàng chính sách thực hiện theo quy định tại Chương này và quy định của Chính phủ (Điều 26). Bên cạnh đó, Điều 15 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định: *“Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thực hiện các chính sách xã hội”*.

Theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Bộ Tài chính được giao chủ trì xây dựng Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP. Đồng thời, theo Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 29/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, Bộ Tài chính được giao chủ trì soạn thảo Nghị định của Chính phủ quy định về cơ chế tài chính của ngân hàng chính sách. Tại Thông báo số 247/TB-VPCP ngày 29/5/2024 của Văn phòng Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ đã đồng ý thông qua đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP và giao Bộ Tài chính chủ trì xây dựng, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định trình Chính phủ theo đúng quy trình, thủ tục, quy định của pháp luật tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quy định pháp luật có liên quan.

Do đó, việc Bộ Tài chính xây dựng, trình Chính phủ dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam là cần thiết, phù hợp với chủ trương đã phê duyệt của Bộ Chính trị, nhiệm vụ được giao tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, Quyết định số 257/QĐ-TTg.

2. Về tên gọi, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2.1. Về tên gọi, phạm vi điều chỉnh

a) Dự thảo Nghị định không có nội dung sửa đổi tên gọi và phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP. Tại Tờ trình số 30/TTr-BTC ngày 21/02/2024 của Bộ Tài chính, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất 03 chính sách, bao gồm: Chính sách 1: Trích lập dự phòng rủi ro của NHPT; Chính sách 2: Cấp bù lãi suất và phí quản lý cho NHPT; Chính sách 3: Cơ chế tiền lương đối với NHPT trong giai đoạn cơ cấu lại. Tuy nhiên, mục V.2 (trang 4 đến trang 14) dự thảo Tờ trình đề xuất sửa đổi, bổ sung 18 nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định³. Theo ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp tại Công văn số 7363/BTP-PLDSKT ngày 23/12/2024 cũng như ý kiến tại Báo cáo thẩm định này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung của dự thảo Nghị định thuộc phạm vi chính sách nào, đảm bảo phù hợp với phạm vi chính sách đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Thông báo số 247/TB-VPCP. Trường hợp có nội dung ngoài 03 chính sách đã được Lãnh đạo Chính phủ thông qua, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung đánh giá tác động đối với các vấn đề/ nội dung mới, báo cáo rõ, đầy đủ trong Tờ trình Chính phủ.

Bên cạnh đó, hiện nay, cơ quan chủ trì soạn thảo đang hoàn thiện dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của NHPT; dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg, dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý rủi ro tín dụng của NHPT. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát dự thảo Nghị định với các dự thảo văn bản nêu trên, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong quy định pháp luật về quản lý tổ chức và hoạt động của NHPT.

b) Theo khoản 38 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, tổ chức tín dụng là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân thực hiện một, một số hoặc tất cả hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này. Điều 6 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng, tuy nhiên, không quy định hình thức pháp lý của ngân hàng chính sách (bao gồm Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Phát triển Việt Nam).

Điều 19, Điều 20 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định về cơ cấu tổ chức bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cơ cấu Hội đồng quản trị, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Hội đồng quản trị của NHPT. Theo quy

³ Về nguyên tắc quản lý tài chính; Về nguồn vốn hoạt động; Về bổ sung vốn điều lệ NHPT; Về sử dụng vốn; Về quản lý tài sản của NHPT; Về xử lý tổn thất về tài sản; Về phân loại nợ; Về trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng; Về cấp bù lãi suất và phí quản lý; Về trình tự thực hiện lập, chấp hành, quyết toán vốn từ NSNN cho NHPT; Về chi phí, định mức chi phí và các khoản chi không được hạch toán vào chi phí hoạt động của NHPT; Về phân phối kết quả tài chính của NHPT; Về phương pháp hạch toán; Về kế hoạch tài chính của NHPT, kiểm toán, chế độ báo cáo; Về tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động; Về một số cơ chế đặc thù trong giai đoạn cơ cấu lại; Nội dung bãi bỏ; Điều khoản chuyển tiếp.

định tại Điều 19, Điều 20 và các điều khác có liên quan của Luật Các tổ chức tín dụng cho thấy Ngân hàng này được vận hành và hoạt động theo mô hình doanh nghiệp (theo Luật Doanh nghiệp).

Theo Điều 18 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, vốn điều lệ của ngân hàng chính sách do ngân sách nhà nước cấp và được bổ sung từ ngân sách nhà nước, các nguồn tài chính hợp pháp khác, thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Điều 26 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 giao Chính phủ quy định Cơ chế tài chính, tiền lương, tổ chức lại, giải thể, kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng chính sách và các nội dung khác có liên quan đến ngân hàng chính sách. Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014 (Luật số 69/2014/QH13) giao Chính phủ quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, kết quả hoạt động, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên; quy định việc giám sát, kiểm tra hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Điều 40). Tuy nhiên, tại Tờ trình số 398/TTr-BTC ngày 26/12/2024, cơ quan chủ trì soạn thảo cho rằng việc “giữ nguyên hình thức pháp lý của NHPT hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là chưa phù hợp về mục đích thành lập và cơ cấu tổ chức quản lý đã quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024” và “NHPT không phải là doanh nghiệp” (trang 5). Trong khi đó, theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Phương án cơ cấu lại, định hướng hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam giai đoạn 2023 – 2027” khẳng định mục tiêu NHPT tiếp tục là ngân hàng chính sách của Nhà nước hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Đồng thời, tại Tờ trình số 398/ITr-BTC và Báo cáo số 385/BC-BTC ngày 26/12/2024 về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa rà soát nội dung dự thảo Nghị định với quy định của Luật số 69/2014/QH13.

Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung nội dung đánh giá về phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định để đảm bảo có đầy đủ cơ sở, chặt chẽ, khả thi; trong đó: (i) làm rõ phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định đồng bộ, thống nhất với phạm vi nội dung chính sách đã được Lãnh đạo Chính phủ thông qua trong lập đề nghị xây dựng nghị định; (ii) làm rõ “đánh giá hiệu quả hoạt động” có nội hàm thuộc nội dung nào được Luật giao Chính phủ quy định tại Điều 26; (iii) căn cứ pháp lý để quy định nội dung về đánh giá hiệu quả hoạt động của NHPT trong mối quan hệ của dự thảo Nghị định với Luật số 69/2014/QH13. Trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ trên nguồn gốc vốn điều lệ thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư

vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, đề nghị khẳng định rõ quan điểm của mình. Trên cơ sở đó tiếp tục hoàn thiện dự thảo Tờ trình Chính phủ, chỉnh lý Báo cáo đánh giá tác động và dự thảo Nghị định, đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý, bao quát toàn diện các nội dung liên quan đến cơ chế tài chính của NHPT, phù hợp với nội dung thuộc phạm vi thẩm quyền của Chính phủ được Luật giao quy định và các nhóm chính sách đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

Trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định, đối với những nội dung mới phát sinh so với dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thiết kế một mục riêng trong Tờ trình Chính phủ, trong đó, giải trình đầy đủ cơ sở của việc sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới trong dự thảo Nghị định, bảo đảm cơ sở thông tin đầy đủ cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. Tương tự, sau khi lấy ý kiến Thành viên Chính phủ, trường hợp phát sinh, bổ sung nội dung mới so với dự thảo Nghị định lấy ý kiến thành viên Chính phủ, cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình đầy đủ, hợp lý các ý kiến Thành viên Chính phủ trước khi trình Chính phủ.

2.2. Về đối tượng áp dụng

Dự thảo Nghị định không có nội dung sửa đổi quy định về đối tượng áp dụng. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc bổ sung thêm đối tượng áp dụng là cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo phù hợp với quy định Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024 và các điều khoản sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tại dự thảo Nghị định.

II. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về Khơi dậy tinh thần và ý chí, quyết tâm phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; dân tộc cường thịnh, trường tồn; phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đặt ra yêu cầu: *"Tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý về hoạt động ngân hàng, hỗ trợ tiến trình cơ cấu lại các tổ chức tín dụng và xử lý nợ xấu...; Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân"*.

Việc cơ cấu lại NHPT đã được Bộ Chính trị chấp thuận chủ trương, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Phương án cơ cấu lại, định hướng hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam giai đoạn 2023 – 2027. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để cụ thể hóa tại dự thảo Nghị định, bảo đảm dự thảo Nghị định phù hợp với kết luận của Bộ Chính trị và Phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đồng thời, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, làm

rõ tại Tờ trình Chính phủ việc thể chế được đúng và đầy đủ các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước liên quan đến (i) hình thức pháp lý của Ngân hàng; (ii) cơ chế, chính sách về vốn điều lệ, trích lập, các tỷ lệ, phương thức trích lập các Quỹ, chi phí quản lý và hoạt động phù hợp với tính chất hoạt động đặc thù của NHPT gắn với quá trình cơ cấu lại; đáp ứng các yêu cầu khách quan của thực tiễn; đảm bảo sau khi Nghị định được ban hành, góp phần hiệu quả, khả thi cho sự hoạt động ổn định, bền vững, an toàn, lành mạnh và quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn lực tín dụng chính sách của Nhà nước.

2. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát dự thảo Quyết định để đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; (ii) Thông báo số 108-TB/VPTW ngày 18/11/2024 của Văn phòng Trung ương thông báo kết luận của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp; (iii) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật” - Mục 3); (iv) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

III. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị định với hệ thống pháp luật

1. Về tính hợp hiến

Theo các ý kiến tại cuộc họp Hội đồng thẩm định ngày 25/12/2024 và theo hồ sơ gửi thẩm định, Bộ Tư pháp chưa phát hiện dự thảo Nghị định có quy định trái Hiến pháp năm 2013.

2. Về tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị định với hệ thống pháp luật

Nội dung dự thảo Nghị định có liên quan đến các quy định của các luật như: Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Bộ luật Dân sự, Luật Kế toán, Bộ luật Lao động, Luật Đất đai, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...; đồng thời quy định hướng dẫn thi hành Luật Các tổ chức tín dụng. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát nội dung dự thảo Nghị định với các luật nêu trên và các văn bản pháp luật khác có liên quan để đảm bảo tính hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật, trong đó cần nhắc thêm một số vấn đề sau:

2.1. Liên quan pháp luật về đầu tư công; quản lý, giám sát, sử dụng vốn nhà nước

a) Về bổ sung vốn điều lệ đối với NHPT

Khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định (bổ sung khoản 3 Điều 6a) quy định: *“Định kỳ 03 năm một lần, Ngân hàng Phát triển rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động, lập phương án bổ sung vốn điều lệ từ các quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng Phát triển để báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sau khi có ý kiến tham gia của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Kế hoạch và Đầu tư”*. Khoản 6 Điều 5 Luật Đầu tư công năm 2024 quy định: *“...cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ”*, như vậy, việc cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách chỉ áp dụng đối với trường hợp đầu tư công từ ngân sách nhà nước. Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: *“Thủ tướng Chính phủ và Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với hoạt động của ngân hàng chính sách”* (khoản 3 Điều 16); *“Nhà nước là chủ sở hữu của ngân hàng chính sách. Chính phủ thống nhất quản lý việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu nhà nước đối với ngân hàng chính sách”* (khoản 1 Điều 17); *“Hội đồng quản trị là cơ quan đại diện trực tiếp của chủ sở hữu nhà nước tại ngân hàng chính sách, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu nhà nước theo quy định của Chính phủ”* (khoản 2 Điều 17). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cơ sở quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung vốn điều lệ cho NHPT từ các quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, đảm bảo phù hợp về phạm vi phân cấp, ủy quyền thực hiện “nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu nhà nước”, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp có quy định cụ thể việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp (trong đó quy định về phạm vi, thẩm quyền quyết định đầu tư, trình tự, thủ tục đầu tư vốn đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đang hoạt động). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho NHPT có chịu sự điều chỉnh của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp hay không?, đảm bảo quy định tại dự thảo Nghị định thống nhất, đồng bộ với các văn bản pháp luật có liên quan.

2.2. Về sự phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng

a) Khoản 1 Điều 19 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: *“Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng chính sách bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cơ cấu quản trị khác theo quy định của Chính phủ”*. Như vậy, cơ cấu tổ chức quản lý của NHPT tương đồng với cơ cấu tổ chức quản lý của

công ty cổ phần theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.⁴ Luật số 69/2014/QH13 chi quy định việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và giám sát việc đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhà nước bao gồm: (i) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; (ii) Người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Hiện nay, Bộ Tài chính đang chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định quy định tổ chức và hoạt động của NHPT; trong đó, không xác định rõ hình thức pháp lý của NHPT. Đồng thời, tại dự thảo Nghị định này, cơ quan chủ trì soạn thảo đã lược bỏ hình thức pháp lý của NHPT được quy định trong Nghị định số 46/2021/NĐ-CP⁵. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định vẫn có nhiều nội dung quy định NHPT phải tuân thủ, thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Ví dụ: Khoản 7 Điều 1 bổ sung Điều 10a về đầu tư, mua sắm và quản lý tài sản cố định; khoản 17 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 23 về chi phí của NHPT; khoản 19 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 25 về quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng của NHPT; khoản 20 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 26 về kết quả tài chính và phân phối kết quả tài chính; khoản 26 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 32 về tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động; khoản 30 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 40 về một số cơ chế trong giai đoạn cơ cấu lại... Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh rõ, giải trình rõ trong Tờ trình Chính phủ về cơ sở tiếp tục áp dụng quy định pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đối với NHPT trong khi đã xác định việc giữ nguyên hình thức pháp lý của NHPT như Nghị định số 46/2021/NĐ-CP là chưa phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và có nhiều cách hiểu khác nhau về cách thức hoạt động của NHPT (trang 5 Tờ trình số 398/TTr-BTC); đảm bảo tính hiệu quả, khả thi của quy định cũng như trong quản lý tổ chức, hoạt động của NHPT.

b) Điều 26 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: *“Cơ chế tài chính, tiền lương, tổ chức lại, giải thể, kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng chính sách và các nội dung khác có liên quan đến ngân hàng chính sách thực hiện theo quy định tại Chương này và quy định của Chính phủ”*. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và bộ, ngành có liên quan rà

⁴ Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: *“Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây: a) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát; b) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành”*.

⁵ Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP quy định: *“Ngân hàng Phát triển là ngân hàng chính sách, hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”*.

soát quy định các loại thu nhập, chi phí của NHPT tại dự thảo Nghị định, đảm bảo thể hiện được đầy đủ, chính xác các hoạt động kinh doanh của NHPT, đầy đủ cơ sở pháp lý để NHPT tổ chức thực hiện.

2.3. Liên quan Bộ luật Hình sự

Khoản 26 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động hằng năm của NHPT và khoản 27 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định cụ thể phương thức đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại NHPT (phương thức đánh giá từng tiêu chí và tổng hợp kết quả xếp loại NHPT thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này); trong đó, bao gồm tiêu chí về tình hình chấp hành quy định pháp luật (tiêu chí 4). Tuy nhiên, dự thảo Nghị định không quy định về điều kiện không vi phạm pháp luật hình sự; trong khi đó, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có quy định về tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (Điều 206). Đồng thời, Bộ luật Hình sự quy định pháp nhân thương mại có thể chịu trách nhiệm hình sự trong một số trường hợp nhất định (Điều 76). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung quy định liên quan đến việc tuân thủ pháp luật hình sự trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động của NHPT.

2.4. Liên quan pháp luật về lao động

Khoản 19 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định: *“Ngân hàng Phát triển thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động, người quản lý và Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phù hợp với tính chất hoạt động của Ngân hàng Phát triển, trong đó mức tiền lương tối thiểu trong giai đoạn cơ cấu lại được bảo đảm theo quy định tại Điều 40 Nghị định này”*. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định đã bỏ quy định Ngân hàng Phát triển “hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cơ sở đề xuất *“quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động, người quản lý và Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”*, trong khi Ngân hàng Phát triển không còn hoạt động theo mô hình công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (như quy định tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định). Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, cân nhắc kỹ quy định *“phù hợp với tính chất hoạt động của Ngân hàng Phát triển”*, đảm bảo tính thống nhất, nhất quán trong cách hiểu, áp dụng pháp luật, đảm bảo tính minh bạch, thống nhất của quy định pháp luật.

2.5. Liên quan Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

a) Một số nội dung tại dự thảo Nghị định quy định trường hợp khác thực hiện theo quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (Ví dụ: khoản 14 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 20 về các khoản cho vay được hưởng mức phí riêng; khoản 26 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 32 về các khoản nợ xấu cho vay; mục 1 Phụ lục Ib...). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định rõ trường hợp nào giao cho Chính phủ và trường hợp nào giao cho Thủ tướng Chính phủ để cấp có thẩm quyền có đầy đủ căn cứ xem xét, quyết định. Đồng thời, đề nghị chỉnh lý và làm rõ hình thức văn bản của Chính phủ (nếu có) khi thực hiện các nội dung được giao nêu trên tại dự thảo Nghị định cho phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); theo đó, việc ban hành Quyết định không phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ.

b) Điều 3 dự thảo Nghị định là điều khoản chuyển tiếp, tuy nhiên, nội dung quy định tại Điều 3 có nội dung quy định hiệu lực trở về trước, không chứa nội dung quy định về chuyển tiếp. Theo Điều 152 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), *"Chi trong trường hợp thật cần thiết để bảo đảm lợi ích chung của xã hội, thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương mới được quy định hiệu lực trở về trước"*. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đánh giá kỹ tác động về nội dung tại Điều 3 dự thảo Nghị định có tuân thủ điều kiện quy định hiệu lực trở về trước theo quy định tại Điều 152 nêu trên hay không?; đồng thời, giải trình cụ thể trong Tờ trình Chính phủ, đảm bảo không tạo khoảng trống pháp luật và có đầy đủ cơ chế pháp lý điều chỉnh xung đột pháp luật về cùng một vấn đề được ban hành tại các thời điểm khác nhau.

IV. Về tính tương thích của dự thảo Nghị định với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Liên quan đến tính tương thích của dự thảo Nghị định với cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, dự thảo Nghị định có liên quan đến cam kết quốc tế của Việt Nam về dịch vụ ngân hàng, ví dụ: Mục 7B Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác của Biểu cam kết dịch vụ WTO; Phụ lục III về Bảo lưu của Việt Nam đối với Chương 11 (Dịch vụ tài chính) của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Tiểu mục 6 về Các dịch vụ tài chính của Chương 8 (về tự do hóa đầu tư, thương mại dịch vụ và thương mại điện tử) của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA)... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ nội dung của dự thảo Nghị định để đảm bảo các nội dung của dự thảo Nghị định phù hợp với cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; đồng thời, bổ sung rõ việc đánh giá về tính tương thích này tại Tờ trình Chính phủ.

V. Về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định

1. Về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định không quy định thủ tục hành chính. Tuy nhiên, trong trường hợp chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định, nếu có phát sinh thủ tục hành chính, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung đánh giá tác động của thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ quy định về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ), Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tại Tờ trình Chính phủ. Việc quy định các thủ tục hành chính cần đảm bảo sự cần thiết, đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan, đảm bảo minh bạch, rõ ràng, đơn giản, thuận tiện, hạn chế phát sinh chi phí, tiết giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

2. Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định

Các nội dung của dự thảo Nghị định không có sự phân biệt về giới. Tuy nhiên, Tờ trình số 398/TTr-BTC ngày 26/12/2024 chưa có đánh giá tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích cũng như nghĩa vụ của mỗi giới. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung đánh giá về vấn đề này trong Tờ trình Chính phủ.

VI. Về điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành Nghị định

Nội dung dự thảo Nghị định có quy định các nội dung sẽ phát sinh chi phí, nhân lực liên quan đến việc thực hiện chức năng của cơ quan quản lý nhà nước về cấp bù chênh lệch lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý, xử lý rủi ro tín dụng... Tuy nhiên, Tờ trình Chính phủ chưa có đánh giá kỹ về điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để đảm bảo thi hành Nghị định. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, luận giải, lượng hóa cụ thể tác động một số quy định tại dự thảo Nghị định tới nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực, nhất là việc sử dụng các nguồn lực tài chính của Nhà nước để đảm bảo tính khả thi của dự thảo Nghị định và phù hợp với Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 – 2025, theo đó: *“Không ban hành các chính sách, chế độ, các chương trình, đề án mới khi không cân đối được nguồn”*.

VII. Một số vấn đề khác liên quan đến dự thảo Nghị định

1. Về bảo đảm an toàn vốn, khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 9 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP) quy định: “*Thực hiện các quy định về giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng Phát triển theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*”. Hiện nay, các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang được điều chỉnh bởi Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 08/2020/TT-NHNN ngày 14/8/2020, Thông tư số 26/2022/TT-NHNN ngày 31/12/2022, Thông tư số 09/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024).

Tuy nhiên, Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 08/2020/TT-NHNN ngày 14/8/2020, Thông tư số 26/2022/TT-NHNN ngày 31/12/2022, Thông tư số 09/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024) không áp dụng đối với ngân hàng chính sách. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định rõ các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện theo quy định pháp luật nào? Hoặc sau khi Nghị định có hiệu lực thi hành, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ sửa đổi, bổ sung Thông tư số 22/2019/TT-NHNN cho đồng bộ, thống nhất hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ ban hành văn bản hướng dẫn riêng cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam?

2. Về các quỹ dự phòng rủi ro tín dụng (khoản 11 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP).

2.1. Đề nghị hoàn thiện, điền đầy đủ thông tin thời gian quy định số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 dự thảo Nghị định, đảm bảo có đầy đủ căn cứ cho cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, tránh tạo khoảng trống pháp luật.

2.2. Khoản 11 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của các hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu trước ngày 22/12/2023 và nợ vay bắt buộc bảo lãnh được hình thành từ các nguồn, trong đó bao gồm: “*Số tiền thu hồi được từ nợ gốc của các khoản nợ vay quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này đã chuyển theo dõi ngoại bảng (bao gồm cả số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm và số tiền thu hồi được từ nợ gốc các khoản nợ thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 16 đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng)*”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/7/2024 của Chính phủ quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ

lãi phải thu phải thoái: *"Số tiền thu hồi được từ nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, kể cả số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, được coi là thu nhập khác trong kỳ kế toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài"*. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ cơ sở đề xuất cơ chế xử lý đối với số tiền thu hồi được từ nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

3. Khoản 15 Điều 1 dự thảo Nghị định bổ sung Chương IVa về trình tự thực hiện lập, chấp hành, quyết toán vốn từ ngân sách nhà nước cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam (bao gồm Điều 21a, 21b, 21c), trong đó, Điều 21b quy định về quản lý, thanh toán vốn ngân sách nhà nước cho Ngân hàng Phát triển. Tuy nhiên, Điều 21b chưa quy định đầy đủ về cơ quan tài chính các cấp, cơ quan kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công (Kho bạc Nhà nước) thực hiện công tác quản lý tài chính đầu tư công trong việc chấp hành chính sách về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công (tương tự như quy định tại Điều 6 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung cho đầy đủ, phù hợp.

4. Về một số cơ chế trong giai đoạn cơ cấu lại (khoản 30 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP).

4.1. Điểm a khoản 2 Điều 40 quy định: *"Tiền lương của người lao động được xác định trên cơ sở tiền lương bình quân thực hiện năm 2018 và điều chỉnh theo mức tăng chỉ số giá tiêu dùng hằng năm so với năm 2018"*. Về vấn đề này, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã có ý kiến bằng văn bản, đồng thời có ý kiến tại cuộc họp Hội đồng thẩm định ngày 02/01/2025 về việc điều chỉnh nội dung theo hướng xác định tiền lương của người lao động trên cơ sở tiền lương bình quân thực hiện năm 2023 sau khi điều chỉnh theo mức tăng chỉ số giá tiêu dùng hằng năm so với năm 2023 nhằm tiếp tục kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, đồng thời có sửa đổi, cập nhật theo mức tiền lương bình quân năm 2023. Tại Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành (kèm theo Hồ sơ dự thảo Nghị định), cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội (trang 22), tuy nhiên, chưa chỉnh lý, hoàn thiện tại dự thảo Nghị định. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp với Lao động – Thương binh và Xã hội nghiên cứu, rà soát và hoàn thiện nội dung này, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả của quy định, góp phần giữ ổn định thu nhập cho người lao động, người quản lý, Ban kiểm soát NHPT và cân đối nguồn lực.

4.2. Khoản 4 Điều 40 quy định việc hưởng các chế độ theo chính sách đối với người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại NHPT trước ngày 31/7/2019 thuộc đối tượng lao động dôi dư, lao động có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi

khi NHPT thực hiện cơ cấu lại, trong đó viện dẫn đến quy định tại Nghị định số 97/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 về chính sách đối với người lao động dôi dư khi chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thêm thông tin làm rõ các chỉ đạo, nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt liên quan đến tổ chức, hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, đảm bảo có đầy đủ cơ sở, thông tin để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Bên cạnh đó, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đang chủ trì dự thảo Nghị định của Chính phủ quản lý lao động tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội rà soát 02 dự thảo Nghị định nêu trên, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

5. Về quy định chuyển tiếp, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện Điều 3 dự thảo Nghị định để đảm bảo quy định đầy đủ, toàn diện các trường hợp cần chuyển tiếp (trong đó lưu ý kỹ thuật thiết kế quy định chuyển tiếp phải nhằm xử lý các mối quan hệ pháp luật đang tồn tại trước khi Nghị định được ban hành, đối với các nội dung không mang tính chất của quy định chuyển tiếp (như nội dung quy định hiệu lực trở về trước như đã đề cập tại điểm b mục III.2.5 Báo cáo thẩm định này) thì không quy định tại điều khoản này); đảm bảo sự ổn định, tính hệ thống trong văn bản pháp luật, tránh tạo khoảng trống pháp lý hoặc thiếu cơ chế pháp lý xử lý xung đột pháp luật trong trường hợp khác nhau giữa các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh về cùng một vấn đề; đảm bảo giải quyết đầy đủ các vướng mắc, bất cập trên thực tiễn.

6. Nhiều nội dung dự thảo Nghị định mang tính kỹ thuật, chuyên ngành, có nhiều số liệu kỹ thuật liên quan đến các cơ quan, tổ chức (Ví dụ: xác định các loại thu nhập, chi phí, tỷ lệ trích lập, tỷ lệ cấp bù lãi suất và phí quản lý, giao tỷ lệ tăng trưởng gắn với cấp bổ sung vốn điều lệ...). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh, giải trình rõ cơ sở của việc đưa ra các quy định về những vấn đề nêu trên để cơ quan có thẩm quyền có đầy đủ thông tin, cơ sở xem xét, quyết định, đảm bảo phù hợp với thực tiễn và yêu cầu quản lý, khả thi và hiệu quả trong hoạt động quản lý của NHPT. (ví dụ: Về các Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị định: đề nghị rà soát các chỉ tiêu, tiêu chí để đảm bảo chính xác, hợp lý; công thức tính toán, tỷ lệ, cách xác định doanh thu, chi phí...).

VIII. Về trình tự, thủ tục và ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày văn bản

1. Về hồ sơ, trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

1.1. Tại Văn bản số 5058/VPCP-KTTH ngày 17/7/2024 của Văn phòng Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ đã đồng ý với đề nghị của Bộ Tài chính tại Văn bản số 6729/BTC-TCNH ngày 28/6/2024 về việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn để xây dựng, ban hành các Nghị định về ngân hàng chính sách, trong đó, bao gồm

Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP. Thành phần hồ sơ dự thảo Nghị định gửi Bộ Tư pháp thẩm định đã đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Tuy nhiên, để tiếp tục hoàn thiện các tài liệu trong hồ sơ dự thảo Nghị định trước khi trình Chính phủ ban hành, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ tại Tờ trình Chính phủ một số nội dung sau: (i) rà soát đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định; (ii) rà soát các quy định tại dự thảo Nghị định đảm bảo tính rõ ràng, cụ thể, phù hợp với phạm vi quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan như (Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đất đai, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự...); (iii) rà soát các nội dung tại dự thảo Nghị định với quy định của pháp luật có liên quan để quy định cho thống nhất, tránh mâu thuẫn, chồng chéo khi triển khai thực hiện; (iv) làm rõ tính tương thích của dự thảo Nghị định với các điều ước quốc tế, cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; (v) đánh giá kỹ hơn về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm cho việc thi hành Nghị định.

1.2. Dự thảo Nghị định có liên quan đến hình thức pháp lý, chế độ tiền lương cũng như tổ chức và hoạt động của NHPT, chức năng, nhiệm vụ và quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và cơ quan liên quan tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị định để trình Chính phủ.

2. Về kỹ thuật soạn thảo văn bản

2.1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024). Ví dụ:

- Đề nghị chỉnh lý tên khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định thành “Sửa đổi, bổ sung Điều 6” do nội dung tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung toàn bộ Điều 6. Trường hợp chỉ sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 6 như tên khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định thì cơ quan chủ trì soạn thảo chỉ quy định những điều khoản cần phải sửa đổi, bổ sung, đảm bảo phù hợp với quy định và kỹ thuật hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật sau này.

- Đề nghị chỉnh lý và hoàn thiện Điều 2 dự thảo Nghị định về bãi bỏ, thay thế một số điều, khoản, điểm, cụm từ, từ tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, đảm

bảo phù hợp với Điều 72 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP).

2.2. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bám sát phạm vi nội dung được giao tại Luật và phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị định và hoàn thiện dự thảo Tờ trình theo Mẫu số 03 Phụ III Nghị định số 59/2024/NĐ-CP.

2.3. Hiện nay, Đảng và Nhà nước đã và đang tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả⁶; trong đó định hướng cơ cấu, sắp xếp, hợp nhất, thay đổi tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan, đơn vị. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ để hoàn thiện các quy định về trách nhiệm của bộ, ngành tại dự thảo Nghị định cho phù hợp, khả thi (Ví dụ: trách nhiệm của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bảo hiểm xã hội Việt Nam...).

IX. Kết luận

Trên cơ sở hồ sơ dự thảo Nghị định gửi Bộ Tư pháp thẩm định và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, dự thảo Nghị định đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý, hoàn thiện một số vấn đề như đã phân tích tại Báo cáo này nhằm: (i) làm rõ hơn phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định; đặc biệt trong mối quan hệ với Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng; (ii) đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất trong hệ thống pháp luật; phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp... ; (iii) đảm bảo tính khả thi và hiệu quả đối với các đề xuất về cơ chế, chính sách tài chính của NHPT nói chung và cơ chế, chính sách về quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với người quản lý, Ban kiểm soát và người lao động nói riêng; góp phần thực hiện thành công, hiệu quả phương án cơ cấu lại NHPT theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Đồng thời, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và cơ quan liên quan nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị định (và hồ sơ kèm theo) theo đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7, khoản 6 Điều 92 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

⁶ Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW đã ban hành Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 Định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ.

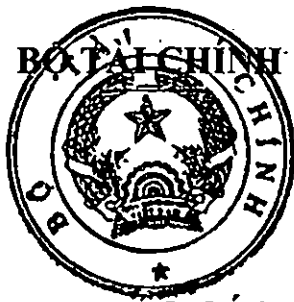
Trên đây là Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam, xin gửi Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ VDCXDPL (để theo dõi);
- Lưu: VT, PLDSKT (PLKTN, Trang).



Trần Tiến Dũng



Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2025

BAO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ, ngành liên quan, Bộ Tài chính có công văn số 14344/BTC-TCNH ngày 26/12/2024 gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định) theo quy định của pháp luật. Ngày 14/01/2025, Bộ Tài chính nhận được Báo cáo số 08/BCTĐ-BTP ngày 07/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị định.

Bộ Tư pháp thống nhất với Bộ Tài chính về việc xây dựng, trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP là cần thiết, phù hợp với chủ trương đã phê duyệt của Bộ Chính trị, nhiệm vụ được giao tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP¹, Quyết định số 257/QĐ-TTg²; dự thảo Nghị định đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý, hoàn thiện một số vấn đề nêu tại Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp. Bộ Tài chính xin tổng hợp, báo cáo Chính phủ như sau:

1. Về tên gọi, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Về tên gọi, phạm vi điều chỉnh

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp:

a) Dự thảo Nghị định không có nội dung sửa đổi tên gọi và phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP. Tại Tờ trình số 30/TTr-BTC ngày 21/02/2024 của Bộ Tài chính, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất 03 chính sách, bao gồm: Chính sách 1: Trích lập dự phòng rủi ro của NHPT; Chính sách 2: Cấp bù lãi suất và phí quản lý cho NHPT; Chính sách 3: Cơ chế tiền lương đối với NHPT trong giai đoạn cơ cấu lại. Tuy nhiên, mục V.2 (trang 4 đến trang 14) dự thảo Tờ trình đề xuất sửa đổi, bổ sung 18 nội dung cơ bản của dự thảo Nghị

¹ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2024

² Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 29/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

định³. Theo ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp tại Công văn số 7363/BTP-PLDSKT ngày 23/12/2024 cũng như ý kiến tại Báo cáo thẩm định này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung của dự thảo Nghị định thuộc phạm vi chính sách nào, đảm bảo phù hợp với phạm vi chính sách đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Thông báo số 247/TB-VPCP. Trường hợp có nội dung ngoài 03 chính sách đã được Lãnh đạo Chính phủ thông qua, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung đánh giá tác động đối với các vấn đề/ nội dung mới, báo cáo rõ, đầy đủ trong Tờ trình Chính phủ.

Bên cạnh đó, hiện nay, cơ quan chủ trì soạn thảo đang hoàn thiện dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của NHPT; dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg, dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý rủi ro tín dụng của NHPT. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát dự thảo Nghị định với các dự thảo văn bản nêu trên, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong quy định pháp luật về quản lý tổ chức và hoạt động của NHPT.

b) Theo khoản 38 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, tổ chức tín dụng là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân thực hiện một, một số hoặc tất cả hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này. Điều 6 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng, tuy nhiên, không quy định hình thức pháp lý của ngân hàng chính sách (bao gồm Ngân hàng Chính sách xã hội và NHPT).

Điều 19, Điều 20 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định về cơ cấu tổ chức bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cơ cấu Hội đồng quản trị, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Hội đồng quản trị của NHPT. Theo quy định tại Điều 19, Điều 20 và các điều khác có liên quan của Luật Các tổ chức tín dụng cho thấy Ngân hàng này được vận hành và hoạt động theo mô hình doanh nghiệp (theo Luật Doanh nghiệp).

Theo Điều 18 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, vốn điều lệ của ngân hàng chính sách do ngân sách nhà nước (NSNN) cấp và được bổ sung từ NSNN, các nguồn tài chính hợp pháp khác, thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Điều 26 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 giao Chính phủ quy định Cơ chế tài chính, tiền lương, tổ chức lại, giải thể, kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng chính sách và các nội dung khác có liên quan đến ngân hàng chính sách.

³ Về nguyên tắc quản lý tài chính; Về nguồn vốn hoạt động; Về bổ sung vốn điều lệ NHPT; Về sử dụng vốn; Về quản lý tài sản của NHPT; Về xử lý tổn thất về tài sản; Về phân loại nợ; Về trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng; Về cấp bù lãi suất và phí quản lý; Về trình tự thực hiện lập, chấp hành, quyết toán vốn từ NSNN cho NHPT; Về chi phí, định mức chi phí và các khoản chi không được hạch toán vào chi phí hoạt động của NHPT; Về phân phối kết quả tài chính của NHPT; Về phương pháp hạch toán; Về kế hoạch tài chính của NHPT, kiểm toán, chế độ báo cáo; Về tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động; Về một số cơ chế đặc thù trong giai đoạn cơ cấu lại; Nội dung bãi bỏ; Điều khoản chuyển tiếp.

Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014 (Luật số 69/2014/QH13) giao Chính phủ quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, kết quả hoạt động, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên; quy định việc giám sát, kiểm tra hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Điều 40). Tuy nhiên, tại Tờ trình số 398/TTr-BTC ngày 26/12/2024, cơ quan chủ trì soạn thảo cho rằng việc “giữ nguyên hình thức pháp lý của NHPT hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là chưa phù hợp về mục đích thành lập và cơ cấu tổ chức quản lý đã quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024” và “NHPT không phải là doanh nghiệp” (trang 5). Trong khi đó, theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “*Phương án cơ cấu lại, định hướng hoạt động của NHPT giai đoạn 2023 – 2027*” khẳng định mục tiêu NHPT tiếp tục là ngân hàng chính sách của Nhà nước hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Đồng thời, tại Tờ trình số 398/TTr-BTC và Báo cáo số 385/BC-BTC ngày 26/12/2024 về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa rà soát nội dung dự thảo Nghị định với quy định của Luật số 69/2014/QH13.

Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung nội dung đánh giá về phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định để đảm bảo có đầy đủ cơ sở, chặt chẽ, khả thi; trong đó: (i) làm rõ phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định đồng bộ, thống nhất với phạm vi nội dung chính sách đã được Lãnh đạo Chính phủ thông qua trong lập đề nghị xây dựng nghị định; (ii) làm rõ “đánh giá hiệu quả hoạt động” có nội hàm thuộc nội dung nào được Luật giao Chính phủ quy định tại Điều 26; (iii) căn cứ pháp lý để quy định nội dung về đánh giá hiệu quả hoạt động của NHPT trong mối quan hệ của dự thảo Nghị định với Luật số 69/2014/QH13. Trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ trên nguồn gốc vốn điều lệ thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, đề nghị khẳng định rõ quan điểm của mình. Trên cơ sở đó tiếp tục hoàn thiện dự thảo Tờ trình Chính phủ, chỉnh lý Báo cáo đánh giá tác động và dự thảo Nghị định, đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý, bao quát toàn diện các nội dung liên quan đến cơ chế tài chính của NHPT, phù hợp với nội dung thuộc phạm vi thẩm quyền của Chính phủ được Luật giao quy định và các nhóm chính sách đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

Trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định, đối với những nội dung mới phát sinh so với dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thiết kế một mục riêng trong Tờ trình Chính phủ, trong đó, giải trình đầy đủ cơ sở của việc sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới trong dự thảo Nghị định, bảo đảm cơ sở thông tin đầy đủ cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết

định. Tương tự, sau khi lấy ý kiến Thành viên Chính phủ, trường hợp phát sinh, bổ sung nội dung mới so với dự thảo Nghị định lấy ý kiến thành viên Chính phủ, cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình đầy đủ, hợp lý các ý kiến Thành viên Chính phủ trước khi trình Chính phủ.

Ý kiến của Bộ Tài chính

a) Về rà soát phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định

Bộ Tài chính đã tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định theo hướng:

- Tại Tờ trình số 30/TTr-BTC ngày 21/2/2024 về đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ dự kiến sửa đổi 03 nhóm chính sách lớn (Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; Cấp bù lãi suất và phí quản lý; Cơ chế tiền lương đối với NHPT trong giai đoạn cơ cấu lại). Đồng thời, Bộ Tài chính cũng báo cáo việc xây dựng, ban hành Nghị định thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật nên hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định không phải lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan. Do đó, sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề nghị xây dựng Nghị định, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và NHPT để tiếp tục rà soát, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung các nội dung tồn tại, vướng mắc của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo ý kiến của các Bộ, ngành, NHPT; đồng thời Bộ Tài chính cần tiếp tục cập nhật, sửa đổi, bổ sung các nội dung phù hợp với chủ trương, định hướng cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các Luật, Nghị định mới được ban hành, phù hợp với thực tế hoạt động của NHPT, đảm bảo căn cứ pháp lý đầy đủ, đồng bộ, chặt chẽ để NHPT triển khai hoạt động, tránh vướng mắc khi triển khai thực hiện.

- Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã rà soát 18 nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định, trong đó các nội dung sửa đổi, bổ sung thuộc 03 nhóm chính sách lớn nêu trên cụ thể như sau:

+ Nhóm chính sách về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng gồm có: Phân loại nợ; Trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng (*mục V.2.1 dự thảo Tờ trình Chính phủ*);

+ Nhóm chính sách về cấp bù lãi suất và phí quản lý gồm có: Cấp bù lãi suất, phí quản lý và một số cơ chế đặc thù trong giai đoạn cơ cấu lại (*mục V.2.2 dự thảo Tờ trình Chính phủ*);

+ Nhóm chính sách về cơ chế tiền lương trong giai đoạn cơ cấu lại gồm có: Cơ chế tiền lương của người lao động, người quản lý, Ban kiểm soát NHPT; Cơ chế tiền lương tăng thêm, tiền thưởng trong trường hợp kết quả tài chính trong năm đạt thặng dư (*mục V.2.3 dự thảo Tờ trình Chính phủ*).

- Đối với các nội dung khác của dự thảo Nghị định chưa thuộc 03 nhóm chính sách nêu trên (gồm có: nguyên tắc quản lý tài chính; nguồn vốn – sử dụng vốn và tài sản; lập dự toán, chấp hành dự toán, quyết toán vốn NSNN cấp cho NHPT; thu nhập, chi phí và phân phối kết quả tài chính; phương pháp hạch toán kế toán; kế hoạch tài chính, kiểm toán, chế độ báo cáo; đánh giá hiệu quả hoạt động) được rà soát, hoàn thiện trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, cơ quan liên quan và NHPT về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của NHPT mới được ban hành, phù hợp với thực tiễn hoạt động của NHPT. Bộ Tài chính đã báo cáo cụ thể tại mục V.2.4 Tờ trình Chính phủ và đánh giá tác động chính sách theo đúng quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Về hình thức pháp lý của NHPT, Bộ Tài chính xin báo cáo như sau:

- Về quy định tại Luật Các TCTD năm 2024:

+ Điều 6 Luật Các TCTD quy định cụ thể hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã bao gồm: ngân hàng thương mại (NHTM), TCTD phi ngân hàng, TCTD liên doanh, TCTD 100% vốn nước ngoài, ngân hàng hợp tác xã và quỹ tín dụng nhân dân). Theo đó, Luật không quy định hình thức pháp lý của ngân hàng chính sách (NHCS) là doanh nghiệp.

+ Đối với NHCS được thực hiện theo quy định tại Chương II (từ Điều 16 đến Điều 26) Luật Các TCTD, theo đó đã quy định riêng về địa vị pháp lý của NHCS là tổ chức tín dụng do Thủ tướng Chính phủ thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước; Cơ cấu tổ chức quản lý riêng của NHCS bao gồm: (i) Hội đồng quản trị, (ii) Ban kiểm soát, (iii) Tổng giám đốc và cơ cấu quản trị khác theo quy định của Chính phủ.

- Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì: (i) Doanh nghiệp được thành lập nhằm mục đích kinh doanh (*khoản 10 Điều 4*); (ii) Cơ cấu tổ chức quản lý là “*Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát*” chỉ áp dụng cho công ty cổ phần (*Điều 137*), trong khi doanh nghiệp nhà nước dưới hình thức công ty TNHH MTV áp dụng theo một trong hai mô hình “*Chủ tịch công ty, Giám đốc/Tổng giám đốc, Ban kiểm soát*” hoặc “*Hội đồng thành viên, Giám đốc/Tổng giám đốc, Ban kiểm soát*” (*Điều 90*). Do đó, về bản chất, hoạt động của NHCS có tính chất riêng, không phải hoạt động như doanh nghiệp thông thường vì dù Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ nhưng mô hình tổ chức của NHCS là Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, thực hiện các chính sách phát triển kinh tế xã hội do Nhà nước giao.

- Xét về bản chất nguồn vốn: NHPT do Thủ tướng Chính phủ thành lập, NSNN cấp vốn điều lệ, hoạt động theo mô hình NHCS không vì mục tiêu lợi nhuận, được Nhà nước cấp bù lãi suất và phí quản lý đối với các chương trình tín dụng chính sách theo quy định của pháp luật. Nguyên tắc quản trị NHPT được Bộ Tài chính trình Chính phủ tại dự thảo Nghị định về tổ chức, hoạt động của NHPT (dự kiến Chính phủ ký ban hành trong Quý 2/2025) về cơ bản vận dụng mô hình quản trị doanh nghiệp để đảm bảo hiệu quả, minh bạch, đồng thời cũng quy định một số nội dung cụ thể phù hợp với tính chất hoạt động của NHPT. Cơ chế quản lý tài chính của NHPT cũng được xây dựng theo nguyên tắc quản lý vốn của Nhà nước tại NHCS, bám sát quy định về quản lý tài chính áp dụng đối với công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đối với các nội dung gắn với tính chất hoạt động của NHPT thì sẽ được quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định để phù hợp với tình hình thực tế và quy định này là phù hợp với quy định tại Luật Các TCTD năm 2024 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức hoạt động của NHPT (Quyết định số 90/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 được ban hành trước khi Luật Các TCTD năm 2024 có hiệu lực thi hành và là quyết định cá biệt.

Căn cứ báo cáo tình hình nêu trên, Bộ Tài chính đã rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định để đảm bảo thực hiện đúng quy định tại Luật Các TCTD và pháp luật liên quan.

c) Về rà soát nội dung dự thảo Nghị định, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với quy định tại dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của NHPT; dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg, Quyết định số 02/2025/QĐ-TTg ngày 06/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý rủi ro tín dụng của NHPT; Bộ Tài chính xin tiếp thu và đã rà soát các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định liên quan đến hoạt động của NHPT và báo cáo cụ thể từng nội dung tại dự thảo Tờ trình Chính phủ.

d) Về làm rõ nội hàm và căn cứ pháp lý để quy định chính sách “*đánh giá hiệu quả hoạt động của NHPT*” có thuộc phạm vi Điều 26 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 không?

- Điều 26 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 giao Chính phủ quy định cơ chế tài chính, tiền lương, tổ chức lại, giải thể, kiểm tra, thanh tra, giám sát NHCS và các nội dung khác có liên quan đến NHCS. Theo đó, chính sách “*đánh giá hiệu quả hoạt động*” thuộc nhóm nội dung khác có liên quan đến NHCS và được quy định tại dự thảo Nghị định là phù hợp với thẩm quyền giao Chính phủ hướng dẫn tại Điều 26 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 nêu trên.

- Hơn nữa, nội dung đánh giá hiệu quả hoạt động NHPT hiện đang được quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP và Bộ Tài chính nhận thấy cần thiết tiếp tục rà soát, sửa đổi quy định tại dự thảo Nghị định này để làm căn cứ đánh giá, xếp loại kết quả hoạt động của NHPT cũng như đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý, Ban kiểm soát NHPT là phù hợp, đúng quy định.

- Về nội dung đánh giá hiệu quả hoạt động của NHPT, Bộ Tài chính xây dựng theo nguyên tắc về cơ bản vận dụng tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và có điều chỉnh để phù hợp với tính chất hoạt động của ngân hàng chính sách (không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước), phù hợp với hoạt động của NHPT và việc quy định nội dung này cũng phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ theo quy định tại Luật Các TCTD.

đ) Đối với các nội dung mới phát sinh so với dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định: Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và ý kiến của các Bộ, ngành tham gia tại cuộc họp thẩm định, Bộ Tài chính đã rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định và báo cáo cụ thể các nội dung thay đổi tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này.

1.2. Về đối tượng áp dụng

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp:

Dự thảo Nghị định không có nội dung sửa đổi quy định về đối tượng áp dụng. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc bổ sung thêm đối tượng áp dụng là cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo phù hợp với quy định Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024 và các điều khoản sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tại dự thảo Nghị định.

Ý kiến của Bộ Tài chính

Theo quy định hiện hành tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, đối tượng áp dụng của Nghị định bao gồm “các tổ chức và cá nhân có liên quan”, do đó đã bao gồm cơ quan quản lý nhà nước như ý kiến của Bộ Tư pháp. Trong quá trình triển khai xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính không nhận được ý kiến đề xuất sửa đổi nội dung này. Do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho phép giữ nguyên nội dung về đối tượng áp dụng của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

1.3. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp:

a) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về khơi dậy tinh thần và ý chí, quyết tâm phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; dân tộc cường thịnh, trường tồn; phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đặt ra yêu cầu: “*Tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý về hoạt động ngân hàng, hỗ trợ tiến trình cơ cấu lại các*

tổ chức tín dụng và xử lý nợ xấu...; Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân”.

Việc cơ cấu lại NHPT đã được Bộ Chính trị chấp thuận chủ trương, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Phương án cơ cấu lại, định hướng hoạt động của NHPT giai đoạn 2023 – 2027. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để cụ thể hóa tại dự thảo Nghị định, bảo đảm dự thảo Nghị định phù hợp với kết luận của Bộ Chính trị và Phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đồng thời, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, làm rõ tại Tờ trình Chính phủ việc thể chế được đúng và đầy đủ các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước liên quan đến (i) hình thức pháp lý của Ngân hàng; (ii) cơ chế, chính sách về vốn điều lệ, trích lập, các tỷ lệ, phương thức trích lập các Quỹ, chi phí quản lý và hoạt động phù hợp với tính chất hoạt động đặc thù của NHPT gắn với quá trình cơ cấu lại; đáp ứng các yêu cầu khách quan của thực tiễn; đảm bảo sau khi Nghị định được ban hành, góp phần hiệu quả, khả thi cho sự hoạt động ổn định, bền vững, an toàn, lành mạnh và quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn lực tín dụng chính sách của Nhà nước.

b) Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát dự thảo Nghị định để đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; (ii) Thông báo số 108-TB/VPTW ngày 18/11/2024 của Văn phòng Trung ương thông báo kết luận của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp; (iii) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỷ hợp thứ 6 Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật” - Mục 3); (iv) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

Ý kiến của Bộ Tài chính

- Về hình thức pháp lý của NHPT: Bộ Tài chính đã báo cáo cụ thể tại điểm b mục 1.1 nêu trên.

- Về cơ chế, chính sách về vốn điều lệ, trích lập, các tỷ lệ, phương thức trích lập các quỹ, chi phí quản lý và hoạt động phù hợp với tính chất hoạt động đặc thù của NHPT gắn với quá trình cơ cấu lại: Bộ Tài chính đã rà soát báo cáo cụ thể cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của các nội dung nêu trên và các nội dung khác của dự thảo Nghị định tại mục V.2 Tờ trình Chính phủ.

Theo đó, các nội dung nêu trên được xây dựng phù hợp với Kết luận của Bộ Chính trị và phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đồng thời đáp ứng các yêu cầu khách quan của thực tiễn, tạo điều kiện cho NHPT hoạt động ổn định, bền vững, an toàn, nâng cao hiệu quả nguồn lực tín dụng chính sách của Nhà nước.

- Về tuân thủ quy định của Đảng trong xây dựng pháp luật: Tại mục II.2 dự thảo Tờ trình Chính phủ, Bộ Tài chính đã báo cáo rõ về quan điểm xây dựng Nghị định được thực hiện theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁴, đảm bảo công khai, minh bạch, không cài cắm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ. Các ý kiến tham gia của Bộ, ngành, đơn vị liên quan đã được Bộ Tài chính tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ.

2. Về tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị định với hệ thống pháp luật

Nội dung dự thảo Nghị định có liên quan đến các quy định của các luật như: Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Bộ luật Dân sự, Luật Kế toán, Bộ luật Lao động, Luật Đất đai, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...; đồng thời quy định hướng dẫn thi hành Luật Các tổ chức tín dụng. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Tài chính rà soát nội dung dự thảo Nghị định với các luật nêu trên và các văn bản pháp luật khác có liên quan để đảm bảo tính hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật, trong đó cần nhắc thêm một số vấn đề sau:

2.1. Liên quan pháp luật về đầu tư công; quản lý, giám sát, sử dụng vốn nhà nước

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Về bổ sung vốn điều lệ đối với NHPT, khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định (bổ sung khoản 3 Điều 6a) quy định: “*Định kỳ 03 năm một lần, NHPT rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động, lập phương án bổ sung vốn điều lệ từ các quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của NHPT để báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sau khi có ý kiến tham gia của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Kế hoạch và Đầu tư*”. Khoản 6 Điều 5 Luật Đầu tư công năm 2024 quy định: “*...cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ*”, như vậy, việc cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách chỉ áp dụng đối với trường hợp đầu tư công từ NSNN. Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024

⁴ Hồ sơ trình Nghị định được gửi lấy ý kiến của các Bộ, ngành, đơn vị liên quan; đăng tải hồ sơ lấy ý kiến công khai trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính; gửi lấy ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và được Bộ Tư pháp tiến hành thẩm định theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

quy định: “*Thủ tướng Chính phủ và Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với hoạt động của ngân hàng chính sách*” (khoản 3 Điều 16); “*Nhà nước là chủ sở hữu của ngân hàng chính sách. Chính phủ thống nhất quản lý việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu nhà nước đối với ngân hàng chính sách*” (khoản 1 Điều 17); “*Hội đồng quản trị là cơ quan đại diện trực tiếp của chủ sở hữu nhà nước tại ngân hàng chính sách, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu nhà nước theo quy định của Chính phủ*” (khoản 2 Điều 17). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cơ sở quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung vốn điều lệ cho NHPT từ các quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, đảm bảo phù hợp về phạm vi phân cấp, ủy quyền thực hiện “*nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu nhà nước*”, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp có quy định cụ thể việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp (trong đó quy định về phạm vi, thẩm quyền quyết định đầu tư, trình tự, thủ tục đầu tư vốn đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đang hoạt động). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho NHPT có chịu sự điều chỉnh của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp hay không?, đảm bảo quy định tại dự thảo Nghị định thống nhất, đồng bộ với các văn bản pháp luật có liên quan.

Ý kiến của Bộ Tài chính

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp do mình quyết định thành lập. NHPT là ngân hàng chính sách của Nhà nước, do Thủ tướng Chính phủ thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước. Vốn điều lệ của NHPT đến nay do Nhà nước cấp 100% và hoạt động cơ bản trên cơ sở bám sát các quy định áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Do đó, việc quy định Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án bổ sung vốn điều lệ từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ đầu tư phát triển (tương tự như trường hợp áp dụng đối với doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ thành lập, Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) là phù hợp. Ngoài ra, do có tính chất hoạt động khác biệt so với doanh nghiệp nên đối với trình tự, thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho NHPT từ nguồn NSNN và từ các quỹ của NHPT (quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ) Bộ Tài chính đã quy định cụ thể tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định theo đúng quy định tại Luật Các TCTD mà không theo quy trình, thủ tục quy định tại Luật Quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

2.2. Về sự phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

a) Khoản 1 Điều 19 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: “*Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng chính sách bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cơ cấu quản trị khác theo quy định của Chính phủ*”. Như vậy, cơ cấu tổ chức quản lý của NHPT tương đồng với cơ cấu tổ chức quản lý của công ty cổ phần theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Luật số 69/2014/QH13 chỉ quy định việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và giám sát việc đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhà nước bao gồm: (i) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; (ii) Người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Hiện nay, Bộ Tài chính đang chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định quy định tổ chức và hoạt động của NHPT; trong đó, không xác định rõ hình thức pháp lý của NHPT. Đồng thời, tại dự thảo Nghị định này, cơ quan chủ trì soạn thảo đã lược bỏ hình thức pháp lý của NHPT được quy định trong Nghị định số 46/2021/NĐ-CP. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định vẫn có nhiều nội dung quy định NHPT phải tuân thủ, thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Ví dụ: Khoản 7 Điều 1 bổ sung Điều 10a về đầu tư, mua sắm và quản lý tài sản cố định; khoản 17 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 23 về chi phí của NHPT; khoản 19 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 25 về quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng của NHPT; khoản 20 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 26 về kết quả tài chính và phân phối kết quả tài chính; khoản 26 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 32 về tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động; khoản 30 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 40 về một số cơ chế trong giai đoạn cơ cấu lại... Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh, giải trình rõ trong Tờ trình Chính phủ về cơ sở tiếp tục áp dụng quy định pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đối với NHPT trong khi đã xác định việc giữ nguyên hình thức pháp lý của NHPT như Nghị định số 46/2021/NĐ-CP là chưa phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và có nhiều cách hiểu khác nhau về cách thức hoạt động của NHPT (trang 5 Tờ trình số 398/TTr-BTC); đảm bảo tính hiệu quả, khả thi của quy định cũng như trong quản lý tổ chức, hoạt động của NHPT.

b) Điều 26 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: “*Cơ chế tài chính, tiền lương, tổ chức lại, giải thể, kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng chính sách và các nội dung khác có liên quan đến ngân hàng chính sách thực hiện theo quy định tại Chương này và quy định của Chính phủ*”. Đề nghị cơ

quan chủ trì soạn thảo phối hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và bộ, ngành có liên quan rà soát quy định các loại thu nhập, chi phí của NHPT tại dự thảo Nghị định, đảm bảo thể hiện được đầy đủ, chính xác các hoạt động kinh doanh của NHPT, đầy đủ cơ sở pháp lý để NHPT tổ chức thực hiện.

Ý kiến của Bộ Tài chính

a) Về việc vận dụng một số quy định về quản lý tài chính đối với công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đối với NHPT

- Theo quy định tại Chương II Luật Các TCTD năm 2024:

+ Ngân hàng chính sách (bao gồm NHPT) là một loại hình ngân hàng, là tổ chức kinh tế do Thủ tướng Chính phủ thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước; Cơ cấu tổ chức quản lý của NHCS được quy định cụ thể tại Luật Các TCTD bao gồm: (i) Hội đồng quản trị, (ii) Ban kiểm soát, (iii) Tổng giám đốc và cơ cấu quản trị khác theo quy định của Chính phủ (Điều 16 và Điều 19);

+ Cơ chế tài chính, cơ chế tiền lương và các nội dung khác có liên quan đến hoạt động của NHPT thực hiện theo quy định tại Chương này và quy định của Chính phủ (Điều 26).

- Trong khi đó, theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên gọi riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh; Cơ cấu tổ chức quản lý của DNNN dưới hình thức công ty TNHH MTV theo một trong 2 mô hình: (i) Chủ tịch công ty, Giám đốc/Tổng giám đốc, Ban kiểm soát; hoặc (ii) Hội đồng thành viên, Giám đốc/Tổng giám đốc, Ban kiểm soát (Điều 90).

Do đó, căn cứ vào mục tiêu hoạt động và cơ cấu tổ chức quản lý, NHPT không phải là doanh nghiệp và không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật số 69/2014/QH13 mà thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Các TCTD và các văn bản hướng dẫn liên quan. Tuy nhiên, NHPT là một tổ chức kinh tế do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước. Với tính chất vốn Nhà nước tại NHPT nêu trên, mặc dù không phải là doanh nghiệp nhưng tại quan điểm xây dựng Nghị định, Bộ Tài chính đã báo cáo rõ, trình Chính phủ nguyên tắc vận dụng các quy định đối với Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để xây dựng cơ chế tài chính cho NHPT đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, đồng thời có những nội dung cần quy định phù hợp với tính chất hoạt động của NHPT (đã được quy định cụ thể tại Nghị định) để đảm bảo khả thi khi ban hành. Nội dung này, trên cơ sở tiếp thu ý kiến thẩm định Bộ Tài chính đã báo cáo giải trình rõ hơn tại Tờ trình Chính phủ đối với từng nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định.

b) Về rà soát quy định các loại thu nhập, chi phí của NHPT

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và ý kiến tham gia của các Bộ, ngành liên quan và của NHPT tại cuộc họp thẩm định, Bộ Tài chính đã rà soát quy định về thu nhập, chi phí của NHPT tại dự thảo Nghị định, đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý để NHPT tổ chức thực hiện.

2.3. Liên quan Bộ luật Hình sự

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Điều 32 dự thảo Nghị định quy định các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động hằng năm của NHPT và Điều 33 dự thảo Nghị định quy định cụ thể phương thức đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại NHPT (phương thức đánh giá từng tiêu chí và tổng hợp kết quả xếp loại NHPT thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này); trong đó, bao gồm tiêu chí về tình hình chấp hành quy định pháp luật (tiêu chí 4). Tuy nhiên, dự thảo Nghị định không quy định về điều kiện không vi phạm pháp luật hình sự; trong khi đó, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có quy định về tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (Điều 206). Đồng thời, Bộ luật Hình sự quy định pháp nhân thương mại có thể chịu trách nhiệm hình sự trong một số trường hợp nhất định (Điều 76). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung quy định liên quan đến việc tuân thủ pháp luật hình sự trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động của NHPT.

Ý kiến của Bộ Tài chính

Tại điểm b3, khoản 4, mục I Phụ lục IV ban hành kèm theo dự thảo Nghị định quy định NHPT bị xếp loại C khi vi phạm một trong các trường hợp có bao gồm “*Người quản lý NHPT có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thực thi nhiệm vụ của NHPT đến mức bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố truy cứu trách nhiệm hình sự trong năm đánh giá*”. Do đó ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định.

2.4. Liên quan pháp luật về lao động

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Khoản 19 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định: “*NHPT thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động, người quản lý và Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phù hợp với tính chất hoạt động của NHPT, trong đó mức tiền lương tối thiểu trong giai đoạn cơ cấu lại được bảo đảm theo quy định tại Điều 40 Nghị định này*”. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định đã bỏ quy định NHPT “*hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ*”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cơ sở đề xuất “*quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động, người quản lý và Ban*

kiểm soát theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”, trong khi NHPT không còn hoạt động theo mô hình công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (như quy định tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định). Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, cân nhắc kỹ quy định “*phù hợp với tính chất hoạt động của NHPT*”, đảm bảo tính thống nhất, nhất quán trong cách hiểu, áp dụng pháp luật, đảm bảo tính minh bạch, thống nhất của quy định pháp luật.

Ý kiến của Bộ Tài chính

Ngày 28/02/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 44/2025/NĐ-cP quy định về quản lý lao động, tiền lương trong doanh nghiệp nhà nước (có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2025 và áp dụng cho năm tài chính 2025). Trong đó, tại khoản 5 Điều 34 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP quy định NHPT thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định tại Nghị định này phù hợp với tính chất đặc thù của NHPT và giao Bộ LĐTBXH (nay là Bộ Nội vụ) hướng dẫn cụ thể. Do đó, để đảm bảo đồng bộ về cơ chế chính sách, tránh mâu thuẫn chồng chéo, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng bỏ các nội dung quy định về cơ chế tiền lương NHPT tại Điều 25 và khoản 2 Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP. Các nội dung về quản lý lao động, tiền lương của NHPT sẽ thực hiện thống nhất theo quy định tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP và Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

2.5. Liên quan Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

a) Một số nội dung tại dự thảo Nghị định quy định trường hợp khác thực hiện theo quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (Ví dụ: khoản 14 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 20 về các khoản cho vay được hưởng mức phí riêng; khoản 26 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 32 về các khoản nợ xấu cho vay; mục 1 Phụ lục Ib...). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định rõ trường hợp nào giao cho Chính phủ và trường hợp nào giao cho Thủ tướng Chính phủ để cấp có thẩm quyền có đầy đủ căn cứ xem xét, quyết định. Đồng thời, đề nghị chỉnh lý và làm rõ hình thức văn bản của Chính phủ (nếu có) khi thực hiện các nội dung được giao nêu trên tại dự thảo Nghị định cho phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); theo đó, việc ban hành Quyết định không phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ.

b) Điều 3 dự thảo Nghị định là điều khoản chuyển tiếp, tuy nhiên, nội dung quy định tại Điều 3 có nội dung quy định hiệu lực trở về trước, không chứa nội dung quy định về chuyển tiếp. Theo Điều 152 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), “*Chỉ trong trường hợp*

thật cần thiết để bảo đảm lợi ích chung của xã hội, thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương mới được quy định hiệu lực trở về trước". Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đánh giá kỹ tác động về nội dung tại Điều 3 dự thảo Nghị định có tuân thủ điều kiện quy định hiệu lực trở về trước theo quy định tại Điều 152 nêu trên hay không?; đồng thời, giải trình cụ thể trong Tờ trình Chính phủ, đảm bảo không tạo khoảng trống pháp luật và có đầy đủ cơ chế pháp lý điều chỉnh xung đột pháp luật về cùng một vấn đề được ban hành tại các thời điểm khác nhau.

Ý kiến của Bộ Tài chính

a) Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã rà soát dự thảo Nghị định, chỉnh lý các nội dung thực hiện theo *"quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ"* thành *"quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ"* tại khoản 14, khoản 26 Điều 1 và Phụ lục Ib dự thảo Nghị định. Đối với nhiệm vụ cụ thể của Chính phủ hay Thủ tướng Chính phủ sẽ thực hiện thống nhất theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Về phạm vi điều khoản chuyển tiếp và nội dung có hiệu lực trở về trước

- Về phạm vi điều khoản chuyển tiếp: Tiếp thu ý kiến tham gia của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã chuyển nội dung có hiệu lực trở về trước xuống điều khoản thi hành để phù hợp với phạm vi điều khoản chuyển tiếp theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Về nội dung có hiệu lực trở về trước, Bộ Tài chính xin báo cáo như sau:

+ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015⁵ (Điều 152) quy định: *"Chỉ trong trường hợp thật cần thiết để bảo đảm lợi ích chung của xã hội, thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương mới được quy định hiệu lực trở về trước"*.

+ Dự thảo Nghị định quy định việc xử lý trường hợp tổng chi phí cho việc huy động vốn nhỏ hơn tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn của các hoạt động được cấp bù chênh lệch lãi suất và việc xác định tiền lương người quản lý, thành viên Ban kiểm soát NHPT (thuộc cơ cấu phí quản lý do NSNN cấp cho NHPT) trong giai đoạn cơ cấu lại theo quy định tại Nghị định này được áp dụng từ thời điểm Nghị định số 46/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (áp dụng từ năm tài chính 2021). Nội dung này được thiết kế nhằm xử lý trường hợp đã phát sinh

⁵ Ngày 19/02/2025, Quốc hội đã ban hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2025), trong đó quy định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật không phải là luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã được thẩm định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14 (khoản 2 Điều 72). Dự thảo Nghị định đã được Bộ Tư pháp thẩm định, do đó phải tuân thủ theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.

thực tế, bảo đảm quyền và trách nhiệm của NHPT⁶ theo quy định của pháp luật, phù hợp với lợi ích chung của xã hội, đảm bảo NHPT công khai, minh bạch trong thực hiện quy định của pháp luật. Theo đó, nội dung quy định hiệu lực trở về trước tại dự thảo Nghị định phù hợp với quy định tại Điều 152 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 nêu trên, đảm bảo không tạo khoảng trống pháp luật và không phát sinh xung đột pháp luật về cùng một vấn đề, đảm bảo rõ ràng trong triển khai thực hiện.

3. Về tính tương thích của dự thảo Nghị định với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Liên quan đến tính tương thích của dự thảo Nghị định với cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, dự thảo Nghị định có liên quan đến cam kết quốc tế của Việt Nam về dịch vụ ngân hàng, ví dụ: Mục 7B Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác của Biểu cam kết dịch vụ WTO; Phụ lục III về Bảo lưu của Việt Nam đối với Chương 11 (Dịch vụ tài chính) của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Tiểu mục 6 về Các dịch vụ tài chính của Chương 8 (về tự do hóa đầu tư, thương mại dịch vụ và thương mại điện tử) của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA)... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ nội dung của dự thảo Nghị định để đảm bảo các nội dung của dự thảo Nghị định phù hợp với cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; đồng thời, bổ sung rõ việc đánh giá về tính tương thích này tại Tờ trình Chính phủ.

Ý kiến của Bộ Tài chính

Tiếp thu ý kiến tham gia của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã rà soát toàn bộ nội dung dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; đồng thời mục VI Tờ trình Chính phủ đã có đánh giá về nội dung này.

4. Về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

a) Về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định không quy định thủ tục hành chính. Tuy nhiên, trong trường hợp chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định, nếu có phát sinh thủ tục hành chính, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung đánh giá tác động của thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ quy định về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung

⁶ Được quy định tại Luật Các TCTD năm 2024 (tại khoản 1 Điều 23 về việc NHCS được Nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý), Luật Đầu tư công năm 2019 (tại khoản 6 Điều 5 về việc cấp bù lãi suất tín dụng, phí quản lý cho các NHCS thuộc đối tượng đầu tư công) và Nghị định số 46/2021/NĐ-CP (Điều 19).

một số điều tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ), Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tại Tờ trình Chính phủ. Việc quy định các thủ tục hành chính cần đảm bảo sự cần thiết, đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan, đảm bảo minh bạch, rõ ràng, đơn giản, thuận tiện, hạn chế phát sinh chi phí, tiết giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

b) Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định

Các nội dung của dự thảo Nghị định không có sự phân biệt về giới. Tuy nhiên, Tờ trình số 398/TTr-BTC ngày 26/12/2024 chưa có đánh giá tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích cũng như nghĩa vụ của mỗi giới. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung đánh giá về vấn đề này trong Tờ trình Chính phủ.

Ý kiến của Bộ Tài chính

a) Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã rà soát dự thảo Nghị định hoàn thiện sau cuộc họp thẩm định, theo đó không phát sinh thủ tục hành chính cần đánh giá tác động theo quy định của pháp luật tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn.

b) Đối với nội dung liên quan về bình đẳng giới: Tại Mục VI Tờ trình Chính phủ đã có đánh giá về nội dung bình đẳng giới, Bộ Tài chính đã rà soát hoàn thiện dự thảo Tờ trình Chính phủ.

5. Về điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành Nghị định

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Nội dung dự thảo Nghị định có quy định các nội dung sẽ phát sinh chi phí, nhân lực liên quan đến việc thực hiện chức năng của cơ quan quản lý nhà nước về cấp bù chênh lệch lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý, xử lý rủi ro tín dụng... Tuy nhiên, Tờ trình Chính phủ chưa có đánh giá kỹ về điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để đảm bảo thi hành Nghị định. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, luận giải, lượng hóa cụ thể tác động một số quy định tại dự thảo Nghị định tới nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực, nhất là việc sử dụng các nguồn lực tài chính của Nhà nước để đảm bảo tính khả thi của dự thảo Nghị định và phù hợp với Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 – 2025, theo đó: “*Không ban hành các chính sách, chế độ, các chương trình, đề án mới khi không cân đối được nguồn*”.

Ý kiến của Bộ Tài chính

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã hoàn thiện Mục VII dự thảo Tờ trình Chính phủ về dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành Nghị định và Báo cáo đánh giá tác động chính sách.

6. Về một số vấn đề khác liên quan đến dự thảo Nghị định

6.1. Về bảo đảm an toàn vốn

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Về bảo đảm an toàn vốn, khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 9 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP) quy định: “*Thực hiện các quy định về giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của NHPT theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*”. Hiện nay, các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang được điều chỉnh bởi Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 08/2020/TT-NHNN ngày 14/8/2020, Thông tư số 26/2022/TT-NHNN ngày 31/12/2022, Thông tư số 09/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024).

Tuy nhiên, Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 08/2020/TT-NHNN ngày 14/8/2020, Thông tư số 26/2022/TT-NHNN ngày 31/12/2022, Thông tư số 09/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024) không áp dụng đối với ngân hàng chính sách. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định rõ các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của NHPT thực hiện theo quy định pháp luật nào? Hoặc sau khi Nghị định có hiệu lực thi hành, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ sửa đổi, bổ sung Thông tư số 22/2019/TT-NHNN cho đồng bộ, thống nhất hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ ban hành văn bản hướng dẫn riêng cho Ngân hàng Phát triển?

Ý kiến của Bộ Tài chính

NHNN đã ban hành Thông tư số 07/2019/TT-NHNN ngày 03/7/2019 (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2022/TT-NHNN ngày 30/6/2022) hướng dẫn riêng về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của NHPT. Tuy nhiên, tiếp thu một phần ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, trên cơ sở rà soát quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP đã đủ tính bao quát (*thực hiện các biện pháp khác về bảo toán vốn theo quy định của pháp luật*), Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng giữ nguyên quy định này tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

6.2. Về các quỹ dự phòng rủi ro tín dụng

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

a) Đề nghị hoàn thiện, điền đầy đủ thông tin thời gian quy định số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 dự thảo Nghị định, đảm bảo có đầy đủ căn cứ cho cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, tránh tạo khoảng trống pháp luật.

b) Khoản 1 Điều 17 dự thảo Nghị định quy định quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của các hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu trước ngày 22/12/2023 và nợ vay bắt buộc bảo lãnh được hình thành từ các nguồn, trong đó bao gồm: “Số tiền thu hồi được từ nợ gốc của các khoản nợ vay quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này đã chuyển theo dõi ngoại bảng (bao gồm cả số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm và số tiền thu hồi được từ nợ gốc các khoản nợ thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 16 đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng)”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/7/2024 của Chính phủ quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái: “Số tiền thu hồi được từ nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, kể cả số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, được coi là thu nhập khác trong kỳ kế toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ cơ sở đề xuất cơ chế xử lý đối với số tiền thu hồi được từ nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro của NHPT.

Ý kiến của Bộ Tài chính

a) Về thông tin thời gian quy định số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 dự thảo Nghị định là thời điểm có hiệu lực thi hành của Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2021/NĐ-CP. Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, nội dung này sẽ được cập nhật ngay sau khi Chính phủ ký ban hành Nghị định.

b) Về hạch toán số thu hồi từ nợ gốc của các khoản nợ vay tín dụng ký kết lần đầu trước ngày 22/12/2023 và nợ vay bắt buộc bảo lãnh (sau khi đã chuyển theo dõi ngoại bảng) để bổ sung quỹ dự phòng rủi ro tín dụng của các hoạt động cho vay này:

- Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/7/2024 của Chính phủ quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái. Đối tượng áp dụng của Nghị định 86/2024/NĐ-CP là các tổ chức tín dụng không bao gồm ngân hàng chính sách.

- Đối với NHTM: Nguyên tắc trích và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng là trích theo từng khoản cho vay (bao gồm dự phòng chung và dự phòng cụ thể).

Khi rủi ro xảy ra, NHTM sẽ sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng đã trích của từng khoản vay để xử lý. Do dự phòng rủi ro tín dụng của NHTM đã được trích lập đầy đủ trong chi phí của NHTM, nên số tiền thu hồi được từ các khoản nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý được ghi nhận vào doanh thu của NHTM.

- Đối với NHPT: Xuất phát từ tính chất hoạt động là ngân hàng chính sách của Nhà nước, thực hiện nhiệm vụ tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi, được Nhà nước cấp bù để bù đắp chênh lệch lãi suất và cấp phí quản lý để trang trải chi phí hoạt động. Do đó, trước khi triển khai Nghị định số 78/2023/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 22/12/2023), các khoản cho vay tín dụng chính sách cũ chỉ trích lập dự phòng rủi ro chung (0,75% dư nợ/năm), chưa trích lập dự phòng rủi ro cụ thể theo từng khoản vay; theo đó, số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng rất thấp so với số dự phòng rủi ro phải trích lập theo quy định áp dụng đối với NHTM. Vì vậy, để đảm bảo giảm thiểu rủi ro cho NHPT, bổ sung nguồn lực xử lý nợ xấu cho NHPT, số tiền thu hồi được từ các khoản nợ đã sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng phải được bổ sung quỹ dự phòng rủi ro tín dụng để NHPT tiếp tục sử dụng cho các khoản cho vay khác; sau khi quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được trích đủ thì sẽ được hoàn nhập vào thu nhập của NHPT như đối với NHTM là phù hợp.

6.3. Về trình tự thực hiện lập, chấp hành, quyết toán vốn từ NSNN cho NHPT

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Khoản 15 Điều 1 dự thảo Nghị định bổ sung Chương IVa về trình tự thực hiện lập, chấp hành, quyết toán vốn từ NSNN cho NHPT (bao gồm Điều 21a, 21b, 21c), trong đó, Điều 21b quy định về quản lý, thanh toán vốn NSNN cho NHPT. Tuy nhiên, Điều 21b chưa quy định đầy đủ về cơ quan tài chính các cấp, cơ quan kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công (Kho bạc Nhà nước) thực hiện công tác quản lý tài chính đầu tư công trong việc chấp hành chính sách về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công (tương tự như quy định tại Điều 6 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung cho đầy đủ, phù hợp.

Ý kiến của Bộ Tài chính:

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 159/2024/QH15 ngày 13/11/2024 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2025⁷, Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV⁸ và chỉ đạo của Lãnh đạo các cấp, hiện nay Bộ Tài chính đang chủ trì xây dựng dự thảo sửa đổi tổng thể, toàn diện Luật Ngân sách nhà nước 2015 để sớm trình Quốc hội dự kiến thông qua tại kỳ

⁷ Giao Chính phủ “*chỉ đạo cơ quan chuyên môn sớm xây dựng phương án sửa đổi Luật NSNN, gắn với việc sửa đổi cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi một cách tổng thể, thận trọng, có đánh giá tác động đầy đủ nhằm bảo đảm vai trò chủ đạo của NSTW trình Quốc hội xem xét, quyết định*”.

⁸ Giao Chính phủ chỉ đạo bộ, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật NSNN báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ 9.

hợp tháng 5/2025. Theo đó, để đảm bảo đồng bộ về cơ chế chính sách, Bộ Tài chính xin tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, hoàn thiện dự thảo Nghị định, sửa đổi Điều 21 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng thực hiện thống nhất theo quy định tại Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có). Theo đó, các nội dung về cơ quan tài chính, cơ quan kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư, công tác quản lý tài chính đầu tư công trong việc chấp hành chính sách về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công sẽ được thực hiện thống nhất theo quy định của các Luật này.

6.4. Về một số cơ chế trong giai đoạn cơ cấu lại

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

a) Điểm a khoản 2 Điều 40 quy định: “*Tiền lương của người lao động được xác định trên cơ sở tiền lương bình quân thực hiện năm 2018 và điều chỉnh theo mức tăng chỉ số giá tiêu dùng hằng năm so với năm 2018*”. Về vấn đề này, Bộ Lao động – Thương binh và xã hội đã có ý kiến bằng văn bản, đồng thời có ý kiến tại cuộc họp Hội đồng thẩm định ngày 02/01/2025 về việc điều chỉnh nội dung theo hướng xác định tiền lương của người lao động trên cơ sở tiền lương bình quân thực hiện năm 2023 sau khi điều chỉnh theo mức tăng chỉ số giá tiêu dùng hằng năm so với năm 2023 nhằm tiếp tục kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, đồng thời có sửa đổi, cập nhật theo mức tiền lương bình quân năm 2023. Tại Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành (kèm theo Hồ sơ dự thảo Nghị định), cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội (trang 22), tuy nhiên, chưa chỉnh lý, hoàn thiện tại dự thảo Nghị định. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp với Lao động – Thương binh và xã hội nghiên cứu, rà soát và hoàn thiện nội dung này, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả của quy định, góp phần giữ ổn định thu nhập cho người lao động, người quản lý, Ban kiểm soát NHPT và cân đối nguồn lực.

b) Khoản 4 Điều 40 dự thảo Nghị định quy định việc hưởng các chế độ theo chính sách đối với người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại NHPT trước ngày 31/7/2019 thuộc đối tượng lao động dôi dư, lao động có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi khi NHPT thực hiện cơ cấu lại, trong đó viện dẫn đến quy định tại Nghị định số 97/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 về chính sách đối với người lao động dôi dư khi chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thêm thông tin làm rõ các chỉ đạo, nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt liên quan đến tổ chức, hoạt động của NHPT, đảm bảo có đầy đủ cơ sở, thông tin để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Bên cạnh đó, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đang chủ trì dự thảo Nghị định của Chính phủ quản lý lao động tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội rà soát 02 dự thảo Nghị định nêu trên, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Ý kiến của Bộ Tài chính

- Về tiền lương của người lao động NHPT trong giai đoạn cơ cấu lại: Như đã giải trình tại mục 2.4 nêu trên, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng các nội dung về cơ chế tiền lương (bao gồm cả cơ chế tiền lương trong giai đoạn cơ cấu lại) của NHPT thực hiện thống nhất theo quy định tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Về chính sách cho lao động dôi dư, lao động có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi của NHPT: Qua rà soát quy định tại Nghị định số 97/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, nội dung về chính sách cho lao động dôi dư, lao động có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi của NHPT đã được quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 97/2022/NĐ-CP. Do đó, Bộ Tài chính đã hoàn thiện theo hướng bỏ quy định tại Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP để thực hiện thống nhất theo quy định tại Nghị định số 97/2022/NĐ-CP nêu trên.

6.5. Về quy định chuyển tiếp

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Về quy định chuyển tiếp, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện Điều 3 dự thảo Nghị định để đảm bảo quy định đầy đủ, toàn diện các trường hợp cần chuyển tiếp (trong đó lưu ý kỹ thuật thiết kế quy định chuyển tiếp phải nhằm xử lý các mối quan hệ pháp luật đang tồn tại trước khi Nghị định được ban hành, đối với các nội dung không mang tính chất của quy định chuyển tiếp (như nội dung quy định hiệu lực trở về trước như đã đề cập tại điểm b mục III.2.5 Báo cáo thẩm định này) thì không quy định tại điều khoản này); đảm bảo sự ổn định, tính hệ thống trong văn bản pháp luật, tránh tạo khoảng trống pháp lý hoặc thiếu cơ chế pháp lý xử lý xung đột pháp luật trong trường hợp khác nhau giữa các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh về cùng một vấn đề; đảm bảo giải quyết đầy đủ các vướng mắc, bất cập trên thực tiễn.

Ý kiến của Bộ Tài chính

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã rà soát, hoàn thiện quy định chuyển tiếp tại dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

6.6. Về một số nội dung khác

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Nhiều nội dung dự thảo Nghị định mang tính kỹ thuật, chuyên ngành, có nhiều số liệu kỹ thuật liên quan đến các cơ quan, tổ chức (Ví dụ: xác định các loại thu nhập, chi phí, tỷ lệ trích lập, tỷ lệ cấp bù lãi suất và phí quản lý, giao tỷ lệ tăng trưởng gắn với cấp bổ sung vốn điều lệ...). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh, giải trình rõ cơ sở của việc đưa ra các quy định về những

vấn đề nêu trên để cơ quan có thẩm quyền có đầy đủ thông tin, cơ sở xem xét, quyết định, đảm bảo phù hợp với thực tiễn và yêu cầu quản lý, khả thi và hiệu quả trong hoạt động quản lý của NHPT. (ví dụ: Về các Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị định: đề nghị rà soát các chỉ tiêu, tiêu chí để đảm bảo chính xác, hợp lý; công thức tính toán, tỷ lệ, cách xác định doanh thu, chi phí...).

Ý kiến của Bộ Tài chính

Về cơ bản, các nội dung tại dự thảo Nghị định kế thừa các nội dung còn phù hợp tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn (đặc biệt là một số nội dung mang tính chất kỹ thuật như ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp). Một số nội dung mới đã được Bộ Tài chính báo cáo tại Tờ trình Chính phủ và Báo cáo đánh giá tác động.

7. Về trình tự, thủ tục và ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày văn bản

7.1. Về hồ sơ, trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp:

a) Tại Văn bản số 5058/VPCP-KTTH ngày 17/7/2024 của Văn phòng Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ đã đồng ý với đề nghị của Bộ Tài chính tại Văn bản số 6729/BTC-TCNH ngày 28/6/2024 về việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn để xây dựng, ban hành các Nghị định về ngân hàng chính sách, trong đó, bao gồm Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP. Thành phần hồ sơ dự thảo Nghị định gửi Bộ Tư pháp thẩm định đã đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Tuy nhiên, để tiếp tục hoàn thiện các tài liệu trong hồ sơ dự thảo Nghị định trước khi trình Chính phủ ban hành, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ tại Tờ trình Chính phủ một số nội dung sau: (i) rà soát đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định; (ii) rà soát các quy định tại dự thảo Nghị định đảm bảo tính rõ ràng, cụ thể, phù hợp với phạm vi quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan như (Luật Đầu tư công, Luật NSNN, Luật Đất đai, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự...); (iii) rà soát các nội dung tại dự thảo Nghị định với quy định của pháp luật có liên quan để quy định cho thống nhất, tránh mâu thuẫn, chồng chéo khi triển khai thực hiện; (iv) làm rõ tính tương thích của dự thảo Nghị định với các điều ước quốc tế, cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; (v) đánh giá kỹ hơn về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm cho việc thi hành Nghị định.

b) Dự thảo Nghị định có liên quan đến hình thức pháp lý, chế độ tiền lương cũng như tổ chức và hoạt động của NHPT, chức năng, nhiệm vụ và quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và cơ quan liên quan tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị định để trình Chính phủ.

Ý kiến của Bộ Tài chính:

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

7.2. Về kỹ thuật soạn thảo văn bản

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp:

a) Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024). Ví dụ:

- Đề nghị chỉnh lý tên khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định thành “Sửa đổi, bổ sung Điều 6” do nội dung tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung toàn bộ Điều 6. Trường hợp chỉ sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 6 như tên khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định thì cơ quan chủ trì soạn thảo chỉ quy định những điều khoản cần phải sửa đổi, bổ sung, đảm bảo phù hợp với quy định và kỹ thuật hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật sau này.

- Đề nghị chỉnh lý và hoàn thiện Điều 2 dự thảo Nghị định về bãi bỏ, thay thế một số điều, khoản, điểm, cụm từ, từ tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, đảm bảo phù hợp với Điều 72 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP).

b) Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bám sát phạm vi nội dung được giao tại Luật và phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị định và hoàn thiện dự thảo Tờ trình theo Mẫu số 03 Phụ III Nghị định số 59/2024/NĐ-CP.

c) Hiện nay, Đảng và Nhà nước đã và đang tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả⁹; trong đó định hướng cơ cấu, sắp xếp, hợp nhất, thay đổi tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan, đơn vị. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ để hoàn thiện các quy định về trách nhiệm của bộ, ngành tại dự thảo Nghị định cho phù hợp, khả thi (Ví dụ: trách nhiệm của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam...).

⁹ Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW đã ban hành Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 Định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ.

Ý kiến của Bộ Tài chính

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã rà soát, chỉnh lý về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn liên quan; đồng thời rà soát sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành liên quan sau khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo chủ trương của Đảng, Nhà nước.

PHỤ LỤC

SO SÁNH DỰ THẢO GỬI BỘ TƯ PHÁP THẨM ĐỊNH VÀ DỰ THẢO HOÀN THIỆN SAU KHI BỘ TƯ PHÁP THẨM ĐỊNH

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
Về căn cứ ban hành Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024; Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 9 năm 2019; Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;	Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 2 năm 2025; Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; <u>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;</u> Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024; <u>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2014/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;</u> Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;	- Cập nhật theo các Luật mới được ban hành. - Bỏ căn cứ Luật doanh nghiệp để phù hợp với hình thức pháp lý của NHPT (là ngân hàng chính sách hoạt động theo Luật Các TCTD, không phải là doanh nghiệp).
Điều 3. Giải thích từ ngữ Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 như sau: “3. “Các khoản nợ vay khác” là các khoản NHPT cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ do NHPT chịu rủi ro tín dụng và các khoản cho vay khác của NHPT theo lãi suất thỏa thuận, NSNN không cấp bù lãi suất và phí quản lý (không bao gồm các khoản nợ vay của Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư ký lần đầu kể từ ngày 22 tháng 12 năm	Đã bỏ nội dung này.	Qua rà soát, Bộ Tài chính đánh giá không cần thiết sửa đổi khoản 3 Điều 3 do các khoản tín dụng đầu tư mới đã thuộc phạm vi điều chỉnh của khoản 1 Điều 3 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
2023).”		
Điều 4. Nguyên tắc quản lý tài chính		
<p>Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 4 như sau:</p> <p>1. NHPT là ngân hàng chính sách do Thủ tướng Chính phủ thành lập, có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. NHPT là đơn vị hạch toán tập trung toàn hệ thống; tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước pháp luật; tiến tới tự bù đắp chi phí và rủi ro trong hoạt động.</p> <p>2. NHPT hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước; được Nhà nước cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất và phí quản lý và các nguồn vốn khác để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; được miễn nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định của pháp luật; được Nhà nước đảm bảo khả năng thanh toán; không phải thực hiện dự trữ bắt buộc và không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi.</p>	<p>Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 4 như sau:</p> <p>1. NHPT là ngân hàng chính sách do Thủ tướng Chính phủ thành lập, có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. NHPT là đơn vị hạch toán tập trung toàn hệ thống <u>theo quy định của pháp luật</u>; tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước pháp luật; tiến tới tự bù đắp chi phí và rủi ro trong hoạt động <u>theo quy định của pháp luật</u>.</p> <p>2. NHPT hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước; được Nhà nước cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất và phí quản lý và các nguồn vốn khác để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; được miễn nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định của pháp luật; được Nhà nước đảm bảo khả năng thanh toán; không phải thực hiện dự trữ bắt buộc và không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi.</p>	Giữ nguyên
Điều 6. Vốn hoạt động của NHPT		
<p>Tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi Điều 6 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như sau:</p> <p>“Điều 6. Vốn hoạt động của NHPT</p> <p>1. Vốn chủ sở hữu:</p> <p>a) Vốn điều lệ của NHPT do NSNN cấp và được bổ sung trong quá trình hoạt động từ NSNN và các nguồn tài chính hợp pháp khác. Việc bổ sung vốn</p>	<p>Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi Điều 6 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như sau:</p> <p><i>a) Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 1 như sau:</i></p> <p>“ a) Vốn điều lệ của NHPT do NSNN cấp và được bổ sung trong quá trình hoạt động từ NSNN và các nguồn tài chính hợp pháp khác. Việc bổ sung vốn</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp về kỹ thuật soạn thảo văn bản (chỉ quy định những điều khoản cần sửa đổi, bổ sung, đảm bảo phù hợp với quy định và kỹ thuật hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật), Bộ Tài chính rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định.</p> <p>- Bỏ quy định NHPT huy động vốn qua phát</p>

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
<p>điều lệ của NHPT trong quá trình hoạt động thực hiện theo quy định tại Điều 6a Nghị định này;</p> <p>b) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản do NSNN cấp hoặc vốn thực hiện các chương trình, dự án được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao do NSNN cấp;</p> <p>c) Các quỹ: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính;</p> <p>d) Chênh lệch do đánh giá lại tài sản;</p> <p>đ) Chênh lệch thu chi chưa phân phối;</p> <p>e) Vốn tài trợ không hoàn lại của các tổ chức trong nước và nước ngoài để thực hiện các chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định về tổ chức và hoạt động của NHPT;</p> <p>g) Vốn khác thuộc sở hữu của NHPT.</p> <p>2. Vốn huy động theo quy định của pháp luật, gồm:</p> <p>a) Phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;</p> <p>b) Phát hành trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá khác bằng đồng Việt Nam của NHPT;</p> <p>c) Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước và nước ngoài;</p> <p>d) Vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;</p> <p>đ) Huy động của các tổ chức khác trong và ngoài nước;</p> <p>e) Nhận tiền gửi ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;</p> <p>g) Huy động các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các khoản vốn khác gồm:</p> <p>a) NSNN cấp bù lãi suất để thực hiện các hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư phát sinh trước thời điểm Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành;</p> <p>b) Vốn vay nước ngoài của Chính phủ được Bộ Tài</p>	<p>điều lệ của NHPT trong quá trình hoạt động thực hiện theo quy định tại Điều 6a Nghị định này;</p> <p>b) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản do NSNN cấp (nếu có);</p> <p>d) Chênh lệch do đánh giá lại tài sản;</p> <p>đ) Kết quả tài chính chưa phân phối;”</p> <p><i>b) Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 2 như sau:</i></p> <p>“b) Phát hành trái phiếu, giấy tờ có giá khác bằng đồng Việt Nam và huy động tiền gửi của các tổ chức trong và ngoài nước. Lãi suất huy động của nguồn vốn này không được vượt quá mức lãi suất huy động tiền gửi cao nhất cùng kỳ hạn, cùng thời điểm của bốn ngân hàng gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam. Trường hợp lãi suất công bố trên website của bốn ngân hàng trên không có kỳ hạn trùng với kỳ hạn huy động của NHPT thì đối chiếu theo mức lãi suất huy động của kỳ hạn gần hơn gần nhất.</p> <p>c) Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước và nước ngoài;”</p> <p><i>c) Sửa đổi điểm d khoản 3 như sau:</i></p> <p>“d) Các nguồn vốn nhận tài trợ và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.”</p>	<p>hành “<u>chứng chỉ tiền gửi</u>” để đồng bộ với quy định tại Luật Các TCTD và dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của NHPT (dự kiến Chính phủ ký ban hành trong Quý 2/2025)</p>

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
<p>chính ủy quyền cho vay lại;</p> <p>c) Vốn nhận ủy thác của Bộ Tài chính, chính quyền địa phương, các quỹ tài chính địa phương, các tổ chức trong nước và nước ngoài (bên ủy thác) để thực hiện theo văn bản yêu cầu của bên ủy thác;</p> <p>đ) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Trường hợp NHPT huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá khác (không bao gồm việc phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh); nhận tiền gửi của các tổ chức trong và ngoài nước: Lãi suất huy động không được vượt quá mức lãi suất huy động tiền gửi cao nhất cùng kỳ hạn, cùng thời điểm của bốn ngân hàng gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam. Trường hợp lãi suất công bố trên website của bốn ngân hàng trên không có kỳ hạn trùng với kỳ hạn huy động của NHPT thì đối chiếu theo mức lãi suất huy động của kỳ hạn ngắn hơn gần nhất.”</p>		
Điều 6a. Bổ sung vốn điều lệ cho NHPT		
<p>Tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định bổ sung Điều 6a như sau:</p> <p>Điều 6a. Bổ sung vốn điều lệ đối với NHPT</p> <p>1. NHPT được NSNN cấp bổ sung vốn điều lệ hằng năm để đạt tỷ lệ tăng trưởng vốn điều lệ bằng với tỷ lệ tăng trưởng tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thực tế của NHPT trong năm, tối đa không vượt quá tỷ lệ tăng trưởng tín dụng đầu tư phát triển</p>	<p>Tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định bổ sung Điều 6a như sau:</p> <p>Điều 6a. Bổ sung vốn điều lệ cho NHPT</p> <p>1. Bổ sung vốn điều lệ cho Ngân hàng Phát triển từ ngân sách nhà nước: Hằng năm, Ngân hàng Phát triển được ngân sách nhà nước cấp bổ sung vốn điều lệ để đạt tỷ lệ tăng trưởng vốn điều lệ bằng với tỷ lệ tăng trưởng tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước</p>	<p>Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của NHPT tại cuộc họp thẩm định và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (về việc rà soát các quy định đảm bảo phù hợp với thực hiện và yêu cầu quản lý, khả thi và hiệu quả trong hoạt động quản lý của NHPT), Bộ Tài chính trình Chính phủ hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng bổ điều kiện về kết quả xếp loại của năm trước liền kề</p>

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
<p>của Nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <p>a) Không có chênh lệch thu chi âm lũy kế tại thời điểm cuối năm liền kề trước năm xây dựng dự toán bổ sung vốn điều lệ;</p> <p>b) <u>Kết quả xếp loại của năm liền kề trước năm xây dựng dự toán bổ sung vốn điều lệ đạt từ loại B trở lên theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.</u></p> <p>2. Trình tự lập dự toán, chấp hành dự toán, quyết toán cấp bổ sung vốn điều lệ từ NSNN cho NHPT thực hiện theo quy định tại Chương IVa Nghị định này.</p> <p>3. Bổ sung vốn điều lệ từ các quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:</p> <p>a) Định kỳ 03 năm một lần, NHPT rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động, lập phương án bổ sung vốn điều lệ từ các quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của NHPT để báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sau khi có ý kiến tham gia của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>b) Căn cứ phương án và mức bổ sung vốn điều lệ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại điểm a khoản này, báo cáo tài chính hàng năm của NHPT đã được kiểm toán, NHPT thực hiện kết chuyển nguồn quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để tăng vốn điều lệ của NHPT.</p>	<p>được Thủ tướng Chính phủ giao hằng năm khi đáp ứng điều kiện không có chênh lệch thu chi âm lũy kế tại thời điểm cuối năm liền kề trước năm xây dựng dự toán bổ sung vốn điều lệ. Trình tự lập dự toán, chấp hành dự toán, quyết toán cấp bổ sung vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước cho Ngân hàng Phát triển thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.</p> <p>2. Bổ sung vốn điều lệ cho NHPT từ các quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ như sau:</p> <p>a) Định kỳ 03 năm một lần, NHPT rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động, lập phương án bổ sung vốn điều lệ (trong đó nêu rõ mức bổ sung vốn điều lệ) từ các quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của NHPT (nếu có) để báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sau khi có ý kiến tham gia của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>b) Căn cứ phương án bổ sung vốn điều lệ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại điểm a khoản này và báo cáo tài chính hàng năm của NHPT đã được kiểm toán, NHPT thực hiện kết chuyển nguồn quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để tăng vốn điều lệ của NHPT.</p>	<p>đạt từ loại B trở lên. Do đặc thù hoạt động của NHPT là NHCS của Nhà nước, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, trong quá trình hoạt động có thể phát sinh những yếu tố khách quan ảnh hưởng đến xếp loại hoạt động của NHPT. Trong khi đó, việc cấp bổ sung vốn điều lệ cho NHPT là cần thiết để bổ sung nguồn lực cho NHPT thực hiện nhiệm vụ được Nhà nước giao. Việc tạo điều kiện bổ sung vốn điều lệ cho NHPT cũng góp phần giảm tác động lên nợ công (do giảm số dư nguồn vốn huy động từ phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh của NHPT) và giảm số NSNN phải cấp bù lãi suất cho NHPT hằng năm.</p>
Điều 8. Sử dụng vốn		
<p>Tại khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung điểm h, điểm i, điểm n khoản 1 Điều 8 như sau:</p> <p>h) Mua, bán, chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá bao gồm: Trái phiếu Chính phủ; trái phiếu Chính phủ</p>	<p>Tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung điểm h, điểm i, điểm m khoản 1 Điều 8 như sau:</p> <p>h) Mua, bán, chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá bao gồm: Trái phiếu Chính phủ; trái phiếu Chính phủ</p>	<p>Về cơ bản giữ nguyên, Bộ Tài chính rà soát góp nội dung sử dụng nguồn vốn tài trợ vào sử dụng vốn để thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo ngắn gọn,</p>

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
<p>bảo lãnh; trái phiếu chính quyền địa phương; tín phiếu Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật;</p> <p>i) Góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và quy định về tổ chức và hoạt động của NHPT;</p> <p>n) <u>Sử dụng nguồn vốn tài trợ không hoàn lại của các tổ chức trong nước và nước ngoài để hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực</u> cho NHPT theo thỏa thuận với bên tài trợ, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>bảo lãnh; trái phiếu chính quyền địa phương; tín phiếu Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật;</p> <p>i) Góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và quy định về tổ chức và hoạt động của NHPT;</p> <p>m) <u>Thực hiện các hoạt động theo thỏa thuận với bên tài trợ và các nhiệm vụ khác</u> theo quy định của pháp luật.</p>	<p>đầy đủ, tránh phát sinh nhiều nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định.</p>
Điều 9. Bảo đảm an toàn vốn		
<p>Tại khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 6, khoản 7 Điều 9 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như sau:</p> <p>3. Thực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>6. Thực hiện các quy định về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của NHPT theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>7. Thực hiện các biện pháp khác về bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Không sửa đổi nội dung tại khoản 3, khoản 6, khoản 7 Điều 9 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.</p>	<p>Tiếp thu một phần ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, trên cơ sở rà soát quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP đã đủ tính bao quát (<i>thực hiện các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật</i>), Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng giữ nguyên quy định này tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.</p>
Về quản lý tài sản		
<p>Tại khoản 7 Điều 1 Dự thảo Nghị định bãi bỏ điều 11, 12, 13 và thay bằng Điều 10a, 10b, 10c quy định về đầu tư, mua sắm và quản lý tài sản cố định; quản lý tài sản được Nhà nước giao hoặc cho thuê; giới hạn đầu tư vào tài sản cố định</p>	<p>Tại khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi khoản 2 Điều 12 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như sau:</p> <p>“2. Tổng giá trị còn lại của toàn bộ tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của NHPT không vượt quá 25% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ phản ánh trên sổ sách kế toán của NHPT. Việc xác định giá trị còn lại trên sổ sách kế toán của tài sản cố định được thực hiện theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp.”</p>	<p>- Ngày 01/01/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 03/2025/NĐ-CP quy định về sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà đất, theo đó bổ sung ngân hàng chính sách vào đối tượng áp dụng của Nghị định, việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công là nhà, đất của NHPT thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh</p>

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
		<p>ngành, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật khác có liên quan. Do đó, Bộ Tài chính rà soát dự thảo Nghị định, bỏ các nội dung bổ sung trùng lặp với quy định tại Nghị định số 03/2025/NĐ-CP.</p> <p>- Theo báo cáo của NHPT, trong thời gian qua có nhiều cách hiểu khác nhau về việc xác định giá trị còn lại của tài sản cố định của NHPT (liên quan đến xác định giá trị quyền sử dụng đất được Nhà nước giao/cho thuê nhưng không thu tiền sử dụng đất hoặc miễn tiền thuê đất). Dự thảo Nghị định sửa đổi quy định về xác định giới hạn đầu tư vào tài sản cố định theo hướng bổ sung quy định “Việc xác định giá trị còn lại trên sổ sách kế toán của tài sản cố định được thực hiện theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp”.</p>
Điều 14. Xử lý tổn thất tài sản		
<p>Tại khoản 8 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như sau:</p> <p><i>“1. Nếu do nguyên nhân chủ quan thì cá nhân, tập thể gây ra tổn thất phải bồi thường thiệt hại cho NHPT theo quy định của pháp luật.”</i></p>	<p><i>Không sửa nội dung này</i></p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp tại cuộc họp thẩm định.</p>
<p>Điều 15. Phân loại nợ và xác định dự phòng rủi ro tín dụng cần phải trích lập</p>		
<p>Tại khoản 9 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 15 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như sau:</p> <p>“2. Căn cứ kết quả phân loại nợ quy định tại khoản 1 Điều này, NHPT tính toán đầy đủ và theo dõi số dự phòng rủi ro cần phải trích lập (dự phòng chung và</p>	<p>Tại khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 15 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như sau:</p> <p>“1. Ngân hàng Phát triển thực hiện phân loại tài sản có và cam kết ngoại bảng theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>2. Căn cứ kết quả phân loại tài sản có và cam kết</p>	<p>Về cơ bản giữ nguyên, chỉ sửa đổi thuật ngữ kỹ thuật để phù hợp với chuẩn mực chung.</p>

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
<p>dự phòng cụ thể) của từng hoạt động tín dụng quy định tại Điều 3 Nghị định này; mức trích lập theo quy định của pháp luật hiện hành áp dụng đối với các ngân hàng thương mại.</p> <p>3. Thời điểm, trình tự phân loại nợ</p> <p>a) Trong 07 (bảy) ngày đầu tiên hàng tháng, NHPT gửi kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng đến thời điểm cuối ngày cuối cùng của tháng trước liền kề cho Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC) để CIC tổng hợp danh sách khách hàng theo nhóm nợ có mức độ rủi ro cao nhất mà các ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (bao gồm cả Ngân hàng Phát triển) đã tự phân loại và cung cấp cho ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (bao gồm cả Ngân hàng phát triển).</p> <p>b) Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được danh sách khách hàng do CIC tổng hợp, các ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (bao gồm cả Ngân hàng phát triển) điều chỉnh nhóm nợ theo nhóm nợ của danh sách khách hàng do CIC cung cấp theo quy định tại điểm a khoản này.”</p>	<p>ngoại bảng quy định tại khoản 1 Điều này, NHPT tính toán đầy đủ, theo dõi và xác định số dự phòng rủi ro cần phải trích lập (dự phòng chung và dự phòng cụ thể) của từng hoạt động tín dụng quy định tại Điều 3 Nghị định này; mức trích lập theo quy định của pháp luật hiện hành áp dụng đối với các ngân hàng thương mại.</p> <p>3. Thời điểm, trình tự phân loại nợ:</p> <p>Trong 07 (bảy) ngày đầu tiên hàng tháng, Ngân hàng Phát triển gửi kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng đến thời điểm cuối ngày cuối cùng của tháng trước liền kề cho Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC). CIC có trách nhiệm tổng hợp danh sách khách hàng theo nhóm nợ có mức độ rủi ro cao nhất mà các ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (bao gồm cả Ngân hàng Phát triển) đã tự phân loại để cung cấp cho ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (bao gồm cả Ngân hàng phát triển) phân loại nợ và điều chỉnh nhóm nợ của khách hàng theo quy định của pháp luật”</p>	
<p>Điều 16. Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng</p> <p>Tại khoản 10 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 16 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như sau:</p> <p>“Điều 16. Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng</p> <p>NHPT trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước; nợ vay bắt buộc bảo lãnh và các khoản nợ vay khác mà NHPT chịu rủi ro tín dụng. Việc trích lập thực hiện như sau:</p> <p>1. Đối với các khoản nợ vay của Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư ký lần đầu trước ngày 22 tháng 12</p>	<p>Tại khoản 7 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 16 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như sau:</p> <p>Điều 16. Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng</p> <p>NHPT trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước; nợ vay bắt buộc bảo lãnh và các khoản nợ vay khác mà NHPT chịu rủi ro tín dụng. Việc trích lập thực hiện như sau:</p> <p>1. Đối với các khoản nợ vay của Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư ký lần đầu trước ngày 22 tháng 12</p>	<p>Về cơ bản giữ nguyên so với dự thảo gửi xin ý kiến thẩm định. Tuy nhiên, đối với quy định tại khoản 4 Điều 16, Bộ Tài chính sửa đổi theo hướng giữ quy định hiện hành tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP để thống nhất trong việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của NHPT.</p>

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
<p>năm 2023, các khoản nợ vay tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và các khoản nợ vay bắt buộc bảo lãnh:</p> <p>a) Hằng năm, NHPTtrích lập dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tổng dư nợ tại thời điểm ngày 31/12 của các khoản nợ vay này;</p> <p>b) Hội đồng quản trị NHPTcăn cứ kết quả tài chính trong năm để quyết định trích lập bổ sung dự phòng rủi ro tín dụng vượt mức quy định tại điểm a khoản này, đảm bảo số dư quỹ dự phòng rủi ro không vượt quá mức phải trích lập theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định này.</p> <p>2. Đối với các khoản nợ vay khác theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này:</p> <p>a) Đối với các khoản cho vay theo Hợp đồng ủy quyền cho vay lại giữa Bộ Tài chính và NHPTđược ký kết kể từ ngày Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ có hiệu lực thi hành (sau đây gọi tắt là Nghị định số 97/2018/NĐ-CP), NHPTthực hiện trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);</p> <p>b) Đối với các khoản cho vay theo Hợp đồng ủy quyền cho vay lại giữa Bộ Tài chính và NHPTđược ký kết trước ngày Nghị định số 97/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, NHPTthực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo Hợp đồng ủy quyền cho vay lại vốn vay nước ngoài ký với Bộ Tài chính. Trường hợp Hợp đồng ủy quyền cho vay lại không quy định về việc trích lập dự phòng rủi ro thì NHPTthực hiện trích lập theo quy định tại điểm c khoản này;</p>	<p>năm 2023, các khoản nợ vay tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và các khoản nợ vay bắt buộc bảo lãnh:</p> <p>a) Hằng năm, NHPTtrích lập dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tổng dư nợ tại thời điểm ngày 31/12 của các khoản nợ vay này;</p> <p>b) <u>Căn cứ kết quả tài chính hằng năm, Hội đồng quản trị NHPTquyết định</u> trích lập bổ sung dự phòng rủi ro tín dụng vượt mức quy định tại điểm a khoản này, đảm bảo số dư quỹ dự phòng rủi ro không vượt quá mức phải trích lập theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định này.</p> <p>2. Đối với các khoản nợ vay khác theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này:</p> <p>a) Đối với các khoản cho vay theo Hợp đồng ủy quyền cho vay lại giữa Bộ Tài chính và NHPTđược ký kết kể từ ngày Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ có hiệu lực thi hành (sau đây gọi tắt là Nghị định số 97/2018/NĐ-CP), NHPTthực hiện trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có);</p> <p>b) Đối với các khoản cho vay theo Hợp đồng ủy quyền cho vay lại giữa Bộ Tài chính và NHPTđược ký kết trước ngày Nghị định số 97/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, NHPTthực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo Hợp đồng ủy quyền cho vay lại vốn vay nước ngoài ký với Bộ Tài chính. Trường hợp Hợp đồng ủy quyền cho vay lại không quy định về việc trích lập dự phòng rủi ro thì NHPTthực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo quy định tại điểm c khoản này;</p>	

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
<p>c) Đối với các khoản nợ vay khác còn lại (không bao gồm các khoản nợ vay quy định tại khoản 3 Điều này): NHPT dùng chênh lệch dương giữa thu lãi cho vay với chi phí huy động vốn của toàn bộ các hoạt động cho vay này để trích lập dự phòng rủi ro và đảm bảo số dư quỹ dự phòng rủi ro các khoản nợ vay khác còn lại không vượt quá mức phải trích lập theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này. Trong đó, chi phí huy động vốn của các hoạt động cho vay này được xác định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các khoản NHPT cho vay gắn với nguồn huy động cụ thể, chi phí huy động vốn được xác định bằng lãi và phí huy động vốn mà NHPT trả cho khoản huy động đó; - Đối với dư nợ cho vay khác còn lại sử dụng từ nguồn vốn huy động chung của Ngân hàng Phát triển, chi phí huy động vốn được xác định theo lãi suất huy động vốn hòa đồng như sau: $\begin{array}{l} \text{Chi phí huy động vốn} \\ \text{phân bổ cho} \\ \text{dư nợ cho vay khác} \\ \text{còn lại} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Dư nợ cho vay khác} \\ \text{còn lại bình quân} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Lãi suất huy động vốn} \\ \text{bình quân} \end{array}$ <p>Trong đó: Lãi suất huy động vốn bình quân được xác định theo quy định tại khoản 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>3. Đối với các khoản nợ vay của Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư ký lần đầu kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2023, NHPT thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của pháp luật hiện hành áp dụng đối với các ngân hàng thương mại</p>	<p>c) Đối với các khoản nợ vay khác còn lại (không bao gồm các khoản nợ vay quy định tại khoản 3 Điều này): NHPT dùng chênh lệch dương giữa thu lãi cho vay với chi phí huy động vốn của toàn bộ các hoạt động cho vay này để trích lập dự phòng rủi ro và đảm bảo số dư quỹ dự phòng rủi ro các khoản nợ vay khác còn lại không vượt quá mức phải trích lập theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này; trong đó, chi phí huy động vốn của các hoạt động cho vay này được xác định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các khoản NHPT cho vay gắn với nguồn huy động cụ thể, chi phí huy động vốn được xác định bằng lãi và phí huy động vốn mà NHPT trả cho khoản huy động đó; - Đối với dư nợ cho vay khác còn lại sử dụng từ nguồn vốn huy động chung của Ngân hàng Phát triển, chi phí huy động vốn được xác định theo lãi suất huy động vốn hòa đồng như sau: $\begin{array}{l} \text{Chi phí huy động vốn} \\ \text{phân bổ cho} \\ \text{dư nợ cho vay khác còn lại} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Dư nợ cho vay khác còn lại} \\ \text{bình quân} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Lãi suất huy động vốn} \\ \text{bình quân} \end{array}$ <p>Trong đó: Lãi suất huy động vốn bình quân được xác định theo quy định tại khoản 2 Phụ lục Ia ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>3. Đối với các khoản nợ vay của Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư ký lần đầu kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2023, NHPT thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của pháp luật hiện hành áp dụng đối với các ngân hàng thương mại.</p> <p>4. Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực</p>	

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
<p>4. Thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng:</p> <p>a) Đối với các khoản cho vay quy định tại khoản 1 Điều này, việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện tại thời điểm quyết toán năm;</p> <p>b) Đối với các khoản nợ vay quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo thời điểm phân loại nợ của NHPT theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc quy định tại Hợp đồng ủy quyền cho vay lại (nếu có);</p> <p>c) Số trích lập dự phòng rủi ro tín dụng vào thời điểm quyết toán năm căn cứ vào kết quả phân loại nợ tại thời điểm ngày 30 tháng 11 của năm kế toán.”</p>	<p><u>hiện hàng quý. Riêng đối với kỳ kế toán năm, trích vào thời điểm quyết toán tài chính năm căn cứ vào kết quả phân loại nợ tại thời điểm 30 tháng 11 của năm kế toán.</u></p>	
<p>Điều 17. Các quỹ dự phòng rủi ro tín dụng</p>		
<p>Khoản 11 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như sau:</p> <p>“Điều 17. Các quỹ dự phòng rủi ro tín dụng</p> <p>1. Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của các hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu trước ngày 22 tháng 12 năm 2023 và nợ vay bắt buộc bảo lãnh được hình thành từ các nguồn sau:</p> <p>a) Số dư Quỹ còn lại đến ngày ... tháng.... năm....</p> <p>b) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định này;</p> <p>c) Số tiền thu hồi được từ nợ gốc của các khoản nợ vay quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này đã chuyển theo dõi ngoại bảng (bao gồm cả số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm và số tiền thu hồi được từ nợ gốc các khoản nợ thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 16 đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng);</p>	<p>Khoản 8 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như sau:</p> <p>“Điều 17. Các quỹ dự phòng rủi ro tín dụng</p> <p>1. Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của các hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu trước ngày 22 tháng 12 năm 2023 và nợ vay bắt buộc bảo lãnh được hình thành từ các nguồn sau:</p> <p>a) Số dư quỹ còn lại đến ngày ... tháng.... năm....¹⁰</p> <p>b) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định này;</p> <p>c) Số tiền thu hồi được từ nợ gốc của các khoản nợ vay quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này đã sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng (<u>bao gồm cả số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm sau khi chuyển theo dõi ngoại bảng</u>);</p> <p>d) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>- Về cơ bản giữ nguyên như dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến thẩm định.</p> <p>- Bộ Tài chính rà soát, sửa đổi câu chữ kỹ thuật vì các khoản nợ sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng đã bao gồm cả các khoản nợ xuất toán ra khỏi ngoại bảng.</p>

¹⁰ Thời điểm Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
<p>d) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng các khoản nợ vay khác được hình thành từ các nguồn sau:</p> <p>a) Số dư Quỹ còn lại đến ngày ... tháng... năm...</p> <p>b) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định này;</p> <p>c) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư của các hợp đồng tín dụng đầu tư ký kết lần đầu từ ngày 22 tháng 12 năm 2023 được hình thành từ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Nghị định này.</p> <p>4. NHPT thực hiện quản lý, theo dõi riêng đối với từng quỹ dự phòng rủi ro quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này và sử dụng các quỹ này để xử lý rủi ro theo quy định về cơ chế xử lý rủi ro tín dụng tại NHPT do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này lớn hơn số dự phòng phải trích theo quy định đối với từng quỹ, NHPT thực hiện hoàn nhập phần chênh lệch thừa vào thu nhập."</p>	<p>2. Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng các khoản nợ vay khác được hình thành từ các nguồn sau:</p> <p>a) Số dư quỹ còn lại đến ngày ... tháng... năm...</p> <p>b) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định này;</p> <p>c) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư của các hợp đồng tín dụng đầu tư ký kết lần đầu từ ngày 22 tháng 12 năm 2023 được hình thành từ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Nghị định này.</p> <p>4. NHPT thực hiện quản lý và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng như sau:</p> <p>a) NHPT quản lý, theo dõi riêng đối với từng quỹ dự phòng rủi ro quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này và sử dụng các quỹ này để xử lý rủi ro theo quy định về cơ chế xử lý rủi ro tín dụng tại NHPT do Thủ tướng Chính phủ ban hành.</p> <p>b) Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này lớn hơn số dự phòng phải trích đối với từng quỹ theo quy định, NHPT thực hiện hoàn nhập phần chênh lệch thừa vào thu nhập <u>để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này và bù đắp lỗ lũy kế."</u></p>	
<p>Điều 18. Trích lập dự phòng khác</p> <p>Khoản 12 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 18 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như sau:</p> <p>"Điều 18. Trích lập dự phòng khác</p> <p>1. Sau khi đã trích lập đủ dự phòng rủi ro tín dụng theo mức phải trích lập quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này thì NHPT trích lập dự phòng khác theo</p>	<p>Khoản 9 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 18 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, như sau:</p> <p>"Điều 18. Trích lập dự phòng khác</p> <p>1. Sau khi đã trích lập đủ dự phòng rủi ro tín dụng theo mức phải trích lập quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này thì NHPT trích lập dự phòng khác theo</p>	Giữ nguyên

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
<p>quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. NHPT căn cứ quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp về trích lập, sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi (không bao gồm các khoản nợ vay quy định tại Điều 3 Nghị định này), các khoản dự phòng khác và khả năng tài chính của NHPT để quyết định mức trích lập dự phòng khác.”</p>	<p>quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. NHPT căn cứ quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp về trích lập, sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi (không bao gồm các khoản nợ vay quy định tại Điều 3 Nghị định này), các khoản dự phòng khác và khả năng tài chính của NHPT để quyết định mức trích lập dự phòng khác.”</p>	
<p>Điều 19. Cấp bù lãi suất</p>		
<p>Khoản 13 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 19 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như sau:</p> <p>“Điều 19. Cấp bù lãi suất</p> <p>1. NHPT được Nhà nước cấp bù lãi suất theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này đề:</p> <p>a) Thực hiện nhiệm vụ cho vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước đối với các hợp đồng tín dụng ký lần đầu trước ngày 22 tháng 12 năm 2023 và thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật (không bao gồm các khoản nợ vay quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 78/2023/NĐ-CP);</p> <p>b) Hỗ trợ sau đầu tư đối với các Hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư phát sinh trước ngày Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.</p> <p>2. Việc cấp bù lãi suất hằng năm để thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này được xác định trên cơ sở chênh lệch vượt giữa tổng chi phí cho việc huy động vốn với tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn khi thực hiện các nhiệm vụ này (sau đây gọi tắt</p>	<p>Khoản 10 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 19 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như sau:</p> <p>“Điều 19. Cấp bù lãi suất</p> <p>1. NHPT được Nhà nước cấp bù lãi suất theo quy định tại Phụ lục Ia ban hành kèm theo Nghị định này đề:</p> <p>a) Thực hiện nhiệm vụ cho vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước đối với các hợp đồng tín dụng ký lần đầu trước ngày 22 tháng 12 năm 2023; thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại và thực hiện các nhiệm vụ cho vay khác (được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất) theo quy định của pháp luật (không bao gồm các khoản nợ vay quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 78/2023/NĐ-CP <u>ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước</u>);</p> <p>b) Hỗ trợ sau đầu tư đối với các Hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư phát sinh trước ngày Nghị định số 32/2017/NĐ-CP <u>ngày 31 tháng 3 năm 2017 của</u></p>	<p>Về cơ bản giữ nguyên như dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến thẩm định.</p>

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
<p>là cấp bù chênh lệch lãi suất).</p> <p>3. Trường hợp tổng chi phí cho việc huy động vốn nhỏ hơn tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn thì NHPT không được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phần chênh lệch được xử lý theo thứ tự như sau:</p> <p>a) Khấu trừ vào phí quản lý phát sinh trong năm của NHPT theo quy định tại Điều 20 Nghị định này;</p> <p>b) Phần còn lại (nếu có) được hòa đồng vào thu nhập của Ngân hàng Phát triển.</p> <p>4. Việc xác định cụ thể số cấp bù lãi suất của NHPT thực hiện theo quy định tại Phụ lục Ia ban hành kèm Nghị định này.”</p>	<p><u>Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước có hiệu lực thi hành.</u></p> <p>2. Việc cấp bù lãi suất hằng năm để thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này được xác định trên cơ sở chênh lệch dương giữa tổng chi phí cho việc huy động vốn với tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn khi thực hiện các nhiệm vụ này (sau đây gọi tắt là cấp bù chênh lệch lãi suất).</p> <p>3. Trường hợp tổng chi phí cho việc huy động vốn nhỏ hơn tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn thì NHPT không được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phần chênh lệch được xử lý theo thứ tự như sau:</p> <p>a) Khấu trừ vào phí quản lý phát sinh trong năm của NHPT theo quy định tại Điều 20 Nghị định này;</p> <p>b) Phần còn lại (nếu có) được hòa đồng vào thu nhập của Ngân hàng Phát triển.</p> <p>4. Việc xác định cụ thể số cấp bù lãi suất hằng năm của NHPT thực hiện theo quy định tại Phụ lục Ia ban hành kèm Nghị định này.”</p>	
<p>Điều 20. Phí quản lý</p>		
<p>Khoản 14 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 20 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như sau:</p> <p>“Điều 20. Phí quản lý</p> <p>1. NHPT được Nhà nước cấp phí quản lý tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên dư nợ bình quân của các nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định này (không bao gồm: các khoản cho vay không đúng đối tượng, không đúng mục đích theo quy định của pháp luật; các khoản cho vay được hưởng mức phí riêng theo quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ). Tỷ lệ phí quản lý được xây dựng cho</p>	<p>Khoản 11 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 20 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như sau:</p> <p>“Điều 20. Phí quản lý</p> <p>1. NHPT được Nhà nước cấp phí quản lý để thực hiện các nhiệm vụ được cấp bù chênh lệch lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này (không bao gồm: các khoản cho vay không đúng đối tượng, không đúng mục đích sử dụng vốn vay theo hợp đồng tín dụng đã ký). Phí quản lý được Nhà nước cấp cho NHPT bao gồm:</p> <p>a) <u>Phí quản lý thông thường được xác định theo tỷ lệ</u></p>	<p>- Về cơ bản không thay đổi so với dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến thẩm định.</p> <p>- Tại khoản 1 Điều 20 (sửa đổi), Bộ Tài chính rà soát hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng tách bạch 02 loại phí quản lý NHPT được hưởng theo quy định pháp luật (bao gồm: (i) Phí quản lý thông thường theo tỷ lệ phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao và (ii) Phí quản lý được hưởng theo mức phí riêng theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</p>

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
<p>từng năm và giao trong thời kỳ 3 năm.</p> <p>2. Một số chỉ tiêu cơ bản làm căn cứ xác định, điều chỉnh tỷ lệ phí quản lý của NHPT trong từng thời kỳ gồm:</p> <p>a) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được cấp phí quản lý trong giai đoạn liền kề trước giai đoạn tính phí kế hoạch và kế hoạch dự kiến phát sinh trong giai đoạn tính phí kế hoạch;</p> <p>b) Tình hình tài chính, tình hình hoạt động và dự kiến chi phí quản lý của NHPT để thực hiện các nhiệm vụ tín dụng chính sách (không bao gồm chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và chi phí huy động vốn đã cấp bù lãi suất) thực tế phát sinh trong giai đoạn liền kề trước giai đoạn tính phí kế hoạch và kế hoạch dự kiến phát sinh trong giai đoạn tính phí kế hoạch;</p> <p>c) Các định mức chi phí theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Việc xác định số phí quản lý cấp cho NHPT hằng năm thực hiện theo quy định tại Phụ lục Ib ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>4. Trong quý II của năm trước liền kề giai đoạn tính phí, NHPT xây dựng phương án phí quản lý theo từng năm trong giai đoạn 03 (ba) năm và báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Phương án phí quản lý bao gồm các nội dung cơ bản sau: Căn cứ pháp lý, nguyên tắc, cơ sở và phương pháp, số liệu tính toán đối với từng chỉ tiêu quy định tại khoản 2 Điều này và các nội dung khác có liên quan (nếu có).</p> <p>5. Trường hợp có biến động lớn về chi phí do bổ sung chức năng, nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền; do thiên tai, dịch họa và các nguyên</p>	<p><u>phí quản lý (được xây dựng theo từng năm và giao trong từng thời kỳ 03 năm) và dự nợ bình quân được tính phí;</u></p> <p><u>b) Phí quản lý khác của các khoản cho vay được hưởng mức phí riêng theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</u></p> <p>2. Một số chỉ tiêu cơ bản làm căn cứ xác định, điều chỉnh tỷ lệ phí quản lý thông thường của NHPT trong từng thời kỳ gồm:</p> <p>a) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được cấp phí quản lý thông thường trong giai đoạn liền kề trước giai đoạn tính phí kế hoạch và dự kiến phát sinh trong giai đoạn tính phí kế hoạch;</p> <p>b) Tình hình tài chính, tình hình hoạt động và chi phí quản lý của NHPT để thực hiện các nhiệm vụ tín dụng chính sách (không bao gồm chi phí huy động vốn đã cấp bù lãi suất và chi trích lập dự phòng rủi ro tín dụng) phát sinh trong giai đoạn liền kề trước giai đoạn tính phí kế hoạch và kế hoạch dự kiến chi phí quản lý phát sinh trong giai đoạn tính phí kế hoạch;</p> <p>c) Các định mức chi phí theo quy định của pháp luật đối với Ngân hàng Phát triển.</p> <p>3. Việc xác định số phí quản lý thông thường cấp cho NHPT hằng năm thực hiện theo quy định tại Phụ lục Ib ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>4. Trong quý II của năm trước liền kề giai đoạn tính phí, NHPT xây dựng phương án phí quản lý thông thường theo từng năm trong giai đoạn 03 (ba) năm và báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Phương án phí quản lý thông thường bao gồm các nội dung cơ bản sau: Căn cứ pháp lý, nguyên tắc, cơ sở và phương pháp, số liệu</p>	

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
nhân khách quan khác, NHPT báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh tỷ lệ phí quản lý phù hợp.”	tính toán đối với từng chỉ tiêu quy định tại khoản 2 Điều này và các nội dung khác có liên quan (nếu có). 5. Trường hợp các cấp có thẩm quyền giao bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho NHPT hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng, NHPT báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh tỷ lệ phí quản lý thông thường đã được phê duyệt.”	
Điều 21. Lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán vốn từ NSNN cấp cho NHPT		
Khoản 15 Điều 1 dự thảo Nghị định bổ sung Chương IVa (bãi bỏ Điều 21 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP) về trình tự thực hiện lập, chấp hành, quyết toán vốn từ NSNN cho NHPT	Khoản 12 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung Điều 21 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP về lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán vốn từ NSNN cấp cho NHPT	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp về rà soát các nội dung cần thiết sửa đổi, bổ sung. Bộ Tài chính đã rà soát quy định tại Chương IVa dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến thẩm định, chỉ quy định các nội dung cần thiết sửa đổi và gom chung vào Điều 21. Theo đó, quy định về lập dự toán, chấp hành dự toán, quyết toán vốn từ NSNN cấp cho NHPT thực hiện thống nhất theo quy định Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn liên quan.
Điều 22. Thu nhập của NHPT		
Khoản 16 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung điểm e, khoản 1 và và bổ sung điểm p vào sau điểm o khoản 1 Điều 22 Nghị định số 46 như sau: “e) <u>Thu phát sinh từ phần chênh lệch vượt giữa giá bán nợ và số dư nợ gốc còn lại chưa thu hồi được của khoản nợ được bán;</u> p) Thu từ các khoản nợ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 16 Nghị định này đã sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng (kể cả số tiền thu hồi từ xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ này sau khi chuyển theo dõi ngoại bảng).”	Khoản 13 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung điểm e và bổ sung điểm p khoản 1 Điều 22 Nghị định số 46 như sau: “e) <u>Thu phát sinh từ phần chênh lệch vượt giữa giá bán nợ và số dư nợ gốc, lãi và nghĩa vụ tài chính khác còn lại chưa thu hồi được của khoản nợ được bán;</u> p) Thu từ các khoản nợ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 16 Nghị định này đã sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng (kể cả số tiền thu hồi từ xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ này sau khi chuyển theo dõi ngoại bảng).	Đề phù hợp với quy định tại Điều 10, Điều 14 Quyết định số 02/2025/QĐ-TTg ngày 06/1/2025 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý rủi ro tín dụng tại NHPT.

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
Điều 23. Chi phí của NHPT		
Khoản 17 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 23 Nghị định số 46 theo hướng sửa toàn diện Điều 23 (bao gồm cả nội dung thay đổi và nội dung không thay đổi so với Nghị định số 46)	Khoản 14 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 23 Nghị định số 46 theo hướng chỉ đưa vào dự thảo Nghị định những khoản, điểm có sửa đổi (không nhắc lại các nội dung không thay đổi so với Nghị định số 46). <i>(nội dung sửa đổi không thay đổi so với bản gửi thẩm định)</i>	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp về kỹ thuật soạn thảo văn bản (chỉ quy định những điều khoản cần sửa đổi, bổ sung, đảm bảo phù hợp với quy định và kỹ thuật hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật), Bộ Tài chính rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định.
Điều 25. Quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng của NHPT		
Khoản 19 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 25 Nghị định số 46 như sau: “Điều 25. Quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng của NHPT NHPT thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động, người quản lý và Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phù hợp với tính chất hoạt động của NHPT, trong đó mức tiền lương tối thiểu trong giai đoạn cơ cấu lại được bảo đảm theo quy định tại Điều 40 Nghị định này.”	Bãi bỏ Điều 25	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 46/2021/NĐ-CP (Điều 25 và khoản 2 Điều 40) quy định về cơ chế tiền lương của NHPT (trong đó bao gồm cơ chế đặc thù trong giai đoạn cơ cấu lại được xây dựng theo nguyên tắc đảm bảo ổn định tiền lương cho người lao động và người quản lý của NHPT. - Tuy nhiên, ngày 28/2/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 44/2025/NĐ-CP quy định về quản lý lao động, tiền lương trong doanh nghiệp nhà nước (có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2025 và áp dụng từ năm tài chính 2025). Trong đó, tại khoản 5 Điều 34 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP quy định NHPT thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định tại Nghị định này phù hợp với tính chất đặc thù của NHPT và giao Bộ LĐTBXH (nay là Bộ Nội vụ) hướng dẫn cụ thể. - Do đó, để đảm bảo đồng bộ về cơ chế chính sách, tránh mâu thuẫn chồng chéo, Bộ Tài chính trình Chính phủ bỏ các nội dung về cơ chế tiền lương NHPT tại Điều 25 và khoản 2

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
		Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP. Các nội dung về quản lý, lao động, tiền lương của NHPT sẽ thực hiện thống nhất theo quy định tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP và Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ.
Điều 26. Kết quả tài chính và phân phối kết quả tài chính		
Khoản 20 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 26 Nghị định số 46 theo hướng sửa toàn diện Điều 23 (bao gồm cả nội dung thay đổi và nội dung không thay đổi so với Nghị định số 46)	Khoản 16 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 26 Nghị định số 46 theo hướng chỉ quy định các khoản, điểm có nội dung sửa đổi, bổ sung bao gồm: - Điểm a,c,e khoản 2 Điều 26 về tỷ lệ trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi. - Khoản 3 Điều 26 về Xử lý kết quả tài chính thâm hụt của NHPT <i>(nội dung sửa đổi không thay đổi so với bản gửi thẩm định)</i>	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp về kỹ thuật soạn thảo văn bản (chỉ quy định những điều khoản cần sửa đổi, bổ sung, đảm bảo phù hợp với quy định và kỹ thuật hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật), Bộ Tài chính rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định.
Điều 27. Quản lý và sử dụng các quỹ		
Khoản 21 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4, khoản 7 Điều 27 Nghị định số 46	Khoản 17 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 Điều 27 Nghị định số 46	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp (về việc rà soát sửa đổi các nội dung cần thiết), Bộ Tài chính rà soát dự thảo Nghị định, bỏ nội dung sửa đổi khoản 7 Điều 27.
Điều 28. Phương pháp hạch toán, chế độ kế toán, thống kê		
Khoản 22 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 1, Điều 28 Nghị định số 46	Khoản 18 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 1, Điều 28 Nghị định số 46	Giữ nguyên
Điều 29. Báo cáo về kế hoạch tài chính hằng năm		
Khoản 23 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 29 Nghị định số 46 như sau: 6. Kế hoạch cấp hỗ trợ sau đầu tư đối với các Hợp đồng phát sinh trước thời điểm Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (nếu có) theo quy định của pháp luật. 7. Lập báo cáo kế hoạch tài chính:	Khoản 19 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 29 Nghị định số 46. Nội dung giữ nguyên	Giữ nguyên

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
<p>a) Hằng năm, trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ có quyết định về giao kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, căn cứ kết quả hoạt động của năm trước Ngân hàng Phát triển rà soát, cập nhật báo cáo về kế hoạch tài chính của năm kế hoạch theo mẫu biểu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này gửi Bộ Tài chính;</p> <p>b) Bộ Tài chính thực hiện rà soát lại báo cáo về kế hoạch tài chính do Ngân hàng Phát triển lập để có ý kiến chính thức bằng văn bản và giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả và xếp loại đối với Ngân hàng Phát triển năm kế hoạch chậm nhất 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Ngân hàng Phát triển. Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính, Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển hoàn chỉnh và ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch tài chính năm của Ngân hàng Phát triển.</p> <p>c) Sau khi Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch tài chính năm, Ngân hàng Phát triển gửi Bộ Tài chính để phục vụ công tác giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Phát triển.</p>		
<p>Điều 30. Kiểm toán</p> <p>Khoản 24 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 30 Nghị định số 46 như sau:</p> <p>2. Báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng Phát triển phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có kết quả kiểm toán báo cáo tài chính, Ngân hàng Phát triển phải gửi Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (gửi kèm Thư quản lý đối với báo cáo kiểm</p>	<p>Khoản 20 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 30 Nghị định số 46 như sau:</p> <p>2. Báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng Phát triển phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến tham gia của NHPT tại cuộc họp thẩm định, Bộ Tài chính bỏ nội dung sửa đổi khoản 4 Điều 30 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.</p>

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
toán độc lập) và công khai các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật.”		
Điều 31. Chế độ báo cáo		
Khoản 25 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 31 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Khoản 21 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 31 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP. Theo đó, bổ sung sửa đổi khoản 4 Điều 31, bỏ nội dung đánh giá hiệu quả hoạt động hằng năm của NHPT theo các tiêu chí quy định tại Nghị định này.	Do nội dung đánh giá hiệu quả hoạt động đã được quy định tại Điều 33 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.
Điều 32. Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động		
Khoản 26 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 32 Nghị định số 46 theo hướng sửa toàn diện Điều 32 (bao gồm cả nội dung thay đổi và nội dung không thay đổi so với Nghị định số 46)	<p>- Khoản 22 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 32 Nghị định số 46 theo hướng chỉ quy định các khoản, điểm có nội dung sửa đổi, bổ sung bao gồm:</p> <p>+ Khoản 1 Điều 32 về các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động hằng năm của NHPT</p> <p>+ Bãi bỏ Khoản 4 Điều 32 về đánh giá, xếp loại hằng năm của người quản lý NHPT.</p> <p><i>(nội dung sửa đổi không thay đổi so với bản gửi thẩm định)</i></p>	<p>- Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp về kỹ thuật soạn thảo văn bản (chỉ quy định những điều khoản cần sửa đổi, bổ sung, đảm bảo phù hợp với quy định và kỹ thuật hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật), Bộ Tài chính rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định.</p> <p>- Bộ Tài chính bổ sung bãi bỏ khoản 4 Điều 32 và bổ sung nội dung này tại khoản 6 Điều 33 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP để phù hợp với nội dung tên Điều 32 (về tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động).</p>
Điều 33. Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại NHPT		
<p>Khoản 27 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 33 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như sau:</p> <p>“Điều 33. Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Ngân hàng Phát triển</p> <p>1. Việc đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại NHPT căn cứ vào báo cáo tài chính riêng lẻ đã được kiểm toán, được thực hiện theo quy định đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định này.</p> <p>2. Bộ Tài chính giao các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại hằng năm cho NHPT sau khi Thủ tướng Chính phủ</p>	<p>Khoản 23 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 33 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như sau:</p> <p>“Điều 33. Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Ngân hàng Phát triển</p> <p>1. Việc đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại NHPT căn cứ vào báo cáo tài chính riêng lẻ đã được kiểm toán, được thực hiện theo quy định đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định này.</p> <p>2. Bộ Tài chính giao các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại hằng năm cho NHPT sau khi Thủ tướng Chính phủ</p>	Về cơ bản giữ nguyên dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
<p>ban hành các Quyết định về việc giao kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.</p> <p>3. Việc đánh giá hiệu quả hoạt động của NHPT thực hiện qua xếp loại (A, B, C) đối với các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này. Phương thức đánh giá từng tiêu chí và tổng hợp kết quả xếp loại NHPT thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này.</p> <p>4. Hằng năm, căn cứ các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động nêu tại Nghị định này và chỉ tiêu kế hoạch do Bộ Tài chính giao, NHPT lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại gửi Bộ Tài chính để xem xét, phê duyệt xếp loại đối với Ngân hàng Phát triển. Thời hạn nộp báo cáo chậm nhất sau 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày có kết quả kiểm toán báo cáo tài chính.</p> <p>5. Trên cơ sở báo cáo của Ngân hàng Phát triển, Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt kết quả xếp loại NHPT sau khi có ý kiến tham gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>6. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với người quản lý của NHPT bao gồm người giữ chức danh, chức vụ (Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng) và thành viên Ban kiểm soát NHPT được thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung (nếu có)."</p>	<p>ban hành quyết định về việc giao kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.</p> <p>3. Việc đánh giá hiệu quả hoạt động của NHPT thực hiện qua xếp loại (A, B, C) đối với các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này. Phương thức đánh giá từng tiêu chí và tổng hợp kết quả xếp loại NHPT thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này.</p> <p>4. Hằng năm, căn cứ các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động nêu tại Nghị định này và chỉ tiêu kế hoạch do Bộ Tài chính giao, NHPT lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại gửi Bộ Tài chính để xem xét, phê duyệt xếp loại đối với Ngân hàng Phát triển. Thời hạn nộp báo cáo chậm nhất sau 45 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm toán báo cáo tài chính.</p> <p>5. Trên cơ sở báo cáo của Ngân hàng Phát triển, Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt kết quả xếp loại NHPT sau khi có ý kiến tham gia của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>6. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với người quản lý và thành viên Ban kiểm soát NHPT được thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung (nếu có)."</p>	
Điều 34. Trách nhiệm của Bộ Tài chính		

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
<p>Khoản 28 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 34 như sau:</p> <p>“1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và NHPT trình Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định của Nghị định này (nếu cần thiết).”</p>	<p>Khoản 24 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 6 và bổ sung khoản 7 Điều 34 như sau:</p> <p>“1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và NHPT xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định này trình Chính phủ ban hành theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Trình cấp có thẩm quyền bố trí trong kế hoạch đầu tư công và dự toán chi ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất và phí quản lý, cấp bổ sung vốn điều lệ (nếu có) cho NHPT theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>7. Trình Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước hàng năm cho NHPT theo quy định của pháp luật.”</p>	<p>Bộ Tài chính rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng tổng hợp trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư vào Bộ Tài chính.</p>
Điều 40. Một số cơ chế trong giai đoạn cơ cấu lại		
<p>Khoản 30 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như sau:</p> <p>“Điều 40. Một số cơ chế trong giai đoạn cơ cấu lại</p> <p>NHPT thực hiện một số cơ chế trong giai đoạn cơ cấu lại theo quyết định của cấp có thẩm quyền, bao gồm:</p> <p>1. Không phải giảm trừ phần chênh lệch thu chi âm lũy kế (nếu có) khi xác định vốn tự có quy định tại Điều 7 Nghị định này để xác định giới hạn tín dụng của NHPT theo quy định của pháp luật cho đến khi khắc phục được chênh lệch thu chi âm lũy kế.</p> <p>2. Quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng của</p>	<p>Khoản 27 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP như sau:</p> <p>“Điều 40. Một số cơ chế trong giai đoạn cơ cấu lại</p> <p>NHPT thực hiện một số cơ chế trong giai đoạn cơ cấu lại theo quyết định của cấp có thẩm quyền, bao gồm:</p> <p>1. Không phải giảm trừ phần chênh lệch thu chi âm lũy kế (nếu có) khi xác định vốn tự có quy định tại Điều 7 Nghị định này để xác định giới hạn cho vay của NHPT theo quy định của pháp luật cho đến khi khắc phục được chênh lệch thu chi âm lũy kế.</p> <p>2. Trường hợp kết quả tài chính trong năm đạt thẳng</p>	<p>- Về cơ chế tiền lương trong giai đoạn cơ cấu lại: Ngày 28/2/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 44/2025/NĐ-CP quy định về quản lý lao động, tiền lương trong doanh nghiệp nhà nước. Trong đó, tại khoản 5 Điều 34 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP quy định NHPT thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định tại Nghị định này phù hợp với tính chất đặc thù của NHPT và giao Bộ LĐTĐBXH (nay là Bộ Nội vụ) hướng dẫn cụ thể¹¹. Do đó, để đảm bảo đồng bộ về cơ chế chính sách, tránh mâu</p>

¹¹ Hiện nay, Bộ Nội vụ đang gửi lấy ý kiến Bộ, ngành về dự thảo Thông tư hướng dẫn cơ chế tiền lương cho một số tổ chức đặc thù theo quy định tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP (trong đó bao gồm NHPT).

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
<p>NHPT được quy định theo nguyên tắc như sau:</p> <p>a) Tiền lương của người lao động được xác định trên cơ sở tiền lương bình quân thực hiện năm 2018 và điều chỉnh theo mức tăng chỉ số giá tiêu dùng hằng năm so với năm 2018;</p> <p>b) Tiền lương của người quản lý và thành viên Ban kiểm soát được xác định trên cơ sở mức tiền lương quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) đối với công ty được xếp hạng Tổng công ty đặc biệt;</p> <p>c) Trường hợp kết quả tài chính trong năm đạt thặng dư, người lao động và người quản lý Ngân hàng Phát triển được hưởng tiền lương tăng thêm theo quy định tại khoản 3 Điều này;</p> <p>d) Bộ Tài chính thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý và thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Phát triển; xem xét và phê duyệt quỹ tiền lương hằng năm của người quản lý và thành viên Ban kiểm soát sau khi có ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;</p> <p>đ) Các nội dung khác liên quan đến quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động, người quản lý và thành viên Ban Kiểm soát NHPT thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.</p> <p>3. Khi kết quả tài chính trong năm đạt thặng dư, NHPT được trích tối đa 01 tháng lương thực hiện cho quỹ khen thưởng người lao động và quỹ thưởng</p>	<p><u>đư, trước khi bù đắp khoản thâm hụt từ những năm trước, NHPT được trích tối đa 01 tháng lương thực hiện nhưng không vượt quá 15% kết quả tài chính cho quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng của thành viên Ban điều hành, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</u></p> <p>3. Trường hợp tổng chi phí cho việc huy động vốn nhỏ hơn tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định này thì phần chênh lệch được NHPT sử dụng để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này và bù đắp lỗ lũy kế.”</p>	<p>thuần chồng chéo, Bộ Tài chính trình Chính phủ bỏ các nội dung về cơ chế tiền lương NHPT (bao gồm cả cơ chế tiền lương trong giai đoạn cơ cấu lại) tại dự thảo Nghị định về cơ chế tài chính của NHPT. Các nội dung về quản lý, lao động, tiền lương của NHPT sẽ thực hiện thống nhất theo quy định tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP và Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ thời gian tới.</p> <p>- Dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến thẩm định quy định trong trường hợp đạt thặng dư tài chính trong năm, NHPT được sử dụng tối đa 30% chênh lệch thu chi dương để chi tiền lương tăng thêm và trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi (trước khi bù lỗ lũy kế). Trên cơ sở thực hiện Nghị định số 44/2025/NĐ-cP, dự thảo Nghị định đã bỏ quy định cơ chế tiền lương tăng thêm trong giai đoạn cơ cấu lại như báo cáo nêu trên. Tuy nhiên, xét thực tế hoạt động của NHPT trong giai đoạn gần đây, mặc dù tình hình cơ cấu lại đã đạt những kết quả tích cực, nhưng số lỗ lũy kế lớn, do đó NHPT không có nguồn lực để trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi. Do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ điều chỉnh quy định trong trường hợp tài chính đạt thặng dư, NHPT được trích 01 tháng lương thực hiện nhưng không vượt quá 15% kết quả tài chính.</p>

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
<p>người quản lý và Ban kiểm soát trước khi bù đắp khoản thâm hụt từ những năm trước. Tổng mức trích bổ sung các quỹ khen thưởng và tổng quỹ tiền lương tăng thêm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này không vượt quá 30% chênh lệch thu chi có lương trước khi điều chỉnh, mức trích lập cụ thể từng quỹ do Hội đồng quản trị NHPT quyết định.</p> <p>4. Người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại NHPT trước ngày 31 tháng 7 năm 2019 thuộc đối tượng lao động dôi dư, lao động có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi khi NHPT thực hiện cơ cấu lại đã tìm mọi biện pháp nhưng không bố trí được việc làm được hưởng các chế độ theo chính sách hỗ trợ quy định tại Điều 3 Nghị định số 97/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư khi chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), trong đó:</p> <p>a) Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ cho người lao động quy định tại khoản này được hạch toán vào chi hoạt động bộ máy của Ngân hàng Phát triển;</p> <p>b) Bảo hiểm Xã hội Việt Nam có trách nhiệm thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động theo quy định tại khoản này.</p> <p>5. Trường hợp tổng chi phí cho việc huy động vốn nhỏ hơn tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định này thì phần chênh lệch được sử dụng để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị</p>		

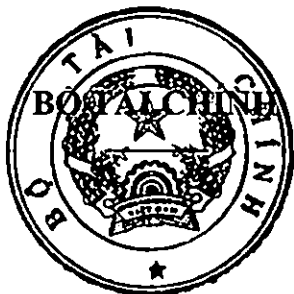
Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
định này và bù đắp lỗ lũy kế.”		
Nội dung bãi bỏ		
Bãi bỏ khoản 4 Điều 4, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 21 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.	Bãi bỏ khoản 4 Điều 4; Điều 25; điểm b khoản 4 Điều 27; khoản 4, khoản 5 Điều 32 và Điều 35 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.	Bộ Tài chính rà soát điều chỉnh các nội dung bãi bỏ tại dự thảo Nghị định để thống nhất, đồng bộ với các nội dung sửa đổi nêu trên.
Điều khoản thi hành		
	Bổ sung quy định “Việc xử lý trường hợp tổng chi phí cho việc huy động vốn nhỏ hơn tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn của các hoạt động được cấp bù chênh lệch lãi suất theo quy định tại khoản 5 Điều 40 Nghị định này và việc xác định tiền lương người quản lý, thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 40 Nghị định này áp dụng từ thời điểm Nghị định số 46/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.”	Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính rà soát, điều chỉnh nội dung quy định hiệu lực trở về trước từ Điều khoản chuyển tiếp sang điều khoản thi hành; để đảm bảo tạo căn cứ pháp lý rõ ràng, công khai minh bạch trong triển khai thực hiện.
	Bổ sung quy định “Việc xác định tiền lương người quản lý, thành viên Ban kiểm soát NHPT (thuộc cơ cấu phí quản lý do NSNN cấp cho NHPT) từ năm 2021 đến năm 2024 theo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, trường hợp hoàn thành nhiệm vụ tối đa không vượt quá mức tiền lương đối với hạng Tổng công ty đặc biệt tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ”.	+ Theo quy định hiện hành tại điểm b, khoản 2 Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, tiền lương của người quản lý và Ban kiểm soát trong giai đoạn cơ cấu lại được xác định theo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, trường hợp hoàn thành nhiệm vụ tối đa không vượt quá mức tiền lương quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ¹² . Tuy nhiên chưa quy định rõ áp dụng theo mức đối với hạng công ty nào (Tập đoàn kinh tế; Tổng công ty đặc biệt; Tổng công ty

¹² Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
		<p>hay Công ty hạng I/II/III).</p> <p>+ Trước năm 2021, NHPT được xếp hạng <u>Tổng công ty nhà nước đặc biệt</u>¹³. Từ năm 2021, NHPT chưa được xếp hạng công ty để làm căn cứ chi trả và xem xét phê duyệt quỹ tiền lương cho người quản lý NHPT. Xét về quy mô vốn và tính chất hoạt động tương tự như NHPT, hiện nay tiền lương của người quản lý NHCSXH cũng được xác định theo hạng Tổng công ty nhà nước đặc biệt. Về nội dung này, trên cơ sở ý kiến thống nhất của Bộ LĐTĐ, Bộ Tài chính đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1051/QĐ-TTg ngày 27/9/2024 phê duyệt tỷ lệ phí quản lý giai đoạn 2021-2023 của NHPT, trong đó chi phí tiền lương của người quản lý và thành viên Ban kiểm soát NHPT được xác định theo mức đối với hạng Tổng công ty nhà nước đặc biệt. Do đó, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ bổ sung nội dung này tại dự thảo Nghị định để có đầy đủ căn cứ pháp lý thực hiện quyết toán tiền lương cho người quản lý NHPT từ năm 2021 đến năm 2024, đồng thời cùng phù hợp với tình hình thực tế, quy mô hoạt động của NHPT và phương án giao phí quản lý giai đoạn 2021-2023 đối với NHPT đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</p>
	Bổ sung quy định “Việc xác định số dự phòng rủi ro NHPT cần phải trích lập theo quy định tại điểm a,	- Điều 15 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP quy định NHPT phải tính toán đầy đủ và theo dõi

¹³ Theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Quy chế quản lý tài chính đối với NHPT ban hành kèm theo Quyết định số 44/2007/QĐ-TTg ngày 30/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý tài chính của NHPT. Quyết định số 44/2007/QĐ-TTg đã hết hiệu lực thi hành sau khi Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ban hành

Dự thảo gửi Bộ Tư pháp thẩm định	Dự thảo hoàn thiện sau khi Bộ Tư pháp thẩm định	Căn cứ sửa đổi
	<p>khoản 6 Điều 1 Nghị định này và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với các khoản nợ vay của Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư ký lần đầu kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2023 theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định này thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với ngân hàng thương mại kể từ ngày 11 tháng 7 năm 2024.”</p>	<p>số dự phòng rủi ro phải trích lập theo quy định của NHNN đối với NHTM. Đồng thời Nghị định số 78/2028/NĐ-CP về sửa đổi cơ chế tín dụng đầu tư của Nhà nước (tại Nghị định số 32/2017/NĐ-CP) cũng quy định các khoản cho vay mới tín dụng đầu tư phải được trích lập đầy đủ dự phòng theo quy định của NHNN đối với NHTM (tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN).</p> <p>- Tuy nhiên, Luật Các TCTD năm 2024 (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024) đã sửa đổi thẩm quyền ban hành quy định về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của các TCTD là Chính phủ (thay vì NHNN như trước đây); theo đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 86/2024/NĐ-CP quy định về mức trích, phương pháp trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng của TCTD (không bao gồm NHCS) có hiệu lực kể từ ngày 11/7/2024, thay thế Thông tư số 11/2021/TT-NHNN.</p> <p>- Do đó, để đảm bảo phù hợp với quy định mới tại Luật Các TCTD, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để NHPT triển khai thực hiện, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ quy định tại điều khoản thi hành đối với việc xác định số dự phòng rủi ro NHPT cần phải trích lập và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay mới tín dụng đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật đối với ngân hàng thương mại kể từ ngày 11/7/2024 (thời điểm Nghị định số 86/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành).</p>



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

**Về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo
Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
46/2021/NĐ-CP về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động
của Ngân hàng Phát triển Việt Nam**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam (NHPT) (sau đây gọi là Nghị định). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

- Mục đích: Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định tại Nghị định nhằm: (i) Phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; (ii) Sửa đổi các quy định chưa phù hợp, các vấn đề còn tồn tại, vướng mắc để tháo gỡ khó khăn, đảm bảo triển khai thi hành Nghị định; (iii) Rà soát và cập nhật pháp luật về ngân hàng, kế toán, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành; đảm bảo chính sách xây dựng mang tính thực thi và ổn định trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định.

- Yêu cầu:

+ Tuân thủ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bám sát mục tiêu, yêu cầu, nội dung rà soát theo quy định.

+ Rà soát đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

2.1. Phạm vi, đối tượng rà soát

Phạm vi, đối tượng rà soát là các văn bản quy phạm pháp luật đang còn hiệu lực, các văn bản chỉ đạo liên quan đến các nội dung quy định trong dự thảo Nghị định, bao gồm:

a) Các luật có liên quan

- Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

- Luật Đầu tư công năm 2024;
- Luật Kế toán năm 2015;
- Luật Kiểm toán độc lập năm 2011;
- Bộ Luật dân sự năm 2015.

b) Nghị định của Chính phủ

- Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của NHPT;
- Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước;
- Nghị định số 78/2023/NĐ-CP ngày 07/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

c) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 03/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của NHPT.

c) Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thông tư số 128/2021/TT-BTC ngày 31/12/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

2.2. Nội dung rà soát

Rà soát, đối chiếu, cập nhật các nội dung quy định trong dự thảo Nghị định và các văn bản pháp luật có liên quan đến các nội dung quy định tại dự thảo Nghị định để đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Luật Đầu tư công năm 2024, Luật Kế toán năm 2015, Luật Kiểm toán độc lập năm 2011, Bộ Luật dân sự năm 2015 và các quy định của pháp luật có liên quan, trên cơ sở đó hoàn thiện Nghị định để phù hợp với yêu cầu triển khai thi hành, quản lý nhà nước và đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Kết quả chung

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định: Qua rà soát đã xác định được có 11 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định bao gồm các văn bản sau (06 Luật của Quốc hội, 03 Nghị định của Chính phủ; 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 01 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

2. Kết quả cụ thể

Trên cơ sở hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, về cơ bản các nội dung mới tại dự thảo Nghị định đã phù hợp các quy định pháp luật hiện hành. Cụ thể như sau:

2.1. Nguyên tắc quản lý tài chính

Dự thảo Nghị định sửa đổi một số nội dung về nguyên tắc quản lý tài chính của NHPT quy định tại Điều 4 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP để đảm bảo đồng bộ và thống nhất với quy định về NHCS tại Luật Các TCTD. Theo đó, NHPT là NHCS do Thủ tướng Chính phủ thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách KT-XH của Nhà nước; được Nhà nước đảm bảo khả năng thanh toán; được cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý; được miễn nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định của pháp luật; không phải thực hiện dự trữ bắt buộc; không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi.

2.2. Về vốn hoạt động của NHPT

- Dự thảo Nghị định sửa đổi quy định về vốn điều lệ của NHPT tại điểm a, khoản 1 Điều 6 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP để phù hợp, đồng bộ với quy định tại Điều 18 Luật Các TCTD năm 2024, cụ thể: *“Vốn điều lệ của NHPT do NSNN cấp và được bổ sung trong quá trình hoạt động từ NSNN và các nguồn tài chính hợp pháp khác”*.

- Ngoài ra, để đảm bảo nguyên tắc dự thảo Nghị định có thể triển khai ngay khi ban hành, dự thảo Nghị định bổ sung quy định nguyên tắc xác định lãi suất huy động đối với các hình thức phát hành giấy tờ có giá (không bao gồm trái phiếu Chính phủ bảo lãnh) và nhận tiền gửi của tổ chức trong và ngoài nước trên cơ sở kế thừa các quy định tại Thông tư số 128/2021/TT-BTC và đã áp dụng ổn định.

- Nghị định quy định cụ thể về việc lập, chấp hành, quyết toán vốn ngân sách nhà nước đối với vốn điều lệ của NHPT đảm bảo theo quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các văn bản pháp luật có liên quan.

2.3. Về đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định

Về cơ bản, nội dung về đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định tại Nghị định kế thừa quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, phù hợp với quy định pháp luật về quản lý tài sản công, quản lý đất đai và quy định pháp luật liên quan. Cụ thể:

+ Quy định về việc quản lý các tài sản cố định thuộc sở hữu của NHPT (bao gồm đầu tư, mua sắm, khấu hao, kiểm kê, đánh giá, thanh lý, nhượng bán, cho thuê) tuân thủ theo quy định của pháp luật áp dụng với công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Đối với tài sản NHPT được Nhà nước giao hoặc cho thuê, NHPT có trách nhiệm thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đất đai và quy định của pháp luật liên quan.

+ Giới hạn đầu tư tài sản cố định (bao gồm tài sản Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất) phục vụ cho hoạt động của NHPT tiếp tục duy trì theo quy định hiện nay, không được vượt quá 25% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán của NHPT.

2.4. Về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

- Về phân loại nợ: Dự thảo Nghị định quy định NHPT thực hiện phân loại nợ theo hướng dẫn của NHNN và kết quả phân loại nợ khách hàng của NHPT được Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia (CIC) tổng hợp chung vào kết quả phân loại nợ của toàn hệ thống các TCTD; đồng thời quy định NHPT và các TCTD phải điều chỉnh nhóm nợ của khách hàng theo nhóm nợ cao nhất để tránh doanh nghiệp trục lợi chính sách, chây ỳ không trả nợ cho NHPT. Nội dung này phù hợp với quy định về thẩm quyền hướng dẫn phân loại nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại

- Về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng: Về cơ bản nội dung trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng của NHPT tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP. Ngoài ra, dự thảo Nghị định bổ sung quy định về trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng đối với hoạt động tín dụng đầu tư mới theo quy định tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP¹ như đối với NHTM và theo dõi Quỹ dự phòng riêng, đảm bảo phù hợp với kết luận của Bộ Chính trị, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027.

2.5. Về cấp bù lãi suất và phí quản lý

Dự thảo Nghị định sửa đổi quy định về cấp bù lãi suất và phí quản lý của NHPT để đảm bảo đồng bộ, phù hợp với quy định tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP và chỉ đạo của Bộ Chính trị về phương án cơ cấu lại NHPT, cụ thể:

- NSNN chỉ cấp bù lãi suất và phí quản lý đối với các khoản nợ vay cũ của các Hợp đồng tín dụng ký trước ngày Nghị định số 78/2023/NĐ-CP có hiệu lực và trong cơ cấu phí quản lý không có trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

- NSNN không cấp bù lãi suất và phí quản lý cho: (i) Các khoản nợ vay

¹ Nghị định số 78/2023/NĐ-CP ngày 07/11/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

mới theo Nghị định số 78/2023/NĐ-CP; (ii) Các khoản nợ vay cũ của các dự án tín dụng đầu tư đã ký hợp đồng tín dụng và giải ngân nhưng NHPT điều chỉnh lãi suất, cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP.

2.7. Về phân phối kết quả tài chính của NHPT

Trên cơ sở quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và tính chất hoạt động của NHPT không vì mục tiêu lợi nhuận, Nghị định quy định trích các quỹ sau chênh lệch thu chi bao gồm: (i) quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; (ii) quỹ dự phòng tài chính; (iii) quỹ đầu tư phát triển; (iv) quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động; (v) quỹ thưởng người quản lý, cụ thể như sau:

- *Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ*: trích 10% để phù hợp khoản 2 Điều 148 Luật Các TCTD;

- *Quỹ dự phòng tài chính*: Giữ nguyên tỷ lệ trích 10%;

- *Quỹ đầu tư phát triển*: sửa đổi tỷ lệ trích từ 25% lên 30% để tăng nguồn đầu tư mở rộng quy mô hoạt động; đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của NHPT và bổ sung vốn điều lệ nhằm tăng cường năng lực tài chính cho NHPT.

2.8. Về chế độ kế toán, kiểm toán của NHPT

- *Về chế độ kế toán*: Dự thảo Nghị định quy định lộ trình để NHPT chuyển đổi hạch toán thu nhập, chi phí theo phương pháp kế toán dồn tích. Nội dung này đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Kế toán năm 2015 và các quy định pháp luật liên quan; đồng thời phù hợp với thực tế hoạt động của NHPT.

- *Về kiểm toán*: Dự thảo Nghị định quy định báo cáo tài chính của NHPT được kiểm toán theo quy định của pháp luật; theo đó, báo cáo tài chính của NHPT được kiểm toán theo Kế hoạch của Kiểm toán Nhà nước và kiểm toán độc lập, đảm bảo phù hợp với Luật Kiểm toán độc lập năm 2011 và các quy định của pháp luật liên quan.

2.9. Về đánh giá hiệu quả hoạt động

Dự thảo Nghị định quy định việc đánh giá hiệu quả hoạt động đối với NHPT theo 05 tiêu chí, gồm: (i) Tăng trưởng tín dụng; (ii) Tỷ lệ nợ xấu NHPT chịu rủi ro tín dụng; (iii) Kết quả tài chính; (iv) Tình hình chấp hành pháp luật của NHPT; và (v) Tình hình chấp hành chế độ báo cáo về chế độ quản lý tài chính. Nội dung này cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP; đồng thời, hoàn thiện để đảm bảo phù hợp với tính chất hoạt động của NHPT.

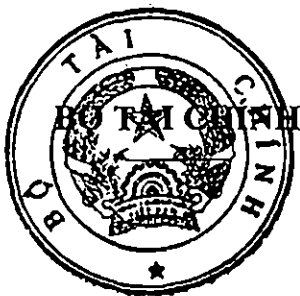
2.11. Tổ chức thực hiện

Về hiệu lực thi hành: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại

Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 29/3/2024 về kế hoạch triển khai thi hành Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và Công văn số 5058/VPCP-KTTH ngày 17/7/2024 thông báo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái đồng ý cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn, Bộ Tài chính kiến nghị hiệu lực thi hành của Nghị định kể từ ngày ký.

III. Kết luận

Trên đây là báo cáo của Bộ Tài chính rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung quy định tại dự thảo Nghị định về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với NHPT. Về cơ bản các nội dung dự thảo Nghị định đã phù hợp đồng bộ thống nhất với các quy định pháp luật hiện hành./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2025

BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH

Về Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam

1. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Các Bộ, ngành

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, triển khai thực hiện kết luận của Bộ Chính trị, chỉ đạo của Ban cán sự Đảng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu lại Ngân hàng Phát triển Việt Nam (NHPT) giai đoạn 2023-2027, liên quan đến nhiệm vụ giao Bộ Tài chính khẩn trương hoàn thiện, ban hành sớm cơ chế, chính sách cơ cấu lại NHPT theo thẩm quyền và quy định pháp luật, trong đó có việc trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của NHPT (Nghị định số 46/2021/NĐ-CP); căn cứ văn bản số 247/TB-VPCP ngày 29/05/2024 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ phê duyệt đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2021/NĐ-CP; trên cơ sở văn bản đề xuất, báo cáo của NHPT, Bộ Tài chính đã hoàn thiện và gửi xin ý kiến các Bộ, ngành và cơ quan liên quan dự thảo hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với NHPT tại công văn số 11354/BTC-TCNH ngày 22/10/2024.

2. Các Bộ, ngành và tổ chức có liên quan lấy ý kiến

- Các Bộ, ngành và tổ chức có liên quan lấy ý kiến bao gồm: Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam; các Bộ: Công an, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động – Thương binh và Xã hội, Ngoại giao; Thanh tra Chính phủ; Văn phòng Chính phủ; Kiểm toán Nhà nước; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và NHPT.

- Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến của Kiểm toán Nhà nước tại công văn số 1445/KTNN-CNVII ngày 07/11/2024, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại công văn số 5692/BLĐTBXH-CQHLĐTL ngày 13/11/2024; Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 9260/BKHĐT-TCTT ngày 11/11/2024; Bộ Công an tại công văn số 3987/BCA-ANKT ngày 07/11/2024; Thanh tra Chính phủ ngày 21/10/2024; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại công văn số 9082/NHNN-TCKT ngày 04/11/2024; Bộ Nội Vụ tại công văn số 7042/BNV-PC ngày 06/11/2024; Bộ Ngoại giao tại công văn số 6150/BNG-THTK ngày 06/11/2024; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại công văn số 96/MTTW- BTT ngày 07/11/2024; Bộ Tư pháp tại công văn số 7363/BTP-PLDSKT ngày 23/12/2024 và NHPT tại công văn số 105/NHPT-HĐQT ngày 30/10/2024 (Bộ Tài chính chưa nhận được ý kiến tham gia của Văn phòng Chính phủ).

Trên cơ sở ý kiến của các Bộ, ngành và NHPT, Bộ Tài chính đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
I	Về dự thảo Nghị định			
1	Ý kiến tham gia chung	Bộ Nội vụ	Đề nghị bám sát các dự án Luật được sử dụng làm căn cứ pháp lý hiện đang trình Quốc hội xem xét, thông qua (Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công,...) để rà soát nội dung Nghị định đảm bảo thống nhất, đồng bộ, khả thi.	Tiếp thu ý kiến tham gia của Bộ Nội Vụ, Bộ Tài chính đã rà soát dự thảo Nghị định để đảm bảo đồng bộ với quy định tại Luật Đầu tư công năm 2024 và Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2020 và năm 2024)
		Bộ Nội vụ	Đề nghị rà soát quy định bảo đảm Nghị định sau khi được ban hành không làm tăng thêm đầu mối tổ chức, biên chế (người hưởng lương từ NSNN) theo đúng chỉ đạo của Nghị quyết số 18-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	Tiếp thu ý kiến tham gia của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính đã rà soát quy định tại dự thảo Nghị định, đảm bảo sau khi ban hành không làm tăng thêm đầu mối tổ chức, biên chế theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW.
		Bộ Tư pháp	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ	Tiếp thu ý kiến tham gia và ý kiến thẩm định của Bộ

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung của dự thảo Nghị định thuộc phạm vi chính sách nào tại Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị định, đảm bảo phù hợp với phạm vi chính sách đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua.	Tư pháp, Bộ Tài chính đã rà soát phạm vi nội dung chính sách tại dự thảo Nghị định, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với phạm vi nội dung chính sách tại hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Thông báo số 247/TB-VPCP; đối với các nội dung bổ sung ngoài 03 chính sách chính đã được Lãnh đạo Chính phủ thông qua tại hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định đã được Bộ Tài chính báo cáo đầy đủ tại Tờ trình Chính phủ và đánh giá tác động chính sách.
		Bộ Tư pháp	Điều 26 Luật Các TCTD năm 2024 giao Chính phủ quy định cơ chế tài chính liên quan đến NHCS. Đề nghị rà soát nội dung đánh giá hiệu quả hoạt động của NHPT có thuộc phạm vi quản lý tài chính của NHPT không.	Điều 26 Luật Các TCTD năm 2024 giao Chính phủ quy định cơ chế tài chính, tiền lương, tổ chức lại, giải thể, kiểm tra, thanh tra, giám sát NHCS và các nội dung khác có liên quan đến NHCS. Theo đó, “ <i>đánh giá hiệu quả hoạt động</i> ” thuộc nhóm nội dung khác có liên quan đến NHCS và được quy định tại dự thảo Nghị định là phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ tại Điều 26 Luật Các TCTD năm 2024 nêu trên.
		Bộ Tư pháp	Đề nghị rà soát dự thảo Nghị định và các dự thảo văn bản quy phạm về NHCS hiện nay Bộ Tài chính đang xây dựng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đảm bảo thống nhất, đồng bộ.	Tiếp thu ý kiến tham gia của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã rà soát dự thảo Nghị định, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của NHPT, Quyết định số 02/2025/QĐ-TTg ngày 06/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý rủi ro tín dụng của NHPT.
2	Giải thích từ ngữ (khoản 1 Điều 1)	Ngân hàng Nhà nước	Căn cứ theo quy định tại Quyết định 90/QĐ-TTg (mục B.I.1.a) về việc Nhà nước không cấp bù lãi suất và phí quản lý đối với các khoản cho vay mới của NHPT; đề nghị rà soát lại nội dung giải thích từ ngữ đối với “các khoản cho vay khác” mà NHPT cho	Qua rà soát, Bộ Tài chính đánh giá không cần thiết sửa đổi khoản 3 Điều 3 do các khoản tín dụng đầu tư mới đã thuộc phạm vi điều chỉnh của khoản 1 Điều 3 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			vay theo lãi suất thỏa thuận, NSNN không cấp bù lãi suất và phí quản lý.	
		NHPT	Đề nghị bỏ nội dung “không bao gồm các khoản nợ vay của HĐTD đầu tư ký lần đầu kể từ ngày 22/12/2023” do đã giải thích tại điểm a, khoản 1 Điều 3 về tín dụng đầu tư.	
3	Nguyên tắc quản lý tài chính (khoản 2 Điều 1)	Ngân hàng Nhà nước	Căn cứ theo quy định tại Quyết định 90/QĐ-TTg (mục B.I.1.a) về việc Nhà nước không cấp bù lãi suất và phí quản lý đối với các khoản cho vay mới của NHPT; đề nghị rà soát nguyên tắc NHPT được Nhà nước cấp bù lãi suất và phí quản lý.	Dự thảo Nghị định sửa đổi khoản 2 Điều 4 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng quy định NHPT được Nhà nước cấp bù lãi suất và phí quản lý để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định tại Nghị định này. Theo đó, dự thảo Nghị định đã sửa đổi Điều 19 (về cấp bù lãi suất) và Điều 20 (về phí quản lý) Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng quy định cụ thể các hoạt động NSNN được cấp bù lãi suất và phí quản lý; đảm bảo phù hợp với quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg.
		Thanh tra Chính phủ	Dự thảo Nghị định bỏ quy định NHPT hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP nhưng tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung vẫn quy định NHPT thực hiện xác định mức chi phí (khoản 16), cơ chế tiền lương (khoản 18), sử dụng quỹ đầu tư phát triển (khoản 20), đánh giá xếp loại người quản lý NHPT (khoản 25), cơ chế tiền lương và chế độ cho lao động dôi dư trong giai đoạn cơ cấu lại (khoản 29) áp	<ul style="list-style-type: none"> - Trên cơ sở quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của NHPT ban hành kèm theo Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 03/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Điều 4 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP đã quy định NHPT là NHCS, hoạt động theo mô hình công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. - Về quy định tại Luật Các TCTD năm 2024: <ul style="list-style-type: none"> + Điều 6 Luật Các TCTD quy định cụ thể hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã bao gồm: ngân hàng thương mại (NHTM), TCTD phi ngân hàng, TCTD liên doanh, TCTD 100%

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			dụng theo quy định pháp luật đối với công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Đề nghị Bộ Tài chính rà soát để đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các TCTD và pháp luật liên quan.	vốn nước ngoài, ngân hàng hợp tác xã và quỹ tín dụng nhân dân); theo đó, không quy định hình thức pháp lý của NHCS phải là doanh nghiệp. + Đối với NHCS: Tại Chương II (từ Điều 16 đến Điều 26) Luật Các TCTD đã quy định riêng về địa vị pháp lý của NHCS là TCTD do Thủ tướng Chính phủ thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước; Cơ cấu tổ chức quản lý riêng của NHCS bao gồm: (i) Hội đồng quản trị, (ii) Ban kiểm soát, (iii) Tổng giám đốc và cơ cấu quản trị khác theo quy định của Chính phủ.
		Ngân hàng Nhà nước	Việc giữ quy định NHPT hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (theo Nghị định số 46 và Quyết định số 1515/QĐ-TTg) không mâu thuẫn với quy định tại Luật các TCTD năm 2024. Trường hợp bỏ quy định này thì NHPT sẽ không thuộc đối tượng áp dụng của Luật quản lý và sử dụng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, nên không có cơ sở để áp dụng các quy định tại Luật này và các Nghị định hướng dẫn (về đại diện chủ sở hữu, đánh giá, xếp loại, giám sát tài chính, thanh kiểm tra, chế độ tiền lương,...). Đề nghị xác định mô hình hoạt động của NHPT phù hợp với tình hình thực tế, tránh tạo khoảng trống pháp lý trong quản lý vốn nhà nước tại NHPT dẫn đến khó khăn, vướng mắc khi phát sinh nội dung mới chưa được quy định tại dự thảo Nghị định gây xáo trộn trong khi NHPT đã	- Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì: (i) Doanh nghiệp được thành lập nhằm mục đích kinh doanh (<i>khoản 10 Điều 4</i>); (ii) Cơ cấu tổ chức quản lý là “ <i>Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát</i> ” chỉ áp dụng cho công ty cổ phần (<i>Điều 137</i>), trong khi doanh nghiệp nhà nước dưới hình thức công ty TNHH MTV áp dụng theo một trong hai mô hình “ <i>Chủ tịch công ty, Giám đốc/Tổng giám đốc, Ban kiểm soát</i> ” hoặc “ <i>Hội đồng thành viên, Giám đốc/Tổng giám đốc, Ban kiểm soát</i> ” (<i>Điều 90</i>). Do đó, về bản chất, hoạt động của ngân hàng chính sách có tính chất riêng, không hoàn toàn đồng nhất với doanh nghiệp. - Căn cứ quy định tại Luật Các TCTD năm 2024 và quy định của pháp luật liên quan, Bộ Tài chính đã có

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			hoạt động ổn định theo mô hình doanh nghiệp 100% vốn nhà nước kể từ năm 2015 đến nay.	Tờ trình số 370/TTr-BTC ngày 20/12/2024 trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động của NHPT (thay thế Quyết định số 1515/QĐ-TTg), trong đó đã trình Chính phủ bỏ nội dung quy định NHPT hoạt động theo mô hình công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật cũng như tính chất hoạt động của NHPT. Nội dung này tại Dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của NHPT đã được Văn phòng Chính phủ gửi xin ý kiến của các thành viên Chính phủ, theo đó Bộ Tài chính nhận được 24/27 Phiếu ý kiến Thành viên Chính phủ và tất cả 24/24 Thành viên Chính phủ đều biểu quyết đồng ý thông qua nội dung dự thảo Nghị định của Bộ Tài chính.
		Bộ Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo Nghị định bỏ quy định NHPT hoạt động theo mô hình công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Đề nghị cân nhắc, đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 17 và Điều 18 Luật Các tổ chức tín dụng. - Trường hợp bỏ quy định NHPT hoạt động theo mô hình công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có bảo đảm cho việc xác định/quy định về cơ chế tài chính, tiền lương, tiền thưởng, kiểm tra, thanh tra, giám sát, tổ chức lại, giải thể đối với NHPT và có bảo đảm tính hiệu quả, khả thi trong quá trình hoạt động của NHPT hay không? - Đề nghị rà soát đảm bảo nội dung này đồng bộ với dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của NHPT. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xét về bản chất nguồn vốn, NHPT do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, do đó cơ chế quản lý tài chính của NHPT cũng được xây dựng bám sát quy định về quản lý tài chính áp dụng đối với công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để NHPT thực hiện nhiệm vụ được giao (đối với các nội dung gắn với tính chất hoạt động của NHPT thì sẽ được quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định để phù hợp với tình hình thực tế) là phù hợp với quy định tại Luật Các TCTD năm 2024.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
4.	<i>Vốn hoạt động của NHPT (khoản 3 Điều 1)</i>	Bộ Công an	Về lãi suất huy động vốn: cần nghiên cứu rõ hơn về việc NHPT được lựa chọn lãi suất huy động cao nhất hay lãi suất huy động bình quân của 4 TCTD (Vietcombank, Vietinbank, BIDV, Agribank).	Ý kiến của Bộ Công An đã được thể hiện tại khoản 4 Điều 6 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung: “... <u>Lãi suất huy động theo lãi suất thị trường theo đúng quy định của pháp luật nhưng không được vượt quá mức lãi suất huy động tiền gửi cao nhất cùng kỳ hạn, cùng thời điểm của bốn ngân hàng....</u> ”
		Bộ Công an	Về vốn khác: nghiên cứu, cân nhắc trong việc bổ sung quy định nguồn vốn khác là vốn tài trợ không hoàn lại của các tổ chức trong nước và nước ngoài để hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực cho NHPT. Do khoản vốn vay đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu hoặc vốn huy động và được quy định chung để phục vụ hoạt động của NHPT; việc tiếp tục quy định là khoản vốn khác có thể dẫn đến trùng lặp, giới hạn mục đích sử dụng.	Thực tế thời gian qua, NHPT được tiếp nhận một số khoản tài trợ không hoàn lại theo các thỏa thuận tài trợ với các tổ chức quốc tế (như hỗ trợ kỹ thuật nâng cao chất lượng tín dụng xanh phục vụ tăng trưởng xanh tăng trưởng bền vững của Quỹ GCF). Khác với nguồn vốn nhận tài trợ không hoàn lại cho NHPT để thực hiện nhiệm vụ tín dụng chính sách (thuộc vốn chủ sở hữu), nguồn vốn nhận tài trợ (thuộc nguồn vốn khác) cần được sử dụng gắn với thỏa thuận tài trợ theo quy định của pháp luật. Do đó, dự thảo Nghị định bổ sung quy định nguồn vốn nhận tài trợ trong nguồn vốn khác của NHPT để phân biệt hai nguồn vốn nhận tài trợ nêu trên.
		Ngân hàng Nhà nước	Tại khoản 4 Điều 6 sửa đổi, đề nghị cân nhắc quy định lãi suất huy động vốn của NHPT theo lãi suất thị trường và làm rõ quy định lãi suất huy động theo đúng quy định pháp luật là quy định nào?	Tiếp thu ý kiến tham gia của NHNN, Bộ Tài chính hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng quy định “... lãi suất huy động theo lãi suất thị trường theo đúng quy định pháp luật nhưng không vượt quá mức lãi suất huy động tiền gửi cao nhất cùng kỳ hạn, cùng thời điểm của bốn ngân hàng... ”
		Ngân hàng Nhà nước	Đề nghị rà soát sửa đổi tiêu đề khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định để phù hợp với phạm vi sửa đổi, bổ sung.	Tiếp thu ý kiến tham gia của NHNN, Bộ Tài chính đã rà soát sửa đổi tiêu đề khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định là “ <i>Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:</i> ”
		NHPT	Đề nghị bổ sung quy định mức vốn điều lệ của NHPT là 30.000 tỷ đồng để khẳng định	Dự thảo Nghị định không quy định mức vốn điều lệ tối đa của NHPT do bản chất của vốn điều lệ là vốn góp

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			năng lực tài chính và quy mô hoạt động của NHPT.	hoặc cam kết góp của chủ sở hữu khi thành lập doanh nghiệp, đồng thời việc góp đủ số vốn đã cam kết cần phải thực hiện trong thời gian quy định (90 ngày đối với doanh nghiệp). Đối với NHPT là NHCS của nhà nước, vốn điều lệ chủ yếu do NSNN cấp, phụ thuộc vào khả năng cân đối của NSNN và nhu cầu, hiệu quả sử dụng vốn của NHPT. Theo đó, việc quy định mức vốn điều lệ tối đa, vượt quá mức vốn điều lệ thực có sẽ không phản ánh đúng năng lực tài chính và quy mô hoạt động của NHPT.
5	Bổ sung vốn điều lệ đối với NHPT (khoản 4 Điều 1)	Ngân hàng Nhà nước	Đề nghị giữ quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP về việc Thủ tướng Chính phủ quyết định tăng vốn điều lệ cho NHPT trên cơ sở đề nghị của NHPT và ý kiến của Bộ Tài chính; không quy định NHNN phải có ý kiến đối với phương án bổ sung vốn điều lệ từ các quỹ của NHPT. Lí do: Việc tăng vốn điều lệ nhằm đảm bảo NHPT có nguồn lực triển khai các nhiệm vụ tín dụng chính sách được giao. Việc giao kế hoạch tài chính, giám sát tài chính đối với NHPT thuộc trách nhiệm của Bộ Tài chính. Trường hợp TTCP yêu cầu NHNN có ý kiến thì thực hiện theo quy chế làm việc của Chính phủ.	Theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật NHNN năm 2010, NHNN thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng đối với các tổ chức tín dụng (trong đó bao gồm cả NHPT). Việc tăng vốn điều lệ là nhằm bổ sung nguồn lực để triển khai hoạt động tín dụng của NHPT. Do đó, Bộ Tài chính cho rằng việc NHNN có tham gia ý kiến vào đề xuất bổ sung vốn điều lệ của NHPT trước khi trình Thủ tướng Chính phủ là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của NHNN và quy chế làm việc của Chính phủ quy định tại Nghị định số 39/2022/NĐ-CP.
		Bộ Tư pháp	- Đề nghị làm rõ cơ sở quy định NHPT được NSNN cấp bổ sung VDL hằng năm để đạt tỷ lệ tăng trưởng vốn điều lệ bằng tỷ lệ tăng trưởng dư nợ tín dụng đầu tư của Nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao.	- Về cơ sở quy định cấp bổ sung vốn điều lệ cho NHPT từ NSNN: Nội dung này đã được Bộ Tài chính báo cáo cụ thể tại điểm V.2.3.b dự thảo Tờ trình Chính phủ ban hành Nghị định. - Như đã báo cáo tại mục 3 nêu trên, căn cứ vào mục

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			- Đề nghị làm rõ việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho NHPT có chịu sự điều chỉnh của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp hay không?	tiêu hoạt động và cơ cấu tổ chức quản lý, NHPT không phải là doanh nghiệp và không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật số 69/2014/QH13, do đó việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho NHPT không chịu sự điều chỉnh của Luật này.
		Bộ Tư pháp	Đề nghị làm rõ cơ sở quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung vốn điều lệ cho NHPT từ các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, đảm bảo phù hợp về phạm vi phân cấp, ủy quyền thực hiện “ <i>nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu nhà nước</i> ”, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.	- Đối với doanh nghiệp nhà nước: Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật số 69/2014/QH13, Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp do mình quyết định thành lập. - Đối với NHCS: Theo quy định tại Luật các TCTD, NHCS do Thủ tướng Chính phủ thành lập. Vốn điều lệ của NHPT đến nay do Nhà nước cấp 100% và hoạt động cơ bản trên cơ sở bám sát các quy định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Do đó, việc quy định Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án bổ sung vốn điều lệ từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ đầu tư phát triển (tương tự như đối với doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ thành lập, Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) là phù hợp.
6.	Sử dụng vốn và tài sản (khoản 5 Điều 1)	Bộ Công an	Đề nghị cân nhắc bổ sung quy định NHPT sử dụng vốn tài trợ không hoàn lại để hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực do nguồn vốn này được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu của NHPT để thực hiện nhiệm vụ được giao; việc quy định riêng mục đích sử dụng vốn có thể mâu thuẫn hoặc không đầy đủ nội dung sử dụng vốn.	Việc bổ sung quy định sử dụng vốn tài trợ không hoàn lại để hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực thực hiện theo thỏa thuận giữa bên tài trợ và NHPT. Nội dung này được bổ sung theo đề xuất của NHPT, xuất phát từ thực tế thời gian qua NHPT được các tổ chức quốc tế (Quỹ Môi trường toàn cầu) tài trợ dưới hình thức hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực để tiếp cận tài chính xanh (nguồn vốn tài trợ này không được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ tín dụng chính sách), tuy nhiên do chưa

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				có quy định về mục đích sử dụng vốn này nên NHPT gặp vướng mắc trong quá trình tiếp nhận tài trợ. Do đó, Bộ Tài chính đã bổ sung quy định nêu trên để tháo gỡ vướng mắc trong thực tế triển khai cho NHPT.
		Bộ Công an	Dự thảo Nghị định quy định NHPT được sử dụng nguồn vốn nhân rồi của để gửi tại tổ chức tín dụng có chất lượng tốt; cần xác định rõ tiêu chí, điều kiện cụ thể, tổ chức đánh giá, thời gian đánh giá tổ chức tín dụng chất lượng tốt.	Theo quy định tại Điều 58 Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010, NHNN thực hiện giám sát TCTD thông qua xếp hạng các TCTD hằng năm. NHNN đã ban hành Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 hướng dẫn về xếp hạng tổ chức tín dụng (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2021/TT-NHNN). Tuy nhiên theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 52/2018/TT-NHNN, kết quả xếp hạng không được cung cấp cho bên thứ ba dưới bất kỳ hình thức nào. Do đó, tiếp thu ý kiến của Kiểm toán Nhà nước, để đảm bảo tính khả thi trong triển khai thực hiện, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng giữ quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 8 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, giao NHPT lựa chọn tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để gửi tiền đảm bảo an toàn, không để mất vốn.
		Kiểm toán Nhà nước	Dự thảo Nghị định quy định NHPT được sử dụng nguồn vốn nhân rồi của để gửi tại ngân hàng thương mại có chất lượng tốt. Tuy nhiên theo quy định tại văn bản hợp nhất số 02/VBHN-NHNN ngày 10/01/2022 quy định kết quả xếp hạng tổ chức tín dụng không được công khai, các đơn vị được cung cấp kết quả xếp hạng phải lưu trữ và sử dụng theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước ngành ngân hàng.	
		NHPT	Dự thảo Nghị định quy định NHPT sử dụng nguồn vốn nhân rồi để gửi tại các ngân hàng thương mại có chất lượng tốt. Tuy nhiên, pháp luật không quy định cụ thể về xác định NHTM có chất lượng tốt. Do đó, đề nghị Bộ Tài chính bỏ cụm từ “có chất lượng tốt theo quy định pháp luật” hoặc bổ sung hướng dẫn cụ thể xác định NHTM có chất lượng tốt theo quy định của pháp luật.	

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Ngân hàng Nhà nước	Đề nghị bỏ quy định cho phép NHPT được mua tín phiếu của NHNN do đây là công cụ thực hiện chính sách tiền tệ, NHPT không phù hợp với đối tượng được mua tín phiếu của NHNN.	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 16/2019/TT-NHNN ngày 22/10/2019 về phát hành tín phiếu NHNN: đối tượng mua tín phiếu NHNN là các tổ chức tín dụng có tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam tại NHNN. - Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 16/2019/TT-NHNN, tổ chức tín dụng bao gồm cả ngân NHCS (nội dung tại khoản này được sửa đổi bởi Thông tư số 44/2024/TT-NHNN ngày 30/8/2024, tuy nhiên vẫn giữ đối tượng là NHCS). <p>Do đó, việc quy định NHPT được mua tín phiếu NHNN là tiếp tục kế thừa các quy định hiện hành đang áp dụng với NHPT và phù hợp với quy định pháp luật về đối tượng được mua tín phiếu NHNN.</p>
7	Bảo đảm an toàn vốn (khoản 6 Điều 1)	Ngân hàng Nhà nước	Hiện nay, giới hạn cho vay đối với tín dụng đầu tư của NHPT được quy định tại Nghị định số 32/2017/NĐ-CP. Bên cạnh đó khoản 2 Điều 16 Luật Các tổ chức tín dụng quy định Chính phủ quy định nội dung hoạt động của ngân hàng chính sách. Do đó, đề nghị Bộ Tài chính quy định cụ thể giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của NHPT tại dự thảo Nghị định.	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện nay, quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của NHPT do NHNN quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-NHNN ngày 03/7/2019 của NHNN (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2022/TT-NHNN). Dự thảo Nghị định tiếp tục kế thừa các nội dung đã triển khai trong thời gian qua và không có vướng mắc cần sửa đổi. - Ngoài ra, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Các tổ chức tín dụng, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định các nội dung nguyên tắc về bảo đảm an toàn vốn đối với hoạt động của NHPT tại dự thảo Nghị định. Trong đó, giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn của NHPT là nội dung mang tính chất kỹ thuật, chi tiết về nghiệp vụ ngân hàng hàng; việc dự thảo Nghị định quy định thực hiện theo quy định của NHNN là phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản quy pháp

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				luật ¹ .
		Bộ Tư pháp	Đề nghị xác định rõ các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của NHPT thực hiện theo quy định của pháp luật nào.	Các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của NHPT thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-NHNN ngày 03/7/2019 và được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2022/TT-NHNN ngày 30/6/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tuy nhiên, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp tại cuộc họp thẩm định về việc rà soát, đánh giá sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã bỏ nội dung tại khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định (sửa đổi khoản 6 Điều 9 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP) do hiện nay NHPT vẫn đang thực hiện các quy định về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư số 07/2019/TT-NHNN và Thông tư số 07/2022/TT-NHNN nêu trên mà không cần phải sửa đổi quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.
8.	Phân loại nợ (khoản 8, Điều 1)	Ngân hàng Nhà nước	Việc quy định phân loại nợ của ngân hàng thương mại trên cơ sở phân loại nợ của NHPT là không phù hợp (NHNN đã có hướng dẫn riêng đối với NHPT tại Thông tư số 24/2013/TT-NHNN), tác động tới nợ xấu của hệ thống các TCTD, khả năng tiếp cận vốn vay của tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Do đó đề nghị xem xét bỏ quy định tại khoản 1 Điều 8 dự thảo Nghị định.	Việc quy định kết quả phân loại nợ khách hàng của NHPT được tổng hợp chung vào danh sách phân loại nợ của CIC khi yêu cầu các TCTD điều chỉnh nhóm nợ là rất cần thiết và quan trọng giúp NHPT triển khai hoạt động cho vay mới được an toàn, phòng tránh trường hợp khách hàng chây ỳ không trả nợ NHPT trong khi vẫn trả nợ cho các TCTD. Đồng thời giúp tăng cường tính minh bạch, chính xác về chất lượng tín dụng; nâng cao chất lượng quản lý rủi ro tín dụng, để

¹ Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan được giao bản hành văn bản quy định chi tiết không được ủy quyền tiếp. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2021/NĐ-CP không phải là văn bản quy định chi tiết Luật Các tổ chức tín dụng mà là văn bản hướng dẫn thi hành Luật, do đó việc Chính phủ quy định các nội dung về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn đối với hoạt động của NHPT thực hiện theo quy định của NHNN là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật nêu trên.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				dàng phát hiện và kiểm soát rủi ro; tạo sự nhất quán giữa NHPT và các TCTD khác; tạo thuận lợi cho các cơ quan chức năng giám sát hoạt động của các TCTD.
		Kiểm toán Nhà nước	<p>- Đề nghị Bộ Tài chính xem xét lại nội dung yêu cầu NHTM cập nhật thông tin từ CIC nhóm nợ cuối cùng bao gồm cả NHPT do tiêu thức phân loại nợ của NHPT và NHTM khác nhau.</p> <p>- Quy định tại dự thảo Nghị định chưa đảm bảo được mục tiêu của Bộ Tài chính tại dự thảo Tờ trình, chỉ áp dụng một chiều cho NHPT phải điều chỉnh phân loại nợ theo NHTM; NHTM không phải điều chỉnh theo NHPT do thực hiện theo quy định tại Thông tư số 31/2024/TT-NHNN (Thông tư này không bao gồm NHPT).</p>	<p>- NHPT là ngân hàng chính sách của Nhà nước, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, tập trung vào nhiệm vụ hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội, trong khi NHTM hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận, đa dạng hóa các loại hình sản phẩm tài chính, tín dụng. Việc áp dụng cùng một tiêu chí phân loại nợ sẽ không ánh đúng bản chất hoạt động của NHPT. Trên cơ sở đó, NHNN đã ban hành Thông tư số 24/2013/TT-NHNN hướng dẫn tiêu chí phân loại nợ của NHPT có tính đặc thù hơn, tập trung vào lĩnh vực được Nhà nước định hướng phát triển, phù hợp với đặc thù hoạt động của NHPT; trong khi đó tiêu chí phân loại nợ đối với NHTM quy định tại Thông tư 31/2024/TT-NHNN phù hợp yêu cầu quản trị rủi ro hiện đại, cụ thể và chặt hơn so với NHPT (do quy mô lớn và loại hình khách hàng, loại hình tín dụng đa dạng hơn).</p> <p>- Nếu một khách hàng bị phân loại nhóm nợ xấu tại NHPT thì mức độ rủi ro còn cao hơn so với phân loại vào nhóm nợ xấu tại NHTM (do tiêu chí phân loại của NHTM chặt chẽ hơn của NHPT). Do đó, việc quy định kết quả phân loại nợ khách hàng của NHPT được tổng hợp chung vào danh sách phân loại nợ của CIC khi yêu cầu các TCTD điều chỉnh nhóm nợ là phù hợp.</p> <p>- Tại điểm b, khoản 3 Điều 15 (sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 dự thảo Nghị định) quy định “<i>trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được danh sách khách hàng do CIC tổng hợp, các ngân hàng, tổ chức tín dụng phi</i></p>

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				<u>ngân hàng (bao gồm cả NHPT) điều chỉnh nhóm nợ theo nhóm nợ của danh sách khách hàng do CIC cung cấp theo quy định tại điểm a khoản này”</u> Theo đó, các TCTD cũng phải thực hiện điều chỉnh theo kết quả phân loại nợ của NHPT theo quy định tại Nghị định này, đảm bảo mục tiêu công bằng, nhất quán giữa NHPT và các TCTD.
9.	<i>Trích lập dự phòng rủi ro (khoản 9 Điều 1)</i>	Ngân hàng Nhà nước	Tại điểm c, khoản 2 Điều 16 (sửa đổi) đề nghị bỏ nội dung không bao gồm các khoản cho vay mới tín dụng đầu tư, do giải thích từ ngữ về các khoản cho vay khác tại khoản 3 Điều 3 đã quy định cụ thể nội dung này.	Tại điểm c, khoản 2 Điều 16 (sửa đổi) quy định việc trích lập dự phòng đối với các khoản cho vay khác còn lại, phải loại trừ các khoản cho vay mới tín dụng đầu tư để theo dõi tách bạch quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư mới là phù hợp.
		Ngân hàng Nhà nước	Đề nghị rà soát quy định NHPT thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng <u>theo thời điểm phân loại nợ của NHPT theo quy định của NHNN</u> do kể từ ngày Luật Các TCTD năm 2024 có hiệu lực thi hành, NHNN không có thẩm quyền hướng dẫn đối với việc trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro của NHPT.	Điều 16 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP (sửa đổi bởi khoản 9 Điều 1 dự thảo Nghị định) đã quy định cụ thể về việc trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng của NHPT, không giao NHNN hướng dẫn nội dung này. Tuy nhiên để đảm bảo thống nhất trong triển khai thực hiện, Bộ Tài chính đã rà soát, điều chỉnh quy định về thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện hàng quý (như quy định hiện hành).
		NHPT	Đề nghị giữ quy định sử dụng toàn bộ chênh lệch dương giữa thu lãi cho vay và chi phí huy động vốn của các hoạt động cho vay khác còn lại để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng (tối đa không vượt quá mức phải trích lập theo phân loại nợ) tại điểm b, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP. Do trường hợp hoạt động cho vay khác có chênh lệch thu chi âm,	Thực tế, tính đến cuối năm 2023, dự phòng rủi ro đối với các khoản cho vay khác còn lại đã trích lập đủ theo phân loại nợ và mức trích như đối với NHTM. Tuy nhiên, có nhiều yếu tố dự kiến có thể tác động đến mức dự phòng rủi ro phải trích lập (như chất lượng tín dụng, giá trị tài sản đảm bảo,...) ảnh hưởng đến kết quả hoạt động chung của NHPT. Do đó, tiếp thu ý kiến tham gia của NHPT, để tách bạch giữa tín dụng chính sách và các khoản cho vay khác theo cơ chế lãi suất thỏa

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			việc trích lập dự phòng rủi ro theo quy định đối với NHTM (như quy định tại dự thảo Nghị định) sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động chung của NHPT, đồng thời tác động đến phương án tài chính trong giai đoạn tái cơ cấu NHPT.	thuận, Bộ Tài chính trình Chính phủ giữ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP. Đồng thời bổ sung quy định hướng dẫn cách xác định chi phí huy động vốn của các hoạt động cho vay này (trên cơ sở tiếp tục kế thừa quy định tại Thông tư số 128/2021/TT-BTC) làm căn cứ pháp lý để NHPT triển khai thực hiện.
		NHPT	Đề nghị giữ quy định hiện hành về trích lập dự phòng khác (tại Thông tư số 128 hướng dẫn Nghị định 46), NHPT trích lập dự phòng rủi ro khác sau khi đã trích lập đủ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định và không còn lỗ lỵ kể để đồng bộ với phương án tài chính cơ cấu lại NHPT đã báo cáo cấp có thẩm quyền.	Quy định tại dự thảo Nghị định về việc trích lập dự phòng rủi ro khác sau khi đã trích lập đủ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định đã bao quát cả trường hợp không còn lỗ lỵ kể theo phương án tài chính cơ cấu lại NHPT đã báo cáo cấp có thẩm quyền.
		Bộ Tư pháp	Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/7/2024 của Chính phủ quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái: <i>"Số tiền thu hồi được từ nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, kể cả số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, được coi là thu nhập khác trong kỳ kế toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài"</i> Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát,	- Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/7/2024 của Chính phủ quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái. <u>Đối tượng áp dụng của Nghị định 86/2024/NĐ-CP là các tổ chức tín dụng không bao gồm ngân hàng chính sách.</u> - Đối với NHTM: Nguyên tắc trích và sử dụng dự phòng chi phí của NHTM, nên số tiền thu hồi được từ các khoản nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý được ghi nhận vào doanh thu của NHTM. - Đối với NHPT: Xuất phát từ tính chất hoạt động là ngân hàng dự phòng đầy đủ cho từng khoản vay như ngân hàng thương mại. Đối với dư nợ cho vay cũ, Nghị định số

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			làm rõ cơ sở đề xuất cơ chế xử lý đối với số tiền thu hồi được từ nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro của NHPT.	46/2021/NĐ-CP quy định NHPT trích lập dự phòng rủi ro tín dụng hàng năm tối thiểu bằng 0,75% dư nợ cho vay để hình thành quỹ dự phòng rủi ro tín dụng; quỹ này được sử dụng chung để xử lý rủi ro tín dụng cho tất cả các khoản nợ vay. Do đó, số tiền thu hồi được từ các khoản nợ đã sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng phải được bổ sung quỹ dự phòng rủi ro tín dụng để NHPT tiếp tục sử dụng cho các khoản cho vay khác (thay vì đưa vào thu nhập như đối với ngân hàng thương mại).
10.	Cấp bù lãi suất (khoản 12 Điều 1)	Bộ Công an	Đề nghị rà soát toàn văn dự thảo Nghị định để thay thế cụm từ “cấp bù lãi suất” bằng cụm từ “cấp bù chênh lệch lãi suất”	Dự thảo Nghị định sử dụng thuật ngữ “cấp bù lãi suất” để phù hợp với quy định về đối tượng đầu tư công tại khoản 6 Điều 5 Luật Đầu tư công năm 2019.
		Bộ Công an	Đề nghị hướng dẫn phương pháp thực hiện hòa đồng vào thu nhập của NHPT đối với phần chênh lệch giữa thu nhập và chi phí.	Trong trường hợp thu nhập từ sử dụng vốn lớn hơn chi phí huy động vốn và phí quản lý thì phần chênh lệch vượt là một phần còn lại của thu nhập đã ghi nhận hòa đồng vào thu nhập của NHPT theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.
		Ngân hàng Nhà nước	Đề nghị rà soát với quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg để quy định cho phù hợp.	Tiếp thu ý kiến tham gia của NHNN, Bộ Tài chính đã rà soát quy định về cấp bù lãi suất cho NHPT tại dự thảo Nghị định để đảm bảo phù hợp với quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg về việc Nhà nước không cấp bù cho các hoạt động cho vay mới của NHPT.
		Thanh tra Chính phủ	Đề nghị rà soát, nghiên cứu quy định đảm bảo cấp bù cho các hợp đồng đã ký đúng đối tượng, đúng mục đích theo quy định của pháp luật.	Tại công thức xác định số tiền cấp bù chênh lệch lãi suất (mục 2.1 Phụ lục 1 dự thảo Nghị định) quy định dư nợ cho vay các dự án được cấp bù bình quân theo quy định của pháp luật không bao gồm dư nợ cho vay không đúng đối tượng, sai mục đích. Do đó, ý kiến của Thanh tra Chính phủ đã được thể hiện.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
11.	<i>Phí quản lý (khoản 13 Điều 1)</i>	Bộ Công an	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định việc xử lý trong trường hợp phát hiện phí quản lý được cấp gồm cả những khoản không được phép như khoản cho vay không đúng đối tượng, không đúng mục đích,...	<p>Phí quản lý NSNN cấp cho NHPT = Tỷ lệ phí quản lý * Dư nợ tính phí quản lý.</p> <p>Tại khoản 11 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định dư nợ bình quân tính phí không bao gồm các khoản cho vay không đúng đối tượng, không đúng mục đích hoặc các khoản cho vay được quy định mức phí riêng; dư nợ tính phí quản lý sẽ loại trừ các khoản cho vay này. Theo đó, ý kiến của Bộ Công an đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định.</p>
		Kiểm toán Nhà nước	Đề nghị bổ sung dư nợ tính phí quản lý không bao gồm nợ khoanh, nợ quá hạn. Do Nghị định 46/2021/NĐ-CP đã loại trừ các khoản nợ khoanh và nợ quá hạn ra khỏi dư nợ tính phí, tương tự như cơ chế đối với NHCSXH.	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, NHPT được Nhà nước cấp phí quản lý trên dư nợ cho vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, nợ vay bắt buộc bảo lãnh. Riêng đối với dư nợ tín dụng đầu tư mới (cho vay theo quy định tại Nghị định số 32/2017/NĐ-CP) không bao gồm dư nợ khoanh và nợ quá hạn. - Nghị định số 32/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 78/2023/NĐ-CP, theo đó, các khoản cho vay tín dụng đầu tư mới không được cấp bù lãi suất và phí quản lý. Từ thời điểm Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đến khi Nghị định số 78/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành không phát sinh hợp đồng tín dụng đầu tư mới. - Dự thảo Nghị định đã loại các khoản cho vay tín dụng đầu tư mới theo quy định tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP ra khỏi dư nợ tính phí quản lý. - Đồng thời, hiện nay, Bộ Tài chính cũng đang chủ trì xây dựng Nghị định về chế độ quản lý tài chính của NHCSXH, theo đó, cơ chế tính phí quản lý của hai ngân hàng đã được quy định theo hướng đồng bộ,

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				không loại trừ dư nợ khoanh, quá hạn đối với các nhiệm vụ được Nhà nước cấp phí quản lý để phù hợp với tình hình thực tế và đặc thù hoạt động của ngân hàng chính sách (thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, cho vay theo đối tượng chính sách, lĩnh vực cho vay chịu nhiều rủi ro).
		Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đề nghị rà soát các quy định về cấp bù lãi suất và phí quản lý đối với NHPT đảm bảo thực hiện kết luận của Bộ Chính trị, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 về việc không sử dụng NSNN để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.	Tại khoản 2 Điều 20 (sửa đổi) quy định phí quản lý được xây dựng đảm bảo cho NHPT chủ động trong chi tiêu, đủ nguồn kinh phí hoạt động để thực hiện các nhiệm vụ được cấp phí quản lý (không bao gồm chi trích lập dự phòng rủi ro tín dụng). Do đó, ý kiến của Bộ KHĐT đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định.
		NHPT	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị quy định rõ phạm vi các khoản chi phí để tính phí quản lý. - Đề nghị quy định phương án phân bổ chi phí cho các hoạt động cho vay không được cấp phí quy định tại dự thảo Nghị định tương tự như nguyên tắc phân bổ chi phí cho hoạt động cho vay khác không được cấp phí tại Đề án phí quản lý giai đoạn 2021-2023 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là phân bổ theo số lao động trực tiếp quản lý dự án. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu ý kiến tham gia của NHPT, Bộ Tài chính đã bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 20 (sửa đổi) quy định cụ thể phạm vi chi phí để tính phí quản lý là chi phí hợp lý, hợp lệ của NHPT, không bao gồm chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và chi phí huy động vốn đã được cấp bù lãi suất. - Tiếp thu ý kiến tham gia của NHPT, để phù hợp với nguyên tắc phân bổ chi phí đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại phương án phí quản lý giai đoạn 2021-2023, đồng thời tạo căn cứ pháp lý rõ ràng để triển khai thực hiện, Bộ Tài chính đã điều chỉnh quy định tại khoản 2 Điều 20 (sửa đổi) quy định nguyên tắc phân bổ chi phí cho các nhiệm vụ cho vay được cấp phí quản lý và không được cấp phí quản lý theo số lao động trực tiếp quản lý dự án, NHPT chịu hoàn toàn trách nhiệm về số liệu báo cáo và phương án phân bổ lao động, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				tính chất của từng hoạt động cho vay.
12.	<i>Trình tự thực hiện lập, chấp hành, quyết toán vốn từ NSNN cho NHPT (khoản 14 Điều 1)</i>	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Tại mục b, khoản 5 Điều 21b, đề nghị làm rõ nguồn vốn đầu tư phát triển khác từ nguồn ngân sách nhà nước cho NHPT;	Theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Luật đầu tư 2024, “ <u>Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ</u> ” thuộc đối tượng của đầu tư công. Do đó, dự thảo Nghị định quy định nguồn vốn đầu tư phát triển khác từ ngân sách nhà nước cấp cho NHPT để bao quát hết các trường hợp NHPT thực hiện nhiệm vụ được giao từ nguồn NSNN bố trí (tương tự như bố trí vốn cho các chương trình tín dụng tại NHCSXH).
		NHPT	Đề nghị bỏ nội dung quy định tại Chương IVa Dự thảo Nghị định, do việc kiểm soát chi theo cách thức áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp không phù hợp với tính chất hoạt động tín dụng chính sách, việc lập hồ sơ kiểm soát chi từ phía NHPT và việc kiểm soát chi của KBNN đều gặp vướng mắc.	Tiếp thu một phần ý kiến của NHPT, Bộ Tài chính đã rà soát bỏ quy định về việc NHPT rút dự toán qua Kho Bạc Nhà nước, giữ quy định về cấp vốn bằng lệnh chi tiền theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn Nghị định 163/2016/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Ngân sách nhà nước 2015. Đối với các nội dung còn lại về trình tự lập, thẩm định dự toán, quyết toán, Bộ Tài chính trình Chính phủ giữ nguyên quy định tại Dự thảo Nghị định để làm căn cứ triển khai thực hiện.
		Bộ Tư pháp	Khoản 14 Điều 1 dự thảo Nghị định bổ sung Chương IVa về trình tự thực hiện lập, chấp hành, quyết toán vốn từ ngân sách nhà nước cho NHPT (bao gồm Điều 21a, 21b, 21c), trong đó, Điều 21b quy định về quản lý, thanh toán vốn ngân sách nhà nước cho NHPT. Tuy nhiên, Điều 21b	Dự thảo Nghị định quy định quy trình thanh toán vốn ngân sách nhà nước cho NHPT thực hiện theo hình thức lệnh chi tiền theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; không thực hiện theo hình thức rút dự toán từ Kho bạc Nhà nước nên không quy định về cơ quan kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công là Kho bạc Nhà nước tương tự như quy định tại

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			chưa quy định đầy đủ về cơ quan tài chính các cấp, cơ quan kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công (KBNN) thực hiện công tác quản lý tài chính đầu tư công trong việc chấp hành chính sách về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công (tương tự như quy định tại Điều 6 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung cho đầy đủ, phù hợp.	Nghị định số 99/2021/NĐ-CP (phạm vi điều chỉnh của Nghị định 99/2021/NĐ-CP không bao gồm vốn đầu tư công để cấp bù lãi suất, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách).
13.	<i>Chi phí của NHPT (khoản 16 Điều 1)</i>	Bộ Công an	Đề nghị nghiên cứu, cân nhắc mục chi nộp thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp NSNN theo quy định của pháp luật do NHPT được miễn nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định của pháp luật.	Để tránh chồng chéo về cơ chế chính sách, Điều 23 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và dự thảo Nghị định quy định việc miễn nộp thuế và các khoản nộp NSNN đối với NHPT thực hiện theo quy định pháp luật. Theo đó, trên thực tế NHPT vẫn phát sinh các khoản chi phí nộp NSNN theo quy định pháp luật (về thuế, phí và các khoản nộp NSNN khác) mà NHPT không thuộc đối tượng được miễn nộp.
14.	<i>Quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng của NHPT (khoản 18 Điều 1)</i>	Bộ LĐTBXH	Tại khoản 18 Điều 1 dự thảo Nghị định đề nghị sửa đổi theo hướng: (i) Không nhắc lại quy định Bộ LĐTBXH hướng dẫn cơ chế tiền lương phù hợp với tính chất đặc thù của NHPT do đã được quy định tại Điều 37 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP; (ii) Bổ sung quy định “ <i>tiền lương thấp nhất trong giai đoạn cơ cấu lại bảo đảm theo quy định tại Điều 40 Nghị định này</i> ” để	Ngày 28/2/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 44/2025/NĐ-CP về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước; trong đó quy định NHPT thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (khoản 5 Điều 34) Đồng thời tiếp thu ý kiến của Bộ LĐTBXH, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định tại khoản 18 Điều 1 theo hướng:

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			đảm bảo tính kế thừa quy định tại Điều 25 Nghị định số 46/202/NĐ-CP và cơ chế trong giai đoạn cơ cấu lại của NHPT theo quy định tại khoản 3, phần I, Mục C Quyết định số 90/QĐ-TTg, qua đó góp phần nâng cao chất lượng nhân lực, tăng cường hiệu quả năng lực điều hành, quản trị của đội ngũ cán bộ lãnh đạo NHPT.	<i>“NHPT thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động, người quản lý và Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phù hợp với tính chất hoạt động của NHPT và hướng dẫn của Bộ Nội Vụ. Trong đó mức tiền lương tối thiểu trong giai đoạn cơ cấu lại được bảo đảm theo quy định tại Điều 40 Nghị định này.”</i>
		Bộ Tư pháp	Dự thảo Nghị định đã bỏ quy định NHPT hoạt động theo mô hình công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Do đó đề nghị làm rõ cơ sở đề xuất NHPT thực hiện quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng theo quy định đối với công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và hướng dẫn của Bộ LĐTBXH để phù hợp với tính chất hoạt động của NHPT.	Như đã báo cáo tại mục 3 nêu trên, việc dự thảo Nghị định quy định cơ chế tiền lương và một số nội dung khác của NHPT áp dụng theo quy định đối với công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có điều chỉnh để phù hợp với tính chất hoạt động của NHPT là phù hợp với: (i) Thẩm quyền của Chính phủ quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng về việc hướng dẫn các nội dung liên quan đến hoạt động của NHPT; (ii) Loại hình hoạt động của NHPT là ngân hàng chính sách, vốn điều lệ do NSNN bố trí và cấp bổ sung theo quy định.
15.	Kết quả tài chính và phân phối kết quả tài chính (khoản 19 Điều 1)	Ngân hàng Nhà nước	Về nội dung trích 10% kết quả tài chính vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, đề nghị bổ sung quy định mức trích tối đa của quỹ này không được vượt quá mức vốn điều lệ của NHPT, để phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 148 Luật Các TCTD năm 2024.	Dự thảo Nghị định quy định kết quả tài chính thặng dư trong năm của NHPT được phân phối vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (10%), quỹ dự phòng tài chính (10%), quỹ đầu tư phát triển (30%), quỹ khen thưởng phúc lợi. Phần còn lại sau khi trích đủ các quỹ nêu trên được bổ sung vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (thay vì nộp ngân sách nhà nước như các ngân hàng thương mại). Trường hợp quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đạt mức tối đa sẽ không có căn cứ để xử lý phần còn lại sau khi trích đủ các quỹ. Do đó, Bộ Tài chính trình

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				Chính phủ không cần quy định mức trích tối đa của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để bao quát hết trường hợp phát sinh. Ngoài ra, khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định đã quy định việc bổ sung vốn điều lệ từ các quỹ của NHPT thực hiện 3 năm/lần.
		Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đề nghị làm rõ tính đặc thù trong hoạt động của NHPT đối với việc quy định mức trích lập các quỹ trong đó tỷ lệ quỹ đầu tư phát triển là 30%.	Nội dung này đã được Bộ Tài chính báo cáo cụ thể tại mục V.2.12 dự thảo Tờ trình Chính phủ. Theo đó, quy định về phân phối kết quả tài chính tại dự thảo Nghị định về cơ bản tương tự như quy định đối với ngân hàng thương mại. Riêng đối với quỹ đầu tư phát triển trích 30%, tăng 10% so với các tổ chức tín dụng để tăng cường nguồn lực thực hiện tín dụng chính sách do quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển phục vụ hoạt động của NHPT và bổ sung vốn điều lệ cho NHPT.
16.	Chế độ báo cáo (khoản 24 Điều 1)	Kiểm toán Nhà nước	Tại điểm d, mục 4 khoản 24 Điều 1, đề nghị xem xét, bổ sung thêm quy định về tần suất gửi báo cáo “hoặc đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ” để bao quát đầy đủ các trường hợp phát sinh trong thực tiễn.	Tiếp thu ý kiến tham gia của Kiểm toán Nhà nước, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng: “Căn cứ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động do Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển phê duyệt, các thông tin, tài liệu khác có liên quan và ý kiến tham gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo gửi Thủ tướng Chính phủ định kỳ 01 năm một lần hoặc đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.”
		Ngân hàng Nhà nước	- Đề nghị rà soát lại quy định về việc NHPT lập và gửi báo cáo tài chính, báo	Theo quy định tại Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010 ² , NHNN có chức năng trong việc thanh tra, giám

² Theo quy định tại Luật Ngân hàng Nhà nước (khoản 11 Điều 4), NHNN có nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng; đồng thời theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật này, đối tượng thanh tra của NHNN là các tổ chức tín dụng.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			cáo hoạt động nghiệp vụ định kì, cho NHNN theo chức năng, nhiệm vụ của NHNN tại Điều 40 Quyết định số 1515/QĐ-TTg. - Đề nghị chỉnh sửa theo hướng bỏ quy định Bộ Tài chính lấy ý kiến của các Bộ, ngành liên quan trước khi báo cáo TTCP về tình hình hoạt động của NHPT. Sửa tương ứng tại mục 5 Phụ lục II dự thảo Nghị định.	sát các TCTD, cũng như trách nhiệm quản lý, giám sát hoạt động tín dụng của các TCTD (trong đó có NHPT) quy định tại Luật Các TCTD. Do đó, việc quy định NHNN nhận báo cáo để theo dõi, giám sát và phối hợp tham gia ý kiến với Bộ Tài chính báo cáo TTCP về tình hình hoạt động hàng năm của NHPT là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của NHNN. Đồng thời nội dung này cũng đã được quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP và triển khai thực hiện từ năm 2021, không phát sinh vướng mắc. Do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ giữ quy định tại dự thảo Nghị định.
17.	<i>Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của NHPT (khoản 25 Điều 1)</i>	Bộ Công an	Đề nghị nghiên cứu, giữ nguyên cụm từ “ <i>tỷ lệ nợ xấu</i> ” tại mục tiêu chỉ đánh giá hiệu quả hoạt động của NHPT để đảm bảo thống nhất với các ngân hàng thương mại và quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024	Tiếp thu ý kiến của Bộ Công an, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định tại khoản 24 Điều 1 và Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định.
18.	<i>Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại NHPT (khoản 26 Điều 1)</i>	Ngân hàng Nhà nước	Đề nghị sửa đổi mục 5 khoản 26 Điều 1 như sau: <i>Trên cơ sở báo cáo của NHPT, Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt kết quả xếp loại của NHPT</i> ” (bỏ quy định lấy ý kiến tham gia của NHNN) để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính và NHNN quy định tại Điều 39, Điều 40 Quyết định số 1515/QĐ-TTg và trách nhiệm của Bộ Tài chính quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg.	Theo quy định tại Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010 ³ , NHNN có trách nhiệm quản lý, giám sát hoạt động tín dụng của các TCTD (trong đó có NHPT). Ngoài ra, trong các tiêu chí đánh giá xếp loại NHPT cũng bao gồm các tiêu chí liên quan trực tiếp đến hoạt động tín dụng như tăng trưởng tín dụng, tỷ lệ nợ xấu, tình hình chấp hành quy định pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng. Do đó việc quy định NHNN tham gia ý kiến vào quá trình đánh giá, xếp loại hiệu quả hoạt động của NHPT là phù hợp. Bộ Tài chính trình

³ Theo quy định tại Luật Ngân hàng Nhà nước (khoản 11 Điều 4), NHNN có nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng; đồng thời theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật này, đối tượng thanh tra của NHNN là các tổ chức tín dụng.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				Chính phủ giữ như dự thảo Nghị định.
		Bộ Nội vụ	Đề nghị cập nhật Nghị định số 159/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 69/2023/NĐ-CP.	Dự thảo Nghị định quy định việc đánh giá, xếp loại người quản lý NHPT thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 159/2020/NĐ-CP và <u>các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung</u> (nếu có). Do đó, ý kiến của Bộ Nội Vụ đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định.
		Bộ KHĐT	Đề nghị quy định cụ thể tiêu chí 4 “ <i>Tình hình chấp hành quy định pháp luật của Ngân hàng Phát triển</i> ”.	Phụ lục IV dự thảo Nghị định đã hướng dẫn cụ thể về phương thức đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại NHPT (trong đó bao gồm nội dung hướng dẫn cách thức đánh giá Tiêu chí 4 – tình hình chấp hành quy định pháp luật của NHPT). Do đó, ý kiến của Bộ KHĐT đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định.
		Bộ KHĐT	Đề nghị không quy định trách nhiệm của Bộ KHĐT trong việc tham gia ý kiến về kết quả xếp loại của NHPT.	Triển khai thực hiện hợp nhất Bộ KHĐT và Bộ Tài chính, Bộ Tài chính đã rà soát hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng hợp nhất chức năng, nhiệm vụ của hai Bộ để phù hợp với tình hình thực tế.
19.	<i>Trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan</i>			
	Trách nhiệm của Bộ LĐTBXH (khoản 28 Điều 1)	Bộ LĐTBXH	Tại khoản 28 Điều 1 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung Điều 37) đề nghị sửa đổi theo hướng: (i) Sửa lại khoản 1 Điều 37 như sau: “ <i>Chủ trì hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý, Ban kiểm soát NHPT theo quy định tại Điều 25 Nghị định này</i> ” để đảm bảo nội dung hướng dẫn lao động, tiền lương đối với NHPT bao gồm cả cơ chế tiền lương trong giai đoạn cơ cấu lại	Tiếp thu ý kiến của Bộ LĐTBXH, NHPT, Bộ Tài chính đã hoàn thiện quy định tại khoản 27 và khoản 29 Điều 1 dự thảo Nghị định.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			theo quy định tại Điều 40 Nghị định 46: (ii) Bộ quy định tại khoản 2 Điều 37 vi dự thảo Nghị định chỉ quy định trách nhiệm của Bộ LĐTBXH trong việc hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương đối với NHPT, không quy định các trách nhiệm, quyền hạn khác.	
		NHPT	Đề nghị bổ sung trách nhiệm của Bộ LĐTBXH: “ <i>Chủ trì hướng dẫn xác định tiền lương tăng thêm của người lao động và người quản lý NHPT trong trường hợp quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 40 Nghị định này</i> ”.	
20.	<i>Một số cơ chế trong giai đoạn cơ cấu lại (khoản 29 Điều 1)</i>			
	<i>Cơ chế tiền lương trong giai đoạn cơ cấu lại</i>	Bộ LĐTBXH	Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 2 Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng: “2. <i>Khi xác định tiền lương theo quy định tại Điều 25 Nghị định này, trong giai đoạn cơ cấu lại tiền lương của người lao động không thấp hơn tiền lương bình quân thực hiện năm 2023 sau khi điều chỉnh theo mức tăng chỉ số giá tiêu dùng hằng năm so với năm 2023; tiền lương người quản lý, Ban kiểm soát trong trường hợp hoàn thành nhiệm vụ không thấp hơn mức tiền lương cơ bản của công ty được xếp hạng Tổng công ty</i>	- Tiếp thu ý kiến của Bộ LĐTBXH, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định định theo hướng Tiền lương của người lao động NHPT trong giai đoạn cơ cấu lại được giữ ổn định như quy định hiện hành tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, theo đó, đảm bảo mức tiền lương bình quân được điều chỉnh theo mức tăng chỉ số giá tiêu dùng hằng năm so với năm 2024. Đồng thời tiền lương của Ban điều hành NHPT được chi trả chung từ quỹ tiền lương người lao động để thống nhất, đồng bộ với quy định mới về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<i>đặc biệt quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế (nếu có)” để tiếp tục kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, nhằm đảm bảo giữ ổn định thu nhập cho người lao động, người quản lý, Ban kiểm soát NHPT khi thực hiện quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng theo quy định đối với công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trong giai đoạn cơ cấu lại (2023-2027); đồng thời có sửa đổi cập nhật theo mức tiền lương bình quân năm 2023 và làm rõ việc xác định tiền lương bình quân của người quản lý, Ban kiểm soát NHPT theo hàng Tổng công ty đặc biệt.</i>	- Đối với tiền lương của thành viên HĐQT và thành viên BKS trong giai đoạn cơ cấu lại Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng quy định cụ thể mức tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát NHPT trong trường hợp NHPT có chênh lệch thu chi âm được xác định bằng 50% mức tiền lương của doanh nghiệp thuộc mức 4 nhóm I Bảng mức lương cơ bản quy định tại khoản 1 Điều 20 ⁴ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP. Theo đó, mức lương này áp dụng đối với doanh nghiệp phát sinh lỗ trong năm (là mức lương áp dụng đối với doanh nghiệp phát sinh lỗ trong năm ⁵), tương đương với mức hiện hưởng quy định tại Phụ lục 2 Nghị định số 52/2016/NĐ-CP. Trường hợp NHPT có lợi nhuận thì sẽ được hưởng cơ chế tiền lương tăng thêm gắn với năng suất lao động và hiệu quả công việc (theo hướng dẫn của Bộ Nội Vụ)
		BỘ LĐTĐ	Đề nghị Bộ Tài chính rà soát, đánh giá lại, trường hợp cần thiết đề nghị bổ sung quy định về chế độ cho người lao động dôi dư, lao động có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi khi NHPT thực hiện cơ cấu lại (như	Tiếp thu ý kiến của Bộ LĐTĐ, Bộ Tài chính hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng sửa đổi, bổ sung cập nhật quy định hiện hành tại khoản 3 Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP về chính sách đối với lao động dôi dư và nghỉ hưu trước tuổi thực hiện theo quy định

⁴ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP đã bỏ Phụ lục 2 của Nghị định số 52/2016/NĐ-CP thay bằng Bảng mức lương cơ bản đối với thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát. NHPT hiện đang xếp hạng Tổng Công ty đặc biệt thì thuộc đối tượng áp dụng Nhóm 1 của Bảng mức lương cơ bản. Căn cứ theo điều kiện áp dụng về chỉ tiêu vốn, doanh thu, lợi nhuận (trước thuế) thì NHPT thuộc mức 4 Nhóm 1 (do không đáp ứng điều kiện doanh thu tối thiểu là 10.000 tỷ đồng). Theo đó:

- Trường hợp NHPT lỗ thì mức lương được hưởng sẽ bằng 50% mức lương cơ bản nêu trên, tương đương với mức hiện hưởng quy định tại Phụ lục 2 Nghị định số 52/2016/NĐ-CP;

- Trường hợp NHPT có lợi nhuận thì sẽ được hưởng tiền lương tăng thêm theo quy định tại khoản 3 Điều này.

⁵ Quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			quy định hiện hành tại khoản 3 Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP) đồng thời lưu ý cập nhập thực hiện theo quy định tại Nghị định số 97/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022.	tại Điều 3 Nghị định số 97/2022/NĐ-CP.
		Kiểm toán Nhà nước	Đề nghị xem xét lại đề xuất cơ chế tiền lương, tiền thưởng người quản lý NHPT theo xếp hạng Tổng công ty đặc biệt do NHPT đang trong giai đoạn cơ cấu lại, hiệu quả hoạt động một số năm gần đây đều kém, chênh lệch thu chi âm.	<ul style="list-style-type: none"> - Trước năm 2021, <u>NHPT được xếp hạng Tổng công ty nhà nước đặc biệt</u> theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Quy chế quản lý tài chính đối với NHPT ban hành kèm theo Quyết định số 44/2007/QĐ-TTg⁶. - Từ năm 2021, NHPT áp dụng cơ chế tiền lương trong giai đoạn cơ cấu lại, tạm thời vận dụng theo mức chi trả tiền lương cho người quản lý theo hạng Tổng công ty đặc biệt, mức thực tế được nhận do Bộ Tài chính quyết toán chỉ bằng từ 90-95% mức lương cơ bản theo hạng Tổng công ty đặc biệt, không có hệ số lương tăng thêm (hiện nay người quản lý NHCSXH được hưởng mức lương cơ bản theo hạng Tổng công ty đặc biệt và hệ số tăng thêm khoảng 2,5 lần). - Hiện nay, NHPT đang triển khai phương án cơ cấu lại giai đoạn 2023-2027 theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, tình hình hoạt động gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên, bước đầu đã có những kết quả nhất định. Tính đến thời điểm 31/10/2024, tổng số dư nợ xấu chịu rủi ro tín dụng đã giảm 15.617 tỷ đồng so với cuối năm 2021, đạt 55% mục tiêu của đề án cơ cấu lại; kết quả tài chính các năm 2022, 2024 đã có thặng dư, bù đắp một phần lỗ lũy kế. - Do đó, để tạo động lực khuyến khích, động viên

⁶ Quyết định số 44/2007/QĐ-TTg ngày 30/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý tài chính của NHPT.

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				người quản lý NHPT trong giai đoạn cơ cấu lại, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho phép thành viên HĐQT và thành viên BKS được hưởng mức lương tương đương với hạng Tổng công ty đặc biệt như đã báo cáo nêu trên.
		Bộ Tư pháp	Đề nghị bổ sung thêm thông tin làm rõ, đảm bảo có đầy đủ cơ sở đề cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định trích bổ sung quỹ khen thưởng và tiền lương tăng thêm trong trường hợp kết quả tài chính trong năm đạt thặng dư. Đề nghị phối hợp với Bộ LĐTBXH để rà soát dự thảo Nghị định của Chính phủ quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước.	Về căn cứ đề xuất cơ chế tiền lương trong giai đoạn cơ cấu lại, Bộ Tài chính đã báo cáo cụ thể tại mục V.2.3 dự thảo Tờ trình Chính phủ. Đồng thời, Bộ Tài chính đã làm việc trực tiếp với Bộ LĐTBXH và NHPT để rà soát quy định về cơ chế tiền lương của NHPT tại dự thảo Nghị định để đảm bảo khả thi trong triển khai thực hiện.
		NHPT	Đề nghị bổ sung cơ chế xử lý phần chênh lệch vượt giữa thu nhập và chi phí huy động vốn của hoạt động cho vay được cấp bù áp dụng đối với năm tài chính 2022 (do giai đoạn cơ cấu lại NHPT theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ là 2019-2021 và 2023-2027).	Điều 3 dự thảo quy định việc xác định số cấp bù chênh lệch lãi suất của NHPT kể từ ngày Nghị định số 46/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (năm tài chính 2021) thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Do đó, ý kiến của NHPT đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định.
21.	Nội dung khác			
	Hạn mức đầu tư XDCB, mua sắm tài sản cố định	NHPT	Đề nghị sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng loại trừ giá trị quyền sử dụng đất đối với đất Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất, đất được Nhà nước cho thuê đất và được miễn tiền thuê đất cho cả thời	Tiếp thu ý kiến tham gia của NHPT, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng: “2. Tổng giá trị còn lại của toàn bộ tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của NHPT (nguyên giá tài sản cố định trừ khấu hao) và chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo mức thực tế không

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<p>gian thuê khi xác định hạn mức đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ của NHPT (25% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ).</p> <p>Do TSCĐ của NHPT hiện nay chủ yếu là quyền sử dụng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước cho thuê và miễn tiền thuê đất. Theo quy định về quản lý tài sản công, NHPT phải xác định giá trị quyền sử dụng đất theo đơn giá đất do địa phương công bố (có điều chỉnh hàng năm) để tính vào giá trị tài sản của NHPT.</p> <p>Như vậy, trường hợp đơn giá đất của địa phương điều chỉnh tăng thì giá trị tài sản cố định của NHPT có thể vượt quá giới hạn quy định. Đồng thời NHPT không còn dư địa để đầu tư tài sản cố định khác, đặc biệt trong giai đoạn phải nâng cấp, hiện đại hóa công nghệ thông tin theo mục tiêu tại Đề án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027.</p>	<p><u>vượt quá 25% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ phản ánh trên sổ sách kế toán của NHPT. Việc xác định giá trị còn lại trên sổ sách kế toán của tài sản cố định được thực hiện theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp.</u>” (Theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; trong đó, nguyên giá tài sản cố định không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất được Nhà nước giao/cho thuê không thu tiền sử dụng đất/miễn tiền thuê đất).</p>
	Ban hành Nghị định thay thế Nghị số 46/2021/NĐ-CP	NHPT	Đề nghị ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 46/2021/NĐ-CP do sửa đổi rất nhiều nội dung.	Việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2021/NĐ-CP được thực hiện trên cơ sở phê duyệt của Lãnh đạo Chính phủ tại công văn số 247/TB-VPCP ngày 29/5/2024 theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
II	Về dự thảo Tờ trình Chính phủ			
	Ý kiến tham gia chung	Bộ Nội vụ	Đề nghị bổ sung đầy đủ các nội dung (như đánh giá về thủ tục hành chính, bình đẳng	Tiếp thu ý kiến tham gia của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định theo quy định tại Luật

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			giới, nguồn lực tài chính, nhân lực sau khi Nghị định được thông quan,...) theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015; đồng thời rà soát quy định đảm bảo không phát sinh thủ tục hành chính gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, doanh nghiệp.	Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn và rà soát dự thảo Nghị định, đảm bảo Dự thảo Nghị không quy định thủ tục hành chính thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.
	<i>Mục đích ban hành (mục II.1)</i>	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đề nghị bổ sung mục đích ban hành Nghị định để đảm bảo đồng bộ các quy định của pháp luật đối với hoạt động của NHPT.	Tiếp thu ý kiến của Bộ KHĐT, Bộ Tài chính đã bổ sung nội dung này tại mục II.1 dự thảo Tờ trình Chính phủ.
	<i>Quan điểm ban hành</i>	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đề nghị Bộ Tài chính rà soát các quy định đảm bảo khả thi, không tạo khoảng trống pháp lý khi dự kiến không ban hành Thông tư hướng dẫn.	Tiếp thu ý kiến tham gia của Bộ KHĐT, Bộ Tài chính đã rà soát dự thảo Nghị định về các nội dung cần hướng dẫn chi tiết kế thừa từ quy định tại Thông tư số 128/2021/TT-BTC đảm bảo không tạo khoảng trống pháp lý.
	<i>Về vốn điều lệ NHPT (mục 2.3)</i>	Kiểm toán Nhà nước	Đề nghị bổ sung các thông tin thuyết minh về thời gian dự kiến bổ sung vốn điều lệ cho NHPT, tỷ lệ tăng trưởng dư nợ tín dụng đầu tư dự kiến để làm cơ sở cho việc đề xuất “cấp bổ sung vốn điều lệ hàng năm bằng tỷ lệ tăng trưởng dư nợ tín dụng đầu tư của Nhà nước được Chính phủ giao” khi đáp ứng đầy đủ 02 điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 6a dự thảo Nghị định.	Tiếp thu ý kiến tham gia của Kiểm toán Nhà nước, Bộ Tài chính đã bổ sung nội dung giải trình tại điểm b, mục 2.4 dự thảo Tờ trình Chính phủ.
	<i>Về cấp bù lãi suất và phí quản lý (mục 2.8)</i>	Kiểm toán Nhà nước	Đề nghị xem xét bổ sung thuyết minh về việc tiếp tục xác định số tồn ngân được cấp bù tối đa không vượt quá 5,3% dư nợ cho vay các dự án được cấp bù bình quân.	Tiếp thu ý kiến tham gia của Kiểm toán Nhà nước, Bộ Tài chính đã bổ sung nội dung giải trình tại mục 2.8 dự thảo Tờ trình Chính phủ.
III	Về dự thảo Báo cáo đánh giá tác động			

STT	NHÓM VẤN ĐỀ/ĐIỀU KHOẢN	ĐƠN VỊ THAM GIA Ý KIẾN	NỘI DUNG THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<i>Ý kiến tham gia chung</i>	Bộ Ngoại giao	Đề nghị bổ sung đánh giá về tính tương thích của các chính sách với các điều ước quốc tế liên quan trong dự thảo Báo cáo đánh giá tác động	Nội dung về tính tương thích với các điều ước quốc tế đã được Bộ Tài chính báo cáo tại mục VI dự thảo Tờ trình; do báo cáo đánh giá tác động trình bày theo mẫu quy định tại phụ lục số V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật không có nội dung đánh giá tính tương thích với điều ước quốc tế.
	<i>Chính sách 2: Vốn điều lệ của NHPT</i>	Ngân hàng Nhà nước	Quyết định số 90/QĐ-TTg không có phương án tăng vốn điều lệ. Do vậy, đề nghị Bộ Tài chính rà soát lại nội dung này.	Tại mục 2.4.2 dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đánh giá việc bổ sung vốn điều lệ phù hợp với phương án cơ cấu lại NHPT đã được Ban cán sự Đảng Chính phủ báo cáo Bộ Chính trị, cụ thể xem xét cấp bổ sung vốn điều lệ cho NHPT sau khi bù đắp toàn bộ lỗ lũy kế (dự kiến năm 2027, đảm bảo tỷ lệ tăng trưởng vốn điều lệ hàng năm phù hợp với tỷ lệ tăng trưởng tín dụng do Thủ tướng Chính phủ giao cho NHPT. Theo đó, nội dung tại phương án cơ cấu lại NHPT báo cáo Bộ Chính trị đã được thể hiện đầy đủ tại Khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định.
	<i>Chính sách 3: Trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng</i>	Ngân hàng Nhà nước	Đề nghị sửa đổi nội dung tại điểm II.3.1.a như sau: <i>“Do đó, quy định hiện hành về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của NHPT tại Điều 16 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP cần phải rà soát sửa đổi để phù hợp với quy định mới tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan”.</i>	Nội dung tại điểm II.3.1.a Báo cáo đánh giá tác động xác định vấn đề bất cập về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư là chưa đồng bộ với quy định tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP về tín dụng đầu tư của Nhà nước. Việc bổ sung thêm <i>“các quy định của pháp luật liên quan”</i> theo đề xuất của NHNN không thể hiện rõ là quy định pháp luật nào. Do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ không tiếp thu nội dung này.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

Dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Bộ Tài chính trình Chính phủ Báo cáo đánh giá tác động của Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/3/2021 về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định) như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

- Ngày 21/10/2022, thừa ủy quyền Ban cán sự Đảng Chính phủ (BCSD Chính phủ), Ban cán sự Đảng Bộ Tài chính (BCSD Bộ Tài chính) có Tờ trình báo cáo Bộ Chính trị về tình hình cơ cấu lại, định hướng hoạt động và xử lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam (NHPT). Ngày 29/12/2022, Bộ Chính trị có ý kiến kết luận đồng ý về chủ trương tiếp tục cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 với các giải pháp do BCSD Bộ Tài chính trình Bộ Chính trị, trong đó có nội dung chỉ đạo khẩn trương hoàn thiện, ban hành sớm cơ chế, chính sách cơ cấu lại NHPT theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

- Triển khai kết luận của Bộ Chính trị, BCSD Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ đã chỉ đạo giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với NHPT và các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của NHPT, trong đó có Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

- Ngày 07/11/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 78/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước, trong đó có quy định một số nội dung mới về cấp bù lãi suất và phí quản lý, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

đối với các hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu kể từ ngày 22/12/2023 (thời điểm Nghị định số 78/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành).

- Ngày 18/01/2024, Quốc hội đã Luật Các TCTD (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025), trong đó bổ sung một Chương quy định một số nội dung về ngân hàng chính sách (NHCS) như: thành lập, hoạt động, quản lý nhà nước; chủ sở hữu; vốn điều lệ; cơ cấu tổ chức quản lý; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Tổng giám đốc; bảo đảm hoạt động; kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, báo cáo của NHCS; xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm; cơ chế tài chính, tiền lương, tổ chức lại, giải thể, thanh tra, kiểm tra.

- Theo đó, một số quy định hiện hành tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP đã không còn phù hợp với chủ trương mới đã được Bộ Chính trị kết luận và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027; quy định mới tại Luật Các TCTD năm 2024 và Nghị định số 78/2023/NĐ-CP nêu trên.

- Ngoài ra, theo báo cáo của NHPT, qua quá trình triển khai Nghị định số 46/2021/NĐ-CP tại NHPT thời gian qua đã phát sinh một số hạn chế, vướng mắc cần được tháo gỡ để phù hợp với tình hình thực tế (như quy định về bổ sung vốn điều lệ; giới hạn đầu tư mua sắm tài sản cố định; nguồn trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi;...)

Từ tình hình trên, việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP là cần thiết.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP nhằm phù hợp với chủ trương và nội dung cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt đồng thời xử lý các hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với NHPT thời gian qua; đồng thời tạo ra khuôn khổ pháp luật đầy đủ, đồng bộ để nâng cao năng lực tài chính cho NHPT, cũng như góp phần thực hiện Phương án cơ cấu lại, định hướng hoạt động của NHPT giai đoạn 2023-2027 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Về nguyên tắc quản lý tài chính

1.1. Xác định vấn đề bất cập

- Trên cơ sở quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của NHPT ban hành kèm theo Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 03/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ, khoản 1 Điều 4 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP quy định NHPT là NHCS, hoạt động theo mô hình công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại Luật Các TCTD năm 2024 và quy định của pháp luật liên quan, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 95/2025/NĐ-CP ngày 29/4/2025 quy định về tổ chức và hoạt động

của NHPT (thay thế Quyết định số 1515/QĐ-TTg), trong đó đã bỏ nội dung quy định NHPT hoạt động theo mô hình công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật cũng như tính chất hoạt động của NHPT. Theo đó, quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP chưa đồng bộ với quy định tại Luật Các TCTD và dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của NHPT nêu trên.

- Ngoài ra, theo quy định tại Điều 16, Điều 23 Luật Các TCTD năm 2024 (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024), NHCS hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước; được Nhà nước đảm bảo khả năng thanh toán; được cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý; được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước (NSNN) khác theo quy định của pháp luật; không phải thực hiện dự trữ bắt buộc; không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi. Theo đó, quy định về nguyên tắc quản lý tài chính của NHPT tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP chưa đồng bộ với quy định về nguyên tắc hoạt động của ngân hàng chính sách tại Luật Các TCTD năm 2024.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Rà soát, hoàn thiện quy định về nguyên tắc quản lý tài chính của NHPT để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với quy định mới tại Luật Các TCTD năm 2024 và dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của NHPT (dự kiến sẽ được Chính phủ ban hành trong tháng 3/2025).

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

1.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên, không sửa đổi quy định về nguyên tắc quản lý tài chính của NHPT tại Điều 4 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

1.3.2. Giải pháp 2: Rà soát, sửa đổi bổ sung quy định về nguyên tắc quản lý tài chính của NHPT tại Điều 4 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP để đồng bộ với quy định về bảo đảm hoạt động của NHCS tại Luật Các TCTD năm 2024 và dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của NHPT.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

1.4.1. Đánh giá tác động của giải pháp 1: Không đảm bảo đồng bộ, thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật cùng điều chỉnh một nội dung về hoạt động của NHPT.

1.4.2. Đánh giá tác động của giải pháp 2: Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của NHPT.

1.5. Kiến nghị lựa chọn giải pháp

- Sau khi cân nhắc các chi phí, lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 vì giải pháp này có những lợi ích hết sức rõ ràng như đã báo cáo ở trên.

- Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ.

2. Chính sách 2: Vốn hoạt động của NHPT

2.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Về vốn điều lệ và bổ sung vốn điều lệ cho NHPT:

- Điểm a, khoản 1 Điều 6 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP quy định vốn điều lệ của NHPT do NSNN cấp và được bổ sung từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển hoặc các nguồn khác theo quy định của pháp luật. Việc thay đổi mức vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của NHPT và ý kiến của Bộ Tài chính, đảm bảo phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn của NHPT trong từng thời kỳ.

- Điều 18 Luật Các TCTD 2024 quy định, vốn điều lệ của NHCS do NSNN cấp và được bổ sung từ NSNN, các nguồn tài chính hợp pháp khác;

- Tại phương án cơ cấu lại NHPT do BCSĐ Bộ Tài chính báo cáo Bộ Chính trị đã đề xuất giải pháp cấp bổ sung vốn điều lệ cho NHPT theo tỷ lệ tăng trưởng tín dụng được Thủ tướng Chính phủ giao hàng năm tương tự như Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH), sau khi NHPT bù đắp hết lỗ lũy kế phát sinh (dự kiến sau năm 2027)

Theo đó, quy định hiện hành tại điểm a, khoản 1 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP chưa có quy định về cấp bổ sung vốn điều lệ cho NHPT theo tỷ lệ tăng trưởng tín dụng, chưa đồng bộ với quy định tại Luật Các TCTD năm 2024 và phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027.

b) Về vốn huy động

- Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP quy định NHPT được huy động vốn từ phát hành kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi và vay Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

- Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của NHPT, trên cơ sở tiếp thu ý kiến tham gia của Thành viên Chính phủ Thống đốc NHNN, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ bỏ quy định NHPT được huy động vốn thông qua phát hành kỳ phiếu và chứng chỉ tiền gửi. Do Luật Các TCTD năm 2024 đã quy định TCTD dừng phát hành kỳ phiếu mới kể từ khi Luật này có hiệu lực thi hành (khoản 4 Điều 210); đồng thời việc huy động vốn ngắn hạn thông qua phát hành chứng chỉ tiền gửi cũng không phù hợp với hoạt động của NHPT do NHPT không huy động vốn từ tiền gửi dân cư ngắn hạn và mục đích sử dụng vốn của NHPT chủ yếu là trung và dài hạn.

- Ngoài ra, hình thức huy động vốn thông qua vay Bảo hiểm xã hội Việt Nam chưa phù hợp với quy định tại Nghị định số 30/2016/NĐ-CP ngày 26/4/2016 của Chính phủ về hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

c) Về các nguồn vốn khác:

Thực tế, trong thời gian qua, NHPT được các tổ chức quốc tế cung cấp các khoản tài trợ để hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực của NHPT. Để có căn cứ tiếp nhận và thực hiện thỏa thuận hợp tác hỗ trợ nêu trên, cần có quy định tách bạch nguồn vốn tài trợ này là một thành phần trong tổng nguồn vốn hoạt động của NHPT và cần phải phân biệt với các khoản tài trợ không hoàn lại được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu để NHPT thực hiện các nhiệm vụ tín dụng chính sách được giao.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung quy định về vốn hoạt động của NHPT để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tình hình thực tế triển khai tại NHPT.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

2.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung quy định về vốn hoạt động của NHPT.

2.3.2. Giải pháp 2: Sửa đổi bổ sung quy định về vốn hoạt động của NHPT tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng:

- Sửa đổi quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 6 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng đồng bộ với quy định tại Điều 18 Luật Các TCTD năm 2024;

- Bổ sung Điều 6a quy định về bổ sung vốn điều lệ cho NHPT theo hướng:

- + Nguồn bổ sung vốn điều lệ cho NHPT từ: (i) Nguồn NSNN cấp hàng năm để đạt tỷ lệ tăng trưởng vốn điều lệ bằng với tỷ lệ tăng trưởng dư nợ tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ giao hàng năm cho NHPT; (ii) Các quỹ trích lập sau chênh lệch thu chi (quỹ đầu tư phát triển và quỹ bổ sung vốn điều lệ);

- + Điều kiện để cấp bổ sung vốn điều lệ từ NSNN là NHPT không còn lỗ lũy kế theo đúng phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 đã báo cáo Bộ Chính trị;

- + Bổ sung quy định quy trình để thực hiện bổ sung và điều chỉnh vốn điều lệ cho NHPT.

- Sửa đổi quy định khoản 2 Điều 6 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng bỏ huy động vốn qua phát hành kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi và vay Bảo hiểm xã hội.

- Bổ sung nguồn vốn nhận tài trợ vào nguồn vốn hợp khác khác của NHPT quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

2.4.1. Đánh giá tác động của giải pháp 1:

Việc không điều chỉnh quy định về vốn hoạt động của NHPT tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP sẽ không đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, không phù hợp với phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 đã báo cáo Bộ Chính trị phê duyệt và không đảm bảo nguồn lực để NHPT thực hiện chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước.

2.4.2. Đánh giá tác động của giải pháp 2

- Việc bổ sung quy định về “*Bổ sung vốn điều lệ đối với NHPT*” là phù hợp với quy định tại Điều 18 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; tăng cường nguồn lực cho NHPT triển khai các nhiệm vụ được giao sau giai đoạn tái cơ cấu (sau năm 2027), giảm chi phí huy động vốn, từ đó giảm cấp bù chênh lệch lãi suất từ NSNN và giảm lãi suất cho vay, nâng cao hiệu quả của chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước; đồng thời cũng phù hợp với phương án cơ cấu lại NHPT đã báo cáo Bộ Chính trị.

- Ngoài ra, việc quy định bổ sung vốn điều lệ từ các quỹ trích lập sau chênh lệch thu chi (quỹ đầu tư phát triển và quỹ bổ sung vốn điều lệ) của NHPT sẽ tạo căn cứ pháp lý đầy đủ để NHPT báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung vốn điều lệ cho NHPT từ các nguồn nêu trên.

- Việc sửa đổi quy định về các loại hình vốn huy động của NHPT và bổ sung nguồn vốn nhận tài trợ (thuộc nguồn vốn khác của NHPT) sẽ giúp đồng bộ, thống nhất với quy định pháp luật hiện hành; đồng thời phù hợp với thực tế hoạt động của NHPT.

- Phương án này có nhược điểm là có thể phát sinh quy trình, thủ tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung vốn điều lệ cho NHPT.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Sau khi cân nhắc các lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 vì giải pháp này có những lợi ích hết sức rõ ràng như đã báo cáo ở trên.

- Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ.

3. Chính sách 3: Sử dụng vốn và tài sản của NHPT

3.1. Xác định vấn đề bất cập

- Điểm h, khoản 1 Điều 8 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP quy định NHPT được mua, bán, chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên để Nghị định có thể triển khai ngay khi ban hành cần phải quy định cụ thể về các loại hình giấy tờ có giá NHPT được phép mua, bán, chiết khấu, tái chiết khấu.

- Điểm i, khoản 1 Điều 8 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP quy định NHPT được góp vốn thành lập công ty con hoặc tham gia thành lập các công ty liên kết. Tuy nhiên, Nghị định số 95/2025/NĐ-CP quy định về tổ chức và hoạt động

của NHPT xác định rõ địa vị pháp lý của NHPT là NHCS theo quy định của Luật Các TCTD, không phải là doanh nghiệp; do đó, việc quy định NHPT thành lập công ty con, công ty liên kết là không phù hợp.

- Ngoài ra, Điều 8 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP quy định các hoạt động mà NHPT được phép sử dụng vốn để thực hiện, tuy nhiên chưa có quy định về sử dụng vốn để thực hiện các hoạt động theo thỏa thuận với bên tài trợ. Do đó, thời gian qua NHPT nhận được các khoản tài trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế để hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực cho NHPT nhưng chưa có căn cứ pháp lý để tiếp nhận và triển khai thực hiện.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung quy định về sử dụng vốn của NHPT để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng bộ với dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của NHPT (dự kiến được Chính phủ ban hành trong tháng 3/2025) và tình hình thực tế triển khai tại NHPT.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung quy định về sử dụng vốn của NHPT.

3.3.2. Giải pháp 2: Sửa đổi bổ sung quy định về sử dụng vốn của NHPT tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng:

- Quy định cụ thể những loại giấy tờ có giá NHPT được phép mua bán, chiết khấu, tái chiết khấu trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành đã áp dụng ổn định tại Thông tư số 128/2021/TT-BTC (bao gồm: trái phiếu Chính phủ; trái phiếu Chính phủ bảo lãnh; trái phiếu chính quyền địa phương; tín phiếu Ngân hàng Nhà nước)

- Sửa đổi quy định về góp vốn thành lập công ty con, công ty liên kết thành “góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật”.

- Bổ sung nội dung NHPT được sử dụng vốn để thực hiện các hoạt động theo thỏa thuận với bên tài trợ (do nguồn vốn nhận tài trợ đã hòa đồng chung vào nguồn vốn hoạt động của NHPT).

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

3.4.1. Đánh giá tác động của giải pháp 1:

Việc không điều chỉnh quy định về sử dụng vốn của NHPT tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP sẽ không xử lý được các bất cập của chính sách nêu trên.

3.4.2. Đánh giá tác động của giải pháp 2

- Việc bổ sung quy định cụ thể những loại giấy tờ có giá NHPT được phép mua bán, chiết khấu, tái chiết khấu trên cơ sở kế thừa các quy định hiện

hành đã áp dụng ổn định tại Thông tư số 128/2021/TT-BTC nhằm đảm bảo dự thảo Nghị định có thể triển khai được ngay khi ban hành.

- Việc sửa đổi quy định về góp vốn thành lập doanh nghiệp sẽ đảm bảo đồng bộ với quy định về địa vị pháp lý của NHPT tại Luật Các TCTD năm 2024 và Nghị định số 95/2025/NĐ-CP quy định về tổ chức và hoạt động của NHPT.

- Việc bổ sung nội dung sử dụng vốn theo thỏa thuận tài trợ giúp tạo căn cứ pháp lý rõ ràng để NHPT tiếp nhận và sử dụng các khoản tài trợ không hoàn lại nhằm hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực cho NHPT theo quy định của pháp luật.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Sau khi cân nhắc lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 là sửa đổi quy định về sử dụng vốn của NHPT tại Điều 8 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

- Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ.

4. Chính sách 4: Về giới hạn đầu tư, mua sắm tài sản cố định của NHPT

4.1. Xác định vấn đề bất cập

- Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP quy định tổng giá trị còn lại của toàn bộ tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của NHPT (nguyên giá tài sản cố định trừ khấu hao) không vượt quá 25% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ phản ánh trên sổ sách kế toán của NHPT.

- Tuy nhiên, trong thời gian qua, đã có nhiều cách hiểu khác nhau về việc xác định phạm vi tài sản cố định và tổng giá trị còn lại của tài sản cố định đối với giá trị quyền sử dụng đất được Nhà nước giao/cho thuê không thu tiền sử dụng đất/miễn tiền thuê đất; gây vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện của NHPT.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung quy định về xác định giới hạn đầu tư tài sản cố định của NHPT để làm căn cứ cho NHPT triển khai thực hiện, cũng như các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan quản lý nhà nước thuận tiện trong kiểm tra, giám sát.

4.3. Các giải pháp đề xuất

a) *Giải pháp 1:* Giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung quy định về giới hạn đầu tư tài sản cố định của NHPT.

b) *Giải pháp 2:* Sửa đổi, bổ sung quy định về giới hạn đầu tư tài sản cố định của NHPT theo hướng quy định cụ thể việc xác định giá trị còn lại trên sổ sách kế toán của tài sản cố định được thực hiện theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.4.1. Đánh giá tác động của giải pháp 1:

Việc không điều chỉnh quy định về xác định giới hạn đầu tư tài sản cố định của NHPT tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP sẽ không xử lý được bất cập của chính sách nêu trên.

4.4.2. Đánh giá tác động của giải pháp 2

Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017) đã quy định cụ thể tiêu chuẩn xác định tài sản cố định, cách thức xác định nguyên giá tài sản cố định (trong đó bao gồm tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất). Việc bổ sung quy định cụ thể việc xác định giá trị còn lại trên sổ sách kế toán của tài sản cố định được thực hiện theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp sẽ tạo căn cứ pháp lý rõ ràng để NHPT xác định giới hạn vốn được đầu tư vào tài sản cố định.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Sau khi cân nhắc lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 là sửa đổi quy định về giới hạn đầu tư tài sản cố định của NHPT tại Điều 8 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

- Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ.

5. Chính sách 5: Về phân loại tài sản có và xác định dự phòng rủi ro tín dụng cần phải trích lập

5.1. Xác định vấn đề bất cập

- Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP quy định NHPT tính toán đầy đủ và theo dõi số dự phòng rủi ro cần phải trích lập (dự phòng chung và dự phòng cụ thể) của từng hoạt động tín dụng quy định tại Điều 3 Nghị định này; mức trích lập theo hướng dẫn của NHNN đối với các NHTM. Tuy nhiên, theo quy định tại Luật Các TCTD năm 2024 (Điều 147), thẩm quyền quy định các nội dung về mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro là Chính phủ (thay vì thực hiện theo hướng dẫn của NHNN như trước đây). Do đó, quy định hiện hành tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP nêu trên đã không còn phù hợp với thẩm quyền của NHNN theo quy định tại Luật Các TCTD.

- Về thời điểm, trình tự phân loại nợ:

+ Hiện nay Nghị định số 46/2021/NĐ-CP chưa có quy định về nội dung này. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của NHNN quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro

trong hoạt động của TCTD, TCTD phải điều chỉnh nhóm nợ theo nhóm nợ của danh sách khách hàng do CIC cung cấp. Tuy nhiên quy định này không được áp dụng đối với NHPT, do đó mặc dù thời gian qua NHPT có cung cấp thông tin về phân loại nợ của khách hàng tại NHPT lên CIC nhưng các TCTD không phải điều chỉnh nhóm nợ của khách hàng theo nhóm nợ tại NHPT, dẫn đến thực tế thời gian qua nhiều khách hàng doanh nghiệp không bị áp lực phải trả nợ cho NHPT mà chỉ ưu tiên trả nợ các TCTD khác.

+ Bộ Tài chính cho rằng việc quy định kết quả phân loại nợ khách hàng của NHPT được tổng hợp vào danh sách chung của CIC khi yêu cầu các TCTD điều chỉnh nhóm nợ là rất cần thiết và quan trọng nhằm giúp NHPT triển khai hoạt động cho vay mới được an toàn và đảm bảo việc thu hồi nợ đầy đủ của NHPT; phòng tránh trường hợp các khách hàng chây ỳ trả nợ NHPT. Nội dung này đã được Bộ Tài chính tham gia nhiều lần với NHNN khi ban hành Thông tư số 11/2021/TT-NHNN và Thông tư số 31/2024/TT-NHNN về phân loại nợ và tài sản có của TCTD nhưng không được NHNN tiếp thu.

+ Do đó, Bộ Tài chính cho rằng cần phải bổ sung quy định này tại dự thảo Nghị định để khắc phục các vướng mắc nêu trên.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung quy định phân loại tài sản có và xác định dự phòng rủi ro tín dụng cần phải trích lập tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP để phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ quy định tại Luật Các TCTD năm 2024 và khắc phục các vướng mắc trong việc đồng bộ kết quả phân loại nợ tại NHPT và các NHTM.

5.3. Các giải pháp đề xuất

a) *Giải pháp 1:* Giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung quy định về phân loại tài sản có và xác định dự phòng rủi ro tín dụng cần phải trích lập của NHPT.

b) *Giải pháp 2:* Sửa đổi, bổ sung quy định về phân loại tài sản có và xác định dự phòng rủi ro tín dụng cần phải trích lập của NHPT theo hướng:

- Điều chỉnh quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng xác định mức dự phòng rủi ro phải trích lập căn cứ trên kết quả phân loại nợ và quy định của pháp luật hiện hành về mức trích lập dự phòng áp dụng đối với các NHTM.

- Bổ sung quy định về thời điểm, trình tự phân loại nợ của NHPT theo hướng: Định kỳ hàng tháng, NHPT sẽ phải báo cáo kết quả tự phân loại nợ (đối với toàn bộ dư nợ cho vay chịu rủi ro của NHPT) cho CIC tổng hợp chung vào kết quả phân loại nợ của toàn hệ thống các TCTD theo nhóm nợ có mức độ rủi ro cao nhất; NHPT và các TCTD phải điều chỉnh nhóm nợ của khách hàng theo nhóm nợ cao nhất (theo công bố của CIC).

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

5.4.1. Đánh giá tác động của giải pháp 1:

Việc không điều chỉnh quy định về phân loại tài sản có và xác định dự phòng rủi ro tín dụng cần phải trích lập của NHPT sẽ không xử lý được bất cập của chính sách nêu trên.

5.4.2. Đánh giá tác động của giải pháp 2

Phương án này có thể khắc phục được vướng mắc nêu trên, tạo điều kiện để NHPT đơn đốc, thu hồi các khoản nợ xấu của các doanh nghiệp thuộc diện chây ỳ không trả nợ NHPT (mà ưu tiên trả nợ cho NHTM trước). Tuy nhiên, theo ý kiến của NHNN, phương án này có khả năng ảnh hưởng đến nợ xấu chung của nền kinh tế nhưng NHNN cũng chưa có đánh giá cụ thể tác động đến nợ xấu của nền kinh tế mặc dù nội dung này đã được Bộ Tài chính tham gia nhiều lần với NHNN.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Sau khi cân nhắc lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 là sửa đổi quy định về giới phân loại tài sản có và xác định dự phòng rủi ro tín dụng cần phải trích lập của NHPT tại Điều 15 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

- Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ.

6. Chính sách 6: Về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

6.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Đối với dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư

- Theo quy định hiện hành tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, đối với dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, nợ vay bắt buộc bảo lãnh, hằng năm, NHPT căn cứ chênh lệch thu chi để quyết định mức trích lập nhưng tối thiểu bằng 0,75% tổng dư nợ của các hoạt động này, đảm bảo số dư quỹ dự phòng rủi ro của các hoạt động này không vượt quá mức trích lập theo hướng dẫn của NHNN đối với NHTM.

- Triển khai kết luận của Bộ Chính trị, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 78/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP về tín dụng đầu tư của Nhà nước, trong đó, tại khoản 11 Điều 1 quy định đối với các hợp đồng vay vốn tín dụng ký kết từ ngày 22/12/2023, NHPT thực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đối với các NHTM để xử lý rủi ro đối với các khoản nợ vay theo các hợp đồng này.

Do đó, quy định hiện hành về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của NHPT tại Điều 16 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP cần phải rà soát sửa đổi để phù hợp với quy định mới tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP nêu trên.

b) Đối với dự phòng rủi ro các khoản cho vay khác

Về trích lập dự phòng rủi ro của các khoản cho vay khác: Theo quy định hiện hành tại điểm b, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, hàng năm, NHPT dùng chênh lệch dương giữa thu lãi cho vay với chi phí huy động vốn của toàn bộ hoạt động cho vay này để trích lập dự phòng rủi ro. Tuy nhiên, chưa quy định phương thức xử lý đối với trường hợp số dư quỹ lớn hơn số phải trích lập theo quy định.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tại NHPT để đảm bảo phù hợp với phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng bộ với chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước mới được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP và quy định tại Quyết định số 02/2025/QĐ-TTg ngày 06/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý rủi ro tín dụng tại NHPT.

6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

6.3.1. Đối với dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung quy định về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư tại NHPT.

b) Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung quy định về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư tại NHPT theo hướng bổ sung quy định việc trích lập dự phòng đối với các hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư mới thực hiện theo quy định như đối với NHTM (để phân biệt với các hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu trước ngày Nghị định số 78/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) và quản lý, theo dõi riêng đối với từng quỹ dự phòng và sử dụng để xử lý rủi ro theo cơ chế xử lý rủi ro quy định tại Quyết định số 02/2025/QĐ-TTg.

6.3.2. Đối với dự phòng rủi ro các khoản cho vay khác

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung quy định về trích lập dự phòng rủi ro các khoản cho vay khác tại NHPT.

b) Giải pháp 2:

- Bổ sung hướng dẫn về cách thức xác định chi phí huy động vốn của các khoản cho vay khác làm căn cứ để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng (quy định này hiện đang được hướng dẫn tại Thông tư số 128/2021/TT-BTC).

- Bổ sung quy định trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng lớn hơn số phải trích theo quy định thì NHPT hoàn nhập phần chênh lệch thừa vào thu nhập (tương tự như quy định đối với ngân hàng thương mại).

6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

6.4.1. Đối với dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư

- Đánh giá tác động của giải pháp 1: Giải pháp 1 không khắc phục được những vấn đề bất cập hiện nay của quy định về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư của NHPT tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

- Đánh giá tác động của giải pháp 2: Giải pháp 2 giúp làm rõ quy định về trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư của NHPT; đảm bảo phù hợp với phương án cơ cấu lại NHPT và quy định mới tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP.

6.4.2. Đối với dự phòng rủi ro các khoản cho vay khác

- Đánh giá tác động của giải pháp 1: Giải pháp 1 không khắc phục được những vấn đề bất cập hiện nay của quy định về trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro các khoản cho vay khác tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

- Đánh giá tác động của giải pháp 2: Việc sửa đổi quy định về trích lập dự phòng rủi ro các khoản cho vay khác giúp NHPT có nguồn tài chính để trang trải các chi phí quản lý liên quan đến hoạt động cho vay này trước khi trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; đồng thời việc quy định hoàn nhập vào thu nhập đối với số dư quỹ dự phòng rủi ro vượt mức phải trích lập theo quy định tạo căn cứ pháp lý đầy đủ để NHPT hạch toán kế toán.

6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Sau khi cân nhắc lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 là sửa đổi quy định về trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng của NHPT.

- Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ.

7. Chính sách 7: Về các quỹ dự phòng rủi ro tín dụng

7.1. Xác định vấn đề bất cập

- Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP quy định NHPT thực hiện quản lý, theo dõi và sử dụng riêng đối với từng quỹ dự phòng rủi ro: (i) Quỹ dự phòng TDĐT, TDXK, BL được dùng để xử lý rủi ro cho các khoản cho vay này và hoàn nhập vào thu nhập khi số dư quỹ lớn hơn số phải trích lập theo quy định; (ii) Quỹ dự phòng rủi ro các khoản nợ vay khác sau khi đã thu hồi hết dư nợ vay, NHPT chuyển vào quỹ dự phòng TDĐT, TDXK, BL.

- Quy định nêu trên chưa tách bạch giữa Quỹ dự phòng rủi ro TDĐT chuyển tiếp và mới; đồng thời việc treo số dư quỹ dự phòng rủi ro cho vay khác cho đến khi thu hồi hết dư nợ vay của hoạt động này có thể xảy ra trường hợp số dư quỹ dự phòng lớn hơn cả dư nợ cho vay nhưng không thể chuyển sang sử dụng cho các loại hình tín dụng khác hoặc hoàn nhập vào thu nhập của NHPT.

7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Sửa đổi quy định về các quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tại Điều 17 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP để đảm bảo đồng bộ với quy định về trích lập dự phòng

rủi ro tín dụng đầu tư mới tại Nghị định số 78/2021/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tế.

7.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

7.3.1. *Giải pháp 1:* Giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung quy định về các quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tại NHPT.

7.3.2. *Giải pháp 2:* Sửa đổi quy định về các quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tại Điều 17 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng:

- Quy định tách riêng quỹ dự phòng rủi ro TĐĐT của các hợp đồng TĐĐT ký kết lần đầu kể từ ngày 22/12/2023 và sử dụng để xử lý rủi ro tín dụng đối với các hợp đồng này theo quy định về cơ chế xử lý rủi ro tín dụng tại NHPT do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

- Trường hợp số dư quỹ dự phòng lớn hơn số phải trích lập đối với từng quỹ, NHPT thực hiện hoàn nhập phần chênh lệch thừa vào thu nhập, NHPT sử dụng để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chính sách và bù lỗ lũy kế theo quy định.

7.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

- Đánh giá tác động của giải pháp 1: Giải pháp 1 không khắc phục được những vấn đề bất cập hiện nay của chính sách nêu trên.

- Đánh giá tác động của giải pháp 2:

- + Việc theo dõi riêng từng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đảm bảo thực hiện được nguyên tắc quy định tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP đối với các khoản cho vay mới tín dụng đầu tư;

- + Việc hoàn nhập phần chênh lệch vượt của từng quỹ dự phòng vào thu nhập góp phần bổ sung nguồn lực cho NHPT thực hiện mục tiêu cơ cấu lại trong giai đoạn 2023-2027 là bù đắp toàn bộ lỗ lũy kế (đồng thời trong bối cảnh NHPT vẫn còn dư địa để xử lý rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, nợ vay bắt buộc bảo lãnh từ số dư quỹ dự phòng rủi ro của các hoạt động này khoảng 7.000 tỷ đồng). Theo đó, số dư quỹ dự phòng rủi ro các khoản cho vay khác tính đến cuối năm 2024 có thể hoàn nhập vào thu nhập khoảng 800 tỷ đồng.

7.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Sau khi cân nhắc lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2.

- Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ.

8. Chính sách 8: Trích lập dự phòng khác

8.1. Xác định vấn đề bất cập

- Điều 18 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP quy định NHPT căn cứ quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp và các ngân hàng thương mại về trích lập, sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài

chính, nợ phải thu khó đòi, các khoản dự phòng khác và khả năng tài chính để quyết định mức trích lập dự phòng vào chi phí hằng năm.

- Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, NHPT đang tập trung thực hiện các mục tiêu cơ cấu lại đến năm 2027 là bù lỗ lũy kế và trích bổ sung dự phòng rủi ro tín dụng. Do đó, trường hợp NHPT phải trích bổ sung thêm các khoản dự phòng khác (trong đó chủ yếu là dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào VIDIFI do việc Nhà nước chậm trễ trong thực hiện các cam kết tài chính đối với VIDIFI dẫn đến tình trạng tài chính của VIDIFI đang thâm hụt lớn), sẽ gây thêm áp lực lớn lên tình hình tài chính của NHPT, ảnh hưởng đến tiến độ bù đắp lỗ lũy kế của NHPT. Trong khi đó, kết quả hoạt động của VIDIFI gần đây đã có dấu hiệu khởi sắc, sau khi Nhà nước thực hiện đầy đủ các cam kết với VIDIFI và lưu lượng xe lưu thông trên tuyến đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng đã dần đi vào ổn định.

8.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Sửa đổi quy định về trích lập dự phòng khác để phù hợp với bối cảnh hiện nay của NHPT, đảm bảo thực hiện được mục tiêu đề án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027.

8.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

8.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung quy định về trích lập dự phòng khác tại NHPT.

8.3.2. Giải pháp 2: Sửa đổi quy định về trích lập dự phòng khác theo hướng sau khi đã trích lập đủ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu và nợ vay bắt buộc bảo lãnh, NHPT trích lập dự phòng khác theo quy định đối với doanh nghiệp.

8.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

- Đánh giá tác động của giải pháp 1: Giải pháp 1 không khắc phục được những vấn đề bất cập hiện nay của chính sách nêu trên.

- Đánh giá tác động của giải pháp 2: Việc thực hiện trích lập dự phòng khác sau khi đã trích lập đủ dự phòng rủi ro tín dụng sẽ giúp NHPT tập trung nguồn lực xử lý nợ xấu và bù đắp lỗ lũy kế theo phương án cơ cấu lại đã báo cáo Bộ Chính trị.

8.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Sau khi cân nhắc lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2.

- Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ.

9. Chính sách 9: Sửa đổi quy định về cấp bù lãi suất và phí quản lý

9.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo quy định hiện hành tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP (Điều 19 và Điều 20), NHPT được NSNN cấp bù lãi suất và phí quản lý đối với hoạt động tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu và nợ vay bắt buộc bảo lãnh (trong đó, phí quản lý được xây dựng đảm bảo cho NHPT chủ động trong chi tiêu, đủ nguồn kinh phí hoạt động và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng). Quy định này hiện nay không còn phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 78/2023/NĐ-CP về việc NSNN không cấp bù lãi suất và phí quản lý cho các hợp đồng tín dụng ký kết từ ngày 22/12/2023 - thời điểm Nghị định số 78/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (đối với các khoản tín dụng đầu tư mới). Ngoài ra, quy định hiện hành tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP chưa quy định cụ thể cách thức xử lý đối với trường hợp chi phí huy động vốn nhỏ hơn tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn của các hoạt động được cấp bù lãi suất và cơ chế cấp bù đối với công nợ phải thu từ NSNN (NSNN thường xuyên nợ cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý¹, NHPT phải huy động vốn để bù đắp cân đối tài chính đối với phần công nợ này của NSNN, chi phí tài chính phát sinh đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tài chính của NHPT).

9.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Sửa đổi quy định về cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý của NHPT để đảm bảo phù hợp với phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng bộ với chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước mới được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP và bao quát hết các trường hợp phát sinh trong thực tế triển khai.

9.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

9.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên, không sửa đổi quy định về cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý của NHPT

9.3.2. Giải pháp 2: Sửa đổi quy định về cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý của NHPT theo hướng:

- Quy định chỉ cấp bù lãi suất và phí quản lý đối với các khoản nợ vay của các Hợp đồng tín dụng đã ký kết trước ngày 22/12/2023;

- Quy định không cấp bù lãi suất và phí quản lý cho: (i) Các khoản nợ vay của hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu kể từ ngày 22/12/2023; (ii) Các khoản nợ vay của các dự án tín dụng đầu tư thực hiện điều chỉnh lãi suất, cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP của Chính phủ²;

¹ Đến hết năm 2023, về cơ bản NSNN mới bố trí thanh toán đủ số cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý phát sinh đến hết năm 2020. Đến nay, NHPT vẫn chưa được bố trí bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn để thanh toán số cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý phát sinh trong giai đoạn 2021-2025.

² Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 78/2023/NĐ-CP, NSNN không cấp bù lãi suất và phí quản lý đối với toàn bộ dư nợ và các khoản giải ngân còn lại (nếu có) của các hợp đồng tín dụng này trong trường hợp NHPT, khách hàng và các bên liên quan thỏa thuận thống nhất áp dụng một trong các quy định về thời hạn cho vay tại khoản 7 Điều 1, lãi suất cho vay tại khoản 8 Điều 1 và cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi tiền vay

- Quy định cấp bù chênh lệch lãi suất được xác định trên cơ sở chênh lệch vượt giữa tổng chi phí cho việc huy động vốn với tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn. Trong đó:

(i) Chi phí cho việc huy động vốn (bao gồm chi trả lãi huy động vốn, chênh lệch tỷ giá đối với các khoản huy động vốn bằng ngoại tệ và phí trả cho việc phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh) để cho vay các dự án được cấp bù, dự trữ tồn ngân theo quy định và bù đắp các khoản công nợ phải thu từ ngân sách nhà nước.

(ii) Thu nhập từ việc sử dụng vốn bao gồm thu lãi cho vay từ các dự án được cấp bù và thu lãi tiền gửi từ dự trữ tồn ngân được cấp bù.

- Sửa đổi nguyên tắc xác định tỷ lệ phí quản lý đảm bảo cho NHPT trang trải đủ nguồn chi phí cho các nhiệm vụ được cấp phí quản lý; Bổ sung nguyên tắc phân bổ chi phí hoạt động cho các nhiệm vụ được cấp phí quản lý, phù hợp với tính chất của từng hoạt động cho vay.

- Bổ sung quy định về xử lý trường hợp chi phí huy động vốn nhỏ hơn tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn của các hoạt động được cấp bù lãi suất trong điều kiện NHPT hoạt động bình thường được thực hiện theo trình tự: (i) Khấu trừ vào phí quản lý phát sinh trong năm của NHPT; (ii) Phần còn lại (nếu có) được hòa đồng vào thu nhập của NHPT. Đối với giai đoạn cơ cấu lại, thực hiện theo cơ chế riêng được báo cáo cụ thể tại mục 15 báo cáo này.

9.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

9.4.1. Đánh giá tác động của giải pháp 1:

Không khắc phục được các vấn đề bất cập cần giải quyết liên quan đến cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý của NHPT.

9.4.2. Đánh giá tác động của giải pháp 2:

- Việc sửa đổi quy định về cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý giúp đảm bảo đồng bộ giữa chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP và cơ chế quản lý tài chính của NHPT cũng như phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Việc quy định nguyên tắc xử lý trường hợp chi phí huy động vốn nhỏ hơn tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn của các hoạt động được cấp bù lãi suất giúp tạo căn cứ pháp lý rõ ràng để xác định số cấp bù lãi suất và phí quản lý NHPT được NSNN chi trả.

- Việc quy định cơ chế cấp bù chênh lệch lãi suất đối với công nợ phải thu của NSNN tương tự như cơ chế hiện hành đang áp dụng đối với NHCSXH; đồng

thời phù hợp với chỉ đạo của Bộ Chính trị về chủ trương, định hướng cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2019-2021 và giai đoạn 2023-2027 (về việc bố trí ngân sách nhà nước cấp đủ những khoản thuộc trách nhiệm của ngân sách đối với NHPT theo cam kết của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ).

9.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Sau khi cân nhắc lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 là sửa đổi quy định về cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý để tạo căn cứ pháp lý đồng bộ, đầy đủ, rõ ràng để NHPT triển khai thực hiện.

- Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ.

10. Chính sách 10: Lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán vốn từ ngân sách nhà nước cấp cho NHPT

10.1. Xác định vấn đề bất cập

Điều 21 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP quy định về trình tự, thủ tục xây dựng dự toán và thực hiện cấp bù lãi suất, phí quản lý hằng năm do NSNN cấp cho NHPT. Theo đó, chưa có quy định về trình tự, thủ tục lập dự toán, chấp hành dự toán cấp bổ sung vốn điều lệ, cấp vốn hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đồng thời cũng chưa có quy định về quyết toán vốn NSNN cấp hằng năm cho NHPT.

10.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định đầy đủ về lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán vốn từ NSNN cấp cho NHPT để làm căn cứ triển khai thực hiện

10.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

10.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên, không sửa đổi quy định về trình tự, thủ tục xây dựng dự toán và thực hiện cấp bù lãi suất, phí quản lý hằng năm do NSNN cấp cho NHPT.

10.3.2. Giải pháp 2: Hoàn thiện quy định lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán vốn từ NSNN cấp cho NHPT theo hướng: (i) Việc lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán vốn từ NSNN cấp cho NHPT thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; (ii) Trường hợp số chi cấp bù lãi suất và phí quản lý thực tế được hưởng phát sinh lớn hơn số dự toán được bố trí thì sẽ được tổng hợp phần chênh lệch thiếu vào dự toán các năm sau. Trường hợp số chi cấp bù lãi suất và phí quản lý thực tế được hưởng phát sinh nhỏ hơn số dự toán được bố trí, phần chênh lệch bố trí dự toán thừa thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

10.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

10.4.1. Đánh giá tác động của giải pháp 1:

Việc không sửa đổi quy định về trình tự, thủ tục xây dựng dự toán và thực hiện cấp bù lãi suất, phí quản lý hàng năm do NSNN cấp cho NHPT sẽ không xử lý được bất cập của chính sách nêu trên.

10.4.2. Đánh giá tác động của giải pháp 2:

Việc sửa đổi quy định về lập dự toán, chấp hành dự toán, quyết toán vốn từ ngân sách nhà nước cấp (thay vì chỉ cấp bù lãi suất và phí quản lý) cho NHPT thực hiện thống nhất theo quy định Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản liên quan sẽ tạo hành lang pháp lý rõ ràng, đầy đủ, đồng bộ để NHPT triển khai thực hiện.

10.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Sau khi cân nhắc lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 để tạo căn cứ rõ ràng để NHPT triển khai thực hiện.
- Thâm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ.

11. Chính sách 11: Thu nhập của NHPT

11.1. Xác định vấn đề bất cập

- Điểm e, khoản 1 Điều 22 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP quy định thu từ mua bán nợ là một trong các nguồn thu nhập từ hoạt động nghiệp vụ của NHPT và chưa có quy định về thu từ các khoản nợ đã sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng.

- Ngày 06/1/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 02/2025/QĐ-TTg về cơ chế xử lý rủi ro tín dụng tại NHPT, trong đó quy định: (i) Việc xử lý tài chính đối với số thu từ các khoản nợ đã sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng thực hiện theo cơ chế quản lý tài chính của NHPT; (ii) NHPT thực hiện bán nợ theo quy định của pháp luật nhưng chưa có quy định về việc cho phép NHPT mua nợ.

Do đó, cần phải sửa đổi quy định tại điểm e, khoản 1 Điều 22 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP để thống nhất với quy định hiện hành.

11.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn thiện quy định về thu nhập của NHPT để đồng bộ, thống nhất với quy định về cơ chế xử lý rủi ro tín dụng của NHPT tại Quyết định số 02/2025/QĐ-TTg.

11.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

11.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên, không sửa đổi quy định thu nhập của NHPT tại Điều 22 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

11.3.2. Giải pháp 2: Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 22 theo hướng bổ sung quy định về các khoản thu sau đây thuộc thu nhập từ hoạt động nghiệp vụ của NHPT: (i) Thu phát sinh từ phần chênh lệch vượt giữa giá bán nợ và số dư nợ gốc, lãi và nghĩa vụ tài chính khác còn lại chưa thu hồi được của khoản nợ được bán; (ii) Thu từ các khoản nợ đã sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng (không bao gồm số thu từ các khoản cho vay TĐĐT, TĐXK, BL chuyển tiếp sẽ được hạch toán vào quỹ dự phòng rủi ro tín dụng của các hoạt động này).

11.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

11.4.1. Đánh giá tác động của giải pháp 1:

Việc không sửa đổi quy định về thu nhập của NHPT sẽ gây vướng mắc cho NHPT trong triển khai thực hiện và không xử lý được bất cập của chính sách nêu trên.

11.4.2. Đánh giá tác động của giải pháp 2:

Việc bổ sung quy định cụ thể về xử lý tài chính đối với nguồn thu từ hoạt động xử lý rủi ro tín dụng (bán nợ, chuyển theo dõi ngoại bảng) sẽ đảm bảo nguyên tắc đồng bộ, thống nhất với quy định tại Quyết định số 02/2025/QĐ-TTg và tạo căn cứ pháp lý rõ ràng để NHPT triển khai thực hiện

11.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Sau khi cân nhắc lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2.

- Thâm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ.

12. Chính sách 12: Chi phí của NHPT

12.1. Xác định vấn đề bất cập

- Một số khoản chi hợp lý, hợp lệ của NHPT chưa được quy định vào chi phí của NHPT như: lệ phí theo quy định của pháp luật; chi thuê tư vấn thẩm định giá tài sản bảo đảm tiền vay; chi hỗ trợ cho người lao động dôi dư, lao động có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi.

- Khoản 4 Điều 23 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP quy định định mức chi phí của NHPT thực hiện theo định mức chi phí của công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; tuy nhiên hiện nay chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể về định mức này.

12.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Rà soát các khoản chi phí của NHPT để sửa đổi, bổ sung đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và quy định hiện hành của pháp luật.

12.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

12.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên, không sửa đổi quy định chi phí của NHPT tại Điều 23 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

12.3.2. Giải pháp 2:

- Sửa đổi quy định về chi khác cho hoạt động nghiệp vụ (điểm h, khoản 1 Điều 23), bổ sung các khoản chi lệ phí theo quy định của pháp luật; chi thuê tư vấn thẩm định giá tài sản bảo đảm tiền vay; chi huy động vốn, chi cho hoạt động nhiệm vụ khác.

- Bổ sung một số định mức chi đã có quy định cụ thể như chi ăn giữa ca³; chi trang phục giao dịch⁴ và khoản chi hỗ trợ lao động dôi dư, lao động có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi trong giai đoạn cơ cấu lại theo quy định tại Nghị định số 97/2022/NĐ-CP. Đồng thời sửa đổi khoản 4 Điều 23 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng quy định định mức chi phí của NHPT thực hiện theo quy định của pháp luật về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

12.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

12.4.1. Đánh giá tác động của giải pháp 1:

Việc không sửa đổi quy định về chi phí của NHPT sẽ gây vướng mắc cho NHPT trong triển khai thực hiện và không xử lý được bất cập của chính sách nêu trên.

12.4.2. Đánh giá tác động của giải pháp 2:

Việc sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể chi phí của NHPT sẽ tạo căn cứ pháp lý rõ ràng để NHPT triển khai thực hiện đảm bảo công khai, minh bạch.

12.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Sau khi cân nhắc lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2.

- Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ.

13. Chính sách 13: Kết quả tài chính và phân phối kết quả tài chính

13.1. Xác định vấn đề bất cập

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, NHPT sử dụng tối thiểu 40% kết quả tài chính thặng dư trong năm để trích lập các quỹ bổ sung nguồn vốn hoạt động (5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;

³ Chi ăn giữa ca tối đa không vượt quá mức chi đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (hiện nay là 730.000 đồng/người/tháng, theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).

⁴ Mức chi không vượt quá mức chi trang phục giao dịch bằng tiền để tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với doanh nghiệp (hiện nay là 5.000.000 đồng/người/năm).

10% vào quỹ dự phòng tài chính; 25% vào quỹ đầu tư phát triển). Tuy nhiên, Luật Các TCTD năm 2024 đã nâng mức trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của các NHTM lên 10%.

- Ngoài ra, khoản 3 Điều 26 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP quy định khi kết quả tài chính trong năm bị thâm hụt, NHPT được chuyển số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí sang năm sau, thời gian chuyển không quá 05 năm; trường hợp sau 05 năm nếu NHPT không chuyển hết số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí, NHPT báo cáo Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ KHĐT trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Theo đó, nếu đến hết năm 2025, NHPT không hết lỗ lũy kế thì sẽ phải báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định. Tuy nhiên, hiện nay NHPT đang triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại giai đoạn 2023-2027 theo chủ trương được Bộ Chính trị phê duyệt; trong đó bao gồm giải pháp về xử lý số lỗ lũy kế kéo dài qua nhiều năm của NHPT, dự kiến đến năm 2027 mới xử lý hết số lỗ lũy kế (6 năm kể từ ngày Nghị định số 46/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành). Do đó cần phải sửa đổi quy định tại khoản 3 Điều 26 nêu trên để phù hợp với phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027.

13.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung quy định về phân phối kết quả tài chính của NHPT để tương đồng với mức trích quỹ bổ sung vốn điều lệ như quy định đối với NHTM tại Luật Các TCTD và tổng mức trích các quỹ phù hợp với tính chất hoạt động của NHPT.

13.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

13.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên, không sửa đổi quy định về phân phối kết quả tài chính của NHPT tại Điều 26 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

13.3.2. Giải pháp 2:

- Sửa đổi quy định về phân phối kết quả tài chính của NHPT theo hướng: (i) đảm bảo tích lũy tối thiểu 50% chênh lệch thu chi dương (nếu có) để trích lập các quỹ dùng để bổ sung nguồn vốn hoạt động cho NHPT; (ii) Tăng mức trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để tương đồng với mức trích của các NHTM; (iii) Phần còn lại sau khi trích lập các quỹ tiếp tục dùng để bổ sung quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

- Về thời gian chuyển lỗ lũy kế: trong giai đoạn cơ cấu lại thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

13.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

13.4.1. Đánh giá tác động của giải pháp 1:

Việc không sửa đổi quy định về phân phối kết quả tài chính của NHPT không xử lý được bất cập của chính sách nêu trên.

13.4.2. Đánh giá tác động của giải pháp 2:

Việc sửa đổi, bổ sung quy định về phân phối kết quả tài chính của NHPT theo hướng nêu trên sẽ đồng bộ với quy định đối với NHTM, phù hợp với tính chất hoạt động của NHPT (là NHCS hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện chính sách phát triển kinh tế xã hội) và thống nhất với phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

13.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Sau khi cân nhắc lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2.

- Thẩm quyền ban hành chính sách đề giải quyết vấn đề là Chính phủ.

14. Chính sách 14: Kế hoạch tài chính hằng năm của NHPT

14.1. Xác định vấn đề bất cập

Trong thời qua, việc triển khai quy định tại khoản 7 Điều 29 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP gặp một số vướng mắc như sau: (i) Kế hoạch tài chính hằng năm của NHPT được Hội đồng quản trị phê duyệt muộn do phụ thuộc vào thời điểm Thủ tướng Chính phủ giao hạn mức phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; (ii) Trường hợp trong năm kế hoạch, NHPT không có nhu cầu huy động vốn qua phát hành trái phiếu Chính phủ bảo lãnh nhưng vẫn phải chờ Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt giao hạn mức phát hành là 0 đồng để hoàn thiện kế hoạch tài chính.

14.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung quy định về lập kế hoạch tài chính hằng năm của NHPT để khắc phục những vướng mắc trong thực tế triển khai, đảm bảo NHPT chủ động triển khai kế hoạch tài chính ngay từ đầu năm.

14.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

14.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên, không sửa đổi quy định về lập kế hoạch tài chính của NHPT tại Điều 29 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

14.3.2. Giải pháp 2:

Sửa đổi quy định về lập kế hoạch tài chính hằng năm của NHPT theo hướng trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ có quyết định về giao kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, NHPT rà soát, hoàn chỉnh báo cáo về kế hoạch tài chính của năm kế hoạch gửi Bộ Tài chính có ý kiến và giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại cho NHPT.

14.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

14.4.1. Đánh giá tác động của giải pháp 1:

Việc không sửa đổi quy định về lập kế hoạch tài chính của NHPT không xử lý được bất cập của chính sách nêu trên.

14.4.2. Đánh giá tác động của giải pháp 2:

Việc sửa đổi, bổ sung quy định về lập kế hoạch tài chính của NHPT ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch tăng trưởng tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước hằng năm cho NHPT vừa đảm bảo kế hoạch tài chính được xây dựng gắn với kế hoạch tín dụng do Thủ tướng Chính phủ giao, đồng thời rút ngắn thời gian phê duyệt kế hoạch tài chính để NHPT có thể triển khai nhiệm vụ được giao ngay từ đầu năm.

14.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Sau khi cân nhắc lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2.

- Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ.

15. Chính sách 15: Một số cơ chế đặc thù trong giai đoạn cơ cấu lại

15.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Về cơ chế tiền lương trong giai đoạn cơ cấu lại

- Về chi trả tiền lương cho người quản lý và Ban kiểm soát NHPT:

+ Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, trong giai đoạn cơ cấu lại tiền lương của người quản lý NHPT theo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, trường hợp hoàn thành nhiệm vụ tối đa không vượt quá mức tiền lương quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP⁵ ngày 13/6/2016 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Mức lương quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP được chia làm 06 mức theo 06 hạng công ty (Tập đoàn kinh tế; Tổng công ty đặc biệt; Tổng công ty; Công ty hạng I/II/III).

+ Trước năm 2021, NHPT được xếp hạng Tổng công ty nhà nước đặc biệt theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Quy chế quản lý tài chính đối với NHPT ban hành kèm theo Quyết định số 44/2007/QĐ-TTg⁶. Tuy nhiên, Quyết định số 44/2007/QĐ-TTg đã hết hiệu lực thi hành sau khi Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ban hành. Do đó, từ năm 2021, việc phê duyệt quỹ tiền lương cho người quản lý NHPT chưa thực hiện được (việc trình cấp có thẩm quyền xếp hạng lại NHPT gặp vướng mắc do đặc thù hoạt động là ngân hàng chính sách của Nhà nước, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận và được miễn các khoản nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước do đó không phù hợp với các tiêu chí xếp hạng

⁵ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

⁶ Quyết định số 44/2007/QĐ-TTg ngày 30/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý tài chính của NHPT.

doanh nghiệp thông thường⁷ bao gồm lợi nhuận, số nộp ngân sách nhà nước, tổng số lao động).

+ Ngoài ra, ngày 28/2/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 44/2025/NĐ-CP thay thế Nghị định số 52/2016/NĐ-CP, bao gồm cả nội dung phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP; do đó, quy định hiện hành tại khoản 2 Điều 6 gặp vướng mắc khi triển khai thực hiện.

b) Về trích lập quỹ khen thưởng người lao động và quỹ thưởng người quản lý và Ban kiểm soát

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, khi kết quả tài chính trong năm đạt thặng dư, sau khi bù đắp khoản thâm hụt từ những năm trước, NHPT mới được trích lập các quỹ khen thưởng. Tuy nhiên, hiện nay, số lỗ lũy kế của NHPT là tương đối lớn (đến hết năm 2024 là khoảng 5.694 tỷ đồng), việc bù đắp hết lỗ lũy kế theo kế hoạch tái cơ cấu NHPT được các cấp có thẩm quyền phê duyệt là đến hết năm 2027. Trong thời gian chưa bù đắp hết lỗ lũy kế, NHPT không có nguồn để chi cho các danh hiệu thi đua, khen thưởng tập thể, cá nhân đạt được từ năm 2021 đến nay, cũng như chi khen thưởng cho các phong trào thi đua của cấp ủy Đảng, chính quyền phát động nhằm khuyến khích, động viên người lao động, người quản lý NHPT.

15.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Sửa đổi quy định về một số cơ chế đặc thù trong giai đoạn cơ cấu lại NHPT để phù hợp với phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời tạo động lực khuyến khích, động viên người lao động, người quản lý NHPT nâng cao hiệu quả công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

6.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên, không sửa đổi quy định về một số cơ chế đặc thù trong giai đoạn cơ cấu lại NHPT

6.3.2. Giải pháp 2:

- Bỏ cơ chế tiền lương đặc thù trong giai đoạn cơ cấu lại, NHPT thực hiện thống nhất theo quy định tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP.

- Bổ sung quy định trường hợp kết quả tài chính trong năm của NHPT đạt thặng dư (chênh lệch thu – chi dương), trước khi bù đắp lỗ lũy kế, NHPT được trích 01 tháng lương thực hiện nhưng không vượt quá 15% kết quả tài chính cho quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng của thành viên Ban điều hành, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.

⁷ Theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23/2/2024 của Chính phủ).

15.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

15.4.1. Đánh giá tác động của giải pháp 1:

Không khắc phục được các vấn đề bất cập cần giải quyết liên quan đến một số cơ chế đặc thù trong giai đoạn cơ cấu lại của NHPT.

15.4.2. Đánh giá tác động của giải pháp 2:

- Trong đó, tại khoản 5 Điều 34 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP quy định NHPT thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định tại Nghị định này phù hợp với tính chất đặc thù của NHPT và giao Bộ LĐTBXH (nay là Bộ Nội vụ) hướng dẫn cụ thể. Do đó, việc bỏ quy định về cơ chế tiền lương trong giai đoạn cơ cấu lại NHPT để đảm bảo đồng bộ về cơ chế chính sách, tránh mâu thuẫn chồng chéo. Các nội dung về quản lý, lao động, tiền lương của NHPT sẽ thực hiện thống nhất theo quy định tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP và Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Về trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: Hiện nay, NHPT đang triển khai cho vay mới theo cơ chế tương tự như NHTM, đồng thời áp dụng các biện pháp để thực hiện cơ cấu lại theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc triển khai đề án cơ cấu lại trong hai năm 2023 và 2024 bước đầu đạt được một số kết quả tích cực (nợ xấu chịu rủi ro tín dụng đã giảm 42%, lỗ lũy kế giảm 28%, quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập tăng thêm 19,8% so với cuối năm 2021). Tuy nhiên do thâm hụt tài chính kéo dài từ các năm trước nên NHPT không được trích quỹ khen thưởng, phúc lợi nên không có nguồn lực để triển khai các phong trào thi đua, khen thưởng, hỗ trợ cho người lao động và người quản lý NHPT.

Mức trích quỹ khen thưởng nêu trên có thể ảnh hưởng đến tiến độ bù đắp lỗ lũy kế phát sinh theo đề án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027, tuy nhiên, Bộ Tài chính đánh giá là cần thiết để tạo nguồn lực để NHPT phát động phong trào thi đua, khuyến khích, động viên cán bộ, người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

15.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn


- Sau khi cân nhắc lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 là sửa đổi quy định về một số cơ chế đặc thù trong giai đoạn cơ cấu lại để tạo căn cứ pháp lý đồng bộ, đầy đủ, rõ ràng, đồng thời tạo động lực cần thiết để động viên, khuyến khích cán bộ, người lao động NHPT nâng cao hiệu quả công việc, hoàn thành mục tiêu cơ cấu lại giai đoạn 2023-2027.

- Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ.

III. PHỤ LỤC: Không

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách tại dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP. Kính trình Chính phủ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

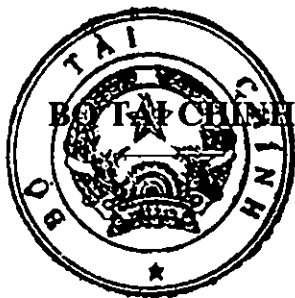
Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Thanh tra Chính phủ;
- Các Bộ: Công an; Tư pháp; Nội Vụ;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Lưu: VT, Vụ ĐCTC (N.T.H. Văn - T.b) 

KT. BỘ TRƯỞNG
TÀI CHÍNH



Trần Quốc Phương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2025

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 46/2021/NĐ-CP NGÀY 31/3/2021 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Phát triển).	Giữ nguyên	
Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Ngân hàng Phát triển. 2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Ngân hàng Phát triển. 3. Các tổ chức và cá nhân có liên quan.	Giữ nguyên	
Điều 3. Giải thích thuật ngữ Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. “Tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước” bao gồm: a) Các khoản cho vay theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước; b) Dư nợ cho vay tín dụng xuất khẩu của Nhà nước đối với các hợp đồng đã ký trước thời điểm Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của	Giữ nguyên	

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>Nhà nước có hiệu lực thi hành (sau đây gọi tắt là Nghị định số 32/2017/NĐ-CP);</p> <p>c) Các khoản cho vay theo chương trình, dự án do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất và/hoặc phí quản lý;</p> <p>d) Các khoản nợ vay Ngân hàng Phát triển nhận lại từ tổ chức tiền thân.</p> <p>2. “Nợ vay bắt buộc bảo lãnh” là các khoản nợ vay bắt buộc sau khi Ngân hàng Phát triển thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p> <p>3. “Các khoản nợ vay khác” là các khoản Ngân hàng Phát triển cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ do Ngân hàng Phát triển chịu rủi ro tín dụng và các khoản cho vay khác của Ngân hàng Phát triển theo lãi suất thỏa thuận, ngân sách nhà nước không cấp bù lãi suất và phí quản lý</p>		
Điều 4. Nguyên tắc quản lý tài chính		
<p>1. NHPT là ngân hàng chính sách, hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối kế toán, có con dấu, được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. NHPT là đơn vị hạch toán tập trung toàn hệ thống; tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước pháp luật; tiến tới tự bù đắp chi phí và rủi ro trong hoạt động. NHPT thực hiện quản lý</p>	<p>1. NHPT là ngân hàng chính sách do Thủ tướng Chính phủ thành lập, có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. NHPT là đơn vị hạch toán tập trung toàn hệ thống theo quy định của pháp luật; tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước pháp luật; tiến tới tự bù đắp chi phí và rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật.</p>	<p>- Trên cơ sở quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của NHPT ban hành kèm theo Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 03/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Điều 4 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP về cơ chế quản lý tài chính đối với NHPT quy định: NHPT là NHCS, hoạt động theo mô hình công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.</p> <p>- Tuy nhiên, căn cứ quy định tại Luật Các TCTD năm 2024 (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024) và quy định của pháp luật liên quan, Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 370/TTr-BTC</p>

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>tài chính theo quy định của Nghị định này, đối với các nội dung không quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.</p>		<p>ngày 20/12/2024 trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động của NHPT (thay thế Quyết định số 1515/QĐ-TTg), trong đó đã trình Chính phủ bỏ nội dung quy định NHPT hoạt động theo mô hình công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật cũng như tính chất hoạt động của NHPT. Nội dung này tại Dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của NHPT đã được Văn phòng Chính phủ gửi xin ý kiến của các thành viên Chính phủ, theo đó Bộ Tài chính nhận được 24/27 Phiếu ý kiến Thành viên Chính phủ và tất cả 24/24 Thành viên Chính phủ đều biểu quyết đồng ý thông qua nội dung dự thảo Nghị định của Bộ Tài chính (dự thảo Nghị định hiện đang trình Chính phủ ký ban hành).</p>
<p>2. NHPT hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện chính sách tín dụng của Nhà nước và các nhiệm vụ khác theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất và phí quản lý theo quy định của pháp luật và Nghị định này; được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước; được Chính phủ đảm bảo khả năng thanh toán; được áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng 0% (không phần trăm) và không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi.</p>	<p>2. NHPT hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước; được Nhà nước cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất và phí quản lý và các nguồn vốn khác để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác theo quy định của pháp luật; được Nhà nước đảm bảo khả năng thanh toán; không phải thực hiện dự trữ bắt buộc và không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi.</p>	<p>- Từ tình hình nêu trên, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ sửa đổi các nội dung về nguyên tắc quản lý tài chính của NHPT quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP để đảm bảo đồng bộ và thống nhất với các quy định tại Nghị định tổ chức và hoạt động của NHPT sắp được Chính phủ ban hành; theo đó, tại dự thảo Nghị định đã quy định rõ NHPT là ngân hàng chính sách do Thủ tướng Chính phủ thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước; nguyên tắc quản lý tài chính về cơ bản vận dụng nguyên tắc quản lý tài chính áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, có điều chỉnh</p>

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
		để phù hợp với tính chất hoạt động của NHPT.
3. Ngân hàng Phát triển được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho vay tái cấp vốn theo quy định của pháp luật; được tham gia thị trường liên ngân hàng, tham gia thị trường mở, tổ chức thanh toán nội bộ, cung cấp các dịch vụ thanh toán, các dịch vụ ngân hàng khác cho khách hàng, thực hiện hoạt động ngoại hối; được tham gia hệ thống thanh toán trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên	
4. Đối với hoạt động cho vay khác: ngân sách nhà nước không cấp bù lãi suất và phí quản lý; các khoản thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động phát sinh được hòa nhập chung với kết quả hoạt động của Ngân hàng Phát triển theo quy định tại Nghị định này.	Bãi bỏ	Bãi bỏ khoản 4 Điều 4 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP về các hoạt động cho vay khác do chưa bao quát hết các khoản cho vay mới tín dụng đầu tư theo quy định tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP và trùng lặp với quy định về chi phí, thu nhập của NHPT.
Điều 5. Chế độ trách nhiệm Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý nhà nước về việc quản lý an toàn vốn, tài sản của Ngân hàng Phát triển, đảm bảo việc sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và chấp hành chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán của Ngân hàng Phát triển.	Giữ nguyên	
Điều 6. Vốn hoạt động của NHPT		
1. Vốn chủ sở hữu: a) Vốn điều lệ ngân sách nhà nước cấp và được bổ sung từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển hoặc các nguồn khác theo quy định của pháp luật. Việc thay đổi mức vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của	1. Vốn chủ sở hữu: a) Vốn điều lệ của NHPT do ngân sách nhà nước cấp và được bổ sung trong quá trình hoạt động từ ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác. Việc bổ sung vốn điều lệ của NHPT trong quá trình hoạt động thực hiện theo quy định tại Điều 6a Nghị định này;	- Theo quy định tại Điều 18 Luật Các TCTD năm 2024, vốn điều lệ của NHCS do NSNN cấp, được bổ sung từ NSNN và các nguồn tài chính hợp pháp khác. Do đó, để đảm bảo đồng bộ về chính sách, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 1 Điều 6 theo hướng quy định: “ <i>Vốn điều lệ của NHPT</i>

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>NHPT và ý kiến của Bộ Tài chính, đảm bảo phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn của NHPT trong từng thời kỳ;</p> <p>b) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản do ngân sách nhà nước cấp;</p> <p>c) Các quỹ: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính;</p> <p>d) Chênh lệch do đánh giá lại tài sản; chênh lệch tỷ giá;</p> <p>đ) Kết quả hoạt động chưa phân phối;</p>	<p>b) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản do ngân sách nhà nước cấp (nếu có);</p> <p>c) Các quỹ: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính;</p> <p>d) Chênh lệch do đánh giá lại tài sản;</p> <p>đ) Kết quả tài chính chưa phân phối;</p>	<p><i>do NSNN cấp và được bổ sung trong quá trình hoạt động từ NSNN và các nguồn tài chính hợp pháp khác</i> để đảm bảo thống nhất với quy định hiện hành tại Luật Các TCTD.</p> <p>- Bỏ “<i>chênh lệch tỷ giá</i>” do nội dung này nằm trong cấu phần thu nhập, chi phí của NHPT.</p> <p>- Điều chỉnh “<i>kết quả hoạt động chưa phân phối</i>” thành “<i>Kết quả tài chính chưa phân phối</i>” để phù hợp với thuật ngữ sử dụng tại Điều 26 Nghị định 46/2021/NĐ-CP (về kết quả tài chính và phân phối kết quả tài chính)</p>
<p>2. Vốn huy động theo quy định pháp luật gồm có:</p> <p>a) Phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;</p> <p>b) Phát hành trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng Phát triển;</p> <p>c) Vay Bảo hiểm xã hội Việt Nam; vay của các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước và nước ngoài;</p> <p>d) Vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;</p> <p>đ) Huy động của các tổ chức khác trong và ngoài nước;</p> <p>e) Nhận tiền gửi ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;</p> <p>g) Huy động các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>2. Vốn huy động theo quy định pháp luật gồm có:</p> <p>Giữ nguyên các điểm a,d,đ,e,g; Sửa đổi điểm b và c như sau:</p> <p>b) Phát hành trái phiếu, giấy tờ có giá khác bằng đồng Việt Nam và huy động tiền gửi của các tổ chức trong và ngoài nước. Lãi suất huy động của nguồn vốn này không được vượt quá mức lãi suất huy động tiền gửi cao nhất cùng kỳ hạn, cùng thời điểm của bốn ngân hàng, gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam. Trường hợp lãi suất công bố trên website của bốn ngân hàng trên không có kỳ hạn trùng với kỳ hạn huy động của Ngân hàng Phát triển thì đối chiếu theo mức lãi suất huy động của kỳ hạn ngắn hơn gần nhất.</p> <p>c) Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước và nước ngoài;</p>	<p>- Dự thảo Nghị định bỏ quy định NHPT được phát hành kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi để đồng bộ với quy định đối với các TCTD tại khoản 4 Điều 210 Luật Các TCTD năm 2024.</p> <p>- Bổ sung quy định về xác định lãi suất huy động vốn tại điểm b, khoản 2 trên cơ sở kế thừa quy định hiện hành tại Thông tư số 128/2021/TT-BTC (Điều 3.1.c) đang triển khai thời gian qua chưa phát sinh vướng mắc và đảm bảo nguyên tắc Nghị định có thể triển khai được ngay khi ban hành.</p> <p>- Bỏ quy định vay Bảo hiểm xã hội tại điểm c, khoản 2 để phù hợp với quy định tại Nghị định số 30/2016/NĐ-CP ngày 26/4/2016 về hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.</p>

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>3. Các khoản vốn khác:</p> <p>a) Ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất để thực hiện các hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư phát sinh trước thời điểm Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành;</p> <p>b) Vốn vay nước ngoài của Chính phủ được Bộ Tài chính ủy quyền cho vay lại;</p> <p>c) Vốn nhận ủy thác của Bộ Tài chính, chính quyền địa phương, các quỹ tài chính địa phương, các tổ chức trong nước và nước ngoài (bên ủy thác) để thực hiện theo văn bản yêu cầu của bên ủy thác;</p> <p>d) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>3. Các khoản vốn khác:</p> <p>Giữ nguyên điểm a, b, c; sửa đổi điểm d như sau:</p> <p>d) Các nguồn vốn nhận tài trợ và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bổ sung thêm “các nguồn vốn nhận tài trợ” để phù hợp với tình hình thực tế trong thời gian qua khi NHPT được các tổ chức quốc tế cung cấp các khoản tài trợ để hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực của NHPT (phân biệt với các khoản tài trợ không hoàn lại được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu để NHPT thực hiện các nhiệm vụ được giao).</p>
Điều 6a. Bổ sung vốn điều lệ cho NHPT		
<p>Chưa có quy định</p>	<p>1. Bổ sung vốn điều lệ cho Ngân hàng Phát triển từ ngân sách nhà nước: Hằng năm, Ngân hàng Phát triển được ngân sách nhà nước cấp bổ sung vốn điều lệ để đạt tỷ lệ tăng trưởng vốn điều lệ bằng với tỷ lệ tăng trưởng tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao hằng năm khi đáp ứng đủ điều kiện không có chênh lệch thu chi âm lũy kế tại thời điểm cuối năm liền kề trước năm xây dựng dự toán bổ sung vốn điều lệ. Trình tự lập dự toán, chấp hành dự toán, quyết toán cấp bổ sung vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước cho Ngân hàng Phát triển thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.</p> <p>2. Bổ sung vốn điều lệ cho Ngân hàng Phát triển từ các quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ như sau:</p>	<p>- Theo quy định hiện hành tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, vốn điều lệ của NHPT do NSNN cấp và được bổ sung từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển hoặc các nguồn khác theo quy định; việc thay đổi mức vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của NHPT và ý kiến của Bộ Tài chính, đảm bảo phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn của NHPT trong từng thời kỳ; đồng thời tại khoản 1, Điều 7 Điều lệ tổ chức và hoạt động của NHPT ban hành kèm theo Quyết định số 1515/QĐ-TTg quy định vốn điều lệ của NHPT là 30.000 tỷ đồng.</p> <p>+ Tính đến cuối năm 2024, theo báo cáo của NHPT, mức vốn điều lệ của NHPT là 15.086 tỷ đồng (bằng 50,3% mức vốn điều lệ quy định tại</p>

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
	<p>a) Định kỳ 03 năm một lần, Ngân hàng Phát triển lập phương án bổ sung vốn điều lệ (trong đó nêu rõ mức bổ sung vốn điều lệ) từ quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng Phát triển (nếu có) để báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sau khi có ý kiến tham gia của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>b) Căn cứ phương án bổ sung vốn điều lệ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại điểm a khoản này và báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng Phát triển đã được kiểm toán, Ngân hàng Phát triển thực hiện kết chuyển từ nguồn quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để tăng vốn điều lệ của Ngân hàng Phát triển.</p>	<p>Điều lệ tổ chức và hoạt động của NHPT), trong hơn 10 năm qua (2013-2023) NSNN chưa cấp bổ sung vốn điều lệ cho NHPT. Tại phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 báo cáo Bộ Chính trị đã đề xuất giải pháp cấp bổ sung vốn điều lệ cho NHPT theo tỷ lệ tăng trưởng tín dụng được Thủ tướng Chính phủ giao hàng năm sau khi NHPT bù đắp hết lỗ lũy kế phát sinh (dự kiến sau năm 2027), tương tự như NHCSXH thời gian qua và đã được Bộ Chính trị đồng ý về chủ trương.</p> <p>+ Về tính chất hoạt động, NHPT là NHCS của Nhà nước, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, do đó, nguồn vốn NSNN cấp bổ sung vốn điều lệ là nguồn lực quan trọng để triển khai các nhiệm vụ tín dụng chính sách do Nhà nước giao, góp phần giảm cấp bù chênh lệch lãi suất từ NSNN cho NHPT (đối với NHCSXH, tính đến cuối năm 2023, tổng số dư nguồn vốn NSNN các cấp bố trí để cấp bổ sung vốn điều lệ, vốn cho vay các chương trình tín dụng chính sách chiếm 30% tổng nguồn vốn NHCSXH; nguồn vốn này bổ sung vào tổng nguồn vốn hoạt động của NHCSXH, làm giảm đáng kể chi phí huy động vốn, giảm số cấp bù chênh lệch lãi suất từ NSNN cho NHCSXH, đồng thời tăng cường an toàn vốn và an toàn hoạt động cho NHCSXH).</p> <p>+ Từ tình hình nêu trên, căn cứ phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 đã được Bộ Chính trị phê duyệt và quy định tại Luật Các TCTD năm 2024, Bộ Tài chính trình Chính phủ</p>

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
		sửa đổi, bổ sung quy định về vốn điều lệ của NHPT theo nguyên tắc: (i) NSNN cấp bổ sung vốn điều lệ hằng năm để đạt tỷ lệ tăng trưởng vốn điều lệ bằng tỷ lệ tăng trưởng tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao hằng năm; (ii) Điều kiện cấp bổ sung vốn điều lệ từ NSNN là NHPT không có chênh lệch thu chi âm lũy kế tại thời điểm cuối năm liền kề trước năm xây dựng dự toán bổ sung vốn điều lệ (phù hợp với phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 đã báo cáo Bộ Chính trị phê duyệt); (iii) Đối với việc bổ sung từ các quỹ do NHPT tích lũy trong quá trình hoạt động, định kỳ 03 năm, NHPT lập phương án bổ sung vốn điều lệ từ các quỹ này báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên cơ sở ý kiến của NHNN.
<p>Điều 7. Vốn tự có Vốn tự có được xác định và tính toán từ số liệu trong báo cáo tài chính riêng lẻ, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vốn điều lệ. 2. Các quỹ: <ol style="list-style-type: none"> a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; b) Quỹ đầu tư phát triển; c) Quỹ dự phòng tài chính. 3. Chênh lệch dương do đánh giá lại tài sản (bao gồm tài sản cố định, các khoản góp vốn đầu tư dài hạn). 4. Chênh lệch thu chi dương chưa phân phối lũy kế. 5. Các khoản phải giảm trừ khi xác định vốn tự có gồm: 	Giữ nguyên	

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
a) Vốn góp vào công ty con, công ty liên kết theo quy định của pháp luật; b) Chênh lệch thu chi âm lũy kế; c) Chênh lệch âm do đánh giá lại tài sản.		
Điều 8. Sử dụng vốn và tài sản 1. NHPT được sử dụng vốn để: a) Thực hiện chính sách tín dụng theo quy định của pháp luật; b) Thực hiện các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển và quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; c) Cấp hỗ trợ sau đầu tư theo quy định của pháp luật đối với các Hợp đồng phát sinh trước thời điểm Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành; d) Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật; đ) Ủy thác cho các tổ chức tín dụng thực hiện một số hoạt động của Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật; e) Cho vay theo ủy quyền/ủy thác, cấp phát vốn theo ủy thác; bảo lãnh theo ủy quyền/ủy thác; g) Ủy thác, nhận ủy thác cung ứng các dịch vụ tài chính, ngân hàng cho khách hàng theo quy định của pháp luật; h) Mua, bán, chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá theo quy định của pháp luật; i) Góp vốn, thành lập công ty con hoặc tham gia thành lập các công ty liên kết trong nước theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt		
1. NHPT được sử dụng vốn để: <i>Giữ nguyên quy định điểm a,b,c,d,đ,e,g,k,l; sửa đổi bổ sung điểm h,i như sau:</i> h) Mua, bán, chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá bao gồm: Trái phiếu Chính phủ; trái phiếu Chính phủ bảo lãnh; trái phiếu chính quyền địa phương; tín phiếu Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật; i) Góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển; m) Thực hiện các hoạt động theo thỏa thuận với bên tài trợ và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.	- Bổ sung quy định cụ thể những loại giấy tờ có giá NHPT được phép mua bán, chiết khấu, tái chiết khấu trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành đã áp dụng ổn định tại Thông tư số 128/2021/TT-BTC (bao gồm: trái phiếu Chính phủ; trái phiếu Chính phủ bảo lãnh; trái phiếu chính quyền địa phương; tín phiếu Ngân hàng Nhà nước) - Sửa đổi quy định về việc góp vốn thành lập doanh nghiệp để phù hợp với sửa đổi về địa vị pháp lý của NHPT (không phải là doanh nghiệp nên không thể thành lập công ty con và công ty liên kết).	

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>động của Ngân hàng Phát triển;</p> <p>k) Đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản phục vụ cho hoạt động của Ngân hàng Phát triển theo quy định của Nghị định này;</p> <p>l) Sử dụng nguồn vốn nhân rồi để gửi tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Ngân hàng Phát triển lựa chọn tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để gửi tiền đảm bảo an toàn, không để mất vốn;</p> <p>m) Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.</p>		
<p>Điều 9. Bảo đảm an toàn vốn</p> <p>Ngân hàng Phát triển có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn vốn hoạt động, gồm:</p> <p>1. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối kết quả tài chính, thực hiện chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Hạch toán vào chi phí hoạt động các khoản trích lập dự phòng rủi ro theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan.</p> <p>4. Mua lại, hoán đổi các giấy tờ có giá do Ngân hàng Phát triển phát hành theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Xử lý tổn thất về tài sản theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.</p> <p>6. Thực hiện các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật.</p>	Giữ nguyên	
Điều 10. Kiểm kê, đánh giá lại, thanh lý,	Giữ nguyên	

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>nhượng bán tài sản</p> <p>1. Kiểm kê tài sản và xử lý kết quả kiểm kê tài sản:</p> <p>a) Ngân hàng Phát triển thực hiện kiểm kê tài sản khi khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm; khi thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý; sau khi xảy ra thiên tai, địch họa hoặc vì các nguyên nhân khác gây ra biến động tài sản của Ngân hàng Phát triển; theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>b) Việc xử lý kết quả kiểm kê tài sản tại Ngân hàng Phát triển thực hiện theo các quy định hiện hành đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.</p> <p>2. Đánh giá lại tài sản:</p> <p>a) Ngân hàng Phát triển thực hiện đánh giá lại tài sản theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;</p> <p>b) Kết quả đánh giá lại tài sản của Ngân hàng Phát triển được gửi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định việc đánh giá và đồng gửi Bộ Tài chính.</p> <p>3. Thanh lý, nhượng bán tài sản:</p> <p>a) Ngân hàng Phát triển được thanh lý, nhượng bán những tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch;</p> <p>b) Thẩm quyền, phương thức, trình tự, thủ tục</p>		

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>thanh lý, nhượng bán tài sản của Ngân hàng Phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;</p> <p>c) Các khoản thu hoặc chi phí phát sinh từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản (bao gồm cả giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán) được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí của Ngân hàng Phát triển theo quy định.</p>		
<p>Điều 11. Khấu hao tài sản cố định</p> <p>1. Ngân hàng Phát triển thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.</p> <p>2. Ngân hàng Phát triển được sử dụng số khấu hao tài sản cố định để tái đầu tư thay thế, đổi mới tài sản cố định và các yêu cầu hoạt động khác theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.</p>	Giữ nguyên	
Điều 12. Đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định		
<p>1. Việc đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của Ngân hàng Phát triển tuân thủ theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và theo kế hoạch hằng năm được Hội đồng quản trị phê duyệt. Trường hợp giá trị dự án đầu tư vượt thẩm quyền quyết định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100%</p>	<p><i>Giữ nguyên khoản 1, sửa đổi khoản 2 như sau:</i></p> <p>2. Tổng giá trị còn lại của toàn bộ tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của Ngân hàng Phát triển không vượt quá 25% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ phản ánh trên sổ sách kế toán của Ngân hàng Phát triển. Việc xác định giá trị còn lại trên sổ sách kế toán của tài sản cố định được thực hiện theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp.</p>	<p>Dự thảo Nghị định bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 12 về việc xác định giá trị còn lại trên sổ sách kế toán của tài sản cố định được thực hiện theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp¹ để đảm bảo rõ ràng hơn trong triển khai thực hiện.</p>

¹ Theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>vốn điều lệ, Hội đồng quản trị báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Việc đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn đầu tư công (nếu có) thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan.</p> <p>2. Tổng giá trị còn lại của toàn bộ tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của NHPT (nguyên giá tài sản cố định trừ khấu hao) không vượt quá 25% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ phản ánh trên sổ sách kế toán của NHPT.</p>		
<p>Điều 13. Thuê, cho thuê, thế chấp và cầm cố tài sản</p> <p>1. Ngân hàng Phát triển được cho thuê, thế chấp, cầm cố các tài sản thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.</p> <p>2. Đối với những tài sản Ngân hàng Phát triển đi thuê hoặc nhận cầm cố, thế chấp, nhận bảo quản giữ hộ của khách hàng, Ngân hàng Phát triển có trách nhiệm quản lý, bảo quản hoặc sử dụng theo thỏa thuận với khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	Giữ nguyên	
<p>Điều 14. Xử lý tổn thất về tài sản</p> <p>Khi bị tổn thất về tài sản, Ngân hàng Phát triển xác định mức độ, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý theo nguyên tắc sau:</p> <p>1. Nếu do nguyên nhân chủ quan thì cá nhân, tập thể gây ra tổn thất phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Phát triển quy</p>	Giữ nguyên	

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>định cụ thể việc bồi thường và quyết định mức bồi thường phù hợp với quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về quyết định của mình.</p> <p>2. Nếu tài sản đã mua bảo hiểm thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.</p> <p>3. Sử dụng các khoản dự phòng được trích lập trong chi phí để bù đắp theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Giá trị tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng được trích trong chi phí, nếu thiếu được bù đắp bằng Quỹ dự phòng tài chính. Trường hợp Quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp, phần thiếu được hạch toán vào chi phí hoạt động khác trong kỳ.</p>		
Điều 15. Phân loại tài sản có và xác định dự phòng rủi ro tín dụng cần phải trích lập		
1. Ngân hàng Phát triển thực hiện phân loại nợ theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	1. Ngân hàng Phát triển thực hiện phân loại tài sản có và cam kết ngoại bảng theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	Sửa đổi “Phân loại nợ” thành “Phân loại tài sản có” để thống nhất thuật ngữ quy định tại Thông tư số 24/2013/TT-NHNN ngày 02/12/2013 về phân loại tài sản có và cam kết ngoại bảng của NHPT.
2. Căn cứ kết quả phân loại nợ quy định tại khoản 1 Điều này, NHPT tính toán đầy đủ và theo dõi số dự phòng rủi ro cần phải trích lập (dự phòng chung và dự phòng cụ thể) của từng hoạt động tín dụng quy định tại Điều 3 Nghị định này; mức trích lập theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng thương mại.	2. Căn cứ kết quả phân loại tài sản có và cam kết ngoại bảng quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Phát triển tính toán đầy đủ, theo dõi và xác định số dự phòng rủi ro cần phải trích lập (dự phòng chung và dự phòng cụ thể) của từng hoạt động tín dụng quy định tại Điều 3 Nghị định này; mức trích lập theo quy định của pháp luật hiện hành áp dụng đối với các ngân hàng thương mại.	Dự thảo Nghị định sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 15 để phù hợp với quy định tại Điều 147 Luật Các TCTD về thẩm quyền hướng dẫn việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với các ngân hàng thương mại
Chưa có	3. Thời điểm, trình tự phân loại nợ: Trong 07 (bảy) ngày đầu tiên hằng tháng, Ngân hàng Phát triển gửi kết quả tự phân loại nợ, cam	- Theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của NHNN quy định về phân loại tài sản có, mức

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
	<p>kết ngoại bảng đến thời điểm cuối ngày cuối cùng của tháng trước liền kề cho Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC). CIC có trách nhiệm tổng hợp danh sách khách hàng theo nhóm nợ có mức độ rủi ro cao nhất mà các ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (bao gồm cả Ngân hàng Phát triển) đã tự phân loại để cung cấp cho ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (bao gồm cả Ngân hàng phát triển) phân loại nợ và điều chỉnh nhóm nợ của khách hàng theo quy định của pháp luật.</p>	<p>trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, TCTD phải điều chỉnh nhóm nợ theo nhóm nợ của danh sách khách hàng do Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia (CIC) cung cấp. Tuy nhiên quy định này không được áp dụng đối với NHPT, do đó mặc dù thời gian qua NHPT có cung cấp thông tin về phân loại nợ của khách hàng tại NHPT lên CIC nhưng các TCTD không phải thực hiện điều chỉnh nhóm nợ của khách hàng theo nhóm nợ tại NHPT, dẫn đến thực tế thời gian qua một số doanh nghiệp cố tình chây ỳ không trả nợ cho NHPT, mà chỉ ưu tiên trả nợ các TCTD khác, làm phát sinh nợ xấu khó đòi, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của NHPT thời gian qua.</p> <p>- Bộ Tài chính cho rằng việc quy định kết quả phân loại nợ khách hàng của NHPT được tổng hợp vào danh sách chung của CIC khi yêu cầu các TCTD điều chỉnh nhóm nợ là rất cần thiết và quan trọng nhằm giúp NHPT triển khai hoạt động cho vay được an toàn và đảm bảo việc thu hồi nợ đầy đủ của NHPT; phòng tránh trường hợp các khách hàng chây ỳ, không trả nợ NHPT; đặc biệt từ khi triển khai Nghị định số 78/2023/NĐ-CP, NHPT cho vay mới các dự án tín dụng đầu tư theo cơ chế như đối với NHTM theo chủ trương cơ cấu lại NHPT đã được Bộ Chính trị phê duyệt, đảm bảo công bằng giữa các TCTD. Do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định nêu trên tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP để khắc phục</p>

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
		vướng mắc nêu trên.
<p>Điều 16. Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng</p> <p>Ngân hàng Phát triển tính vào chi phí hoạt động hằng năm để trích lập dự phòng rủi ro đối với tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước; nợ vay bắt buộc bảo lãnh và các khoản nợ vay khác mà Ngân hàng Phát triển chịu rủi ro tín dụng. Việc trích lập như sau:</p> <p>1. Đối với dự phòng rủi ro <u>tín dụng đầu tư</u>, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước, nợ vay bắt buộc bảo lãnh (sau đây gọi tắt là dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, nợ vay bắt buộc bảo lãnh): Hằng năm, NHPT căn cứ chênh lệch thu chi tài chính để quyết định mức trích lập nhưng tối thiểu bằng 0,75% tổng dư nợ tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, nợ vay bắt buộc bảo lãnh và đảm bảo số dư quỹ dự phòng rủi ro không vượt quá tổng mức phải trích lập theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định này.</p>		
	<p>Ngân hàng Phát triển trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước; nợ vay bắt buộc bảo lãnh và các khoản nợ vay khác mà Ngân hàng Phát triển chịu rủi ro tín dụng. Việc trích lập thực hiện như sau:</p> <p>1. Đối với các khoản nợ vay của Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư ký lần đầu trước ngày 22 tháng 12 năm 2023, các khoản nợ vay tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và các khoản nợ vay bắt buộc bảo lãnh:</p> <p>a) Hằng năm, Ngân hàng Phát triển trích lập dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tổng dư nợ tại thời điểm ngày 31/12 của các khoản nợ vay này;</p> <p>b) Căn cứ kết quả tài chính hằng năm, Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển quyết định trích lập bổ sung dự phòng rủi ro tín dụng vượt mức quy định tại điểm a khoản này, đảm bảo số dư quỹ dự phòng rủi ro không vượt quá mức phải trích lập theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định này.</p> <p>3. Đối với các khoản nợ vay của Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư ký lần đầu kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng Phát triển thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của pháp luật hiện hành áp dụng đối với các ngân hàng thương mại.</p>	<p>- Đối với cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước: Theo quy định hiện hành tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP (khoản 1, Điều 16), hằng năm NHPT căn cứ chênh lệch thu - chi tài chính để quyết định mức trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, nợ vay bắt buộc bảo lãnh, nhưng tối thiểu bằng 0,75% tổng dư nợ cho vay và không vượt quá mức phải trích lập theo phân loại nợ như quy định đối với NHTM. Tuy nhiên, thực hiện kết luận của Bộ Chính trị, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 và thực hiện quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 78/2023/NĐ-CP về việc các hợp đồng vay vốn tín dụng ký kết từ ngày 22/12/2023² (các khoản tín dụng đầu tư mới) phải trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro tín dụng như đối với các NHTM.</p> <p>- Do đó, để đảm bảo phù hợp với kết luận của Bộ Chính trị, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 và quy định của pháp luật (Nghị định số 78/2023/NĐ-CP) Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định về trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng đối với hoạt động tín dụng đầu tư mới như đối với NHTM và theo dõi các quỹ dự phòng riêng đối với từng nhóm như sau: (i) Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của các hợp đồng tín</p>

² Ngày 22/12/2023 là ngày Nghị định số 78/2023/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành.

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
		dụng ký kết lần đầu trước ngày 22/12/2023 và nợ vay bắt buộc bảo lãnh; (ii) Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng các khoản nợ vay khác; (iii) Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư của các hợp đồng tín dụng đầu tư ký kết lần đầu từ ngày 22/12/2023.
<p>2. Đối với dự phòng rủi ro các khoản cho vay khác:</p> <p>a) Đối với các khoản cho vay từ nguồn cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ:</p> <p>Đối với các khoản cho vay theo Hợp đồng ủy quyền cho vay lại giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Phát triển được ký kết kể từ ngày Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ có hiệu lực thi hành (sau đây gọi tắt là Nghị định số 97/2018/NĐ-CP), Ngân hàng Phát triển thực hiện trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).</p> <p>Đối với các khoản cho vay theo Hợp đồng ủy quyền cho vay lại giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Phát triển được ký kết trước ngày Nghị định số 97/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, Ngân hàng Phát triển thực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo Hợp đồng ủy quyền cho vay lại vốn vay nước ngoài ký với Bộ Tài chính. Trường hợp Hợp đồng ủy quyền cho vay lại không quy định về việc trích lập dự phòng rủi ro thì Ngân hàng Phát triển</p>	<p>2. Đối với các khoản nợ vay khác theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này:</p> <p>a) Đối với các khoản cho vay theo Hợp đồng ủy quyền cho vay lại giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Phát triển được ký kết kể từ ngày Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ có hiệu lực thi hành (sau đây gọi tắt là Nghị định số 97/2018/NĐ-CP), Ngân hàng Phát triển thực hiện trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có);</p> <p>b) Đối với các khoản cho vay theo Hợp đồng ủy quyền cho vay lại giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Phát triển được ký kết trước ngày Nghị định số 97/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, Ngân hàng Phát triển thực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo Hợp đồng ủy quyền cho vay lại vốn vay nước ngoài ký với Bộ Tài chính. Trường hợp Hợp đồng ủy quyền cho vay lại không quy định về việc trích lập dự phòng rủi ro thì Ngân hàng Phát triển thực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo quy định tại điểm c khoản này;</p>	<p>Theo quy định hiện hành tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP (khoản 2, Điều 16 và điểm c, khoản 2 Điều 17): Dự phòng rủi ro các khoản cho vay khác bao gồm: (i) Các khoản cho vay từ nguồn cho vay lại vốn vay nước ngoài trích lập dự phòng theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP³ hoặc Hợp đồng ủy quyền cho vay lại; (ii) Đối với các khoản cho vay khác còn lại NHPT dùng toàn bộ chênh lệch dương giữa thu lãi cho vay với chi phí huy động vốn của toàn bộ các hoạt động cho vay này để trích lập dự phòng rủi ro. Số dư quỹ dự phòng rủi ro các khoản cho vay khác sau khi đã thu hồi hết dư nợ vay, NHPT được chuyển vào quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, nợ vay bắt buộc bảo lãnh và hoàn nhập vào thu nhập sau khi quỹ dự phòng này đã được trích đủ theo quy định.</p> <p>+ Để đảm bảo nguyên tắc Nghị định có thể triển khai ngay khi có hiệu lực thi hành, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định cách thức xác định chi phí huy động vốn để làm căn cứ trích lập dự phòng rủi ro các hoạt động cho vay khác trên cơ sở kế thừa các quy định hiện</p>

³ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>thực hiện trích lập theo quy định tại điểm b khoản này.</p> <p>b) Đối với các khoản cho vay khác còn lại NHPT chịu rủi ro tín dụng: Hằng năm, NHPT dùng chênh lệch dương giữa thu lãi cho vay với chi phí huy động vốn của toàn bộ các hoạt động cho vay này để trích lập dự phòng rủi ro và đảm bảo số dư quỹ dự phòng rủi ro các khoản nợ vay khác không vượt quá mức phải trích lập theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định này.</p>	<p>c) Đối với các khoản nợ vay khác còn lại (không bao gồm các khoản nợ vay quy định tại khoản 3 Điều này): Ngân hàng Phát triển dùng chênh lệch dương giữa thu lãi cho vay với chi phí huy động vốn của toàn bộ các hoạt động cho vay này để trích lập dự phòng rủi ro và đảm bảo số dư quỹ dự phòng rủi ro các khoản nợ vay khác còn lại không vượt quá mức phải trích lập theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này; trong đó, chi phí huy động vốn của các hoạt động cho vay này được xác định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các khoản Ngân hàng Phát triển cho vay gắn với nguồn huy động cụ thể, chi phí huy động vốn được xác định bằng lãi và phí huy động vốn mà Ngân hàng Phát triển trả cho khoản huy động đó; - Đối với dư nợ cho vay khác còn lại sử dụng từ nguồn vốn huy động chung của Ngân hàng Phát triển, chi phí huy động vốn được xác định theo lãi suất huy động vốn hòa đồng như sau: $\begin{array}{l} \text{Chi phí huy} \\ \text{động vốn} \\ \text{phân bổ cho} \\ \text{dư nợ cho} \\ \text{vay khác} \\ \text{còn lại} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Dư nợ cho} \\ \text{vay khác} \\ \text{còn lại} \\ \text{binh quân} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Lãi suất} \\ \text{huy động} \\ \text{vốn binh} \\ \text{quân} \end{array}$ <p>Trong đó: Lãi suất huy động vốn bình quân được xác định theo quy định tại khoản 2 Phụ lục Ia ban hành kèm theo Nghị định này.</p>	<p>hành tại Thông tư số 128/2021/TT-BTC ngày 31/12/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 46/2021/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư số 128/2021/TT-BTC) đã triển khai trong thời gian qua và không phát sinh vướng mắc.</p> <p>+ Ngoài ra, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi đối với trường hợp số dư dự phòng rủi ro cho vay khác lớn hơn số phải trích lập theo quy định, NHPT thực hiện hoàn nhập phần chênh lệch thừa vào thu nhập theo nguyên tắc chuẩn mực kế toán (NHPT có trách nhiệm sử dụng để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chính sách hoặc để bù lỗ lũy kế căn cứ vào tình hình tài chính của NHPT và chịu trách nhiệm về quyết định của mình).</p>
<p>3. Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện hàng quý. Riêng đối với kỳ kế toán năm, trích vào thời điểm quyết toán căn cứ vào</p>	<p>Giữ nguyên</p>	

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
kết quả phân loại nợ tại thời điểm 30 tháng 11 của năm kế toán		
Điều 17. Các quỹ dự phòng rủi ro tín dụng		
<p>1. Các quỹ dự phòng rủi ro tín dụng của NHPT bao gồm quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, nợ vay bắt buộc bảo lãnh và quỹ dự phòng rủi ro các khoản nợ vay khác được hình thành từ các nguồn sau:</p> <p>a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại Điều 16 của Nghị định này;</p> <p>b) Số tiền thu hồi được từ các khoản nợ gốc đã sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý;</p> <p>c) Phần chênh lệch giữa giá bán khoản nợ đang hạch toán nội bảng sau khi trừ các chi phí liên quan đến bán nợ theo quy định của pháp luật cao hơn giá trị sổ sách của khoản nợ (gốc, lãi) theo quy định;</p> <p>d) Kết chuyển số dư quỹ dự phòng rủi ro của hoạt động cho vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu và quỹ dự phòng rủi ro bảo lãnh vào quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, nợ vay bắt buộc bảo lãnh; số dư quỹ dự phòng rủi ro của các hoạt động cho vay khác vào quỹ dự phòng rủi ro các khoản cho vay khác tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành;</p> <p>đ) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>1. Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của các hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu trước ngày 22 tháng 12 năm 2023 và nợ vay bắt buộc bảo lãnh được hình thành từ các nguồn sau:</p> <p>a) Số dư quỹ còn lại đến ngày ... tháng.... năm....⁴</p> <p>b) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định này;</p> <p>c) Số tiền thu hồi được từ nợ gốc của các khoản nợ vay quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này đã sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng (bao gồm cả số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm sau khi chuyển theo dõi ngoại bảng);</p> <p>d) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng các khoản nợ vay khác được hình thành từ các nguồn sau:</p> <p>a) Số dư quỹ còn lại đến ngày ... tháng... năm...</p> <p>b) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định này;</p> <p>c) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư của các hợp đồng tín dụng đầu tư ký kết lần đầu từ ngày 22 tháng 12 năm 2023 được hình thành từ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Nghị định này.</p>	<p>- Triển khai kết luận của Bộ Chính trị, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 78/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP về tín dụng đầu tư của Nhà nước, trong đó, tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 78/2023/NĐ-CP quy định đối với các hợp đồng vay vốn tín dụng ký kết từ ngày 22/12/2023, NHPT thực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của NHNN đối với các NHTM để xử lý rủi ro đối với các khoản nợ vay theo các hợp đồng này. Do đó, NHPT cần phải theo dõi tách bạch dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư mới và dự phòng rủi ro của các dự án chuyển tiếp.</p> <p>- Do đó, dự thảo Nghị định điều chỉnh quy định tại Điều 17 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng:</p> <p>NHPT thực hiện quản lý, theo dõi riêng đối với từng quỹ dự phòng rủi ro: (i) Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của các hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu trước ngày 22/12/2023 và nợ vay bắt buộc bảo lãnh; (ii) Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng các khoản nợ vay khác; (iii) Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư của các hợp đồng tín dụng đầu tư ký kết lần đầu từ ngày 22/12/2023; đảm bảo phù hợp với quy</p>

⁴ Thời điểm Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
		định tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP và đồng bộ với quy định tại Quyết định số 02/2025/QĐ-TTg ngày 06/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý rủi ro tín dụng tại NHPT.
<p>2. NHPT thực hiện quản lý, theo dõi riêng đối với từng quỹ dự phòng rủi ro và sử dụng để xử lý rủi ro theo Quy chế xử lý rủi ro tín dụng tại NHPT do Thủ tướng Chính phủ ban hành.</p> <p>a) Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, nợ vay bắt buộc bảo lãnh được sử dụng để xử lý rủi ro cho các khoản nợ tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, nợ vay bắt buộc bảo lãnh theo quy định của pháp luật; quỹ dự phòng rủi ro các khoản cho vay khác được sử dụng để xử lý rủi ro cho các khoản cho vay khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, nợ vay bắt buộc bảo lãnh lớn hơn số dự phòng phải trích theo quy định, NHPT thực hiện hoàn nhập phần chênh lệch thừa vào thu nhập;</p> <p>c) Số dư quỹ dự phòng rủi ro các khoản nợ vay khác sau khi đã thu hồi hết dư nợ vay, NHPT được chuyển vào quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, nợ vay bắt buộc bảo lãnh; chỉ thực hiện hoàn nhập phần chênh lệch thừa vào thu nhập khi quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, nợ vay bắt buộc bảo lãnh đã trích lập đủ theo quy định tại Nghị định này;</p> <p>d) Trường hợp các quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp số rủi ro được cấp có thẩm</p>	<p>4. Ngân hàng Phát triển thực hiện quản lý và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng như sau:</p> <p>a) Ngân hàng Phát triển quản lý, theo dõi riêng đối với từng quỹ dự phòng rủi ro quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này và sử dụng các quỹ này để xử lý rủi ro theo quy định về cơ chế xử lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành.</p> <p>b) Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này lớn hơn số dự phòng phải trích đối với từng quỹ theo quy định, Ngân hàng Phát triển thực hiện hoàn nhập phần chênh lệch thừa vào thu nhập để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này và bù đắp lỗ lũy kế.”</p>	<p>Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi đối với trường hợp số dư dự phòng rủi ro cho vay khác lớn hơn số phải trích lập theo quy định, NHPT thực hiện hoàn nhập phần chênh lệch thừa vào thu nhập theo nguyên tắc chuẩn mực kế toán (NHPT có trách nhiệm sử dụng để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chính sách hoặc để bù lỗ lũy kế căn cứ vào tình hình tài chính của NHPT và chịu trách nhiệm về quyết định của mình).</p>

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
quyền cho phép xử lý trong năm, NHPT báo cáo để Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.		
Điều 18. Trích lập dự phòng khác		
NHPT căn cứ quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp và các ngân hàng thương mại về trích lập, sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi, các khoản dự phòng khác và khả năng tài chính để quyết định mức trích lập dự phòng vào chi phí hằng năm.	<p>1. Sau khi đã trích lập đủ dự phòng rủi ro tín dụng theo mức phải trích lập quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này thì Ngân hàng Phát triển trích lập dự phòng khác theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Ngân hàng Phát triển căn cứ quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp về trích lập, sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi (không bao gồm các khoản nợ vay quy định tại Điều 3 Nghị định này), các khoản dự phòng khác và khả năng tài chính của Ngân hàng Phát triển để quyết định mức trích lập dự phòng khác.</p>	Để tập trung nguồn lực xử lý nợ xấu của NHPT theo phương án cơ cấu lại đã báo cáo Bộ Chính trị, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi quy định tại Điều 18 Nghị định số 46 theo hướng ưu tiên trích lập đủ dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý nợ xấu của NHPT; sau đó mới trích lập các khoản dự phòng rủi ro khác theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp.
Điều 19. Cấp bù lãi suất		
<p>1. NHPT được Nhà nước cấp bù lãi suất để:</p> <p>a) Thực hiện nhiệm vụ cho vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Hỗ trợ sau đầu tư đối với các Hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư phát sinh trước thời điểm Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.</p>	<p>1. Ngân hàng Phát triển được Nhà nước cấp bù lãi suất theo quy định tại Phụ lục Ia ban hành kèm theo Nghị định này để:</p> <p>a) Thực hiện nhiệm vụ cho vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước đối với các hợp đồng tín dụng ký lần đầu trước ngày 22 tháng 12 năm 2023; thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại và thực hiện các nhiệm vụ cho vay khác (được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất) theo quy định của pháp luật (không bao gồm các khoản nợ vay quy định tại điểm a khoản</p>	Theo phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP, NHPT thực hiện cho vay mới tín dụng đầu tư theo cơ chế thị trường, tự bù đắp chi phí hoạt động như đối với các NHTM. Do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi khoản 1 Điều 19 theo hướng NSNN chỉ cấp bù lãi suất và phí quản lý đối với các khoản nợ vay cũ của các Hợp đồng tín dụng ký trước ngày Nghị định số 78/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (22/12/2023).

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
	<p>2 Điều 3 Nghị định số 78/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước);</p> <p>b) Hỗ trợ sau đầu tư đối với các Hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư phát sinh trước ngày Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước có hiệu lực thi hành.</p>	
<p>2. Việc cấp bù lãi suất hằng năm để thực hiện nhiệm vụ cho vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa tổng chi phí cho việc huy động vốn với tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn khi thực hiện các nhiệm vụ này.</p>	<p>2. Việc cấp bù lãi suất hằng năm để thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này được xác định trên cơ sở chênh lệch dương giữa tổng chi phí cho việc huy động vốn với tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn khi thực hiện các nhiệm vụ này (sau đây gọi tắt là cấp bù chênh lệch lãi suất).</p>	<p>Về cơ bản giữ nguyên</p>
<p>3. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về cấp bù lãi suất đối với NHPT.</p>	<p>3. Trường hợp tổng chi phí cho việc huy động vốn nhỏ hơn tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn thì Ngân hàng Phát triển không được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phần chênh lệch được xử lý theo thứ tự như sau:</p> <p>a) Khấu trừ vào phí quản lý phát sinh trong năm của Ngân hàng Phát triển theo quy định tại Điều 20 Nghị định này;</p> <p>b) Phần còn lại (nếu có) được hòa đồng vào thu nhập của Ngân hàng Phát triển.</p> <p>4. Việc xác định cụ thể số cấp bù lãi suất hằng năm của Ngân hàng Phát triển thực hiện theo quy định tại Phụ lục Ia ban hành kèm Nghị định này.</p>	<p>- Đối với trường hợp tổng chi phí cho việc huy động vốn nhỏ hơn tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn: Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định để xử lý khi phát sinh trường hợp này như sau:</p> <p>+ Trong điều kiện bình thường (tình hình tài chính của các NHCS ổn định, tự cân đối được tài chính, không có lỗ lũy kế), bổ sung quy định tại Điều 19 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng NHPT được xử lý phần chênh lệch vượt tương tự như NHCSXH, theo trình tự sau: (i) Khấu trừ vào phí quản lý phát sinh trong năm của NHPT; (ii) Phần còn lại (nếu có) được hòa đồng vào thu nhập của NHPT.</p>

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
		<p>+ Riêng trong giai đoạn cơ cấu lại, để tạo động lực khuyến khích NHPT tích cực dồn đốc thu hồi lãi vay đồng thời tạo nguồn lực để NHPT trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, bù lỗ lũy kế, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định tại Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP cho phép trong giai đoạn tái cơ cấu, nếu phát sinh trường hợp thu nhập từ sử dụng vốn và chi phí cho việc huy động vốn (NSNN không phải cấp bù lãi suất cho NHPT) thì NHPT được sử dụng phần chênh lệch này để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho các khoản cho vay được NSNN cấp bù và bù lỗ lũy kế theo quy định.</p>
Điều 20. Phí quản lý		
<p>1. NHPT được Nhà nước cấp phí quản lý tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên dư nợ bình quân của các khoản cho vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước, nợ cho vay bảo lãnh bắt buộc theo quy định tại Nghị định này. Riêng đối với các khoản cho vay theo hợp đồng tín dụng ký và giải ngân sau thời điểm Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thì hành, phí quản lý chỉ tính trên dư nợ bình quân không bao gồm nợ khoanh và nợ quá hạn.</p>	<p>1. Ngân hàng Phát triển được Nhà nước cấp phí quản lý để thực hiện các nhiệm vụ được cấp bù chênh lệch lãi suất theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 19 Nghị định này (không bao gồm: các khoản cho vay không đúng đối tượng, không đúng mục đích sử dụng vốn vay theo hợp đồng tín dụng đã ký). Phí quản lý được Nhà nước cấp cho Ngân hàng Phát triển bao gồm:</p> <p>a) Phí quản lý thông thường được xác định theo tỷ lệ phí quản lý (được xây dựng theo từng năm và giao trong từng thời kỳ 03(ba) năm) và dư nợ bình quân được tính phí;</p> <p>b) Phí quản lý khác của các khoản cho vay được hưởng mức phí riêng theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</p>	<p>- Theo phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP, NHPT thực hiện cho vay mới tín dụng đầu tư theo cơ chế thị trường, tự bù đắp chi phí hoạt động như đối với các NHTM. Do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng NSNN chỉ cấp bù lãi suất và phí quản lý đối với các khoản nợ vay cũ của các Hợp đồng tín dụng ký trước ngày Nghị định số 78/2023/NĐ-CP có hiệu lực thì hành (là các khoản nợ được cấp bù chênh lệch lãi suất).</p>
<p>2. Nguyên tắc xây dựng tỷ lệ phí quản lý:</p> <p>a) Tỷ lệ phí quản lý được xây dựng ổn định trong từng thời kỳ 03 (ba) năm. Mức phí quản lý được</p>	<p>2. Một số chỉ tiêu cơ bản làm căn cứ xác định, điều chỉnh tỷ lệ phí quản lý thông thường của Ngân hàng Phát triển trong từng thời kỳ gồm:</p>	<p>- Dự thảo Nghị định sửa đổi nguyên tắc giao phí theo từng năm và giao trong thời kỳ 03 năm để đảm bảo tỷ lệ phí quản lý được giao sát với</p>

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>xây dựng căn cứ vào kết quả thực hiện các chỉ tiêu hoạt động do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, tình hình tài chính, các định mức, chế độ Nhà nước quy định và nhu cầu thực tế, đảm bảo cho NHPT chủ động trong chi tiêu, đủ nguồn kinh phí hoạt động và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, nợ vay bắt buộc bảo lãnh theo quy định tại Nghị định này;</p> <p>b) Một số chỉ tiêu cơ bản làm căn cứ xác định, điều chỉnh tỷ lệ phí quản lý trong từng thời kỳ gồm: Dự kiến dư nợ, dự kiến chỉ tiêu tín dụng được giao trong giai đoạn tính phí; chi phí về trích lập dự phòng rủi ro và chi cho hoạt động bộ máy theo quy định tại Điều 23 của Nghị định này.</p> <p>3. NHPT đề xuất mức phí quản lý báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Nội dung đề xuất bao gồm các nội dung cơ bản sau: Căn cứ pháp lý, nguyên tắc, cơ sở và phương pháp, số liệu tính toán đối với từng khoản chi phí về hoạt động, chi phí trích lập dự phòng rủi ro và các khoản chi khác.</p>	<p>a) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được cấp phí quản lý thông thường trong giai đoạn liên kế trước giai đoạn tính phí kế hoạch và dự kiến phát sinh trong giai đoạn tính phí kế hoạch;</p> <p>b) Tình hình tài chính, tình hình hoạt động và chi phí quản lý của Ngân hàng Phát triển để thực hiện các nhiệm vụ tín dụng chính sách (không bao gồm chi phí huy động vốn đã cấp bù lãi suất và chi trích lập dự phòng rủi ro tín dụng) phát sinh trong giai đoạn liên kế trước giai đoạn tính phí kế hoạch và kế hoạch dự kiến chi phí quản lý phát sinh trong giai đoạn tính phí kế hoạch;</p> <p>c) Các định mức chi phí theo quy định của pháp luật đối với Ngân hàng Phát triển.</p> <p>3. Việc xác định số phí quản lý thông thường cấp cho Ngân hàng Phát triển hằng năm thực hiện theo quy định tại Phụ lục Ib ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>4. Trong quý II của năm trước liền kề giai đoạn tính phí, Ngân hàng Phát triển xây dựng phương án phí quản lý thông thường theo từng năm trong giai đoạn 03 (ba) năm và báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Phương án phí quản lý thông thường bao gồm các nội dung cơ bản sau: Căn cứ pháp lý, nguyên tắc, cơ sở và phương pháp, số liệu tính toán đối với từng chỉ tiêu quy định tại khoản 2 Điều này và các nội dung khác có liên quan (nếu có).</p> <p>5. Trường hợp các cấp có thẩm quyền giao bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho Ngân hàng Phát triển hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng,</p>	<p>dự kiến kế hoạch của từng năm (hạn chế được vướng mắc do giao phí theo tỷ lệ bình quân giai đoạn 3 năm).</p> <p>- Để phù hợp với tình hình thực tế, dự thảo Nghị định quy định tách bạch 2 loại phí quản lý bao gồm: (i) Phí quản lý thông thường; (ii) Phí quản lý riêng theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>- Dự thảo Nghị định bổ sung quy định cụ thể hơn các chỉ tiêu cơ bản làm căn cứ xác định tỷ lệ phí quản lý và thời điểm xây dựng phương án phí quản lý cho giai đoạn tiếp theo.</p>

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
	Ngân hàng Phát triển báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh tỷ lệ phí quản lý thông thường đã được phê duyệt.”	
Điều 21. Trình tự, thủ tục xây dựng dự toán và thực hiện cấp bù lãi suất và phí quản lý hằng năm do NSNN cấp	Điều 21. Lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán vốn từ ngân sách nhà nước cấp cho NHPT	
<p>1. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, giao dự toán cấp bù lãi suất và phí quản lý hằng năm của NHPT được thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).</p> <p>2. Căn cứ dự toán chi cấp bù lãi suất và phí quản lý được ngân sách nhà nước bố trí, số cấp bù lãi suất và phí quản lý vượt dự toán giao từ các năm trước, số phát sinh thực tế của quý trước và và số phát sinh dự kiến của quý thực hiện theo báo cáo của NHPT, vào tháng đầu hàng quý, Bộ Tài chính thực hiện tạm cấp bù cho NHPT trong phạm vi dự toán được ngân sách nhà nước giao hằng năm và thực hiện quyết toán sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Trường hợp số chi cấp bù lãi suất và phí quản lý thực tế được hưởng phát sinh lớn hơn số dự toán được bố trí thì sẽ được tổng hợp phần chênh lệch thiếu vào dự toán năm sau. Trường hợp số chi cấp bù lãi suất và phí quản lý thực tế được hưởng phát sinh nhỏ hơn số dự toán được bố trí, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).</p>	<p>1. Việc lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán vốn từ ngân sách nhà nước cấp cho Ngân hàng Phát triển thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.</p> <p>2. Trường hợp số chi cấp bù lãi suất và phí quản lý thực tế được hưởng phát sinh lớn hơn số dự toán được bố trí thì sẽ được tổng hợp phần chênh lệch thiếu vào dự toán các năm sau. Trường hợp số chi cấp bù lãi suất và phí quản lý thực tế được hưởng phát sinh nhỏ hơn số dự toán được bố trí, phần chênh lệch bố trí dự toán thừa thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).</p>	<p>Căn cứ quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và thực tế hoạt động của NHPT, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 21 về trình tự thực hiện lập, chấp hành, quyết toán vốn từ NSNN cho NHPT (bao gồm cấp bù lãi suất và phí quản lý; cấp bổ sung vốn điều lệ; vốn cấp từ NSNN để thực hiện nhiệm vụ được giao), tạo căn cứ pháp lý đầy đủ để NHPT triển khai thực hiện.</p>

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
Điều 22. Thu nhập của NHPT		
<p>1. Thu nhập từ hoạt động nghiệp vụ:</p> <p>a) Thu lãi cho vay từ tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước; thu lãi cho vay bắt buộc bảo lãnh;</p> <p>b) Thu lãi cho vay khác;</p> <p>c) Thu phí bảo lãnh;</p> <p>d) Phí quản lý cho vay lại các nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ;</p> <p>đ) Thu lãi tiền gửi;</p> <p>e) Thu từ mua bán nợ;</p> <p>g) Thu cấp bù lãi suất theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 19 Nghị định này;</p> <p>h) Thu phí quản lý từ ngân sách nhà nước;</p> <p>i) Thu phí nhận ủy thác cấp phát vốn, ủy thác cho vay;</p> <p>k) Thu từ hoạt động ngoại hối;</p> <p>l) Thu từ dịch vụ thanh toán và ngân quỹ;</p> <p>m) Thu từ hoạt động mua bán, chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá;</p> <p>n) Thu lãi từ các khoản nợ đã được xóa, chuyển theo dõi ngoại bảng;</p> <p>o) Các khoản thu khác từ hoạt động nghiệp vụ.</p>	<p><i>Về cơ bản giữ nguyên, sửa đổi điểm e và bổ sung điểm p vào sau điểm o như sau:</i></p> <p>e) Thu phát sinh từ phần chênh lệch vượt giữa giá bán nợ với số dư nợ gốc, lãi và nghĩa vụ tài chính khác còn lại chưa thu hồi được của khoản nợ được bán;</p> <p>p) Thu từ các khoản nợ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 16 Nghị định này đã sử dụng dự phòng để chuyển theo dõi ngoại bảng (kể cả số tiền thu hồi từ xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ này sau khi chuyển theo dõi ngoại bảng).</p>	<p>Ngày 06/1/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 02/2025/QĐ-TTg về cơ chế xử lý rủi ro tín dụng tại NHPT. Do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi điểm e khoản 1 và bổ sung điểm p khoản 1 Điều 22 để đảm bảo đồng bộ với quy định tại Quyết định số 02/2025/QĐ-TTg.</p>
<p>2. Thu nhập từ hoạt động khác:</p> <p>a) Thu từ các hoạt động dịch vụ, thu từ cho thuê tài sản của Ngân hàng Phát triển;</p> <p>b) Thu chênh lệch tỷ giá;</p> <p>c) Thu từ việc nhượng bán, thanh lý tài sản;</p> <p>d) Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;</p> <p>đ) Thu từ hoạt động góp vốn, chuyển nhượng</p>	<p><i>Giữ nguyên</i></p>	

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
phần vốn góp; e) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.		
Điều 23: Chi phí của NHPT		
<p>1. Chi cho hoạt động nghiệp vụ:</p> <p>a) Chi trả lãi: tiền vay; tiền gửi của khách hàng; phát hành giấy tờ có giá;</p> <p>b) Chi cho hoạt động phát hành, mua bán, chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá; chi cho huy động vốn;</p> <p>c) Chi cho hoạt động góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp;</p> <p>d) Chi về tham gia thị trường tiền tệ; chi cho hoạt động dịch vụ thanh toán và ngân quỹ bao gồm các khoản chi về dịch vụ thanh toán; chi vận chuyển bốc xếp tiền, chi kiểm đếm phân loại và đóng gói tiền, chi bảo vệ tiền và các khoản chi phí khác về hoạt động thanh toán, ngân quỹ;</p> <p>đ) Chi chênh lệch tỷ giá; chi cho hoạt động ngoại hối;</p> <p>e) Chi nộp thuế, phí, lệ phí đối với các hoạt động phải nộp theo quy định;</p> <p>g) Chi hoa hồng, đại lý môi giới, ủy thác;</p> <p>h) Chi khác cho hoạt động nghiệp vụ: Chi để thu hồi các khoản nợ đã xoá, thu hồi nợ xấu; chi cho hoạt động mua bán nợ; chi thu giữ, bảo quản, khai thác các tài sản đảm bảo; chi xử lý khoản tổn thất về vốn, tài sản và các khoản nợ cho vay sau khi đã bù đắp bằng các nguồn theo quy định; chi thuê luật sư, tư vấn pháp lý, án phí, lệ phí thi hành án;</p>	<p><i>Về cơ bản giữ nguyên, sửa đổi điểm h và điểm i như sau:</i></p> <p>h) Chi khác cho hoạt động nghiệp vụ: Chi để thu hồi các khoản nợ đã xoá, thu hồi nợ xấu; chi cho hoạt động mua bán nợ; chi thu giữ, bảo quản, khai thác, xử lý tài sản đảm bảo; chi thuê luật sư, tư vấn pháp lý, án phí, phí thi hành án, lệ phí theo quy định của pháp luật; chi thuê tư vấn thẩm định giá tài sản bảo đảm tiền vay; chi các khoản đã hạch toán vào thu nhập nhưng thực tế không thu được và không hạch toán giảm thu nhập; các chi phí dịch vụ thuê ngoài phục vụ các hoạt động nghiệp vụ;</p> <p>i) Chi huy động vốn khác, chi khác cho hoạt động nghiệp vụ theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Nghị định số 78/2023/NĐ-CP quy định NHPT thực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của NHNN đối với các NHTM để xử lý rủi ro đối với các khoản cho vay tín dụng đầu tư mới. Theo quy định tại Nghị định số 86/2024/NĐ-CP⁵, NHTM phải thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định giá trị tài sản đảm bảo được khấu trừ khi tính số tiền trích lập dự phòng cụ thể.</p> <p>Ngoài ra, xuất phát từ thực tế các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh trong quá trình triển khai nghiệp vụ của NHPT, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung khoản chi “<i>lệ phí theo quy định của pháp luật; chi thuê tư vấn thẩm định giá tài sản bảo đảm tiền vay</i>” và các khoản “<i>chi huy động vốn, chi cho hoạt động nghiệp vụ khác</i>” vào điểm h và điểm i khoản 1 Điều 23.</p>

⁵ Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/7/2024 của Chính phủ quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoả.

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
chi trả các khoản nợ đã xác định không còn đối tượng trả và hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó lại xác định được chủ nợ; chi các khoản đã hạch toán vào thu nhập nhưng thực tế không thu được và không hạch toán giảm thu nhập; các chi phí dịch vụ thuê ngoài phục vụ các hoạt động nghiệp vụ; chi khác.		
2. Chi trích lập dự phòng: a) Chi trích lập các quỹ dự phòng rủi ro trong hoạt động tín dụng theo quy định tại Điều 16 Nghị định này; b) Chi trích lập các khoản dự phòng khác theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.	<i>Giữ nguyên</i>	
3. Chi hoạt động bộ máy a) Chi cho người lao động và người quản lý: Chi tiền lương, thù lao, tiền thưởng; các khoản đóng góp theo lương: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, kinh phí công đoàn theo quy định; <u>chi ăn ca</u> ; chi bảo hộ lao động, <u>chi trang phục giao dịch</u> ; chi trợ cấp, chi cho lao động nữ theo chế độ quy định; chi y tế, nghỉ phép theo chế độ hằng năm; các khoản chi có tính chất phúc lợi như quy định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, tổng số chi không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm; chi trợ cấp	<i>Giữ nguyên điểm b, sửa đổi điểm a, điểm c như sau:</i> a) Chi cho người lao động, người quản lý (bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên khác của Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng) và thành viên Ban kiểm soát: Chi tiền lương, thù lao, tiền thưởng; các khoản đóng góp theo lương: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, kinh phí công đoàn theo quy định; <u>chi ăn giữa ca</u> không vượt quá mức chi ăn giữa ca bằng tiền không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật; chi bảo hộ lao	- Dự thảo Nghị định bổ sung một số khoản chi có định mức cụ thể theo quy định pháp luật hiện hành (như chi ăn giữa ca ⁶ ; chi trang phục giao dịch ⁷) và khoản chi hỗ trợ lao động dôi dư, lao động có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi trong giai đoạn cơ cấu lại theo quy định tại Nghị định số 97/2022/NĐ-CP. - Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm c, khoản 3 Điều 23 về chi bảo hiểm tài sản để phù hợp với quy định của pháp luật về mua bảo hiểm tài sản bắt buộc.

⁶ Chi ăn giữa ca tối đa không vượt quá mức chi đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (hiện nay là 730.000 đồng/người/tháng, theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).

⁷ Mức chi không vượt quá mức chi trang phục giao dịch bằng tiền để tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với doanh nghiệp (hiện nay là 5.000.000 đồng/người/năm).

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>thôi việc, chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Chi cho hoạt động quản lý và công vụ: Chi công tác phí; chi điện, nước, bưu phí, thông tin liên lạc, nhiên liệu, vật liệu, giấy, mực in, văn phòng phẩm; chi mua tài liệu, sách báo; chi nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ; chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ; sáng kiến cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Phát triển; chi thực hiện các đề án, đề tài phục vụ công tác quản lý, hoạt động của Ngân hàng Phát triển; chi thuê tư vấn, thuê chuyên gia trong và ngoài nước; chi nhân công thuê ngoài; chi cho công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán; chi cho công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ cơ quan, phòng cháy chữa cháy, chi cho công tác quốc phòng an ninh; chi xuất bản tài liệu; chi tuyên truyền; chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết, giao dịch, đối ngoại; chi đoàn ra, đoàn vào; chi các khoản phạt do vi phạm hợp đồng với khách hàng, phạt vi phạm hành chính bao gồm vi phạm pháp luật kế toán thống kê và các khoản vi phạm hành chính khác theo quy định của pháp luật (không bao gồm các khoản nộp phạt thuộc trách nhiệm cá nhân); chi đóng phí hiệp hội ngành nghề mà Ngân hàng Phát triển tham gia; chi hỗ trợ cho công tác Đảng, Đoàn thể (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định); các chi phí khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Chi về tài sản: Chi khấu hao tài sản cố định theo quy định chung đối với các doanh nghiệp;</p>	<p>động; chi trang phục giao dịch không vượt quá mức chi trang phục giao dịch bằng tiền để tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với doanh nghiệp; chi trợ cấp, chi cho lao động nữ theo chế độ quy định; chi y tế, nghỉ phép theo chế độ hằng năm; các khoản chi có tính chất phúc lợi như quy định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, tổng số chi không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm; chi trợ cấp thôi việc, chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động; chi hỗ trợ cho người lao động dôi dư, lao động có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 97/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Chi về tài sản: Chi khấu hao tài sản cố định theo quy định chung đối với các doanh nghiệp; chi mua sắm công cụ, dụng cụ; chi thuê tài sản (trường hợp trả tiền thuê tài sản một lần cho nhiều năm thì tiền thuê được phân bổ dần vào chi phí hoạt động theo số năm sử dụng tài sản); chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và vận hành tài sản; chi bảo hiểm tài sản đối với những tài sản phải mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật; chi nhượng bán, thanh lý tài sản bao gồm giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có).</p>	

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>chi mua sắm công cụ, dụng cụ; chi thuê tài sản (trường hợp trả tiền thuê tài sản một lần cho nhiều năm thì tiền thuê được phân bổ dần vào chi phí hoạt động theo số năm sử dụng tài sản); chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và vận hành tài sản; <u>chi bảo hiểm tài sản</u>; chi nhượng bán, thanh lý tài sản bao gồm giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có).</p>		
<p>4. Định mức chi phí quy định tại khoản 3 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật đối với định mức chi phí của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Trường hợp pháp luật chưa có quy định hoặc không không chế định mức chi, NHPT xây dựng định mức và căn cứ vào khả năng tài chính để quyết định việc chi tiêu đảm bảo phù hợp, hiệu quả và chịu trách nhiệm trước pháp luật.</p>	<p>4. Định mức chi phí của Ngân hàng Phát triển thực hiện theo quy định tại Nghị định này và quy định pháp luật về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp pháp luật chưa có quy định hoặc không không chế định mức chi, Ngân hàng Phát triển xây dựng định mức chi và căn cứ vào khả năng tài chính để quyết định việc chi tiêu đảm bảo phù hợp, hiệu quả và chịu trách nhiệm trước pháp luật.</p>	<p>Để tạo căn cứ pháp lý rõ ràng cho NHPT kiểm soát định mức chi phí, Bộ Tài chính trình Chính phủ điều chỉnh khoản 4 Điều 23 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng quy định định mức chi phí của NHPT thực hiện theo quy định của pháp luật về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.</p>
<p>Điều 24. Các khoản chi không được hạch toán vào chi phí hoạt động của NHPT</p>		
<p>1. Các khoản thiệt hại đã được Nhà nước hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường.</p> <p>2. Các khoản chi phạt thuộc trách nhiệm cá nhân do vi phạm hành chính, vi phạm môi trường, phạt nợ vay quá hạn do nguyên nhân chủ quan, phạt vi phạm chế độ tài chính.</p> <p>3. Các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, nâng cấp, cải tạo tài sản cố định thuộc nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.</p> <p>4. Các khoản chi cho sửa chữa, bảo dưỡng và trang thiết bị các tài sản phúc lợi như nhà ở, nhà nghỉ của người lao động Ngân hàng Phát triển,</p>	<p><i>Về cơ bản giữ nguyên, sửa đổi khoản 4 như sau:</i></p> <p>4. Các khoản chi cho sửa chữa, bảo dưỡng và trang thiết bị các tài sản phúc lợi như nhà ở, nhà nghỉ của người lao động Ngân hàng Phát triển, các khoản chi cho các công trình phúc lợi khác đã được chi từ quỹ phúc lợi của Ngân hàng Phát triển.</p>	<p>Để đảm bảo nguyên tắc không hạch toán vào chi phí các khoản chi thuộc nguồn kinh phí khác đài thọ.</p>

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>các khoản chi cho các công trình phúc lợi khác.</p> <p>5. Các khoản chi ủng hộ địa phương, các tổ chức xã hội, các cơ quan khác.</p> <p>6. Các khoản chi vượt định mức theo quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.</p> <p>7. Các khoản chi thuộc nguồn kinh phí khác đài thọ.</p>		
Điều 25. Quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng của NHPT		
<p>NHPT thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, người quản lý theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, phù hợp với tính chất, mô hình và hoạt động của NHPT và hướng dẫn của <u>Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội</u>.</p>	Bãi bỏ Điều 25	<p>Ngày 28/2/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 44/2025/NĐ-CP quy định về quản lý lao động, tiền lương trong doanh nghiệp nhà nước (có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2025 và áp dụng từ năm tài chính 2025). Trong đó, tại khoản 5 Điều 34 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP quy định NHPT thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định tại Nghị định này phù hợp với tính chất đặc thù của NHPT và giao Bộ LĐTĐBXH (nay là Bộ Nội vụ) hướng dẫn cụ thể.</p> <p>- Do đó, để đảm bảo đồng bộ về cơ chế chính sách, tránh mâu thuẫn chồng chéo, Bộ Tài chính trình Chính phủ bỏ các nội dung về cơ chế tiền lương NHPT tại Điều 25 và khoản 2 Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP. Các nội dung về quản lý, lao động, tiền lương của NHPT sẽ thực hiện thống nhất theo quy định tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP và Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ.</p>
Điều 26. Kết quả tài chính và phân phối kết quả tài chính		
<p>1. Kết quả tài chính là chênh lệch giữa thu nhập và chi phí phát sinh trong năm tài chính:</p>	Giữ nguyên	

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>a) Kết quả tài chính của Ngân hàng Phát triển trong năm đạt thặng dư khi chênh lệch giữa thu nhập và chi phí phát sinh trong năm tài chính của Ngân hàng Phát triển có kết quả dương (+);</p> <p>b) Kết quả tài chính của Ngân hàng Phát triển trong năm bị thâm hụt khi chênh lệch giữa thu nhập và chi phí phát sinh trong năm tài chính của Ngân hàng Phát triển có kết quả âm (-).</p>		
<p>2. Khi kết quả tài chính trong năm đạt thặng dư, sau khi bù đắp khoản thâm hụt từ những năm trước (nếu có), được phân phối như sau:</p> <p>a) Trích 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, <u>mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của NHPT;</u></p> <p>c) Trích tối đa 25% vào quỹ đầu tư phát triển;</p> <p>e) Trường hợp chênh lệch thu chi còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý và Ban kiểm soát theo mức quy định thì NHPT được giảm trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn <u>trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý và Ban kiểm soát theo mức quy định</u> nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính;</p>	<p>2. Khi kết quả tài chính trong năm đạt thặng dư, sau khi bù đắp khoản thâm hụt từ những năm trước (nếu có), được phân phối như sau:</p> <p>a) Trích 10% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;</p> <p>c) Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển;</p> <p>e) Trường hợp chênh lệch thu chi còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này không đủ nguồn để trích 01 tháng lương thực hiện đối với quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng người quản lý và thành viên Ban kiểm soát thì Ngân hàng Phát triển được giảm trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ 01 tháng lương thực hiện vào quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng người quản lý và Ban kiểm soát; mức giảm tối đa không quá mức trích vào quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính;</p>	<p>Trên cơ sở tính chất hoạt động của NHPT là không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện chính sách phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước, dự thảo Nghị định điều chỉnh quy định về phân phối kết quả tài chính của NHPT theo hướng đảm bảo tích lũy tối thiểu 50% chênh lệch thu chi nếu có để trích lập các quỹ, phần còn lại được dùng để trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo đánh giá hiệu quả hoạt động của NHPT. Theo đó, tăng tỷ lệ trích quỹ bổ sung vốn điều lệ từ 5% lên 10% (bằng mức trích của các NHTM quy định tại khoản 2 Điều 148 Luật Các TCTD 2024), tăng tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển từ 25% lên 30%, giữ tỷ lệ trích quỹ dự phòng tài chính là 10%.</p> <p>Phần còn lại sau khi trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi tiếp tục dùng để bổ sung quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Do đó, dự thảo Nghị định bỏ quy định mức trích quỹ này tối đa không vượt quá mức vốn điều lệ của NHPT.</p>
<p>3. Khi kết quả tài chính trong năm bị thâm hụt, NHPT được chuyển số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí sang năm sau, thời gian chuyển không</p>	<p>3. Khi kết quả tài chính trong năm bị thâm hụt Ngân hàng Phát triển chuyển số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí sang năm sau, thời gian</p>	<p>Hiện nay NHPT đang triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại giai đoạn 2023-2027 theo chủ trương được Bộ Chính trị phê duyệt;</p>

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>quá 05 năm. Trường hợp sau 05 năm nếu NHPT không chuyển hết số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí, NHPT báo cáo Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.</p>	<p>chuyển không quá 05 năm. Trường hợp sau 05 năm nếu Ngân hàng Phát triển không chuyển hết số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí, Ngân hàng Phát triển báo cáo Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định (trừ trường hợp Ngân hàng Phát triển đang trong giai đoạn cơ cấu lại theo quyết định của cấp có thẩm quyền).</p>	<p>trong đó bao gồm giải pháp về xử lý số lỗ lũy kế kéo dài qua nhiều năm của NHPT, dự kiến đến năm 2027 mới xử lý hết số lỗ lũy kế (6 năm kể từ ngày Nghị định số 46/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành). Do đó, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi bổ sung khoản 3, Điều 26 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng trong giai đoạn cơ cấu lại theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được tự động chuyển lỗ sang năm sau mà không cần báo cáo Thủ tướng Chính phủ.</p>
Điều 27. Quản lý và sử dụng các quỹ		
<p>1. Việc sử dụng các quỹ của NHPT phải đúng mục đích, đúng đối tượng.</p> <p>a) NHPT phải xây dựng, ban hành Quy chế quản lý sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật để áp dụng trong nội bộ ngân hàng; Quy chế đảm bảo dân chủ, minh bạch, có sự tham gia của Ban Chấp hành công đoàn NHPT và công khai trong ngân hàng trước khi thực hiện;</p> <p>b) Trong năm tài chính, NHPT thực hiện tạm trích các quỹ trên cơ sở kết quả tài chính để có nguồn chi sử dụng quỹ theo mục đích đã quy định.</p>	<p>1. Việc sử dụng các Quỹ của Ngân hàng Phát triển quy định tại Nghị định này phải đúng mục đích, đúng đối tượng. Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển xây dựng trình Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển ban hành Quy chế quản lý sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật để áp dụng trong nội bộ ngân hàng; Quy chế đảm bảo dân chủ, minh bạch, có sự tham gia của Ban Chấp hành công đoàn Ngân hàng Phát triển và công khai trong ngân hàng trước khi thực hiện.</p>	<p>Dự thảo Nghị định bổ sung quy định thẩm quyền xây dựng quy chế quản lý sử dụng các quỹ trích sau chênh lệch thu chi để làm căn cứ triển khai thực hiện. Ngoài ra, dự thảo Nghị định bỏ quy định về việc tạm trích các quỹ do đặc thù hoạt động của NHPT thường phát sinh chi phí trả lãi (trái phiếu Chính phủ bảo lãnh) lớn vào cuối năm, nên việc căn cứ vào kết quả tài chính trong năm để tạm trích quỹ sẽ không phản ánh đúng thực trạng tài chính của NHPT.</p>
<p>2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để bổ sung vốn điều lệ.</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>3. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:</p> <p>a) Bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình hoạt động sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí;</p> <p>b) Sử dụng cho các mục đích khác theo quy định</p>	<p>Giữ nguyên</p>	

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
của pháp luật; c) Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển quyết định việc sử dụng quỹ dự phòng tài chính.		
<p>4. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để:</p> <p>a) Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động và đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của NHPT và bổ sung vốn điều lệ cho NHPT;</p> <p>b) Hội đồng quản trị NHPT quyết định việc sử dụng quỹ đầu tư phát triển; quyết định hình thức và biện pháp đầu tư phù hợp với quy định áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.</p>	<p>4. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển phục vụ hoạt động của Ngân hàng Phát triển và bổ sung vốn điều lệ cho Ngân hàng Phát triển theo quy định tại Nghị định này.</p>	<p>- Dự thảo sửa đổi quy định về mục đích sử dụng quỹ đầu tư phát triển để đảm bảo rõ ràng khi triển khai thực hiện.</p> <p>- Dự thảo Nghị định bỏ quy định tại điểm b khoản 4 Điều 27 Nghị định số 46 vì nội dung sử dụng quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ đã được quy định tại Điều 6a (do Thủ tướng Chính phủ quyết định 03 năm/lần trên cơ sở đề xuất của Bộ Tài chính); việc sử dụng quỹ đầu tư phát triển để thực hiện dự án đầu tư phát triển phục vụ hoạt động của NHPT thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 46.</p>
<p>5. Quỹ khen thưởng người lao động được dùng để:</p> <p>a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ cho cán bộ, nhân viên của Ngân hàng Phát triển. Mức thưởng do Hội đồng quản trị của Ngân hàng Phát triển quyết định theo đề nghị của Tổng Giám đốc và Công đoàn Ngân hàng Phát triển trên cơ sở năng suất lao động, thành tích công tác của mỗi cán bộ, nhân viên trong Ngân hàng Phát triển;</p> <p>b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể của Ngân hàng Phát triển có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả trong hoạt động. Mức thưởng do Hội đồng quản trị của Ngân hàng Phát triển quyết định;</p> <p>c) Thưởng cho cá nhân và đơn vị ngoài Ngân</p>	Giữ nguyên	

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
hàng Phát triển có đóng góp hiệu quả vào hoạt động của Ngân hàng Phát triển. Mức thưởng do Hội đồng quản trị của Ngân hàng Phát triển quyết định.		
<p>6. Quỹ thưởng người quản lý và Ban kiểm soát:</p> <p>a) Được dùng để thưởng hằng năm và khi kết thúc nhiệm kỳ cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Ngân hàng Phát triển;</p> <p>b) Mức thưởng hằng năm và khi kết thúc nhiệm kỳ do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao và hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Phát triển, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển;</p> <p>c) Trường hợp Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng thì được sử dụng nguồn quỹ khen thưởng người lao động của Ngân hàng Phát triển để chi thưởng cho các đối tượng nêu trên theo mức thưởng mà pháp luật về thi đua khen thưởng đã quy định đối với từng hình thức thi đua, khen thưởng.</p>	Giữ nguyên	
<p>7. Quỹ phúc lợi được dùng để:</p> <p>a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi của Ngân hàng Phát triển;</p>	Giữ nguyên	

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>b) Chi cho các hoạt động thể thao, văn hoá, phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ, nhân viên Ngân hàng Phát triển;</p> <p>c) Chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ, nhân viên kể cả các cán bộ, nhân viên đã về hưu, nghỉ mất sức của Ngân hàng Phát triển;</p> <p>d) Chi cho các hoạt động phúc lợi khác.</p> <p>Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phối hợp với Công đoàn Ngân hàng Phát triển quản lý, sử dụng quỹ này.</p>		
Điều 28. Phương pháp hạch toán, chế độ kế toán, thống kê		
<p>1. Phương pháp hạch toán:</p> <p>a) Ngân hàng Phát triển thực hiện hạch toán thu nhập, chi phí theo phương pháp kế toán thực thu - thực chi (riêng đối với các khoản thu cấp bù lãi suất quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 19 Nghị định này và thu phí quản lý do ngân sách nhà nước cấp, Ngân hàng Phát triển hạch toán dự thu; đối với quỹ lương còn lại chưa chi hết trong năm, Ngân hàng Phát triển hạch toán dự chi). Ngân hàng Phát triển chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác, trung thực của các khoản thu, chi; thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ hoá đơn, chứng từ kế toán;</p> <p>b) Trong thời hạn tối đa 05 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, NHPT phải thực hiện hạch toán theo phương pháp kế toán dồn tích.</p>	<p><i>Giữ nguyên điểm a, sửa đổi điểm b như sau:</i></p> <p>b) Kể từ năm tài chính 2028, Ngân hàng Phát triển phải thực hiện hạch toán theo phương pháp kế toán dồn tích.</p>	<p>- Theo quy định hiện hành tại điểm b, khoản 1 Điều 28 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, từ ngày 01/6/2026, NHPT phải chuyển đổi sang hạch toán dồn tích thay vì thực thu, thực chi.</p> <p>-Tại công văn số 1686/NHPT-TCKT ngày 11/9/2024, NHPT đã báo cáo sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương cơ cấu lại giai đoạn 2023-2027, hiện nay NHPT đang trong quá trình xây dựng phần mềm kế toán mới, dự kiến thời gian thực hiện khoảng 3/5 năm, vượt quá thời hạn chuyển đổi theo quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP nêu trên. Do đó, NHPT đề nghị điều chỉnh thời gian chuyển đổi tối đa là 05 năm kể từ ngày Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.</p> <p>- Tại Quyết định về phê duyệt phương án cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027, Thủ tướng Chính phủ đã giao mục tiêu NHPT đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin phù hợp với đặc thù của NHPT. Do đó, đề đảm</p>

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
		bảo thực hiện mục tiêu cơ cấu lại NHPT giai đoạn 2023-2027 do Thủ tướng Chính phủ giao, đồng thời tiếp thu một phần ý kiến của NHPT, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 28 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng: “ <i>Kể từ ngày năm tài chính 2028, NHPT phải thực hiện hạch toán theo phương pháp kế toán dồn tích</i> ”.
<p>2. Ngân hàng Phát triển thực hiện chế độ kế toán do Bộ Tài chính hướng dẫn. Công tác thống kê của Ngân hàng Phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Năm tài chính của Ngân hàng Phát triển bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.</p>	<i>Giữ nguyên</i>	
Điều 29. Báo cáo về kế hoạch tài chính hàng năm		
<p>Báo cáo về kế hoạch tài chính hằng năm của Ngân hàng Phát triển gồm các nội dung sau:</p> <p>1. Kế hoạch nguồn vốn – sử dụng vốn bao gồm các nội dung cơ bản sau:</p> <p>a) Tổng nguồn vốn trong năm, trong đó chi tiết một số nguồn vốn như: vốn điều lệ; vốn ngân sách nhà nước cấp để thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; vốn huy động trong và ngoài nước (chi tiết huy động vốn qua phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh); nhận nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ để cho vay lại theo thỏa thuận vay vốn nước ngoài ký với nhà tài trợ hoặc hợp đồng cho vay lại vốn nước ngoài ký với Bộ Tài chính (nếu có) và nguồn vốn khác (nếu có);</p> <p>b) Tổng nhu cầu sử dụng nguồn vốn trong năm,</p>	<i>Giữ nguyên</i>	

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>trong đó chi tiết một số nội dung: thanh toán các khoản huy động đến hạn (chi tiết khoản trả nợ trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh); đảm bảo chỉ tiêu vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ giao; nhiệm vụ cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ và các nhiệm vụ khác được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và các khoản sử dụng vốn khác (nếu có);</p> <p>c) Các thuyết minh kế hoạch kèm theo (nếu có), trong đó thuyết minh chi tiết về tỷ lệ nợ xấu dự kiến của năm kế hoạch.</p>		
<p>2. Kế hoạch cấp bù lãi suất và phí quản lý.</p> <p>3. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, nâng cấp, hiện đại hóa tài sản gồm các chỉ tiêu: Dự kiến nhu cầu đầu tư các dự án xây dựng cơ bản chuyển tiếp và phát sinh mới trong năm; dự kiến mua sắm tài sản mới, nâng cấp, hiện đại hóa các tài sản hiện có; dự kiến bố trí nguồn từ quỹ đầu tư phát triển, vốn đầu tư do ngân sách nhà nước cấp (nếu có) và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.</p>	Giữ nguyên	
<p>4. Kế hoạch thu nhập, chi phí, kết quả tài chính: Dự kiến tổng thu nhập trong năm (chi tiết một số nội dung: thu lãi cho vay; thu lãi tiền gửi; thu phí; thu cấp bù lãi suất quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 19 và phí quản lý được hưởng trong năm kế hoạch theo quy định của Nghị định này); dự kiến tổng chi phí phát sinh trong năm kế hoạch (chi tiết một số nội dung chi: các khoản chi hoạt động nghiệp vụ; các khoản trích dự phòng; các khoản chi hoạt động bộ máy); dự kiến kết quả tài chính năm kế hoạch.</p>	Giữ nguyên	

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
5. Kế hoạch lao động, tiền lương: Tổng số lao động dự kiến trong năm kế hoạch; mức tiền lương bình quân của người lao động trong năm kế hoạch; quỹ tiền lương kế hoạch theo quy định.		
6. Kế hoạch cấp hỗ trợ sau đầu tư đối với các Hợp đồng phát sinh trước thời điểm Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và <u>kế hoạch cấp bổ sung quỹ dự phòng bảo lãnh</u> theo quy định của pháp luật.	6. Kế hoạch cấp hỗ trợ sau đầu tư đối với các Hợp đồng phát sinh trước thời điểm Nghị định số 32/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (nếu có) theo quy định của pháp luật.	Dự thảo Nghị định bỏ quy định về việc xây dựng kế hoạch cấp bổ sung quỹ dự phòng bảo lãnh do quỹ dự phòng rủi ro bảo lãnh đã kết chuyển vào quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, nợ bay bắt buộc bảo lãnh và trích lập bổ sung từ chi phí của NHPT.
7. Lập báo cáo kế hoạch tài chính: a) Việc lập và gửi báo cáo kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm của NHPT được thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có); b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi Thủ tướng Chính phủ có quyết định về giao hạn mức phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh năm kế hoạch, căn cứ kết quả hoạt động của năm trước, NHPT rà soát, hoàn chỉnh báo cáo về kế hoạch tài chính gửi Bộ Tài chính để phục vụ công tác giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của NHPT; c) Bộ Tài chính thực hiện rà soát lại báo cáo về kế hoạch tài chính do NHPT lập để có ý kiến chính thức bằng văn bản và giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại đối với NHPT chậm nhất 30 ngày làm việc sau khi Thủ tướng Chính phủ có quyết định giao hạn mức phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh năm kế hoạch. Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính, Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch tài	7. Lập báo cáo kế hoạch tài chính: a) Hằng năm, trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ có quyết định về giao kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, căn cứ kết quả hoạt động của năm trước, Ngân hàng Phát triển rà soát, cập nhật báo cáo về kế hoạch tài chính của năm kế hoạch theo mẫu biểu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này gửi Bộ Tài chính; b) Bộ Tài chính thực hiện rà soát lại báo cáo về kế hoạch tài chính do Ngân hàng Phát triển lập để có ý kiến chính thức bằng văn bản và giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả và xếp loại đối với Ngân hàng Phát triển năm kế hoạch chậm nhất 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Ngân hàng Phát triển. Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính, Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển hoàn chỉnh và ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch tài chính năm của Ngân hàng Phát triển; c) Sau khi Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch tài chính năm, Ngân hàng Phát triển gửi Bộ Tài chính để phục vụ công tác giám sát tài chính và	- Trong thời qua, việc triển khai quy định tại khoản 7 Điều 29 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP gặp một số vướng mắc như sau: (i) Kế hoạch tài chính hằng năm của NHPT được Hội đồng quản trị phê duyệt muộn do phụ thuộc vào thời điểm Thủ tướng Chính phủ giao hạn mức phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; (ii) Trường hợp trong năm kế hoạch, NHPT không có nhu cầu huy động vốn qua phát hành trái phiếu Chính phủ bảo lãnh nhưng vẫn phải chờ Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt giao hạn mức phát hành là 0 đồng để hoàn thiện kế hoạch tài chính. - Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 78/2023/NĐ-CP, trước ngày 31/12 hàng năm, Bộ KHĐT chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiêu tổng mức tăng trưởng tín dụng đầu tư của Nhà nước hoặc tổng mức kế hoạch vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước năm sau cho NHPT. Do đó, để khắc phục những vướng mắc nêu trên, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi quy định

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
chính năm của NHPT.	đánh giá hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Phát triển.	tại khoản 7 Điều 29 theo hướng hàng năm, trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ có quyết định về giao kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, NHPT rà soát, hoàn chỉnh báo cáo về kế hoạch tài chính của năm kế hoạch gửi Bộ Tài chính có ý kiến và giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại cho NHPT.
Điều 30. Kiểm toán 1. Ngân hàng Phát triển thực hiện chế độ kiểm toán nội bộ, công bố kết quả hoạt động tài chính hằng năm theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về số liệu đã công bố. 2. Báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng Phát triển được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước hoặc kiểm toán độc lập. 3. Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng Phát triển theo kế hoạch của Kiểm toán nhà nước. 4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có kết quả kiểm toán báo cáo tài chính, Ngân hàng Phát triển phải gửi Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và công khai các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật.	<i>Về cơ bản giữ nguyên, sửa đổi khoản 2 như sau:</i> 2. Báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng Phát triển phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật.	Theo quy định hiện hành tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, báo cáo tài chính hằng năm của NHPT phải được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước hoặc kiểm toán độc lập. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành đã quy định cụ thể về các trường hợp kiểm toán độc lập/Kiểm toán Nhà nước, do đó, để đảm bảo đồng bộ về chính sách, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi khoản 2 Điều 30 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng quy định báo cáo tài chính hằng năm của NHPT phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật.
Điều 31. Chế độ báo cáo 2. Báo cáo tài chính/Báo cáo quyết toán tài chính gồm: a) Báo cáo tình hình tài chính (Bảng cân đối kế toán); b) Báo cáo kết quả hoạt động; c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; d) Thuyết minh báo cáo tài chính.	2. Báo cáo tài chính gồm: a) Báo cáo tình hình tài chính; b) Báo cáo kết quả hoạt động; c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; d) Thuyết minh báo cáo tài chính. 3. Các báo cáo hoạt động nghiệp vụ gồm: a) Bảng cân đối tài khoản cấp III (bao gồm cả tài	Dự thảo Nghị định sửa đổi quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 31 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP về tên gọi các báo cáo thành phần của báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động nghiệp vụ để thống nhất với quy định về chế độ kế toán của NHPT và phù hợp với tình hình thực tế nhằm phục vụ công tác theo dõi, giám sát NHPT của

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>3. Các báo cáo hoạt động nghiệp vụ gồm:</p> <p>a) Bảng cân đối tài khoản <u>cấp II</u> (bao gồm cả tài khoản ngoại bảng);</p> <p>b) Báo cáo phân loại nợ của NHPT;</p> <p>c) Báo cáo trích lập dự phòng rủi ro tín dụng;</p> <p>d) Báo cáo cấp bù lãi suất và phí quản lý.</p>	<p>khoản ngoại bảng) theo quy định pháp luật về kế toán áp dụng đối với Ngân hàng Phát triển;</p> <p>b) Báo cáo phân loại nợ của Ngân hàng Phát triển;</p> <p>c) Báo cáo trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng;</p> <p>d) Báo cáo cấp bù lãi suất và phí quản lý.</p>	<p>các cơ quan chức năng.</p>
<p>5. Quy định về lập và gửi báo cáo:</p> <p>b) Đối với báo cáo hoạt động nghiệp vụ: Các báo cáo hoạt động nghiệp vụ được gửi cho Bộ Tài chính theo định kỳ hàng quý, năm và đột xuất khác theo yêu cầu của <u>Bộ Tài chính</u>;</p> <p>d) Căn cứ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động do Hội đồng quản trị NHPT lập và các thông tin, tài liệu khác có liên quan, <u>định kỳ 06 tháng một lần Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo gửi Thủ tướng Chính phủ</u> sau khi lấy ý kiến tham gia của <u>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</u> và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p>	<p>5. Quy định về lập và gửi báo cáo:</p> <p>a) Đối với báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính hợp nhất lập theo năm và báo cáo tài chính riêng lẻ lập theo quý/năm; Báo cáo quyết toán tài chính hằng năm được Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển phê duyệt trước khi gửi Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;</p> <p>b) Đối với báo cáo hoạt động nghiệp vụ: Các báo cáo hoạt động nghiệp vụ được gửi cho Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo định kỳ hàng quý, năm và đột xuất khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;</p> <p>c) Đối với báo cáo tình hình hoạt động: Ngân hàng Phát triển có trách nhiệm lập và trình Hội đồng quản trị phê duyệt báo cáo tình hình hoạt động định kỳ 06 (sáu) tháng/lần và gửi cho Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để theo dõi (kèm theo báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát);</p> <p>d) Căn cứ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động do Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển phê duyệt, các thông tin, tài liệu khác có liên quan và ý kiến tham gia của Bộ Tư pháp và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo gửi Thủ tướng Chính phủ định</p>	<p>- Để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao của NHNN trong việc quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối (theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010) và chức năng của Bộ Tư pháp trong việc tham mưu về tư pháp cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi quy định về lập và gửi báo cáo tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng: (i) bổ sung NHNN nhận báo cáo nghiệp vụ của NHPT; (ii) bổ sung Bộ Tư pháp có ý kiến về báo cáo tình hình hoạt động năm của NHPT trước khi Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>- Để giảm tải thủ tục hành chính nội bộ giữa các Bộ, ngành và Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi điểm d, khoản 5 Điều 31 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng: Căn cứ báo cáo của NHPT, ý kiến tham gia của các Bộ ngành liên quan, định kỳ 01 năm/lần Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình hoạt động của NHPT (thay vì 06 tháng/lần như quy định hiện hành).</p>

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
	kỳ 01 năm một lần hoặc đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.	
Chưa có	6. Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo, phương thức gửi báo cáo, mẫu biểu báo cáo thực hiện theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.	Dự thảo Nghị định bổ sung quy định cụ thể về chế độ báo cáo (thời điểm chốt số liệu, thời hạn gửi báo cáo, phương thức gửi báo cáo, mẫu biểu báo cáo) tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định, đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính Nhà nước.
Điều 32. Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động		
<p>1. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động hằng năm của NHPT, bao gồm:</p> <p>a) Tiêu chí 1: Tín dụng đầu tư của Nhà nước;</p> <p>b) Tiêu chí 2: Tỷ lệ nợ xấu;</p> <p>c) Tiêu chí 3: Kết quả tài chính;</p> <p>d) Tiêu chí 4: Tình hình chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn Nhà nước tại NHPT đối với các nghiệp vụ phát sinh trong năm đánh giá;</p> <p>đ) Tiêu chí 5: Tình hình chấp hành chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 31 Nghị định này.</p>	<p>1. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động hằng năm của Ngân hàng Phát triển, bao gồm:</p> <p>a) Tiêu chí 1: Tín dụng đầu tư của Nhà nước. Tiêu chí này được xác định theo kết quả thực hiện kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ giao hàng năm cho Ngân hàng Phát triển;</p> <p>b) Tiêu chí 2: Tỷ lệ nợ xấu Ngân hàng Phát triển chịu rủi ro tín dụng;</p> <p>c) Tiêu chí 3: Kết quả tài chính;</p> <p>d) Tiêu chí 4: Tình hình chấp hành quy định pháp luật của Ngân hàng Phát triển;</p> <p>đ) Tiêu chí 5: Tình hình chấp hành chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 31 Nghị định này.</p>	<p>- Để đảm bảo nguyên tắc Nghị định có thể triển khai ngay có sau khi có hiệu lực thi hành, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi Điều 32 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP theo hướng bổ sung các nội dung hướng dẫn cụ thể đã được thực hiện ổn định thời gian qua tại Thông tư số 128/2021/TT-BTC (hướng dẫn Nghị định số 46/2021/NĐ-CP).</p> <p>- Đối với tiêu chí 4 và tiêu chí 5, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi thành “<i>Tình hình chấp hành quy định pháp luật của NHPT</i>” và “<i>Tình hình chấp hành chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 31 Nghị định này</i>” để đảm bảo tính bao quát và tạo căn cứ pháp lý rõ ràng khi đánh giá xếp loại.</p>
5. Bộ Tài chính hướng dẫn cách thức xác định các chỉ tiêu đánh giá tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều này phù hợp với đặc thù hoạt động của NHPT và phương thức đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý NHPT.	5. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với người quản lý của NHPT bao gồm người giữ chức danh, chức vụ (Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng) và	<p>- Các nội dung hướng dẫn cách thức xác định chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của NHPT đã được quy định cụ thể tại Phụ lục IV ban hành kèm theo dự thảo Nghị định.</p> <p>- Ngoài ra, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy</p>

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
	thành viên Ban kiểm soát NHPT được thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung (nếu có)."	định cụ thể phương thức đánh giá xếp loại người quản lý NHPT thực hiện thống nhất theo quy định đối với doanh nghiệp nhà nước (tại Chương III Nghị định số 159/2020/NĐ-CP) tại khoản 5 Điều 32 để làm căn cứ triển khai thực hiện.
Điều 33. Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại NHPT		
<p>1. Việc đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại NHPT căn cứ vào báo cáo tài chính riêng lẻ đã được kiểm toán, được thực hiện theo quy định đối với doanh nghiệp nhà nước và Nghị định này.</p> <p>2. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể phương thức đánh giá hiệu quả và xếp loại phù hợp với tính chất, hoạt động của NHPT; rà soát kế hoạch tài chính để giao các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại hằng năm cho NHPT <u>sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành các Quyết định về việc giao kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và hạn mức phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.</u></p>	<p>1. Việc đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Ngân hàng Phát triển căn cứ vào báo cáo tài chính riêng lẻ đã được kiểm toán, được thực hiện theo quy định đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định này.</p> <p>2. Bộ Tài chính giao các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại hằng năm cho Ngân hàng Phát triển sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định về việc giao kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.</p> <p>3. Việc đánh giá hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Phát triển thực hiện qua xếp loại (A, B, C) đối với các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này. Phương thức đánh giá từng tiêu chí và tổng hợp kết quả xếp loại Ngân hàng Phát triển thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này.</p> <p>4. Hằng năm, căn cứ các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động nêu tại Nghị định này và chỉ tiêu kế hoạch do Bộ Tài chính giao, Ngân hàng Phát triển lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại gửi Bộ Tài chính để xem xét, phê duyệt xếp loại đối với Ngân hàng Phát triển. Thời hạn</p>	<p>- Dự thảo Nghị định sửa đổi khoản 2 Điều 32 để đồng bộ với sửa đổi tại khoản 7 Điều 29 về xây dựng kế hoạch tài chính hằng năm của NHPT như đã báo cáo nêu trên.</p> <p>- Ngoài ra, để Nghị định có thể triển khai được ngay khi ban hành, dự thảo Nghị định bổ sung quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 về quy định đánh giá hiệu quả hoạt động hằng năm của NHPT (trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành tại Thông tư số 128/2021/TT-BTC đang được triển khai và không phát sinh vướng mắc). Đồng thời, dự thảo Nghị định bổ sung quy định về việc NHNN có ý kiến về kết quả xếp loại hằng năm của NHPT để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của NHNN về quản lý, giám sát hoạt động ngân hàng tại NHPT.</p> <p>- Dự thảo Nghị định bổ sung khoản 6 Điều 33 quy định cụ thể việc đánh giá, xếp loại người quản lý NHPT thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn</p>

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
	<p>nộp báo cáo chậm nhất sau 45 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm toán báo cáo tài chính.</p> <p>5. Trên cơ sở báo cáo của Ngân hàng Phát triển, Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt kết quả xếp loại Ngân hàng Phát triển sau khi có ý kiến tham gia của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>6. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với người quản lý và thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Phát triển được thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung (nếu có).</p>	<p>bản thay thế, sửa đổi, bổ sung (nếu có) để NHPT có đủ căn cứ triển khai thực hiện ngay khi Nghị định ban hành. <i>(nội dung này trước đây được quy định tại Thông tư số 128/2021/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 46)</i></p>
Điều 34. Bộ Tài chính		
<p>1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính đối với NHPT, hướng dẫn các nội dung được giao tại Nghị định này và các nội dung cần thiết khác liên quan đến quản lý tài chính đối với NHPT.</p>	<p>1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ngân hàng Phát triển xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định này theo quy định của pháp luật.</p>	<p>- Dự thảo Nghị định bỏ quy định giao Bộ Tài chính hướng dẫn các nội dung được giao tại Nghị định do các nội dung hướng dẫn tại Thông tư 128/2021/TT-BTC đã được rà soát, bổ sung tại dự thảo Nghị định để có thể triển khai được ngay.</p> <p>- Dự thảo Nghị định bỏ quy định giao Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính do trùng lặp với quy định tại khoản 4 Điều 34 (về trách nhiệm xử lý các vấn đề về tài chính của NHPT) và quy định tại dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của NHPT (hiện đang trình Chính phủ ký ban hành).</p>
<p>6. Trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung các quy định tại Nghị định này nếu cần thiết.</p> <p>Quy định về trách nhiệm của Bộ KHĐT tại khoản</p>	<p>6. Trình cấp có thẩm quyền bố trí trong kế hoạch đầu tư công và dự toán chi ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất và phí quản lý, cấp bổ sung</p>	<p>- Dự thảo Nghị định sửa đổi quy định tại khoản 6 Điều 34 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP do:</p> <p>+ Nội dung trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung</p>

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
1 Điều 35 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	vốn điều lệ (nếu có) cho Ngân hàng Phát triển theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và quy định pháp luật có liên quan.	Nghị định này đã được đưa vào sửa đổi khoản 1 Điều 34 nêu trên. + Bổ sung các nội dung liên quan đến trách nhiệm của Bộ KHĐT tại Điều 35 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP (do sát nhập Bộ KHĐT và Bộ Tài chính).
Chưa có	7. Trình Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước hằng năm cho Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật.	
Điều 37. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (nay đổi thành Bộ Nội vụ)		
Chủ trì hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý NHPT theo quy định tại Điều 25 Nghị định này <u>sau khi kết thúc chế độ tiền lương trong giai đoạn cơ cấu lại quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định này.</u>	Điều 37. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ Hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, Ban điều hành, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật.	Dự thảo Nghị định bỏ nội dung “ <i>sau khi kết thúc chế độ tiền lương trong giai đoạn cơ cấu lại quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định này</i> ” để phù hợp và đồng bộ với quy định tại Điều 40 dự thảo Nghị định về việc giao Bộ Nội vụ hướng dẫn về chi trả tiền lương tăng thêm trong giai đoạn cơ cấu lại theo năng suất lao động và hiệu quả công việc.
Điều 38. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của Ngân hàng Phát triển theo chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên	
Điều 39. NHPT		
2. Chủ động xây dựng và trình <u>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</u> chủ trì, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển <u>phù hợp</u>	2. Xây dựng kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước hằng năm báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê	- Sửa đổi Bộ KHĐT thành Bộ Tài chính theo đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đã được phê duyệt.

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
với dự toán chi cấp bù lãi suất và phí quản lý được giao.	duyet.	- Dự thảo Nghị định bỏ nội dung “ <i>phù hợp với dự toán chi cấp bù lãi suất và phí quản lý được giao</i> ” do hiện nay NHPT còn triển khai cho vay mới tín dụng đầu tư theo quy định tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP không được cấp bù lãi suất và phí quản lý.
Điều 40. Một số cơ chế trong giai đoạn cơ cấu lại		
<p>Ngân hàng Phát triển thực hiện một số cơ chế trong giai đoạn cơ cấu lại theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và khi các khoản tiền cấp bù lãi suất, phí quản lý và các khoản khác cho Ngân hàng Phát triển chưa được thanh toán đủ theo quy định của pháp luật, bao gồm:</p> <p>1. Không phải giảm trừ phần chênh lệch thu chi âm lũy kế (nếu có) khi xác định vốn tự có quy định tại Điều 7 Nghị định này để xác định giới hạn tín dụng của Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật cho đến khi khắc phục được chênh lệch thu chi âm lũy kế.</p>	<p>Ngân hàng Phát triển thực hiện một số cơ chế trong giai đoạn cơ cấu lại theo quyết định của cấp có thẩm quyền, bao gồm:</p> <p>1. Không phải giảm trừ phần chênh lệch thu chi âm lũy kế (nếu có) khi xác định vốn tự có quy định tại Điều 7 Nghị định này để xác định giới hạn cho vay của Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật cho đến khi khắc phục được chênh lệch thu chi âm lũy kế.</p>	
<p>2. Cơ chế tiền lương và quỹ tiền lương của NHPT được xác theo nguyên tắc:</p> <p>a) Tiền lương của người lao động được xác định trên cơ sở tiền lương bình quân thực hiện năm 2018 và điều chỉnh theo mức tăng chỉ số giá tiêu dùng hằng năm so với năm 2018;</p> <p>b) Tiền lương của người quản lý theo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, trường hợp hoàn thành nhiệm vụ tối đa không vượt quá mức tiền lương quy định tại <u>Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP</u> ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);</p>	<p>2. Trường hợp kết quả tài chính trong năm đạt thặng dư, trước khi bù đắp khoản thâm hụt từ những năm trước, Ngân hàng phát triển được trích tối đa 01 tháng lương thực hiện nhưng không vượt quá 15% kết quả tài chính cho quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng của thành viên Ban điều hành, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p>	<p>- Về tiền lương của người lao động NHPT trong giai đoạn cơ cấu lại được giữ ổn định như quy định hiện hành tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, theo đó, đảm bảo mức tiền lương bình quân được điều chỉnh theo mức tăng chỉ số giá tiêu dùng hằng năm (cập nhật đến năm 2024 theo ý kiến của Bộ LĐTBXH). Đồng thời tiền lương của Ban điều hành NHPT được chi trả chung từ quỹ tiền lương người lao động để thống nhất, đồng bộ với quy định mới về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.</p>

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>c) Bộ Tài chính thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý NHPT, xem xét và phê duyệt quỹ tiền lương hằng năm của người quản lý sau khi có ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>		<p>- Về tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát NHPT: Ngày 28/2/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 44/2025/NĐ-CP thay thế Nghị định số 52/2016/NĐ-CP, do đó, dự thảo Nghị định sửa đổi quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 40 dẫn chiếu theo 50% Bảng mức lương cơ bản quy định tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP (tương đương với mức lương hiện hưởng của thành viên HĐQT và thành viên BKS NHPT).</p>
<p>3. Người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại Ngân hàng Phát triển trước ngày 31 tháng 7 năm 2019 thuộc đối tượng lao động dôi dư, lao động có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi khi Ngân hàng Phát triển thực hiện cơ cấu lại đã tìm mọi biện pháp nhưng không bố trí được việc làm được hưởng các chế độ theo chính sách hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3 Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), trong đó:</p> <p>a) Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ cho người lao động quy định tại Điều này được hạch toán vào chi hoạt động bộ máy của Ngân hàng Phát triển;</p> <p>b) Bảo hiểm Xã hội Việt Nam có trách nhiệm</p>	<p>3. Trường hợp tổng chi phí cho việc huy động vốn nhỏ hơn tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định này thì phân chênh lệch được Ngân hàng Phát triển sử dụng để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này và bù đắp lỗ lũy kế.</p>	<p>Hiện nay, NHPT đang triển khai cho vay mới theo cơ chế tương tự như NHTM, đồng thời áp dụng các biện pháp để thực hiện cơ cấu lại theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc triển khai đề án cơ cấu lại trong hai năm 2023 và 2024 đã đạt được một số kết quả nhất định (nợ xấu chịu rủi ro tín dụng đã giảm 42%, lỗ lũy kế giảm 28%, quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập tăng thêm 19,8% so với cuối năm 2021). Do đó, để động viên, khuyến khích người lao động, người quản lý, thành viên Ban kiểm soát NHPT nâng cao hiệu quả công việc và tăng năng suất lao động, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định về cơ chế tiền lương tăng thêm, tiền thưởng trong trường hợp kết quả tài chính của NHPT trong năm đạt thặng dư như sau: (i) NHPT được hưởng mức tiền lương tăng thêm gắn với năng suất lao động và hiệu quả công việc theo hướng dẫn của</p>

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động theo quy định tại khoản này.		Bộ Nội vụ; (ii) Trích 01 tháng lương thực hiện cho quỹ khen thưởng ⁸ trước khi bù đắp khoản thâm hụt từ các năm trước; (iii) Tổng mức chi tiền lương tăng thêm và trích quỹ khen thưởng tối đa không quá 30% chênh lệch thu chi (chưa bao gồm tiền lương tăng thêm).
Chưa có	4. Trường hợp tổng chi phí cho việc huy động vốn nhỏ hơn tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định này thì phần chênh lệch được NHPT sử dụng để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này và bù đắp lỗ lũy kế.	Trong giai đoạn cơ cấu lại, để tạo động lực khuyến khích NHPT tích cực đôn đốc thu hồi lãi vay đồng thời tạo nguồn lực để NHPT trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, bù lỗ lũy kế, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định tại Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP cho phép trong giai đoạn tái cơ cấu, nếu phát sinh trường hợp thu nhập từ sử dụng vốn và chi phí cho việc huy động vốn (NSNN không phải cấp bù lãi suất cho NHPT) thì NHPT được sử dụng phần chênh lệch này để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho các khoản cho vay được NSNN cấp bù và bù lỗ lũy kế theo quy định.
Nội dung bãi bỏ		
Khoản 4 Điều 4 Nghị định số 46: 4. Đối với hoạt động cho vay khác: ngân sách nhà nước không cấp bù lãi suất và phí quản lý; các khoản thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động phát sinh được hòa nhập chung với kết quả hoạt động của NHPT theo quy định tại Nghị định này.	Bãi bỏ	Bãi bỏ khoản 4 Điều 4 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP về các hoạt động cho vay khác do chưa bao quát hết các khoản cho vay mới tín dụng đầu tư theo quy định tại Nghị định số 78/2023/NĐ-CP và trùng lặp với quy định về chi phí, thu nhập của NHPT.
Khoản 4 Điều 32	Bãi bỏ	Bãi bỏ khoản 4 Điều 32 do đã bổ sung quy định

⁸ Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, khi kết quả tài chính trong năm đạt thặng dư, sau khi bù đắp khoản thâm hụt từ những năm trước, NHPT mới được trích lập các quỹ khen thưởng. Tuy nhiên, hiện nay, số lỗ lũy kế của NHPT là tương đối lớn (đến hết năm 2023 là khoảng 6.515 tỷ đồng), theo kế hoạch tái cơ cấu dự kiến đến hết năm 2027 mới bù hết. Trong thời gian đó, theo báo cáo của NHPT, NHPT không có nguồn để chi cho các danh hiệu thi đua, khen thưởng tập thể, cá nhân đạt được từ năm 2021 đến nay, cũng như chi khen thưởng cho các phong trào thi đua của cấp ủy Đảng, chính quyền phát động. Mức trích 01 tháng tiền lương thực hiện tương đương với mức trích khi NHPT xếp loại C (thực tế các năm 2021-2023, NHPT được xếp loại B).

Quy định tại Nghị định số 46/2021/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung
<p>“4. Việc đánh giá kết quả hoạt động của người quản lý NHPT thực hiện theo các tiêu chí sau:</p> <p>a) Tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của người quản lý doanh nghiệp như đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;</p> <p>b) Kết quả xếp loại NHPT theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.”</p>		<p>về đánh giá người quản lý NHPT tại khoản 6 Điều 33.</p>
<p>Khoản 5 Điều 32</p> <p>5. Bộ Tài chính hướng dẫn cách thức xác định các chỉ tiêu đánh giá tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều này phù hợp với đặc thù hoạt động của NHPT và phương thức đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý NHPT.</p>	Bãi bỏ	<p>Các nội dung hướng dẫn cách thức xác định chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của NHPT đã được quy định cụ thể tại Phụ lục IV ban hành kèm theo dự thảo Nghị định, không cần có Thông tư hướng dẫn</p>
<p>Điều 35. Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p> <p>1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ: Bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển các khoản chi cấp bù lãi suất và phí quản lý, cấp bổ sung vốn điều lệ (nếu có) cho NHPT, đảm bảo đúng hạn; trình cấp có thẩm quyền quyết định giao kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển hằng năm cho NHPT theo quy định.</p> <p>2. Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng và xử lý theo thẩm quyền các kiến nghị liên quan đến Nghị định về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với NHPT.</p>	Bãi bỏ	<p>Bỏ do thay đổi tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của Bộ KHĐT sau khi sáp nhập với Bộ Tài chính.</p>